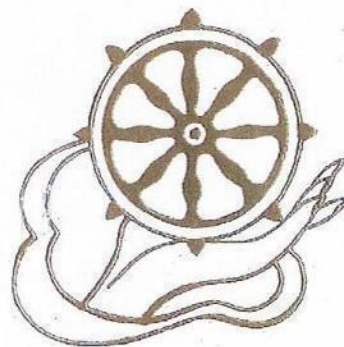


VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

42

THÁNG MƯỜI HAI 1987

DEZEMBER 1987

AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC * ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND
BUDDHISTISCHEN VIETNAM-FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPULIK
DEUTSCHLAND

VIÊN GIÁC

Tạp chí của Kiều bào và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ-TRƯỞNG: Đ.Đ. THÍCH NHƯ-ĐIỂN
Herausgeber

CHỦ-BÚT và KỸ-THUẬT: THỊ CHƠN
Redakteur & Layout NGÔ NGỌC-DIỆP

CÙNG SỰ CỘNG-TÁC CỦA
Mitwirkung von
HỘI PHẬT-TỬ VIỆT-NAM TỶ-NẠN
tại Cộng-Hòa Liên-Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Vietnam Flüchtlinge i.d. BRD e.V.

TÒA-SOẠN và ẦN-QUẢN
Redaktion und Verlag
TRUNG TÂM VĂN HÓA
XÃ HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Vietnamesisches Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum in der BRD
c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr.35a, 3000Hannover81
☎ 0511 - 86 46 38

■ VIÊN GIÁC phát hành mỗi 2 tháng, vào những tháng chẵn, nhằm mục đích phục vụ lợi ích cho cộng đồng Người Việt tỵ nạn và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Tây Đức.

■ VIÊN GIÁC bảo tồn và phát huy truyền thống VĂN HÓA PHẬT GIÁO và DÂN TỘC VIỆT, cũng như sinh hoạt TÔN GIÁO, XÃ HỘI,

■ VIÊN GIÁC hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường, VIÊN GIÁC xin chân thành cảm tạ.

■ Ủng hộ VIÊN GIÁC, quý vị sẽ nhận được biên nhận để khai làm đơn xin quân-bình-thuê cuối năm.

TRONG SỐ NÀY

Thư Tòa Soạn

trang

1

TÔN GIÁO

| | | |
|--------------------------|------------------|----|
| Nguồn Thiên | THÍCH THANH TỬ | 2 |
| Tịnh Độ Thập Nghi Luận | THÍCH THIÊN TÂM | 4 |
| Giáo Dục Phục Vụ Dân Tộc | DƯƠNG THIẾU TỔNG | 6 |
| Tin Có Luân Hồi | LƯU HOÀNG NGUYỄN | 13 |
| Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời | TÂM NHƯ | 14 |
| Thoát Vòng Tục Lụy | QUẢNG ĐỘ dịch | 15 |
| Cuộc Đời Người Tăng Sĩ | THÍCH NHƯ ĐIỂN | 18 |

ĐỨC NGŨ - INS DEUTSCH

| | | |
|--------------------------------|------------------------|----|
| Allgemeine Buddhalehre | THÍCH NHƯ ĐIỂN | 21 |
| Die Lehre Buddhas | BUKKYO DENDO KYOKAI | 24 |
| Das Leben Eines Buddh. Mönches | THÍCH NHƯ ĐIỂN | 27 |
| Nachrichten | THỊ CHƠN Ngô Ngọc Diệp | 28 |

VĂN HÓA - SÁNG TÁC

| | | |
|--------------------------|-------------------------|----|
| Đường Không Biên Giới | THÍCH NHƯ ĐIỂN | 31 |
| Mãng Giáng Sinh Tại Chùa | Sư Huynh HÃ ĐẬU ĐỒNG | 33 |
| Tân Viên Giác Tự | THỊ CHƠN phỏng dịch | 34 |
| Thiên Đàng Địa Ngục | LÊ THỊ BẠCH NGA | 35 |
| Một Chuyến Đi | PHẠM HỒNG SÁU | 38 |
| Cố Đô Huế Trên Tờ Bạc VN | PHẠM THẮNG | 40 |
| Tôi Đi Học Tập Cải Tạo | TÍCH CỐC | 44 |
| Trận Chiến Quốc Cộng | VŨ NGỌC LONG chuyển ngữ | 46 |
| Vườn Thơ Viên Giác | NGƯỜI LÂM VƯỜN | 49 |

VĂN NGHỆ - SÁNG TÁC

| | | |
|-------------------|---------|----|
| Hy Vọng Cuối Cùng | BÍCH DU | 51 |
|-------------------|---------|----|

CHỦ ĐỀ

| | | |
|----------------------------|----------------|----|
| "Tam Hữu" Hóa Long | TRẦN PHONG LƯU | 52 |
| Mùa Xuân Trong Truyện Kiều | BẢO VĂN | 54 |
| Sắc Đẹp Và Phái Yếu | THIỆN NGHĨA | 55 |

GIÁO DỤC

| | | |
|-----------------------|---------------|----|
| Trang Thiếu Nhi | NGUYỄN TỬ VĂN | 57 |
| Niềm Tin Của Bé | | 57 |
| Sứ Lý Nam Đế | THIỆN HẠNH | 58 |
| Truyện Kể: ông Đồ Bè | HOÀI HÃ | 59 |
| Gia Chánh Chay: Chả ô | THIỆN HẠNH | 60 |
| Mù Đi Xem Voi Xem Voi | ĐÀO TRỌNG ĐỦ | 60 |
| Niềm Tin Của Bé | | 60 |

CỘNG ĐỒNG

| | | |
|--------------------------------|------------------|----|
| Âm Mưu CS trong Việc Nhập Tịch | TRẦN TRUNG CHÁNH | 64 |
|--------------------------------|------------------|----|

THỜI SỰ - TIN TỨC

| | | |
|----------------------------|--------------|----|
| Tin Thế Giới và Tin Vắn | VŨ NGỌC LONG | 68 |
| Tin Phật Giáo và Cộng Đồng | THỊ CHƠN | 76 |

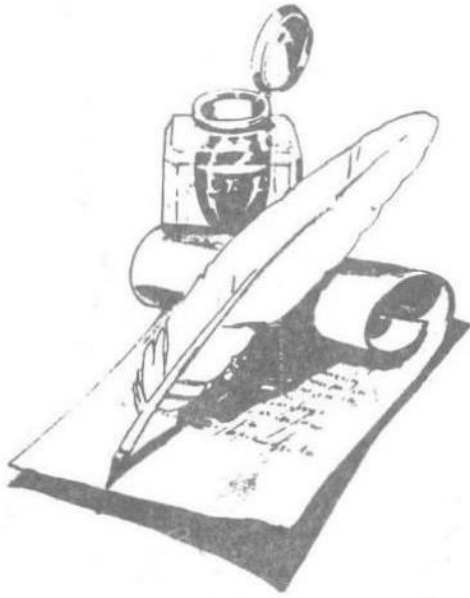
THƠ

| | | |
|------------------|--|--|
| Của các Thi Hữu: | HUYỀN THANH LỬ, TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG, LÊ THỊ BẠCH NGA, TÙY ANH, ĐAN HÃ. | |
|------------------|--|--|

| | | |
|------------------------|-----------|----|
| Phưởng Danh Cúng Dường | VIÊN GIÁC | 84 |
| Hộp Thư Viên Giác | THỊ CHƠN | 86 |

Hình bìa: Tranh LOAN NGUYỄN SƠN

Thư tòa soạn



NGÀY QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN VÀ NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN

Ngày 10 tháng 12 mỗi năm là ngày Quốc Tế Nhân Quyền đã được Liên Hiệp Quốc luôn luôn nhắc nhở đến. Và đối với chúng ta, những người tỵ nạn Cộng Sản Việt Nam - ngày này, nó mang một ý nghĩa vô cùng trọng đại.

Vì sao vậy? vì một cá nhân sống trong một nước không được quyền tự do đi lại, tự do phát biểu ý kiến, tự do hội họp, tự do bầu cử, tự do cư trú và tự do tín ngưỡng v.v... coi như chính quyền đó đã can thiệp vào đời sống của cá nhân đó quá nhiều. Do đó chúng ta mới bỏ nước ra đi để tìm những tự do như đã nêu trên.

Đến được đất nước tự do rồi, điều đầu tiên là chúng ta phải cảm ơn những bàn tay nhân đạo của các chính quyền và nhân dân sở tại đã vì tình người và sự sống mà cứu vớt chúng ta đến đây, để chia sẻ sự tự do cùng với người bản xứ. Đó là bổn phận và trách nhiệm của những người tỵ nạn chính trị như chúng ta vậy. Nhưng cũng có lắm người Việt Nam vì nhẹ dạ nghe theo lời dụ dỗ của chính quyền Cộng Sản Việt Nam, trong thời gian qua đã về nước thăm nhà, rồi trở lại quốc gia mình cứ ngụ một cách an toàn, không bị luật

lệ nước mình chi phối, khiến cho các nước thâu nhận người tỵ nạn lại có biện pháp cứng rắn hơn đối với những người sắp đến đoàn tụ tại đây và cũng đã có nhiều văn thư chính thức đòi đưa những người tỵ nạn ấy về nước theo luật lệ hiện hành và tịch thu hết mọi quyền sẵn có của một người dân tỵ nạn. Vì họ là những người tỵ nạn không đúng nghĩa của nó.

Đây là một đòn bẩy mà Cộng Sản Việt Nam đã gài cho những người tỵ nạn nhẹ dạ mắc vào, rồi huênh hoang nói với thế giới rằng: "nước tôi đâu có ai bị đàn áp" Mặt khác, những người tỵ nạn về nước một cách không chính thức, giả mạo chứng thư lại mang tội trá hình và phải chịu nhiều thiệt thòi theo công pháp quốc tế ấn định cho những trường hợp này.

Chúng ta, những người Việt Nam tỵ nạn, quyết không trở về nước như thế. Vì trong rất nhiều trại tù ở khắp Nam, Trung Bắc vẫn còn Thấy Tổ chúng ta, cha ông chúng ta, anh em, bạn hữu chúng ta đang bị biệt giam tại đó. Nở nào ta làm một việc mà phải để đau khổ lại cho bao nhiêu người ở trong nước, ở ngoại quốc cũng như ở tại các trại tỵ nạn trong các nước Đông Nam Á Châu đang chờ để được đi định cư ở một nước thứ 3.

Năm nay ngày Quốc Tế Nhân Quyền lại về như mọi năm trong lòng người Việt ly hương trên khắp thế giới cũng như với bao nhiêu dân tộc bị áp bức đọa đày khác. Chúng ta phải làm sao nói lên được tiếng nói trung thực của những người bị áp bức tại quê hương chúng ta với người bản xứ biết, để can thiệp cho họ ra khỏi được chốn tù đày. Đó là nhiệm vụ và bổn phận của chúng ta vậy.

Một năm Dương lịch sắp qua và một năm mới sắp đến với người Việt khắp mọi nơi trên thế giới. Ban biên tập báo Viên Giác thành tâm kính chúc các độc giả xa gần hưởng một năm mới dương lịch đầy tình người và lễ sống.

VIÊN GIÁC



(tiếp theo)

2.- Giáo mật ý phá tướng hiển tánh: Đây nói : cảnh biến ra trong giáo trước, đã là hư vọng thì thực hay biến đâu thể riêng chơn thật? Tâm, cảnh đều nương nhau, nói "không" in tướng có vậy. Vả lại, tâm không riêng khỏi, nương cảnh mới sanh, cảnh không tự sanh, do tâm nên hiện, tâm không tức cảnh mất, cảnh mất tức tâm không, chưa từng có tâm mà không cảnh, chưa từng có cảnh mà không tâm. Như mộng thấy vật in tướng có khác biệt giữa người hay thấy và vật bị thấy, kỳ thật đồng một hư vọng, trọn không thể có. Các thức các cảnh cũng như thế, đều giả nương các duyên, không tự tánh. Chưa từng có một pháp không phải tự như duyên sanh, thế nên tất cả pháp đều là "không", "phàm có tướng đều là hư vọng" (Kinh Kim Cang). Thế nên trong "không" không sắc, không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không mười tám giới, không mười hai nhân duyên, không tứ đế, không trí cũng không đắc, không nghiệp, không báo, không tu, không chứng, sanh tử và niết bàn bình đẳng như huyền. Chỉ do không trụ tất cả, không chấp, không trước mà hành đạo. Các bộ kinh Bát Nhã hơn một ngàn quyển và Trung Luận Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận.. Quang Bách Luận.. đều nói ý này.

Giáo này cùng với "Tông dứt bất không nương" của Thiền môn hoàn toàn đồng. Đã đồng lời dạy của Thế Tôn, chỗ hoằng truyền của Bồ Tát, tại sao

THANH TỬ dịch NGUỒN THIÊN

thiền chủ môn tiệm và đồ đệ những nhà giảng Kinh mỗi khi nghe thuyết này liền chê rằng: "bác không nhìn quá". Phật tử nói: "không nghiệp, không báo", đâu thể nói là tà kiến? Nếu báo Phật nói lời này tự có thâm ý, thì thiền môn nói lời này không thâm ý sao? Nếu báo tôi từng suy gẫm biết không có thâm ý, thì chính ông là kẻ không hiểu. Nhưng, người có thể trách, chớ không thể bài xích pháp.

Hai giáo trên đây căn cứ bản ý của Phật tuy không trái nhau, nhưng kẻ hậu học truyền bá phần nhiều chấp văn mê ý chỉ, hoặc mỗi bên chấp một chỗ thấy, rồi kia đây bài bác nhau, hoặc cả hai bên đều tin bừa, hỗn độn không hiểu. Thế nên Bồ Tát Long Thọ, Đề Bà.. y giáo phá tướng nói rộng nghĩa "không", phá chấp "hữu" để hiển suốt chơn không. Chơn không là cái không chẳng trái với hữu. Bồ Tát Vô Trước, Thiên Thân .. y giáo duy thức nói rộng danh tướng, phân tích tánh tướng không đồng, nhiệm tịnh sai biệt, phá chấp không kia để hiển rõ diệu hữu. Diệu hữu là hữu chẳng trái với không.

Hỏi :

- Nếu vậy cơ sao có các Luận Sĩ Thanh Biện, Hộ Pháp v.v.. phá lẫn nhau ?

Đáp :

- Đó là làm thành cho nhau, không phải phá nhau. Sao vậy? - Vì kẻ hậu học sau này căn cứ dần dần lẫn chấp "không" và "hữu". Thanh Biện.. phá tướng định hữu, khiến thấu triệt đến cửu cảnh chơn không mới có thể thành tựu diệu hữu duyên khởi kia. Hộ Pháp.. phá chấp thiên không đoạn diệt, ý còn lại diệu hữu, diệu hữu còn mới thành tựu chơn không vô tánh kia. Về văn thì hai bên phá lẫn nhau, về ý tức làm thành cho nhau. Bởi vì, diệu hữu, chơn không có hai

nghĩa : 1- Nghĩa trái hẳn nhau. Nghĩa là hai đoạt nhau cùng tốt. 2- Nghĩa rất thuận nhau. Nghĩa là thâm hợp một tướng toàn thể nhiếp thâu. Nếu không đoạt nhau cùng tốt thì không sao toàn thể nhiếp thâu. Cho nên, có trái tốt mới có thuận tốt. Ngài Long Thọ, Vô Trước.. đến môn thuận tốt nên làm thành cho nhau. Ngài Thanh Biện, Hộ Pháp.. y cứ môn trái tốt nên phá lẫn nhau. Trái, thuận tự tại thành phá mà không phá, tức là đôi các pháp đều hòa hội vậy.

Than ôi! phương này kẻ hậu học của hai tông (không tông và hữu tông) và người học kinh luận chỉ hại nhau bài xích nhau chẳng khác cựa thù, đến khi nào mới chúng vô sanh pháp nhãn. Người tu thiền đốn, tiệm cũng như thế, cố gắng xem thông suốt chớ bị thiên cực.

Hỏi :

- Ở Ấn Độ các vị Tiên hiền phá lẫn nhau đã làm thành cho nhau, đâu thể phương này bài xích nhau bèn thành thù hiểm nhau ?

Đáp :

- Như người uống nước lạnh, nóng tự biết, mỗi người xét lại tâm mình mỗi người xét lại ý niệm mình, để thuốc ngừa bệnh không phải vì người mạnh, lập pháp phòng kẻ gian không phải vì người hiền.

3.- Giáo hiển bày chơn tâm tức tánh - Giáo này nói tất cả chúng sanh đều có chơn tâm không tịch, tự vô thủy đến nay tánh nó tự thanh tịnh, tinh lạnh không mờ, rõ ràng thường biết, đến tốt mé vị lai vẫn thường còn không diệt, gọi là Phật tánh, cũng gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Tâm địa. Tự vô thủy bị vọng tướng che lấp nó, không tự chứng được, đắm mê sanh tử, đức Phật thường xót, mới hiển ra đời, vì nói pháp sanh tử.. tất cả đều "không", chỉ bày tâm này toàn đồng chư Phật. Kinh Hoa Nghiêm phẩm Xuất Hiện nói: "Phật tử, không có chúng sanh nào chẳng có đầy đủ trí huệ Như Lai, đều do vọng tướng che trước mà không chứng được. Nếu lìa vọng tướng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí liền được hiện tiền. Như có quyền kinh lớn bằng thế giới tam thiên đại thiên, biên chép đầy đủ tất cả việc trong thế giới tam thiên đại thiên, quyền kinh này tuy lượng bằng thế giới

đại thiên mà nằm gọn trong một hạt bụi nhỏ; như một hạt bụi nhỏ, tất cả hạt bụi nhỏ cũng như thế. Khi ấy có một người trí huệ sáng suốt, được thiên nhãn, thanh tịnh đầy đủ, thấy quyền kinh này nằm gọn trong hạt bụi nhỏ, vì muốn làm lợi ích cho các chúng sanh nên lập phương tiện đập hạt bụi nhỏ kia, hiển bày quyền kinh lớn này, khiến các chúng sanh khắp được lợi ích. Trí huệ Như Lai cũng như thế, không lường không ngại khắp hay lợi ích cho tất cả chúng sanh, nằm gọn trong thân chúng sanh nhưng các phàm phu vọng tưởng chấp trước không biết không giác không được lợi ích. Khi ấy Như Lai dùng trí nhãn thanh tịnh không chướng ngại xem khắp tất cả chúng sanh trong pháp giới, nói thế này: lạ thay! lạ thay! các chúng sanh này tại sao có đủ trí huệ Như Lai mà ngu si mê lầm không biết không thấy ta phải dạy đạo Thánh khiến họ hăng xa lìa vọng tưởng chấp trước, chính nơi thân họ thấy trí huệ rộng lớn Như Lai, cùng Phật không khác. Liên dạy chúng sanh kia tu tập đạo thánh khiến lìa vọng tưởng, lìa vọng tưởng rồi, chúng kiến được trí huệ vô lượng Như Lai, làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh.

Hỏi:

- Ở trên nói "tánh tự rõ ràng thường biết" thì đâu cần chú Phật chỉ bày?

Đáp:

- Đây nói "biết" không phải chúng biết, ý nói chơn tánh không đồng với hư không cây đá, nên nói "biết". Không phải như thực duyên cảnh phân biệt, không phải như trí soi thấu thế, chính là một tánh chơn như tự nhiên thường biết. Bồ Tát Mã Minh nói: "Chơn như là tự thể chơn thật hiểu biết". Kinh Hoa Nghiêm phẩm Hồi Hương cũng nói: "Chơn như soi sáng làm tánh". Lại y cú phẩm Văn Minh nói: "biết cùng trí khác, trí cuộc nói thánh không thông nói phàm, biết tức phàm thánh đồng có thông nói lý trí". Cho nên Bồ Tát Giác Thủ. chín vị hỏi Văn Thủ Sư Lợi rằng: "Thế nào cảnh giới trí của Phật (trí chúng ngộ)? Thế nào cảnh giới biết của Phật (chơn tâm sẵn có)?" Văn Thủ đáp: "Trí của chú Phật tự tại trong tam giới không ngăn ngại (đáp trí). Không phải thực hay phân biệt được, cũng không phải cảnh giới của tâm, bản tánh nó thanh tịnh, chỉ bày các chúng sanh (đáp biết)". Luận Bảo Tạng chép: "Biết có thì có hoại, biết không thì không hoại, cái biết thật biết thì có,

Trầm Tư

Dời người mấy cuộc bể dâu
Tấm thân xơ xác hồn đau rã rời
Đường về quê cũ xa xôi
Nào ai còn nhớ hay rồi đã quên
Quên đời quên nước quên tên
Trong cơn lưu lạc đắm lên hồn mình
Thời nay bao kẻ vong tình
Công ơn dưỡng dục sinh thành nhẹ không
Bao gởi lòng tự hỏi lòng
Nhớ không không nhớ non sông là gì
Tủi hờn lê bước chân đi
Đoạn trường gian khổ mấy khi nghĩ về.

■ HUYỀN THANH LỮ

không đều không chấp". Như thế là chỉ bày tâm linh trí tức là chơn tánh cùng Phật không khác. Thế là hiển bày "giáo chơn tâm tức tánh" vậy.

Kinh Hoa Nghiêm, Mật Nghiêm, Viên Giác, Phật Đảnh, Thăng Mang, Như Lai Tạng, Pháp Hoa, Niết Bàn.. hơn bốn mươi bộ. Luận Bảo Tánh, Phật Tánh, Khởi Tín, Thập Địa, Pháp Giới Niết Bàn mười lăm bộ. Tuy hoặc đơn hoặc tiệp không đồng, căn cứ pháp thể hiển bày đều thuộc giáo này. Hoàn toàn đồng với tông thứ ba "Chỉ bày tâm tánh" của Thiên môn.

Bồ Tát Mã Minh nêu tâm là cội nguồn. Văn Thủ chơn "biết" là chơn thể, tại sao nhóm phá tướng chỉ nhận tịch diệt mà không chấp nhận "chơn tri", các nhà nói tướng chấp phàm khác thánh mà không nhận "tức Phật"? Nay tóm tắt kinh Phật phán định chính vì những người này. Chư Tổ ở Ấn Độ truyền tâm gồm Kinh Luận không phân làm hai. Bởi do phương này mê tâm chấp văn cho danh là thể nên Tổ Đạt Ma khéo léo bỏ văn truyền tâm, nêu tên của nó, thậm chí thể của nó, dù dùng ngôi xây mặt vào vách, khiến dứt các duyên.

Hỏi:

- Khi các duyên dứt có phải đoạn diệt chăng?

Đáp:

- Tuy dứt các niệm, không phải đoạn diệt.

Hỏi:

- Lấy cái gì chứng nghiệm biết không đoạn diệt?

Đáp:

- Rõ ràng tự biết nói không thể đến.

Sư Đạt Ma ấn chứng rằng: "Chỉ đây là tự tánh thanh tịnh tâm chơn có nghi ngờ". Nếu đáp không khéo hội cũng ngăn được các lỗi. Lại bảo "quan sát rốt ráo", không vì người trước nói chữ "biết" (tri). Chỉ đợi tự ngộ mới nghiệm thật, là thân chứng được thể kia, nhiên hậu ấn chứng khiến dứt hết các nghi, cho nên nói: "thâm truyền tâm ấn". Nói là thâm đó, duy thâm chữ "biết" (tri), chẳng phải tất cả chẳng nói. Sau đời truyền nhau đều như vậy. Đến thời Hà Trạch (Thần Hồi) tông khác đưa nhau truyền bá, muốn cầu thâm khéo hội không gặp cơ duyên, lại cũng suy nghĩ lời ký, "huyền ty" (chỉ tơ treo) (1) của Tổ Đạt Ma, sợ e tông chỉ diệt mất Ngài bèn nói rõ "một chữ "biết" (tri) là của các thứ nhiệm mầu". (Tri chỉ nhất tự chúng diệu chỉ môn). Mặc dù học giả ngộ có căn sâu, chỉ cốt giữ Tông giáo không dứt, cũng là vận số đại pháp ở mức này (Trung Hoa) để đến. Một số tăng tục được nghe khắp nên cảm ứng như thế. Về mặt truyền thì những người khác không biết, nên lấy y ca sa làm tin. Còn hiển truyền thì kẻ học dễ biên biệt, chỉ dùng lời nói để trừ nghi, huống đã hiển bày lời nói đầy đủ có thể dẫn Kinh Luận.. làm chứng (2).

(1) Tổ Đạt Ma nói: "Pháp của ta sau sáu đời, mạng như huyền ty"

(2) Đoạn này đáp câu hỏi thứ tư trong phần "nghi có nhiều thứ.."

(còn tiếp)

THÍCH THIỀN TÂM



(tiếp theo)

7- **Hỏi :**

Về phần đại khái của pháp môn tịnh độ, tôi có thể nghe được chăng?

Đáp :

Tịnh độ nguyên không chỉ tu, tu nhân bởi mê lầm mới có; pháp môn vẫn không cao thấp, cao thấp do căn tánh mà phân. Vì chúng sanh căn cơ sai biệt nhau, nên pháp tu cũng có nhiều cách. Tuy nhiên, nêu tóm lại, có thể chia thành ba môn là : quán tưởng, ức niệm và chứng hạnh.

Môn thứ nhất, nói "quán tưởng" là như trong Quán kinh dạy: "Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các ông tưởng Phật, thì tâm ấy chính là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biện chánh biến tri của Phật tự nơi tâm tưởng mà sanh. Vì thế các ông phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân đức Phật kia".

Thiền thai sơ nói : Mấy chữ "chư Phật Như Lai" sắp xuống, là thuyết minh tất cả chư Phật; mấy chữ "phải nhớ nghĩ" sắp xuống, là chỉ cho quán tưởng riêng đức A Di Đà. Pháp giới thân là pháp thân của Báo Phật. Tâm chúng sanh tịnh, pháp thân tự hiện,

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

*

TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN

nên gọi là : "vào"; như khi vắng hồng nhật mọc lên tất bóng hiện xuống trầm sông. Đây là chỉ cho Phật thân tự tại, có thể tùy vật hiện hình vậy. Lại "pháp giới thân" là chỉ cho thân Phật, khắp tất cả chỗ, lấy pháp giới làm thể. Khi hành gia chứng được môn quán Phật tam muội này, giải nhập tương ứng, nên nói "vào trong tâm tưởng". "Tâm này làm Phật" là Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có. "Tâm này là Phật", ý nói trước nghe bảo: Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có, sợ e người hiểu lầm cho rằng bỗng nhiên mà có, nên mới nói "là Phật". Mới khởi tu quán nên nói "làm", sự tu đã thành nên gọi "là".

Diệu Tông Thích nói: "Muốn tướng thân Phật, phải hiểu rõ quán thể. Thể đó là bản giác; từ nơi đây mà khởi thành pháp quán. Bản giác là thân pháp giới của chư Phật, vì chư Phật không sợ chúng chi khác, toàn chứng bản tánh của chúng sanh. Nếu thì giác có công, bản giác mới hiện nên nói "pháp thân từ nơi tâm tưởng mà sanh". Lại đức Di Đà cùng tất cả chư Phật đồng một Pháp thân một trí huệ, sự ứng dụng cũng như vậy. Hiện được thân đức Di Đà tức là hiện được thân chư Phật, tỏ được thân chư Phật tức là lộ được thể Di Đà.

Cho nên trong văn kinh nói rộng qua chữ Phật để kết về sự quán tưởng đức A Di Đà. Từ mấy chữ "thân pháp giới" trở xuống là nói về sự giao cảm của đạo cảm ứng và ước về lý giải nhập tương ứng.

Phê bình về hai lời giải trên, ngài Dung Tâm đã nói: "Nếu không có lời giải trước, thì môn quán tưởng ấy không phải là quán Phật; như không có lời giải sau, e học giả hiểu lầm rằng thể của chúng sanh và Phật khác nhau. Hai lời giải đã tác thành cho nhau mà thuyết minh quán pháp vậy".

Môn thứ hai, nói "ức niệm" là hành giả hoặc duyên theo tướng tốt, hoặc trì danh hiệu của Phật, đều gọi là ức niệm. Môn này có lý có sự. Trong kinh Hoa Nghiêm, Giải Thoát trưởng giả nói: "Nếu tôi muốn thấy đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thể giới An Lạc, thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể biết rõ tất cả chư Phật, quốc độ tùy thuộc, cùng những việc thần thông của các Ngài. Bao nhiêu cảnh tượng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi về đâu, không có xứ sở và không chỗ trụ; cũng như thân tôi không thật có đi, đứng, tới lui. Các đức Như Lai kia không đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ của các Ngài. Sở dĩ như thế, vì tôi hiểu rõ tất cả chư Phật cùng với tâm mình, đều như một. Lại hiểu tự tâm như nước trong chum, các pháp như hình bóng hiện trong nước. Tôi đã ngộ tâm mình như nhà huyền thuật tất cả chư Phật như cảnh huyền hóa. Lại biết chư Phật Bồ Tát trong tự tâm, đều như tiếng vang, như hương trong tùy theo âm thanh mà phát ra tiếng dội lại. Vì tôi ngộ giải tâm mình như thế nên có thể tùy niệm thấy Phật".

Về đoạn kinh trên, ngài Trình Nguyên giải rằng : "Tứ câu đầu đến mấy chữ "chỗ của các ngài" chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ tức tâm mà vô tâm liền vào chân như tam muội. Khi hành giả hiểu rõ các cảnh tượng đều hư huyền, duy tâm hiện ra đã ngộ duy tâm và tức tâm là Phật, thì tùy chỗ tưởng niệm, không đâu chẳng là Phật. Đoạn sau nêu ra bốn điều thí dụ : cảnh mộng là dụ cho lý không đến không đi, hình bóng trong nước là dụ cho lý không ra không vào, tướng huyền hóa là dụ cho lý chẳng có chẳng không, tiếng vang là dụ cho lý chẳng tan chẳng hợp. Và dụ thứ nhất là nói toàn thể đều duy tâm, dụ thứ hai nói vì duy tâm nên "không", dụ thứ ba nói vì duy tâm nên "giả" dụ, dụ thứ tư nói vì duy tâm nên "trung". Bốn dụ đều đủ

bốn quán gồm thông và biệt để hiển lý duy tâm, tất cả vẫn viên dung không ngại; đó là ý Kinh Hoa Nghiêm"

Nếu hành giả hiểu rõ lý trên đây, rồi chấp trì bốn chữ A Di Đà Phật, không dùng tâm có, tâm không, tâm cũng có cũng không, tâm chẳng phải có chẳng phải không, dùt cả quá khứ hiện tại vị lai mà niệm, đó gọi là "lý ức niệm". Và ngày đêm sáu thời cứ như thế mà nhiếp tâm trì niệm không cho gián đoạn, không sanh một niệm thì chẳng cần vượt giai tầng mà đi thẳng vào cõi Phật. Đây cũng gọi là "lý nhất tâm".

Về "sự ức niệm", như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhớ Phật niệm Phật hiện đời hoặc đờng lai nhất định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, không cần mượn phương tiện chi khác mà tâm tự được khai ngộ". Hay như các kinh sách khác đã chỉ dạy: hoặc hệ niệm suốt một đời, hoặc trì niệm trong ba tháng, bốn mươi chín ngày, một ngày đêm, cho đến bảy ngày đêm, hoặc mỗi buổi sớm mai giữ mười niệm. Nếu hành giả dùng lòng tin sâu, nguyện thiết, chấp trì câu niệm Phật như rừng gặp nước, như cọp đũa no., thì được sức Phật gia bị đều vắng sanh về Cực Lạc. Theo trong kinh, cho đến hàng phàm phu tạo tội ngũ nghịch thập ác, nếu khi lâm chung chỉ tâm xưng danh hiệu Phật mười niệm, cũng được vắng sanh. Và đây gọi là "sự nhất tâm".

Nói tóm lại, lý nhất tâm là người thông đạt bốn lý quán trên, dùng tâm ấy mà niệm Phật, tương ứng với không huệ, đi đến chỗ thuận chơn. Sự nhất tâm là hành giả tâm còn giữ niệm, mỗi niệm không cho xen hở, đi đến chỗ không còn tạp niệm. Lý nhất tâm là hành môn của bậc thượng căn, sự nhất tâm thông về hàng trung hạ.

Môn thứ ba, nói "chứng hạnh" là hành giả dùng nhiều hạnh để vắng sanh về Cực Lạc. Như trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát khuyến tấn Thiện Tài đồng tử và đại chúng nơi hải hội dùng mười đại nguyện vương cầu sanh tịnh độ. Mười đại nguyện ấy là: lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu sự cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ các công đức, thỉnh Phật chuyên pháp luân, thỉnh Phật trụ ở đời, thường theo Phật tu học, hằng tùy thuận chúng sanh, và hồi hướng khắp tất cả. Trong mỗi nguyện ấy đều có nói: khi nào cõi hư không, cõi chúng sanh, nghiệp chúng sanh, phiền não của chúng sanh hết, thì nguyện tôi mới

hết. Và hành giả phải dùng 3 nghiệp thân, khẩu, ý, thật hành nguyện đó không gián đoạn, không chán mỏi. Đến khi lâm chung, tất cả mọi thứ tùy thân đều để lại, cho đến các căn đều tan rã, duy đại nguyện ấy hằng theo bên mình trong khoảng sát na hành giả liền được sanh về Cực Lạc. Đây là nói về dùng nguyện lực để vắng sanh.

Lại như trong kinh Đại Bảo Tích đức Thế Tôn bảo ngài Di Lặc: "Mười thứ tâm này, không phải hàng phàm phu, bất thiện, kẻ nhiều phiền não có thể phát được. Mười thứ tâm ấy là gì?"

1. Đối với chúng sanh khởi lòng đại tu, không làm tổn hại.
2. Đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không làm bức não.
3. Với chánh pháp của Phật, hết lòng hộ trì, không tiếc thân mạng.
4. Với chánh pháp sanh lòng thẳng thắn, không chấp trước.
5. Tâm điềm tĩnh an vui, không tham sự lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng.
6. Tâm cầu chứng trí của Phật trong tất cả thời không quên lãng.
7. Đối với chúng sanh khởi lòng tôn trọng cung kính, không cho là hạ liệt.
8. Không tham trước thế luân, với phân bố để sanh lòng quyết định.
9. Tâm thanh tịnh không tạp nhiễm, siêng trông các căn lành.
10. Đối với chư Phật, xả ly các tướng khởi lòng tùy niệm.

Đây là mười thứ phát tâm của Bồ Tát, do tâm này nên được vắng sanh. Nếu có kẻ nào thành tựu một trong mười tâm trên, muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà không được như nguyện, đó là điều không khi nào có". Đoạn kinh trên là nói về dùng tâm lực để vắng sanh.

Lại nữa, như trong kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, đức Quan Thế Âm Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tụng trì thân chú Đại Bi, mà còn bị đọa vào ba đường ác, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thân chú Đại Bi, nếu không được sanh về cõi Phật, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thân chú Đại Bi nếu không được vô lượng tam muội biện tài, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thân chú Đại Bi tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được như nguyện, thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni; duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành". Ngoài ra, những kẻ chỉ tâm trì tụng các chú như: Bạch Tạng

Cái, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, đều có thể sanh về Cực Lạc hoặc các tịnh độ khác. Đây là nói về dùng thân lực để vắng sanh.

Và, như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu 3 thứ phước: 1) Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm tử bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. 2) Thọ trì tam quy, giữ kỷ các giới, không phạm oai nghi. 3) Phát lòng bố thí, tin lý nhân quả, đọc tụng kinh điển đại thừa, khuyến tấn người tu hành. Ba thứ phước này là chánh nhân tinh nghiệp của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai". Đây là nói về dùng phước lực để vắng sanh.

Ngoài ra những kẻ cất chùa, xây tháp, tạo tượng, lễ bái tán tụng, giữ gìn trai giới, đốt hương, rải hoa, cúng dường tràng phang bảo cái trai tăng Bồ thí, nếu hành lành thuần thực, dùng lòng tin nguyện hồi hướng, đều có thể vắng sanh. Các điều dẫn ra trên đây gọi là chúng hạnh những nguyện hạnh đã có lớn nhỏ không đồng, lý sự sai biệt, thì việc thấy Phật, nghe pháp, cảm thọ y chánh tất cũng có hơn kém khác nhau, đây là chỉ nói phân đại lược.

Lời phụ: Muốn sanh về Cực Lạc, hành giả có thể dùng một trong các hạnh: nguyện lực, tâm lực thân lực, phước lực để hồi hướng, không phải chỉ đặc biệt có môn quán tưởng hay trì danh. Tuy nhiên, trong bốn phương pháp ấy người tu phải thật hành cho đến độ công đức tinh thuần, hành lành thành tựu, mới có hy vọng. Mà kẻ dụng thường thì nghiệp chướng nặng không dễ gì đoạn, hành lành khó không dễ gì thành, duy có hạnh trì danh nương cầu nơi tha lực, là chắc chắn nhất. Cho nên, Ấn Quang pháp sư đã nói: "Hàng phàm phu kém cõi mà được vắng sanh, toàn là nhờ từ lực của Như Lai". Vậy người niệm Phật đời nay muốn cho phần vắng sanh được đảm bảo, nên lấy sự trì danh làm phần chánh, còn các công đức như: tụng kinh, trì chú, Bồ thí và những hạnh lành khác, để vào phần trợ, mới là đường lối an toàn.

Trong ba môn của ngài Thiên Như trình bày, đại khái môn thứ nhất nói về Thật tướng niệm Phật, hàng trung hạ khó hành trì. Môn thứ ba, thì hàng dụng thường, nhiều nghiệp duyên, cũng ít có hy vọng, chỉ nên dùng làm phần trợ. Duy phương pháp

Xem tiếp trang 30

QUÁN ÂM THỊ KÍNH

(tiếp theo)

14. ĐỊA NGỤC THIÊN ĐƯỜNG

Trong làng có một phú ông, (1)
 Gia tư (2) đọ với Thạch Sùng kém dẫu. (3)
 Tiểu thư ở chốn hồng lâu, (4)
 Tuổi vừa đôi tám Thị Mầu là tên. (5)
 Lá hồng đặt xuống dâng lên, (6)
 Mỗi duyên do dẫn chứa nên mối gì.
 Nào rằng giữ nết khuê vi, (7)
 Ngày rằm mừng một cúng đi cúng dâng. (8)
 Liếc trông thấy tiểu diu dâng, (9)
 Sóng thu xui khiến cho nàng khát khao. (10)
 Người dẫu có dáng thanh tao, (11)
 Bóng hoa dưới nước, vẻ sao trên trời. (12)
 Sắp thừa chưa kịp ngỏ lời,
 Mối đồng mắt chút đã dời chân đi. (13)
 Khôn sao đức Phật độ trí, (14)
 Xui ra họa có chước gì được thân. (15)
 Vì không phải kiếp Châu trần, (16)
 Thị xin một trận phong vân cũng nhờ. (17)
 La chẳng tiểu vẫn hưng hờ,
 Mấy phen thi cũng thờ ở với mình.
 Hoa kia nói hẳn nghiêng thành, (18)
 Chào hoa, hoa lại vô tình mấy cảm. (19)
 Tri âm chẳng gặp tri âm, (20)
 Để ai mong đứng mong năm sâu riêng.
 Trách ông Nguyệt Lão nào thiêng, (21)
 Có khi bên Thích, bên Kiêng kéo là. (22)

THÍCH

Coi một đoạn này ta thấy rõ ngay thế nào là sướng, thế nào là khổ, thế nào là sạch, thế nào là bẩn, thế nào là địa ngục, thế nào là thiên đường. Kinh Pháp Hoa nói: "Cối rế sinh tử, là lòng tham ái". Dừng thế có tham ái mới lôi kéo nhau mà cùng sinh, sinh thì phải tử, tử rồi lại sinh, quay đi quay lại như cái bánh xe, vì thế nên gọi là luân hồi. Trong sự tham ái thì cái sắc dục tình ái là nguy nhất. Vì nó là cái cối rế sinh ra các giống hữu tình, từ bao nhiêu kiếp, thêm căn cơ để, không phải là bức tu hành nhiều kiếp liễu ngộ vô sinh, coi sắc như không, coi không như sắc, thì tới cảnh thực kia khó mà thoát

khỏi. Nên trong kinh Phật răn rằng: "Thoạt sinh mỗi niệm sắc, mất ngay năm thân thông ... Rằng: May chỉ có một thôi, nếu có hai cái như thế, thì khắp gầm trời này, chẳng một ai tu được!" Đáng sợ thay tình ái! Ghê gớm thay tình ái! Biết bao nhiêu người chìm đắm ê chề vì mê mà vẫn không tỉnh ra được, ác hai thay! Mắc vòng tình ái thì khổ thế, mà vượt khỏi nhanh vượt của nó thì lại sướng vô cùng. Ông Bàng cư sĩ nói: "Cũng như người bằng gỗ xem hoa". Câu nói thực là tuyệt diệu. Như bà Thị Kính với Thị Mầu, bên sạch, bên nhớ, thực như một bức ảnh truyền thần, ai coi cũng phân biệt được ngay vậy. Người tu có đến được cảnh này, thì mới có thể nói chắc được. Nếu lòng trần còn bợn, thì gặp cảnh cũng nguy lắm thay.

...

- (1) Phú ông : Ông nhà giàu.
- (2) Gia tư : Cơ nghiệp tài sản.
- (3) Thạch Sùng : Tên một người giàu lớn đời Tần.
- (4) Hồng lâu : Cái lầu của con gái nhà quyền quý ở.
- (5) Đôi tám : Mười sáu tuổi.
- (6) Lá hồng : Vu Hưu người nhà Đường nhặt được một chiếc lá trôi trên giòng nước, trên lá có để một bài thơ ông họa một bài thơ vào một cái lá khác vút xuống giòng nước trôi đi. Cung nhân là Hàn Thị nhặt được. Sau Hàn Thị lấy Vu Hưu thực. Đây nói Thị Mầu có nhiều nơi hỏi mà nàng chưa chịu lấy ai.
- (7) Khuê vi : Nối phòng the kín đáo của đàn bà.
- (8) Cúng dâng : Dâng cúng tặng biếu các món lên chùa.
- (9) Liếc : Lé mắt nhìn trộm.
- (10) Sóng thu : Mất đa tình, nhìn như có nước lóng lánh ở trong gương mắt.
- (11) Thanh tao : Thanh cảnh tao nhã, đẹp một cách thanh tú tao nhã.
- (12) Tả cái vẻ đẹp như hoa lồng bóng nước như sao lấp lánh trên trời. Tục ngữ thường nói: "Đẹp như sao băng" là thế.
- (13) Đồng mắt : Gặp mặt, hai bên thấy nhau. Đây nói vừa thấy mặt đã rời chân đi.
- (14) Độ trí : Tế độ giúp đỡ cho.
- (15) Thân : Thân gần.
- (16) Châu Trần : Họ Châu họ Trần đời đời dẫu gia với nhau. Đây nói dù chẳng được lấy nhau làm vợ chồng chính thức.
- (17) Phong vân : Nói sự trai gái gặp gỡ dâm dục.
- (18) Nghiêng thành : Nhan sắc đẹp quá khiến người say mê, làm cho vua chính trị trẻ nãi mất cả nước. Làm cho tướng sĩ hững hờ mất cả thành.
- (19) Cảm : Tức giận.
- (20) Tri âm : Kể biết tâm sự nhau.
- (21) Nguyệt Lão : Ông già đứng dưới mặt trăng, cầm sợi chỉ đỏ buộc chân hai người kết làm vợ chồng Theo tích Đường Vi Cố khi trọ ở quán thành Nam, thấy một ông già giở sách xem ở dưới bóng trăng Cố hỏi sách gì? Thì ông già nói là quyển sổ hôn của người trần gian, vì thế sau người ta gọi nhà trọ ấy là Diêm Định hôn. Ý nói sự hôn nhân của người ta đều đã có ở trong sổ của ông già ấy giữ rồi vậy.
- (22) Thích : là nhà Phật. Nhà Phật cho sự dâm dục là cái cối rế luân hồi, người tu phải kiêng dè nhất. Đây nói trách ông nguyệt lão thiêng liêng biết nhà Phật giới dâm chẳng se cho Thị Mầu được như nguyện.

15. VÀO SỔ ĐOẠN TRĂNG

Đăm đăm tưởng nguyệt mơ hoa,(1)
Biết bao khuấy khóa cho qua cơn sầu.
Trong nhà sẵn đĩa Thương đầu,(2)
Quyên nghi một chút để hầu ai hay.(3)
Nào ngờ gió thổi mưa bay,(4)
Hạt kia gieo đây đủ ngày thì sinh.(5)
Ba trắng coi đã khác hình,(6)
Cơm ăn thì biếng mùi chanh lại thêm.(7)
Song thân ngỡ mới hỏi xem :
"Sao con đã mọc ra điếm chẳng hay ?
Thế mà ai hỏi bây nay,
Đôi bên tay áo chẳng day bên nào.(8)
Lỡ rồi khôn biết làm sao,
Chứ con giả mạo gieo đào với ai.(9)
Để mà ăn cáy bùng tai,(10)
Dăng dăng nghe chuyện bề ngoài hồ người".
Nàng rằng : "Đâu khéo nhúng lời,
Nào ai để có đại đời thế đâu !
Cánh hoa vẫn giữ còn màu,
Con oanh vẫn hót tiêu sâu mặc thầy.(11)
Vĩ dù tỉnh nước lòng mây,(12)
Nhà ma nào chịu đến rầy chửa đi.(13)
Năm xung tháng hạn phải khi,
Hóa ra thế ấy, hỏi chi tức mình !

THÍCH

Biết bao nỗi khổ ở đời, đầu mối đều là vì có cái vọng sinh. Có vọng sinh mới có vọng tử, tử sinh sinh tử, như bánh xe quay, còn biết lúc nào là trước, nên cứ mê man dính liú vào trong vòng đó, khó mà tỉnh lại và thấy rõ cái bộ mặt xưa được nữa. Cái mê đó Phật gọi là vô thủy vô minh, phải tu đến Thập địa Bồ tát mới thấy rõ bản tướng của nó mà đoạn đi được, và mới chắc chắn là đoạn hẳn phiền não, tới cõi Niết Bàn chân thật được. Đăm đăm là cái cội rễ vọng sinh muốn đoạn trừ nó, nào phải là sự dễ dàng. Nó là cội rễ sinh tử, nên hạt giống của nó rất tốt rất nhiều, cho đến nhân duyên của nó cũng rất thuận toại, nhất là ở vào cái đời vật chất quá thế này, lại càng làm cho hạt giống nó mau nở mau tốt, nên trong buổi này mà tu được, lại càng khó lắm. Phải biết hạt giống ấy sở dĩ nảy nở mau chóng, là vì mỗi nghĩ bậy triển miên, hun đúc u ấp cho nó luôn luôn, nếu so với các hạt giống khác, ta thấy nó mạnh gấp trăm gấp nghìn vậy. Để biết cội gốc bệnh rồi, thì người tu cần nhất là phải chú trọng vào đầu mối nghĩ. Phải tỉnh táo luôn luôn mà soi xét nó, hễ nó mon men ra thì rập ngay nó đi, hay mượn cảnh vật khác mà thay thế vào, lâu lâu tự khắc nó bớt dần mà trong tâm tự nhiên nhẹ nhàng thanh sạch vậy. Hai câu đầu đoạn này, hai chữ đăm đăm, thực là tả được một cách thiết thực và màu nhiệm vậy. Ai người tu hành, ai người biết tu trong cái phẩm giá cao quý, phải để ý đến hai chữ ấy lắm mới được.

...

- (1) Nói trai gái dâm dăng.
- (2) Thương đầu : Đây tớ trai.
- (3) Quyên nghi : Tâm thì cho xong việc.
- (4) Nhân duyên hội họp, đủ làm cho cái quả chóng chín.
- (5) Hạt giống được mưa gió luôn, thì nở luôn. Đây

nói Thị Mầu tư thông với thằng ở thành chùa hoang.

- (6) Ba trắng : Ba thằng. Có mang ba thằng đã hiện rõ hình tướng.
- (7) Đàn bà có mang, bị ghen thì thích ăn của chua như chanh, khế v.v...
- (8) Nói ai hỏi cũng chẳng chịu lấy.
- (9) Mạn đào là đồ trai gái phải lòng nhau tặng lẫn cho nhau.
- (10) Tục ngữ nói : ăn cáy bùng tai, ý nói việc không thể giấu được.
- (11) Nói con gái giữ lòng trinh khiết, như hoa còn nguyên màu, mặc con oanh hót cũng chẳng mang đến, nghĩa là chẳng hoài thân vì cái xuân tình vậy.
- (12) Tỉnh nước lòng mây : Nói người tâm không nhất định.
- (13) Thị Mầu nói : Nếu có sự ám muội gì đã trốn đi đời nhà ma nào rồi, còn ở đây làm chi nữa.

16. ÁC NHÂN ÁC QUẢ

Rút lời nghe mõ nguyệt bình.(1)
Rằng : "Đời con gái ngoại tỉnh ra tra.(2)
Phú ông thấy sự xấu xa,
Trở vào tặc lưới, trở ra vật mình.
Rằng : "con sinh sự, sự sinh,(3)
Hả rằng vạ ở trời xanh gieo vào.
Một là động địa làm sao,
Nước phượng mọc đục thâm vào chẳng sai.(4)
Hai là lâm thuốc đông dài,
Cái dâm đương hoắc thì ai cũng vừa.(5)
Ba là phải đưa trao bùa,(6)
Miếng trâu hoan hỉ nộ cho bao giờ.
Vô tình nào có ai ngờ,
Thế mà ăn nói bốn bờ như không.(7)
Khôn thời thừa thốt cho xong,
Khéo mà bẻ chuỗi trôi sông chẳng là".(8)
Dắt tay kính dẫn nàng ra,(9)
Con mang bụng nặng cha già theo sau.
Nhưng là chê khó chê giàu,
Để sau con đại để hầu ai mang.(10)
Phú ông nghe nói hồ hang,
"Nhủ rằng sau đây liệu đường mà đi".
Thừa rằng : "Hồ phận nữ nhi,
Tam tông(11) hăng giữ một ly chẳng rời.
Dầu khi bãi Hán chơi bờ,(12)
Đỡ người cường bạo một đời dám trêu.
Điều đâu như dẹt như thêu,
Điều đâu ai khéo đặt điều xấu xa.
Có đâu những thói dâm tà,
Bởi vì xấu máu hóa ra thế này.
Thực là vạ gió tai bay,
Bỗng nhưng gặp lửa bàn tay tội đời!"
Làng rằng : "Nào phải nói chơi,
Đùng quen giáo lá những lời vất chanh.(13)
Tướng kia coi đã hiện hình,
Nhốn quang thu thủy có lạnh được đâu.(14)
Chẳng hay ngày tháng bao lâu,
Má hồng coi đã ra màu xanh xanh.
Phải ai thì thú thực tình,
Luật cho đoán tụ cũng thành thất gia.(15)
Không thời một chữ thừa qua,
Chín trâu chưa để chuộc ra được nào.(16)
Nghe lời dúi dặt (17) mà nao,

Nghĩ mình đã trót để nào dẫu xong,
 Thương dẫu nó đã tặc trong, (18)
 Nói ra thêm xấu và không có chứng. (19)
 Phép người đã cú cung xưng,
 Yêu ai chỉ nầy may chúng được nhờ.
 Thưa rằng : "Trước hầy còn sơ, (20)
 Cạn sông thời cá sờ sờ khôn che. (21)
 Xưa nay ở chốn thâm khuê, (22)
 Dù ong hay bướm chưa hề biết ai.
 Phải khi lên chốn thuyền trai, (23)
 Kính Tâm tiêu ấy gặp ngoài sau bia.
 Quả yêu trót đã nguyện thề,
 Nhị hoa phó mặc bướm kia ra vào. (24)
 Dù nên câu bắc gửi trao, (25)
 Nhờ làng ơn ấy đời nào dám quên".

THÍCH

Đêm là đầu muôn tội, cho nên Phật đối với các đệ tử chế giới cấm hẳn đêm dục, còn đối với đệ tử tại gia thì cấm tà dâm, nghĩa là ở trong thế gian, truyện giới nói giống, là một nghĩa vụ, vợ chồng chính thức là một phần hệ trọng trong năm đạo luân thường, nên Phật chỉ cấm tà dâm thôi. Tà dâm tức là trai gái ở chung với nhau, không có đủ nghi lễ chính thức làm vợ chồng vậy. Nhà Nho cũng rất chú trọng đến đạo vợ chồng chân chính, nên cũng chế ra lễ giáo rất tinh nghiêm để phòng ngừa các sự trên bực trong dẫu, trên hoa dưới nguyệt. Vì trai gái dâm dăng, nó có hại lớn cho cả nền phong hóa một nước, và nguy đến cả mệnh mạch của chủng tộc nữa vậy. Đêm, theo như kinh Phật thì tội ác rất lớn, hết kiếp trên gian, tất phải đọa vào ba ngã ác, chịu đủ nỗi khổ, không biết bao giờ thoát ra. Mà xét về sự thực ở thế gian này, thì biết bao hạnh phúc của mình của gia đình, của xã hội, chỉ một tội dâm là phá sạch. Dâm nên mắc bệnh lao, sái, hoa tình. Dâm nên ô danh thất tiết, nhục nhã thẹn gia. Dâm nên xã hội lộn xộn mất cả trật tự, đánh giết nhau, thù ghét nhau, quá nửa là vì dâm cả. Dâm được thỏa, đọa độc tham; không được thỏa thì đọa độc sân. Tham sân thì phải si, ừ biết tội về ba độc là dâm, dăng sợ biết chừng nào! Đọc một đoạn văn này ta cảm thấy cái nhục vì dâm mà thất tiết, thực là ê chề xấu xa, không còn cái gì nhục hơn nữa dù xưa hay nay cũng vậy.

- ...
- (1) Nguyệt bình : Mỗi tháng họp một lần để bàn bạc bình phẩm công việc trong một xú.
 - (2) Ngoại tình : Từ thông dâm tình với người ngoài.
 - (3) Sinh sự sự sinh : Tự mình gây nên việc thì việc nó làm lụy mình.
 - (4) Mộc dục : Theo sách địa lý nước từ phương mộc dục chảy qua nhà hay qua má thì đẻ con gái đã dâm.
 - (5) Dâm dương hoắc : Một vị thuốc uống vào sinh ra đã dâm dục.
 - (6) Bùa : Bùa yêu bả dột.
 - (7) Bồn bở : Chợt nhà cọt cười như thường, chẳng lo nghĩ gì.
 - (8) Bè chuối trôi sông : Một thứ hình ác mà tục xưa có chỗ dùng để trưng trị kẻ dâm bôn. Buộc cả đôi trai gái vào bè chuối, vứt xuống sông cho trôi ra bể.
 - (9) Kính dân : Giắt tay đưa đi.
 - (10) Tục ngữ nói : con đại cái mang. Nghĩa là con hư

Lạc Nẻo Cổ Nhân

Từ ai tám tuổi Hoa Nghiêm
 Soi mình giòng nước, khép duyên nư cưới
 Giơ tay vớt ánh sao rơi
 Tắm thân cây cỏ ngâm ngùi trúc tở,
 Rừng phong rung lá ước mơ
 Suối trong rử mộng bến bờ tịch liêu
 Rừng xưa ... nơi bến Phong Kiều
 Vẽ làm ... trắng úa, tiêu điều nhụy hoa ...
 Trang kinh hồn mộng chói lò
 Nửa cơn địa chấn phai nhòa tang thương ...
 Lối đi dậm liễu mở sương
 Tắm y hoại sắc vô thường ... như nhiên,
 Nhe bàn tay ngắt hương thiên
 Thông dong Bửu Nữ tới miền Kim Luân,
 Gặp người lạc nẻo cổ nhân
 Trao bông linh thoại ân cần nắng mưa,
 Rằng xưa nhiều kiếp hưởng thừa
 Rằng nay mới thức là vừa cơ duyên
 Cho hay túc trái triền miên
 Bằng khe tỉnh lụy tới miền thanh thang ...

Ai đi công quả cho đời,
 Cho ta đường lặng ngâm ngùi chiếc thân ...

● Tinh Liên NGHIÊM XUÂN HỒNG

thì cha mẹ mang nhục.

- (11) Tam tông : 1) Ở nhà theo cha mẹ. 2) Lấy chồng theo chồng. 3) Chồng chết theo con.
- (12) Bối Hán : Theo trong kinh Thi nói : Con gái trinh chơi ở bãi sông Hán mà bọn trai đã tỉnh không dám hãm hiếp.
- (13) Giáo lá : Nói liên lâu, liên thoảng. Vất chanh : nói chua.
- (14) Nhốn quang thu thủy : Người nào con mắt xanh lèo như nước mùa thu thường hay đa tình.
- (15) Thất gia : Vợ chồng.
- (16) Cầu này nói đã để đên lên của công thì chín trâu cũng chẳng chuộc lại được.
- (17) Dữu dặt : Dối dành kẻ kế khoan thai, nghe để nao lòng núng dạ.
- (18) Tặc trong : Trốn mất tích.
- (19) Nói ra thêm xấu, lại không có chứng cứ gì.
- (20) Sơ : Nói qua.
- (21) Sờ sờ : Rõ ràng không dẫu được nữa.
- (22) Thâm khuê : Bồng kín.
- (23) Thuyền trai : Cái phòng thanh tịnh trong chùa.
- (24) Gái phải lòng trai mặc trai tưng dục, như hoa mặc bướm ra vào vậy.
- (25) Thị Mầu xin làng bắc cầu ô cho Thị Mầu được kết duyên với Kính Tâm.

(còn tiếp)

Một nền giáo dục quốc gia không thể vay mượn của một quốc gia nào khác vì giáo dục phải phản ánh những biến chuyển trong môi trường xã hội và nhân bản của một dân tộc. Các dân tộc có những nếp sống khác nhau tất nhiên phải có những nếp suy tưởng, những thái độ và những mong ước khác nhau. Vì vậy văn hóa của mỗi dân tộc đều có tính chất khác biệt mặc dầu chính thể hoặc lý tưởng chính trị của các quốc gia có thể có những điểm tương đồng. Giáo dục phản ánh sự khác biệt văn hóa ấy. Sự cưỡng ép thống trị văn hóa của một quốc gia đối với một quốc gia khác cũng giống như sự xâm nhập của một vật lạ trong cơ thể con người, không chống thì chấy thè nào cũng gặp sức kháng cự mãnh liệt cuối cùng sẽ bị tổng khử hoặc đưa đến sự hủy hoại của toàn thể cơ thể. Nhưng văn hóa của một dân tộc không phải bất di bất dịch mà phải luôn luôn biến chuyển. Sự biến đổi của văn hóa nhanh hay chậm tùy theo mỗi dân tộc và chính sự biến đổi ấy tạo nên một nhiệm vụ mới của giáo dục : giáo dục không phải chỉ có nhiệm vụ truyền bá nền văn hóa cổ truyền của dân tộc mà còn có bốn phần đào luyện ở con người những thái độ và ý thức giá trị mới dễ thích nghi với xã hội mới đồng thời góp phần vào công việc tạo dựng một nền văn hóa canh tân.

THỀ NÀO LÀ VĂN HÓA DÂN TỘC ?

Cụ Trần Trọng Kim viết về những đặc tính của người Việt Nam như sau: "Đại khái thì trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, có tính hiếu học, trọng sự học thức, quý sự lễ phép... Tuy vậy vẫn có tính tinh vật, cũng có khi quý quyet, hay bài bác nhạo chê. Thường thì nhút nhát hay khiếp sợ, nhưng đã đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật. Tâm địa thì nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và hiêu danh, thích chơi bời, mê cờ bạc... kiêu ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng nhân, biết thương người, hay nhớ ơn...".(1)

Trải qua bao nhiêu thế hệ với những thăng trầm của lịch sử và sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, nếu những đặc tính nêu trên còn tồn tại một phần nào ở lớp người Việt Nam trong xã hội hiện tại khiến cho người Việt Nam ngày nay dù ở đâu cũng có những cá tính khác biệt với các dân tộc khác thì quả đã có một cái gì tạo nên khuôn mẫu ấy. Cái

GIÁO DỤC PHỤC VỤ VĂN HÓA DÂN TỘC

DƯƠNG THIỆU TỔNG

Trích trong quyển TƯ TƯỞNG,
Cơ quan ngôn luận của Viện
Đại Học Vạn Hạnh. Bài của GS
DƯƠNG THIỆU TỔNG đăng trong
TƯ TƯỞNG số 4 ngày 1.9.1969.

khôn mẫu gồm những cá tính tốt và xấu ấy phải chăng là kết quả của những tương quan xã hội và cũng chính là những thành tố của văn hóa dân tộc. Nhưng thế nào là văn hóa dân tộc? Thật là khó mà định nghĩa vì tính chất bao quát của danh từ. Ở đây ta thử đi tìm định nghĩa của danh từ trên quan điểm của các nhà nhân chủng học. Sở dĩ ta lựa chọn quan điểm này vì khoa nhân chủng học và khoa giáo dục đều đề cập đến phương thức sống của con người, những tiêu chuẩn và ý thức giá trị liên hệ và sự truyền thụ các phương thức sống ấy cho các thế hệ kế tiếp. Tóm lại, cả hai đều chú trọng đến các giá trị căn bản của văn hóa. Vậy xét trên quan điểm của các nhà nhân chủng học thì văn hóa là một tập thể phức tạp bao gồm tất cả những gì liên hệ đến con người, từ những tư tưởng, cảm xúc đến các thực hiện vật chất. Nói chung, văn hóa là tất cả những gì con người thấm nhuần được trong tương quan xã hội do sự tiếp xúc, bắt chước lẫn nhau. Nó tạo thành những mẫu mực chung cho thái độ, ý thức giá trị, ước vọng của một xã hội và khiến cho mỗi dân tộc có sắc thái riêng biệt so với các dân tộc khác.

Nếu đi tìm một định nghĩa chi tiết hơn thì: "văn hóa là sự kết hợp các ý tưởng, lý tưởng, tín ngưỡng, khả năng, dụng cụ, sản phẩm mỹ thuật, các phương thức tư tưởng, tập quán

và các định chế trong đó mỗi con người sinh trưởng. Lối sống của mỗi con người, các trò chơi họ ham thích âm nhạc họ ưa chuộng, những câu chuyện họ kể, những danh nhân họ thờ phụng, cách nuôi dưỡng con cái, tổ chức gia đình, các phương tiện di chuyển và thông tin, tất cả những thứ ấy và muôn vàn những thứ khác không thể đếm được, đều bao gồm trong nền văn hóa dân tộc".(2)

Xem như thế thì cá tính của con người Việt Nam mà cụ Trần Trọng Kim đã mô tả ở trên, đề cập đến khả năng, thái độ, sự ham thích của người Việt Nam cũng là những thành tố (éléments) của văn hóa trong muôn vàn các thành tố khác được tạo lập nên qua những tiếp xúc xã hội. Phạm vi của văn hóa đã rộng lớn như vậy thì không phải những thành tố nào của văn hóa cũng đáng được phát huy và truyền thụ từ thế hệ này qua thế hệ khác vì nếu có những thành tố tạo nên sức mạnh của một dân tộc thì cũng có những thành tố, nếu không kịp sửa đổi, sẽ ngăn chặn bước tiến của xã hội.

THỀ NÀO LÀ NHỮNG THÀNH TỐ VĂN HÓA DÂN TỘC ?

Để giải thích sự biến chuyển của văn hóa dân tộc, ta thử tìm một cách phân loại các thành tố văn hóa như sau :

1). Những thành tố phổ quát. Những thành tố phổ quát là những thành tố một phần nào có tính cách cố định ít chịu sự thay đổi và được mọi người trong xã hội chấp nhận. Nói chung, đó là những thành tố khá vững chắc đã được thử thách qua thời gian do những sự tiếp xúc xã

hội mà thành. Mọi sự thay đổi trong các thành tố này sẽ gặp sức kháng cự khó có thể thành tựu được. Trong loại thứ nhất này ta có thể kể những phong tục, tập quán, lịch sử, ngôn ngữ, tôn giáo.

2). Những thành tố đặc thù. Những thành tố đặc thù là những thành tố riêng biệt cho một nhóm người trong xã hội, là tất cả những gì mà chỉ một nhóm người trong xã hội có thể biết và làm. Một thí dụ của thành tố đặc thù ấy đã được cụ Trần Trọng Kim đề cập đến khi mô tả cá tính của phụ nữ Việt Nam như sau: "Đàn bà thì làm lụng và đảm đang, khéo chân khéo tay, làm được đủ mọi việc mà lại biết lấy gia đạo làm trọng, biết chiều chuộng nuôi con, thường giữ được các đức tính rất quý là tiết, nghĩa, cần kiệm".

Những thành tố phổ quát và đặc thù kể trên được tạo thành qualkhông gian và thời gian do những tiếp xúc xã hội, do giáo dục học đường và giáo dục gia đình. Do các thành tố ấy phát sinh một hệ thống tư tưởng vững chắc làm nền tảng cho ý thức giá trị của xã hội Việt Nam. Từ đó ta mới có thể minh định được những tiêu chuẩn căn bản để xác định cái "xấu" và cái "tốt" trong hành vi của mỗi con người. Những gì đi ngược lại với những tiêu chuẩn giá trị ấy sẽ bị dè bieu, khinh khi và gặp sức chống đối mãnh liệt của xã hội.

Trong một xã hội ổn cố thì hai thành tố kể trên đủ để tạo nên nhân cách con người mà xã hội mong đợi. Nhưng trong một xã hội biến chuyển bị chi phối bởi các nền văn hóa ngoại lai như xã hội Việt Nam ngày nay thì những mẫu số chung ấy càng ngày càng hiếm hoi. Nền văn hóa của một xã hội như thế lại còn bao gồm một loại thành tố thứ ba nữa mà ta tạm gọi là những thành tố xâm nhập.

3). Những thành tố xâm nhập. Những thành tố này xâm nhập vào nền văn hóa cổ truyền của một dân tộc do những biến cố hay những phát kiến mới trong xã hội hay do ảnh hưởng của các nền văn hóa ngoại lai. Sự hiện hữu của các thành tố này giải thích cho sự biến chuyển của văn hóa dân tộc. Chúng dần dần xen vào và tác động đến các thành tố phổ quát và đặc thù.

Sự xâm nhập này, tùy theo cường độ của nó, sẽ gây nên những xung đột giữa cũ và mới. Cuộc khủng hoảng xã hội do đó phát sinh. Cuộc khủng hoảng ấy lại càng trầm trọng trong

hai trường hợp: Trường hợp thứ nhất khi hai lực lượng, một bên bao gồm những thành tố phổ quát và đặc thù, một bên là các thành tố xâm nhập, đều mạnh mẽ, chống đối nhau kịch liệt, không bên nào chấp nhận bên nào. Sự xung đột ấy tạo nên tình trạng chia rẽ, mất tin tưởng giữa lớp người này và lớp người kia. Kết quả là nền văn hóa dân tộc khó có cơ phát triển dễ theo kịp với những đòi hỏi của xã hội mới. Trường hợp thứ hai nguy hại hơn nữa, khi nền văn hóa diển biến trong một tình trạng trên không chừng dưới không rõ, các yếu tố phổ quát và đặc thù dần dần tan rã trước sự xâm nhập mạnh mẽ của những nền văn hóa ngoại lai hỗn tạp hay trước những đòi hỏi thúc bách của những biến cố xã hội nội tại. Kết quả là một tình trạng giao động xã hội trầm trọng, ý thức giá trị của xã hội cổ truyền tan biến đảo lộn. Trong một xã hội như thế, khi mà những giá trị xã hội hầu như mất hẳn, hay nói cách khác, cái "xấu" cái "tốt" của hành vi và thái độ con người không có tiêu chuẩn để xác định, thì giáo dục đã mất hẳn cái giá trị thực tại và đối tượng chân chính của nó. Do đó, minh định nhiệm vụ của giáo dục trong một xã hội, như xã hội Việt Nam ngày nay, đang bị đe dọa bởi sự tan rã dần dần các giá trị văn hóa cổ truyền và sự xâm nhập của những nền văn hóa ngoại lai, là việc làm khẩn thiết nếu muốn cho giáo dục giữ vẹn ý nghĩa của nó.

NHIỆM VỤ CỦA GIÁO DỤC

Trước những biến chuyển của văn hóa và sự xung đột giữa những giá trị cũ và mới, giáo dục có ba đường hướng chính để lựa chọn:

1). Quan niệm thứ nhất: Tôn trọng và phát huy nền văn hóa cổ truyền. Đây là quan điểm của Bộ Giáo Dục Việt Nam được trình bày tại Đại hội giáo dục toàn quốc năm 1964. Để giải thích nhu cầu văn hóa lòng trong nguyên tắc "Dân tộc" của nền giáo dục Việt Nam. Dự án hệ thống giáo dục đã viết:

"Nền giáo dục Việt Nam phải là một nền giáo dục dân tộc nghĩa là phải tôn trọng và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc. Về phương diện văn hóa, tâm lý dân tộc, lịch sử, địa lý nhân văn, dân tộc ta có những sắc thái riêng biệt cần phải khảo cứu và khai triển".

Nói cách khác, nhiệm vụ của giáo dục theo quan niệm trên là khảo cứu

và khai triển các thành tố phổ quát và đặc thù của văn hóa Việt Nam hầu duy trì những đặc tính cổ truyền của dân tộc. Quan điểm trên vấp phải những khuyết điểm sau:

a) Quan niệm chặt hẹp về văn hóa.

Tâm lý dân tộc, lịch sử dân tộc địa lý nhân văn, không phải là những thành tố tách rời khỏi văn hóa dân tộc mà chính là những thành tố nằm trong văn hóa. Ta cũng có thể nói rằng đây có lẽ là khuyết điểm do sự mập mờ của lối hành văn, nhưng dù cho các thành tố ấy có được khai triển từ danh từ văn hóa chẳng nữa thì cũng chưa đủ để giải thích những nhu cầu văn hóa mà giáo dục Việt Nam cần phải thỏa mãn. Sự sơ xuất này giải thích cho sự thiếu sót của các chương trình giáo dục Việt Nam từ trước đến nay. Sự hiện diện của các môn quốc văn, lịch sử, địa lý Việt Nam, trong chương trình học, việc sử dụng tiếng Việt làm chuyên ngữ, chưa đủ để chứng minh chúng ta đã có một nền giáo dục phục vụ văn hóa dân tộc, nhất là khi việc giảng dạy môn quốc văn trong các học đường Việt Nam chỉ có tính cách tằmchương trích cú và việc giảng dạy các môn Sử Địa chỉ chú trọng đến việc học thuộc lòng các sự kiện.

b) Khuyết hướng duy trì nguyên trạng của văn hóa.

Quan niệm cho rằng giáo dục chỉ có nhiệm vụ truyền thụ nền văn hóa truyền thống ngày nay không còn thích hợp cho một xã hội biến chuyển. Quan niệm ấy mặc dầu không phủ nhận sự tiến hóa của xã hội, nhưng cho rằng những sự khác biệt của xã hội trong quá trình diễn tiến ấy chỉ có tính cách phụ du. Chân lý từ ngàn xưa bao giờ cũng là chân lý có giá trị vĩnh cửu, thích hợp với mọi biến chuyển xã hội. Những chân lý ấy có thể tìm thấy trong truyền thống văn hóa dân tộc mà giáo dục có nhiệm vụ truyền lại từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Quan niệm duy trì nguyên trạng của văn hóa, như biểu lộ qua lời giải thích của Bộ Giáo Dục trong kỳ Đại hội 1964 phản ánh cái triết lý giáo dục ấy. Nó sai lầm ở chỗ là đề cao các thành tố phổ quát của văn hóa mà phủ nhận lực lượng của thành tố xâm nhập đang làm lung lay đến cội rễ các thành tố khác. Nó cũng nguy hiểm ở chỗ là kéo dài tình trạng chia rẽ giữa cũ và mới và tăng cường sự chống đối giữa những lực lượng đối nghịch.

2). Quan niệm thứ hai: Gạt bỏ những khác biệt để tạo nên một xã hội ổn cố.

Đây là quan niệm giáo dục tại các nước độc tài dù dưới hình thức nào. Để thực hiện mục tiêu ấy, nhóm thống trị cưỡng ép sự chấp nhận một hệ thống giá trị của họ để duy trì hay tạo lập một xã hội ổn cố theo ý họ muốn. Chế độ độc tài xưa và nay đều theo khuynh hướng ấy. Trong trường hợp ấy, giáo dục là công cụ của nhà nước, và chương trình giáo dục hướng đến mục tiêu là duy trì chính sách độc tài mà không chấp nhận sự thay đổi. Có nhiên, quan niệm giáo dục như thế không thích với một xã hội gọi là dân chủ, tự do.

Trước hai quan niệm cực đoan về giáo dục phục vụ văn hóa dân tộc và kẻ trên, một đảng thì cố gắng duy trì nguyên trạng, một đảng thì đập đổ tất cả để tạo dựng một nền văn hóa mới không chấp nhận sự thay đổi và sự dị biệt về ý thức giá trị ta nhận thấy cả hai đều không thích hợp cho xã hội Việt Nam trong giai đoạn khủng hoảng hiện tại.

Bây giờ ta thử xét qua một quan niệm thứ ba mà cũng là quan điểm của kẻ viết bài về nhiệm vụ của giáo dục trong vai trò phục vụ văn hóa dân tộc.

3). Quan niệm thứ ba.

Quan điểm thứ ba này gồm có hai phần :

a) Giáo dục có nhiệm vụ lựa chọn và phát huy các thành tố phổ quát và đặc thù của văn hóa dân tộc.

Như đã nói ở trên, các thành tố phổ quát và đặc thù tạo nên một mô thức văn hóa cho một dân tộc, khiến cho dân tộc này có những đặc tính khác biệt với các dân tộc khác. Thiếu các thành tố này, con người trở thành vong bản, chủ nghĩa quốc gia mất tất cả lý do tồn tại của nó. Khi con người cùng sống chung trên một giải đất, chung một lịch sử, một ngôn ngữ, những phong tục và tập quán chung, cùng chia sẻ những tư tưởng, những khát vọng chung, tất cả những yếu tố ấy tạo nên tinh thần quốc gia dân tộc và sự hãnh diện được sống chung trong tập thể của mình. Những đức tính ấy chỉ có thể có khi giáo dục thành công trong nhiệm vụ truyền bá và đề cao các truyền thống văn hóa dân tộc, khiến cho người thanh niên không phải chỉ biết học thuộc lòng một mô dự kiện lịch sử, địa lý, phê bình một áng văn hay mà còn phải hiểu rõ những phong tục

tập quán của dân tộc Việt Nam qua không gian và thời gian, biết thưởng thức những công trình nghệ thuật cổ truyền Việt Nam để từ đó phát triển nên nghệ thuật ấy một ngày thêm tốt đẹp. Cái mô thức văn hóa được tạo dựng do các thành tố phổ quát và đặc thù ấy sẽ là căn bản trên đó chúng ta lựa chọn mẫu mực con người cần phải đào tạo qua hệ thống giáo dục quốc gia.

So với quan điểm của Bộ Giáo Dục vào 1964 như trình bày ở phần trên thì hai quan điểm dường như không khác nhau bao nhiêu vì cả hai đều chú trọng đến sự đề cao các thành tố phổ quát và đặc thù của văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, có những điểm dị biệt cần phải nêu ra ở đây. Quan điểm thứ ba này chủ trương rằng : - Sự truyền bá văn hóa cổ truyền chỉ là 1 giai đoạn trong quá trình phát triển văn hóa dân tộc, không phải là nhiệm vụ duy nhất của giáo dục.

- Không phải tất cả những thành tố phổ quát và đặc thù của văn hóa đều đáng được khai triển và truyền thụ cho các thế hệ mai hậu. Vấn đề đặt ra cho các nhà giáo dục là lựa chọn những thành tố thích hợp với sự tiến hóa xã hội và loại bỏ những tập quán, phong tục làm trở ngại cho sự canh tân.



Quan niệm duy trì nguyên trạng của văn hóa, như trình bày ở quan điểm thứ nhất, là một quan niệm sai lầm và là nguyên nhân của sự xung đột giữa các ý thức giá trị đối nghịch và tình trạng chậm tiến của nước ta ngày nay.

Do đó, nhiệm vụ của giáo dục vừa kể còn phải được bổ túc bởi một nhiệm vụ thứ hai là :

b) Phát huy ở mỗi con người những thái độ và ý thức giá trị mới để tạo dựng một nền văn hóa canh tân.

Quan niệm duy trì nguyên trạng của

văn hóa giữa trên giả thuyết rằng chân lý từ ngàn xưa bao giờ cũng là chân lý, có thể áp dụng trong mọi hoàn cảnh và nhu cầu của xã hội tân tiến. Quan niệm ấy đưa đến 1 triết lý giáo dục đặt nặng vai trò của trí thức (intellectualism), phủ nhận sự liên hệ giữa hoàn cảnh xã hội hiện tại và giáo dục. Ngày nay với sự "bùng nổ" của kiến thức, với tiến bộ vượt mức của khoa học kỹ thuật, với tương quan càng ngày càng rõ rệt giữa sự phát triển cá nhân và môi trường văn hóa, con người đã dần dần đi xa với tập quán cổ truyền để tạo nên những hình ảnh riêng của chân lý, của cái đẹp, cái tốt. Con khủng hoảng về cái gọi là Chân, Thiện, Mỹ, về ý thức giá trị nói chung, được phản ánh rõ rệt trong các xã hội tân tiến ngày nay nhất là Hoa Kỳ, và đó là vấn đề khó khăn nhất mà giáo dục Hoa Kỳ đang phải đương đầu. Con khủng hoảng ấy xảy ra là vì văn hóa Hoa Kỳ là một nền văn hóa hỗn tạp, cái mô thức văn hóa khó có thể tìm thấy ví những mẫu số chung hiếm hoi do sự khác biệt về địa phương, giai cấp, tôn giáo, nếp sống thôn quê và thành thị. Trạng thái thiếu một mô thức văn hóa chung ấy lại phải đương đầu với sự tiến bộ quá nhanh chóng của kỹ thuật xâm nhập vào đời sống con người qua các tiện nghi tối tân, máy móc, khiến cho sự thay đổi về các hình thái kỹ thuật của văn hóa đã vượt xa mức thay đổi về ý thức giá trị, phong tục, tập quán và các định chế xã hội. Vậy cái khó khăn của giáo dục Hoa Kỳ là vấn đề tạo nên cái mô thức văn hóa mới (problem of aculturation) nghĩa là tạo nên những thái độ và ý thức giá trị mới trong một nền văn hóa mới. Đó là mối quan tâm đặc biệt của các nhà giáo dục Hoa Kỳ hiện tại, một mối quan tâm mà các nước bị gọi là chậm tiến nhưng có một nền văn hóa lâu đời và phong phú như chúng ta, đáng lý không phải bận tâm quá nhiều. Ông cha của chúng ta qua bốn nghìn năm lịch sử, đã tạo nên cho đất nước một mô thức văn hóa khiến cho chúng ta, từ Bắc chí Nam, đã có những tập quán, những nếp sống, nếp suy tưởng và khát vọng chung mà chúng ta ngày nay tuy đã bị mất mát ít nhiều vẫn còn cảm thấy hãnh diện. Nhưng qua một thế kỷ tiếp xúc với tây phương, với sự xâm nhập không thể tránh được của các luồng tư tưởng ngoại lai, kể từ Bắc chí Nam, cái mô thức văn hóa ấy đang bị đe dọa tan biến dần dần nhường chỗ cho sự áp đảo mạnh mẽ của các thành tố xâm nhập

lâm lay đồng đến cốt rễ các thành tố phổ quát và đặc thù. Ngay hai hơn nữa là trong tình trạng ấy, giáo dục Việt Nam đã thờ ơ, hầu như bất động trong việc bảo trì các mô thức văn hóa cổ truyền và phát huy các mô thức ấy theo chiều hướng thích hợp với những biến đổi xã hội. Trong khi các xã hội tây phương như Hoa Kỳ biến đổi nhanh chóng do các biến cố nội tại (sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật) thì mỗi đe dọa trầm trọng cho xã hội Việt Nam là sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai. Sự xâm nhập này không phải là hoàn toàn bất lợi, trái lại, có thể là điều kiện cần thiết cho xã hội tiến lên theo kịp với đà tiến bộ thế giới. Nhưng nó chỉ có lợi khi ta đã có căn bản lựa chọn. Căn bản ấy chính là mô thức văn hóa thích nghi và vững chắc. Trái lại, nó trở nên vô cùng nguy hại nếu ta bó tay chịu sự xâm nhập ô ạt mà không có căn bản để lựa chọn. Đó là một thực trạng xã hội ngày nay mà ta đành phải chấp nhận. Trong tình trạng ấy quan niệm duy trì nguyên trạng văn hóa chỉ là một cố gắng nguy hiểm và không thực tế. Nó không thực tế ở chỗ là cái mô thức văn hóa cổ truyền đang bị lung lay tận gốc rễ mà giáo dục học đương chịu một phần trách nhiệm, và xã hội cũng như giáo dục gia đình đã không góp phần cho sự bảo trì các giá trị cổ truyền mà nhiều khi đã ngược lại. Nó nguy hiểm vì sẽ tạo nên sự chống đối và chia rẽ trầm trọng giữa lớp người cũ và mới, giữa lớp trẻ và già. Nó lại càng nguy hiểm hơn nữa khi lớp thanh thiếu niên hiện tại đã thiếu những mẫu mực trong lớp đàn anh để chúng noi theo. Họ đang sống trong một môi trường văn hóa, xã hội khác hẳn với môi trường trong đó cha anh của họ đã sống và được nuôi dưỡng. Hoàn cảnh đặc biệt ấy tạo cho giáo dục một nhiệm vụ mới là chuẩn bị cho thanh thiếu niên những thái độ và ý thức giá trị mới để thích nghi với xã hội mới và góp phần vào việc tạo dựng một nền văn hóa canh tân. Nhiệm vụ này không mâu thuẫn với nhiệm vụ căn bản kể trên là lựa chọn và bảo trì các thành tố phổ quát và đặc thù của văn hóa. Trái lại, hai nhiệm vụ ấy bổ túc cho nhau để xác định vai trò của giáo dục trong sự mang phục vụ văn hóa dân tộc. Phối hợp hai nhiệm vụ vừa kể, quan điểm thứ ba này có những đặc điểm sau :

1). Tính cách bảo thủ của quan điểm
Quan điểm này có tính cách bảo

thủ vì nó hướng đến sự bảo tồn các giá trị cổ truyền trong văn hóa dân tộc, phát huy các thành tố ấy để tạo nên một mô thức văn hóa vững chắc.

2). Tính cách cấp tiến của quan điểm
Quan điểm này cũng có tính cách cấp tiến vì nó nhằm đến sự đào luyện những thái độ và ý thức giá trị mới hầu góp phần xây dựng một nền văn hóa canh tân.

3). Tính cách xây dựng của quan điểm
Quan điểm này cũng còn có tính cách xây dựng và khách quan vì nó sẵn sàng thấu nhận những cái hay cái tốt trong cái cũ và loại bỏ những cái gì xấu, không thích hợp trong cả cũ lẫn mới.

KẾT LUẬN

Nói đến tương quan giữa văn hóa và giáo dục thì chắc chắn mọi nhà tư tưởng dù tây phương hay đông phương đều có thể đồng ý với nhau rằng mục tiêu của giáo dục là đào luyện ở con người những kiến thức, thái độ, ý thức giá trị và kỹ thuật liên hệ đến văn hóa dân tộc. Cũng không ai phủ nhận rằng học đường là một đơn vị xã hội có nhiệm vụ đặc biệt gây ở thanh thiếu niên ý thức trách nhiệm bảo vệ sự liên tục của văn hóa để đừng bao giờ bị mất mát. Những sự khác nhau trong các tư tưởng giáo dục xưa và nay là ở quan niệm căn bản về nhiệm vụ giáo dục trong vai trò phục vụ văn hóa dân tộc. Giáo dục phải chăng chỉ có nhiệm vụ bảo trì và truyền thụ di sản văn hóa dân tộc, hay ngược lại, giáo dục có nhiệm vụ cải tạo lại xã hội bằng cách phát huy những thái độ mới, hệ thống giá trị mới trong một nền văn hóa mới? Quan niệm của kẻ viết bài không thuộc về hai cực đoan ấy. Dù đặt tâm quan trọng ở nhiệm vụ phát huy những thành tố phổ quát và đặc thù của nền văn hóa dân tộc, quan niệm ấy vẫn phải chấp nhận một thực trạng xã hội đang đổi thay do sự xâm nhập của những thành tố ngoại lai. Vậy, nhiệm vụ của nhà giáo dục trong xã hội hiện tại là lựa chọn và phát huy các thành tố phổ quát và đặc thù của nền văn hóa cổ truyền. Công việc phát huy ấy không phải chỉ thực hiện bằng lời nói, bằng những giáo điều khô khan, mà phải thể hiện qua chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy, tổ chức học đường, các

hoạt động giáo dục khác và ngay ở cả tư cách, thái độ của chính ông thầy. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ, nhà giáo dục còn có nhiệm vụ chuẩn bị thanh thiếu niên đương đầu với những biến chuyển xã hội và văn hóa, có ý thức và biết suy tư về những đổi thay ấy. Cả hai nhiệm vụ trên đều liên hệ mật thiết với nhau vì con người không thể lựa chọn và suy tư nếu không có một khởi điểm nào đó. Khởi điểm ấy chính là cái mô thức văn hóa tạo thành do những thành tố phổ quát và đặc thù của nền văn hóa dân tộc, trong đó bao gồm cả một hệ thống giá trị cổ truyền đã giúp cho xã hội chúng ta còn tồn tại cho đến ngày nay qua bao nhiêu cuộc thăng trầm của lịch sử. ■



THÔNG BÁO

Cúng dường đình kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trương mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

tin có luân hồi

Nguyên tác : The Case for Reincarnation
Tác giả : Toe Fisher
Bản dịch : HOÀNG PHI Lưu Hoàng Nguyên

cô bé ba tuổi đi tìm Mẹ tiên kiếp

Cô bé Romy Crees thỉnh thoảng trong những lúc tán gẫu, thường đề cập một cách tự nhiên về tiên kiếp của mình. Ngay từ khi biết nói, cô bé tóc quăn xinh xắn quê ở Des Moines (tiểu bang Iowa, Hoa Kỳ) cho biết rằng mình trước kia là Joe Williams, chồng của Sheila và có ba con. Cô cứ nằng nặc đòi về nhà cũ. Rồi cô kể chuyện mình đã chết trong một tai nạn lưu thông, mô tả rõ ràng, sinh động đến nỗi cha mẹ cô rất ngạc nhiên, không còn xem đây là chuyện trẻ con tưởng tượng lếu lếu. Romy nói : "Con sợ xe hơi lắm".

Bé mới có ba tuổi mà cứ nhắc hoài những chuyện xảy ra, những nhân vật thuộc một kiếp bí mật khác, nên cha mẹ cô đồng ý mời Hemendra Banerjee, một chuyên gia điều tra về "ký ức ngoại não". Đi với vợ và cộng sự viên tên Margit cùng hai phóng viên tạp chí Thụy Điển Allars, Banerjee đến nhà Crees vào một ngày đông giá buốt năm 1981. Romy đang mặc áo xanh thêu hoa chơi đùa hăng hái trong phòng khách. Mẹ cô, bà Bonnie Crees, hai mươi tám tuổi, cho biết đã treo trên tường hình Đấng Mẹ, nhằm làm Romy xao lãng, quên đi ký ức gây bối rối này, đồng thời khuyến khích con nói những chuyện bình thường. Song tiên kiếp vẫn cứ chen vào.

Romy kể : "Hồi kiếp trước, lúc bé, con đi học ở thị trấn Charles, sống trong một ngôi nhà gạch đỏ, cuối Sheila và có con. Sau đó tụi con rời nhà cha mẹ. "Mẹ con đau ở chân, chân này đây", cô vừa nói vừa chỉ vào chân phải. Mẹ con (tức mẹ Williams) tên Louise và lâu lắm rồi con không gặp lại bà. Con nhớ có lần đã bất cẩn làm cháy nhà, mẹ phải tát nước để chữa lửa và bà bị phỏng tay".

Khi nghe Bonnie Crees thuật chuyện con gái bà cứ lo nghĩ mãi về Joe Williams cùng thị trấn Charles, gương mặt Romy sáng hẳn lên, nói : "Con muốn về đó. Phải cho mẹ của Williams biết là mọi chuyện đều tốt đẹp".

Vì vậy nên vợ chồng Banerjee, các ký giả Thụy Điển cùng một chuyên viên của Des Moines là tiến sĩ Greg States và Barry Crees đi với bé Romy đến Charles, một thị trấn có 8.000 dân, cách đó khoảng 225 cây số. Trong suốt cuộc hành trình Romy rất bồn chồn kích động. Khi sắp đến thị trấn Charles, dù chẳng một ai nói là sắp tới nơi, bé leo từ băng sau xe, chen lên ngồi giữa tiến sĩ States và Hemendra Banerjee, rồi nói : "Mình phải mua hoa tặng thân mẫu của Williams, bà thích hoa xanh khi đến nhà, mình không thể vào ngõ trước, phải đi vòng góc đường để vô cửa hông".

Vì Romy không rõ địa chỉ mới của bà Williams trong thị trấn mới này gần biên giới tiểu bang Minnesota, phái đoàn phải tra số niên giám điện thoại. Đến nơi, họ không thấy ngôi nhà gạch đỏ như Romy từng mô tả mà thấy một nhà gỗ có lầu màu trắng ở ngoại ô thị trấn. Cô bé nhảy ra khỏi xe, hồi hả kéo Banerjee đi trên lối dẫn vào cửa trước, thấy bảng đề : Xin đi cửa sau.

Nhận chuông nhưng không nghe ai đáp, sau cùng có một cụ già chống nạng sạt ra mở hé cửa sau. Chuyện bà cụ đau ở chân và khách không thể vô cửa trước quả đúng như Romy đã

kể. Chân mắt của cụ Louise Williams hiện bị băng chặt. Bà sắp đi bác sĩ nên không muốn cả kẻ cũng như không thích nghe chuyện nên Bà đóng cửa khiến bé Romy rửa nước mắt.

Một giờ sau, cô cùng cha và hai ký giả Thụy Điển trở lại, được mời vào nhà. Khi nhận và tháo giấy bó hoa Romy tặng, bà cụ và bé thân nhau ngay, ôm nhau hôn. Rất ngạc nhiên về sự thân ái cũng như việc khéo chọn bó hoa, cụ Williams cho biết bó hoa cuối cùng mà con trai bà đã tặng là hoa màu xanh. Càng ngạc nhiên hơn nữa khi nghe ông Barry Crees (dù không tin chuyện luân hồi) thuật những gì Romy đã nhớ về gia đình Williams, cụ hỏi : "Cháu bé lấy tin ở đâu thế? Già này không quen ông, cũng như chẳng quen ai ở Des Moines!" Rồi bà cụ bày mười sáu tuổi giải thích vì sao đang ở trong ngôi nhà gỗ trắng và tại sao thị trấn hơi khác lạ đối với Romy, dù cô bé vẫn nhận ra : "Trước kia nhà chúng tôi được xây bằng gạch đỏ, nhưng cách đây mười năm, trong một trận cuồng phong nhà bị sập cùng lúc với nhiều nhà khác trong thị trấn. Joe đã giúp đỡ chúng tôi cất ngôi nhà này và khuyến tôi nên đóng chặt cửa trước vào mùa đông".

Cụ Williams cắt ngang câu chuyện để sang phòng bên cạnh, bé Romy lon ton chạy theo. Rồi cả hai nắm tay nhau trở qua. Bé Romy cố nâng bà cụ đang nắm chặt một khung ảnh hình Joe, Sheila và các con chụp chung ít lâu trước khi chết. Cụ thì thầm : "Con bé đã nhận ra họ, nó đã nhận ra họ!".

Tất cả những chi tiết tiên kiếp mà trước kia Romy đã kể đều được bà cụ xác nhận : đám cưới của Joe với Sheila, rồi có ba đứa con, tên của thân bằng quyến thuộc, tai nạn xe hơi năm 1975 gần Chicago làm Joe và Sheila đều chết, lửa cháy nhà khiến bà Williams bị phỏng tay, v.v... Việc mô tả rõ rệt các vết thương trong tai nạn chết người cũng được kiểm chứng đúng sự thật. Joe Williams sinh năm 1937, chết năm 1975, hai năm trước khi Romy chào đời.

Trường hợp Romy Crees được Banerjee xem là cuộc khảo cứu đầy đủ tài liệu nhất của mình, nó chứng tỏ là có luân hồi. Song cha mẹ của bé Romy và bà cụ Louise Williams (vì những giáo điều của một đạo họ) không chịu tin. Tuy vậy Bonnie Crees từng than thở : "Tôi không biết phải giải thích làm sao, nhưng tôi biết chắc là con tôi không nói dối".

(Còn tiếp)

Đạo Phật đi vào Cuộc Đời

TÂM NHƯ phụ trách

Trong thời gian qua Tòa soạn và Ấn quán Viên Giác cũng như Tâm Như đã nhận được rất nhiều thư từ cũng như sự ủng hộ của các độc giả xa gần. Trong đó phần Đạo Phật đi vào cuộc đời cũng có nhiều vị lưu tâm đến. Hôm nay Tâm Như xin tiếp tục giải đáp những thắc mắc của quý độc giả và mong rằng quý Đạo Hữu, bạn hữu xa gần có điều gì muốn tâm sự, muốn giải đáp, xin gửi về Tâm Như. Xin thành thật cảm ơn.

Ngày 26 tháng 8 năm 87 vừa qua có bạn Ngọc ở Köln có gởi về Tâm Như 5 câu hỏi sau đây. Xin trả lời cho bạn vậy.

Hỏi 49 : Ngạ qui là gì ?

Đáp : Ngạ là loài mà qui là một loài vật có hình vóc gầy ốm, xấu xa dị hợm, tóc rối nhẵn, dây lông lá, móng tay móng chân lộ dài, cái bụng như cái trống chầu, miệng tựa lỗ kim, không ăn uống chi được. Đó là định nghĩa theo "Soạn tập Bồ Duyên Kinh" đã nói. Nhưng chắc rằng trong chúng ta chưa có ai thấy được hình dạng loại này. Vì chúng ta đang ở trong cảnh giới của loài người.

Theo trong Phật học từ điển của Đoàn Trung Còn thì định nghĩa rằng: Ngạ qui là một hạng trong tam đồ, tam ác đạo (ác thú), một loại chúng sanh trong lục đạo, lục thú. Người ta cũng gọi chúng là cô hồn (hồn cô độc, không có thân nhân cúng kiến, cầu siêu). Theo kinh Phật, đọa làm ngạ qui còn dễ chịu hơn đọa địa ngục và đọa làm súc sanh. Nếu ngạ qui biết tỉnh ngộ, nghĩ đến điều lành, niệm danh hiệu Phật, hoặc như họ nhờ thân nhân ở thế gian làm việc công đức cầu siêu cho họ, thì

ngạ qui sanh lên làm người, hoặc sanh hóa lên cảnh Thiên, cảnh Tiên (Thiên).

Sở dĩ ta hiểu và tin là có ngạ qui vì qua tuệ nhãn của Đức Phật, Ngài đã chỉ rõ 6 cảnh giới trong cõi trần (Trời, Người, A Tu La, Địa ngục, Ngạ qui và Súc sanh) cũng như Đức Phật đã giới thiệu cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà vậy. Dù rằng ta chưa đến đó được; nhưng ta vẫn tin rằng có thể giới ấy.

Hỏi 50 : Cầu siêu cho người chết nếu ta không biết ngày tháng năm mất thì họ có được công phúc gì không ?

Đáp : Đạo Phật quan niệm rằng : Chết không phải là hết, mà chết là bắt đầu lại một kiếp sống khác. Kiếp sống tương lai ấy xấu hay tốt đều lệ thuộc vào cái nhân quả quá khứ đã gây ra. Khi người thân chết, trong gia đình thường hay làm lễ cầu nguyện cho hương linh ấy siêu thoát về cảnh giới cao hơn loài người nên gọi là cầu siêu. Ý nói mong cầu cho tâm thức của người ấy sớm hóa sanh về cảnh giới của Đức Phật A Di Đà.

Sức và lực của người cầu nguyện cũng giống như một trợ lực cho thân hồn. Nên việc cầu nguyện rất cần thiết, giống như người già cần phải có cây gậy để chống đỡ, nương tựa; nếu không sẽ bị té. Cũng như vậy; nếu không góp được lời cầu nguyện, người chết sẽ dễ bị đọa lạc nơi cõi trầm luân hơn.

Đầu cho không biết ngày tháng năm của người mất; nhưng ta cũng có thể cầu nguyện chung vào ngày lễ Vu Lan báo hiếu, nhân ngày rằm tháng bảy, ngày xá tội vong nhân. Phước ấy không nhỏ. Người sống tạo công

đức, bố thí, cúng dường, cầu nguyện ... Người chết sẽ mừng nhờ việc thiện đó mà được phước đức lợi lạc, sanh lên cõi trên.

Hỏi 51 : Nhưng tờ báo Viên Giác sau khi đọc rồi thì phải làm gì? Có thể đốt được không? Vì trước báo thường thấy những hình Phật. Hoặc làm như thế nào ?

Đáp : Có nhiều độc giả rất cần có Viên Giác cho đủ bộ, đóng thành từng tập để xem, hoặc để lưu trữ trong tủ việp của gia đình. Vậy nếu bạn sau khi đọc xong, cảm thấy không dùng đến nữa, thì có thể gởi lại về chùa để chùa gởi cho những vị cần đến. Hoặc bạn cũng có thể chuyển đến những bạn bè của bạn. Đó là hình thức "bố thí pháp" đầy bạn ạ.

Hiện nay Viên Giác ra mỗi lần 2.600 số mà không đủ phát. Mỗi số có kê trung bình về tiền vốn và tiền tem gởi đến bạn là 2,00 DM. Tính chung mỗi kỳ là 5.200 DM. Một năm 6 số, tổng cộng bao nhiêu, bạn có thể làm tính nhân là bạn biết. Đó là không kể một đồng tiền công thuê lương được. Vì tất cả những người ở chùa, đều làm công quả cả và nhờ có nhà máy in tại chùa; nên mới được rẻ vậy. Cho nên đừng đốt uống lăm. Nên để dành. Dầu bạn có ý trọng Phật đây. Nhưng đốt không phải là cách hay nhất, mà cách tốt hơn là bạn nên hiểu và kiên định được giáo lý của Phật Đà ra. Công đức đó mới nhiều bạn ạ.

Hỏi 52 : Trước khi thỉnh hình hoặc tượng Phật tại sao ta phải nhờ các Thầy tụng kinh ?

Đáp : Thông thường, sau khi bạn xây xong một ngôi nhà mới, bạn thường mời bạn bè đến ăn lễ tân gia. Sau khi một ngôi chùa, một ngôi đình làm xong, thường hay có lễ khánh thành, an vị Phật. Làm như vậy để làm gì? -Để chúng ta trình thưa với mọi người (kể cả những người khuất mặt), kể từ nay tôi sẽ đến ở đây, tôi sẽ có mặt kể từ ngày hôm nay v. v. . .

Việc tụng kinh, làm lễ khánh quang điểm nhấn tượng Phật nó cũng giống như vậy. Tụng kinh là cầu nguyện cho chính mình được thanh tịnh. Làm lễ một tượng Phật mới, có nghĩa rằng kể từ ngày này, con sẽ

lễ bái Ngài, dâng hương, lễ vật lên Ngài. Nên thường thường quý Thầy hay tụng kinh cho những lễ như vậy ở tại chùa, hoặc tại tư gia.

Hỏi 53 :

Phật A Di Đà và Di Lạc là một Ông Phật hay 2. Xin cảm ơn Tâm Như.

Đáp :

Tiếng Việt Nam mình xem vậy chứ hay lắm đó. Bàn bẻ với nhau thì kêu tên, lớn hơn mình thì gọi bằng anh chị, ông, bà, cô, dì, chú, bác, thím v.v...

Như thưa trình lên ai thì gọi là : kính thưa, kính gọi. Vua chúa thì phải gọi là bệ hạ; mà người trình thưa gọi là hạ thân. Còn Phật? - Chắc chắn không phải là "Ông" Phật hoặc "bà" Phật, mà phải gọi là "Ngài" hoặc "Đức" mới đúng lễ nghi. Vì sao vậy? Vì Phật là "Thiên nhân chi đạo sư" - Thầy của Trời và người. Vậy chúng ta nên gọi là "Đức Phật", chứ không nên gọi là "Ông Phật".

Phật A Di Đà chắc chắn không phải là Phật Di Lạc. Vì Phật A Di Đà là Phật sẽ hạ sanh trong tương lai. Đó là đúng về hình tướng mà nói. Nhưng nếu đúng về vô tướng như triết thuyết của kinh Kim Cương thì bản tánh của chư Phật đều một thể - nên cũng có thể nói rằng, không giống mà cũng không không.

Vài lời đơn giản xin gửi đến bạn và quý độc giả của Viên Giác. Xin hẹn gặp lại quý bạn trong Viên Giác số tới.

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

• bản dịch của Quảng Độ

THOÁT VÒNG TỤC LỤY

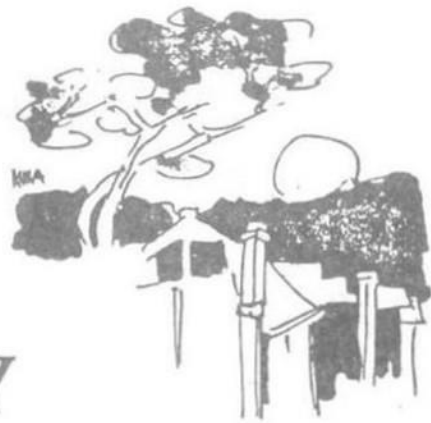
(Tiếp theo)

Một hôm, Ngọc Lâm Quốc Sư đang ngồi tham thiền trong tịnh thất tại cung Tây Uyển, bỗng ngài thấy lòng nao nao động loạn, ngài không thể nào trấn tĩnh được, có lẽ việc gì rủi ro đã xảy ra? Ngài đứng dậy đi ra cửa cung, mà đi là đi, chứ ngài cũng không biết là mình đi đâu. Một lúc sau ngài đến bờ sông, bên bờ sông có chiếc thuyền nhỏ, trên thuyền một ông già đầu tóc bạc phơ đang dờ tay với ngài, lòng thúc dục ngài cứ xăm xăm bước tới, cũng chẳng tưởng về cáo biệt Hoàng Đế, và cũng như hơn mười năm trước, ngài chẳng mang gì theo, chỉ cầm có chiếc quạt ngà trên có mấy chữ "Như Trám thân lâm" mà nhà vua đã dâng cúng ngài, ngài lại yên lặng ra đi.

Lên thuyền rồi, ngài đang định hỏi chuyện ông già, bỗng trời nổi gió, mây đen từ bốn phía kéo tới ùn ùn, phong ba bão táp, một con thuyền nan quay cuồng giữa giòng nước bắc, ông già chú hết tâm lực vào việc chèo lái, không còn thì giờ để nói chuyện với Ngọc Lâm Quốc Sư. Trong tình trạng nguy nan ấy, Ngọc Lâm Quốc Sư chỉ còn có cách cầu nguyện Bồ Tát Quan Âm che chở cho được thoát nạn, điều đó không có nghĩa là ngài sợ nguy hiểm hoặc chết chóc thực ra ngài không ngờ thấy ông già tuổi tác chết một cách oan uổng !!!

Quái lạ ! Ông già cứ yên lặng, Ngọc Lâm Quốc Sư bất giác cũng hoài nghi, ông già vừa chèo thuyền, vừa đưa tay chỉ vào môn, rồi lại xoa xoa tay, tỏ ý muốn nói với Quốc Sư ông là người câm, lúc đó Ngọc Lâm Quốc Sư mới biết tại sao ông già cứ yên lặng.

Ngọc Lâm Quốc Sư xuống thuyền vào lúc hoàng hôn, và hiện giờ là



màn đêm đã bao trùm cả vạn vật. Ngài ra đi vốn không có mục đích là đi đâu, mà chiếc thuyền lênh đênh trên sông, trôi theo chiều gió tựa hồ cũng không có bến bờ. Gió táp đã đưa con thuyền đi như một vì lưu tinh, trong khoảng một đêm đã băng qua mấy nghìn dặm và đến một nơi xa lạ nào.

Ngọc Lâm Quốc Sư trả công ông già mấy lượng bạc, nhưng ông lắc đầu và lại trao cho Quốc Sư một bao giấy, đưa ngài lên bờ, chấp tay vái chào rồi chèo thuyền ra đi.

Ngọc Lâm Quốc Sư quay lại để cảm tạ ông già, thì lúc ấy, con thuyền đã lướt theo giòng nước êm đềm, không bao lâu, hình bóng ông già đã mờ dần trong khói sóng.

Chờ cho bóng ông già khuất hẳn, lúc đó Ngọc Lâm Quốc Sư mới bóc bao giấy ra xem, trong bao ngài chỉ thấy có một mẫu giấy nhỏ, trên viết mấy hàng chữ nguệch ngoạc như sau : "Ngọc Lâm nhờ tôi đến, chùa Quy Nguyên ở Hồ Bắc có việc, về Thiên Hoa Am một lần, Hồ Pháp Vi Đà đang đợi ngài".

Xem xong, Ngọc Lâm Quốc Sư biết ngay là sư huynh Ngọc Lâm sai người đến, nhưng ngài không hiểu hết ý nghĩa trong mấy hàng chữ nói trên, câu thứ nhất, ngài cho rằng ông già đó phải là bạn thân của sư huynh, nên sư huynh mới nhờ đưa thuyền đến đón ngài; câu thứ hai "Chùa Quy Nguyên ở Hồ Bắc có việc" là việc gì? Còn câu thứ ba thì rõ ràng rồi, nghĩa là sư huynh muốn ngài thăm Giác Chứng ở Thiên Hoa Am một lần.

Song lúc ấy Ngọc Lâm Quốc Sư không muốn bần khoản về ý nghĩa khúc mắc trong câu nói, ngài chỉ muốn tìm một người để hỏi đường xem

đây thuộc về địa phương nào.

Sau khi hỏi thăm thì ngài được biết nơi ấy thuộc địa phận Hồ Bắc, không cần suy nghĩ, ngài tìm ngay đền chùa Quy Nguyên xem việc gì đã xảy ra, nếu không, ngài không thể yên tâm, và lại, trong khoảng một đêm ông già đã đi mấy nghìn dặm và lại áp thuyền cho ngài lên đúng nơi đây, thật là một việc kỳ lạ !

Khi gần đến chùa Quy Nguyên, Ngọc Lâm Quốc Sư nhận thì đó là một ngôi chùa đồ sộ, nguy nga và coi rất có qui mô, thảo nào cứ nghe người đồn Quy Nguyên là một tòa chùa danh tiếng. Nhưng khi vào bên cửa Tam Quan, ngài thấy cảnh tượng thật là hoang tàn. Trước hết ngài vào Chính Điện lễ Phật, rồi ngài định tìm một vị sư để hỏi chuyện, nhưng tìm khắp nơi trong chùa không thấy vị sư nào cả. Đang lúc hoang mang thì ngài thấy một vị sư già yếu đang ngồi than vãn trong góc một bức tường đổ, ngài liền đến vái chào rồi hỏi thăm :

- Bạch Trưởng lão, tại sao trong chùa này không có tăng chúng ?

Vị sư già nhìn Ngọc Lâm Quốc Sư một chặp, bỗng một tiếng tắc dài nào nuốt, rồi nói qua một giọng rất đau thương :

- Đại Đức chắc từ xa mới đến nên không biết nỗi khổ của chúng tôi, Đạo cao một thước, ma cao mười trượng, đây là cái nạn của Phật giáo; ai bảo là chùa Quy Nguyên không có tăng chúng ? Tăng chúng chùa Quy Nguyên đã bị ma lực đuổi đi rồi.

- Xin hỏi Trưởng lão việc gì đã xảy ra ở đây ?

- Chao ôi ! - vị sư già lại thở dài - Bạch Đại Đức, ngài vẫn chưa biết ngày mai này Mã Tuân phủ Hồ Bắc sẽ đến phá hủy chùa Quy Nguyên để xây lại thành ngôi Không Miếu à ? Tăng chúng trong chùa đều đi hết rồi, còn có mình tôi già yếu, ở lại đợi ngày mai, khi Mã đại nhân đến phá chùa sẽ đem cái thân già này liều chết với ông ta !

Nghe xong, Ngọc Lâm Quốc Sư kinh hoàng, vị sư già nói đến Mã Tuân phủ Hồ Bắc, có phải Tiểu Mã chăng ? Ngọc Lâm Quốc Sư đã giúp đỡ cho bao nhiêu người công thành, danh toại, nhưng ngài không nhớ những việc đó nữa, hiện giờ nghe vị trưởng lão nói đến Mã Tuân phủ Hồ Bắc, ngài mới sực nhớ đến Tiểu Mã.

Nhưng Ngọc Lâm Quốc Sư muốn hỏi lại cho chắc chắn :

- Bạch Trưởng lão, Mã đại nhân là người thế nào ?

- Ai chà ! Nghe đầu cái ông muốn

xưởng địa ngục ấy đã từng là thi giả của Ngọc Lâm Quốc Sư mà Ngọc Lâm Quốc Sư cũng muốn xuống địa ngục nốt, nếu không, tại sao ngài lại đi giúp đỡ tên đại ma vương ấy, tâu Hoàng Thượng cho nó làm Tuân phủ đại nhân. Tôi già rồi, rất tiếc không còn được gặp Ngọc Lâm Quốc Sư chứ nếu được gặp tôi cũng liều sống chết với ngài một phen, ngài có quyền thế, tôi đây chẳng có chi hết nhưng tôi có thể lên được Phật đài tổ cáo ngài !

Giọng vị Trưởng lão chìm trong tiếng nức, khiến người nghe phải cảm động.

Ngọc Lâm Quốc Sư thấy xấu hổ, ngài rất xúc động trước tấm lòng nhiệt thành vì đạo của vị Trưởng lão những lời trách ngài không sai, lẽ ra ngài không nên giúp cho một kẻ vô ân bạc nghĩa làm quan, nhất là chức quan to như thế !

Ngọc Lâm Quốc Sư chỉ biết đem tâm tình ẩn nấp nói với vị Trưởng lão :

- Bạch Trưởng lão ! Người nói thật đúng, Ngọc Lâm và Mã Tuân phủ đều là những người không tốt nên mới khiến Phật giáo ở nơi này gặp nạn, nhưng xin người đừng lo, tôi sẽ có cách làm cho Mã Tuân phủ không dám đến phá chùa Quy Nguyên.

- Đại Đức có cách? Đừng nói chơi Hòa thượng trụ trì và các thân sĩ địa phương đã dùng hết cách rồi, nhưng cũng vô hiệu, nghe đầu ngày mai Mã Tuân phủ đích thân đem quân sĩ đến phá chùa !

- Không sao, tôi không những cấm Mã Tuân phủ không được phá, mà còn bắt phải sửa sang lại chùa khác. Nhưng phải nhờ Trưởng lão giúp tôi một việc mới xong.

- Sao Đại Đức nói cứng thế? Ngài muốn tôi làm việc gì? Nếu bảo tôi được ngôi Tam Bảo này thì dù có phải làm trâu, làm ngựa tôi cũng vui lòng !

- Cứ xin Trưởng lão đi tìm ngay mấy người làm đến đây, cất một cái chòi cao giữa sân chùa để tôi ngồi trên ấy, rồi bên ngoài viết mấy chữ "Quốc Sư ở đây" thật to, thì dù Mã Tuân phủ có cả gan đến mấy chăng nữa cũng không dám đụng đến một viên gạch ở chùa Quy Nguyên này.

- Ngài, ngài... là Ngọc Lâm Quốc Sư ?

Vị Trưởng lão rất dỗi ngạc nhiên và cũng rất hối hận những lời người vừa nói lúc nãy.

- Bạch Trưởng lão, đó chỉ là hư danh thôi, không đáng quan tâm, vì bảo vệ Phật pháp nên tôi không thể

đừng được, mới phải nêu cái hư danh ấy lên !

Phong độ đạo mạo và khiêm tốn của Ngọc Lâm Quốc Sư đã làm cho vị Trưởng lão kính phục, vì sư già vui mừng và lập tức đi mời người đến cất chòi, người sung sướng như đã được trông thấy Phật vậy.

Hôm sau, khi chòi được cất xong Ngọc Lâm Quốc Sư lên ngồi để chờ Mã Tuân phủ đến, không lâu, quả nhiên ngài thấy một đoàn chùng hơn một nghìn quân sĩ đang từ xa tiến đến. Mã Tuân phủ ngồi trong một cái xe có tám người kéo.

Gần đến chùa Quy Nguyên, Mã Tuân phủ đã thấy chiếc chòi cao lừng lừng trước chùa, lòng ông ta tự nghĩ hôm nay sẽ phá cho bằng hết, ai còn cất chòi lên làm gì thế kia ? Đến nơi, ông ta bèn dừng xe lại, bước xuống và vừa đưa mắt nhìn lên chòi, ông ta thấy dung tóc gáy và mồ hôi toát ra đầy mình. Ngọc Lâm Quốc Sư đang ngồi trên chòi, phía ngoài có mấy chữ "Quốc Sư ở đây", Mã Tuân phủ vội nấp phục xuống đất, hơn một nghìn quân sĩ đứng há hốc miệng, vị Trưởng lão thấy thế, nói lớn :

- Quốc Sư ở đây sao các người không quỳ xuống để bái kiến ?

Nghe xong, quân sĩ vội vàng quỳ cả xuống, cảnh tượng lúc ấy trông như một triều đình có văn, võ bá quan triều phục !

Ngọc Lâm Quốc Sư bảo Mã Tuân phủ :

- Tiểu Mã ! Ngẩng đầu lên ?

- Quốc Sư ở trên, tiểu nhân: không dám ngẩng đầu ?

- Người là kẻ vô ân bạc nghĩa, không trong chữ tín, ta nói với người những gì, người còn nhớ không?

- Xin Quốc Sư rủ lòng thương, tiểu nhân vẫn còn nhớ !

- Vẫn còn nhớ? Thế hôm nay người đem quân sĩ đến đây làm gì ?

- Đó là ... tội đáng chết của tiểu nhân xin cúi đầu, mong Quốc Sư mở lượng từ bi, tiểu nhân không dám có ý nghĩ phá chùa nữa, và từ nay trở đi xin nhiệt thành ủng hộ Phật pháp, nếu không xin chịu tội chết !

Mã Tuân phủ dập đầu xuống sân gạch, Ngọc Lâm Quốc Sư thấy con người đáng ghét mà cũng đáng thương đối với kẻ phản phúc không thể không dạy răn, bởi vậy, ngài nói với Tiểu Mã :

- Tiểu Mã, ta hẹn cho người trong vòng nửa tháng, người phải sửa sang lại ngôi chùa này, trang

hoàn các tướng Phật, mà phải tôn người phải chịu hoàn toàn, không được trích của công, người có chịu không ?

- Đa. Tiểu nhân xin chịu trách nhiệm hoàn toàn, tạ ơn Quốc Sư !

- Tha cho ngươi lần đầu, lần sau mà còn hành động phá hoại Phật pháp nhất định ta sẽ trị tội, thôi, cho đây !

Tiểu Mã đứng dậy, rồi như mèo mất tai, cấn đầu kéo quần rút lui.

Buổi chiều hôm ấy Mã Tuấn phủ qua thợ nề, thợ sơn đến chùa Quy Nguyên, lúc này ông ta không còn dám hồng hách. Vì Trưởng lão thấy thế, rất sung sướng và cảm động, tuy tuổi già của người họ Ngọc Lâm Quốc Sư nhiều, song người mặc cả sa ra làm lễ cảm tạ Quốc Sư, Quốc Sư từ chối, và ngài cũng luôn tay vái vị Trưởng lão.

CHƯƠNG 20

SAU khi từ giả vị Trưởng Lão ở chùa Quy Nguyên, Ngọc Lâm Quốc Sư, như hạc nội mây ngàn, lại đặt chân lên đường muôn dặm. Hai năm trước, lúc Hòa thượng Thiên Ân viên tịch, ngài đã trở về chùa Sùng Ân một lần, núi Chính Giác ngài vẫn nhớ, Thiên Hoa Am cũng không thể hoàn toàn lãng quên. Hình ảnh sư huynh Ngọc Lâm và ni cô Giác Chúng thường lớn vờn trong đầu óc ngài. Nhưng ngài chỉ nghĩ thế thôi, chứ không có ý định đến gặp họ, người đã được độ rồi thì cần gì ngài phải đến ? Cõi đời còn biết bao nhiêu người đau khổ, cô đơn, không người giúp đỡ, không ai an ủi, cho nên, ông cụ già chèo thuyền báo ngài đến thăm Thiên Hoa Am, ngài thấy không cần thiết.

Rời chùa Quy Nguyên, Ngọc Lâm Quốc Sư đi đến chùa Giang Thiên ở Kim Sơn, ngài đầu tiên tuổi và ở lại đây tham thiền ít lâu, và cũng chính ở đây, ngài đã liễu ngộ thiên cơ. Năm ấy Ngọc Lâm Quốc Sư đã 63 tuổi, sau khi liễu ngộ, ngài thấy trên bước đường tu hành không còn gì có thể trở ngại, ngài liền chu du các nơi tùy duyên hóa độ chúng sinh.

Ngài cứu giúp không biết bao nhiêu người thoát khỏi khổ nạn, ngài khuyến khích tăng đồ đi vân du tham học để hỏi Đạo; mỗi khi gặp thiên tai, ngài tổ chức các cuộc cứu tế, ngài qua cả Nam Dương để có đồng phong trào truyền bá Phật giáo có tính cách quốc tế, khi ở Nam

Mùa Xuân

Mùa Xuân vừa trở lại
Hoa cỏ lên đời chơi
Tơ trời mây khoác áo
Nắng mới sóng dây vui.

Mùa Xuân vừa trở lại
Thiếu nữ chải tóc dài
Hôn thơ vừa mở ngõ
Thanh thoát giọt sương mai.

Mùa Xuân vừa trở lại
Đất trời bông gặp nhau
Chào nhau mà chẳng nói
Bây giờ lần mai sau.

Mùa Xuân vừa trở lại
Chẳng thấy một lời thêm
Mà đất trời rang rở
Hoa trắng nở bên thêm.

■ LÊ THI BẠCH NGA
(Canada)



Dương về, ngài đem theo một cây Bồ Đề nhỏ và hiền giác vẫn còn um tùm xanh tốt tại chùa Sùng Ân.

Trong những năm Ngọc Lâm Quốc Sư đi chu du hành hóa, ngài nghe nói, ở Thiên Hoa Am, Giác Chúng và các sư ni cũng thường mở hội giảng kinh, thuyết pháp, nhất là hàng năm cứ đến mùa đông giá rét, Giác Chúng lại mua gạo và quần áo phát cho những người nghèo khổ, điều đó làm cho Ngọc Lâm Quốc Sư hoan hỷ vô cùng. Núi Chính Giác đã trở thành một Đại Tùng Lâm, có hàng trăm tăng chúng.

Thế sự vô thường, đời người như mộng, cái thân hình đẹp để tuấn tú của Ngọc Lâm Quốc Sư rồi cuộc cũng suy tàn, già yếu, mấy năm sau này, trông ngài như một vị lão đầu già, một chiếc gậy, một gói cà sa, lang thang đây đó, không còn ai nhận ra ngài là Ngọc Lâm Quốc Sư.

Một hôm ngài đến Giang Tô thì thấy trong mình mỗi một, cây già chắc phải cõi, ngài đã biết trong mình. Do đó ngài lưu lại ở chùa Pháp Vương. Pháp Vương là một cảnh chùa đã suy đồi, ngài thấy rất thương tâm, ngài bèn quyết định đem tấm thân tàn để trùng tu lại chùa Pháp Vương mong gây chút Pháp duyên cuối cùng.

Ngọc Lâm Quốc Sư liền nói với thầy tri khách trong chùa :

- Bạch thầy tri khách : Lão tăng xin tá túc mấy ngày.

Thầy tri khách hỏi :

- Lão tăng ở đâu đến và sẽ đi đâu ?

- Từ chỗ không đến mà đến, và sẽ đi đến chỗ không đi !

- Không cần dùng thuyền ngựa thầy tri khách nói - Chùa chúng tôi nhỏ, không có thiên thất để tiếp lão tăng.

Ngọc Lâm Quốc Sư đổi giọng nói :
- Tôi đau, xin cho nghỉ ở đây ít bữa !

- Lão tăng tuổi tác quá thể này, ngộ có mệnh hệ nào, bạn tự lo liệu làm sao ?

- Xin đừng lo. tôi có một chiếc quạt và hai phong thư, không những không phiền lụy đến quý tự, mà nơi Đạo Tràng này chắc chắn cũng nhờ đó mà được chấn hưng.

Thầy tri khách bán tẩn bán nghi nhưng là người đồng đạo, không thể từ chối, cho nên thầy phải nhận lời của Ngọc Lâm Quốc Sư.

Chưa được mấy hôm thì Ngọc Lâm Quốc Sư đã viên tịch! Ngài ngồi xếp bằng trên giường, tuy đã viên tịch, nhưng trông như người đang tham thiền.

Vị thầy Ngọc Lâm Quốc Sư viên tịch một cách bất ngờ, chúng tăng trong chùa đều hoảng sợ, thấy tri khách vội tìm chiếc quạt và hai phong thư đi chúc của ngài. Hai phong thư đó, một gửi cho sư huynh Ngọc Lam trên núi Chính Giác, một gửi cho Giác Chúng ở Thiên Hoa Am. Giác Chúng và Ngọc Lam là những người thế nào? Trong chùa Pháp Vương không ai biết cả, khi dỡ chiếc quạt ra coi thì thấy bốn chữ "NHƯ TRÂM THÂN LÂM" và dưới mấy chữ có đóng con dấu bằng ngọc mang tên Thuận Trị Hoàng Đế.

- Ài chà! Đây là ai? Thuận Trị Hoàng Đế đã băng hà rồi, có lẽ vị khách tăng này là Ngọc Lâm Quốc Sư? Thầy tri khách kinh ngạc hỏi vị trụ trì và giám viên.

Vị trụ trì cầm lấy chiếc quạt xem, rồi nói :

- Nếu ngài là Quốc Sư thì chúng ta không thể mở được hai phong thư đi chúc này, chúng ta đâu được phép động đến vật của Quốc Sư.

Vị trụ trì quyết định :

- Trên chiếc quạt của ngài đã có mấy chữ "Như Trâm thân Lâm", chúng ta không thể để ở đây được, phải đưa trình quan huyện địa phương, một mặt cho người cầm hai phong thư này tìm đến núi Chính Giác và Thiên Hoa Am để trao tận tay cho người nhận.

- Bạch Hòa thượng - Thầy tri khách nói với vị trụ trì - Ngài thường nói là hai phong thư và chiếc quạt này có thể giúp chúng ta trùng tu lại ngôi Đạo Tràng này !

- Ngài nói thế há? Nếu thật là một vị Quốc Sư mà viên tịch ở cạnh chùa nhỏ bé này, điều đó là một vinh dự lớn cho chúng ta, ngài viên tịch mà còn làm lợi ích cho Đạo, thật là một vị Quốc Sư đáng kính !

Vị trụ trì vừa nói vừa đưa đôi mắt cung kính nhìn di hài của Ngọc Lâm Quốc Sư. Nhưng vị giám viên thì cảm thấy xấu hổ và trong lòng ân hận vô cùng :

- Xấu hổ! Trong khi ngài đau yếu chúng ta để không săn sóc đến nơi đến chốn !

Thầy tri khách nói về bệnh trạng của ngài :

- Tôi thấy như ngài đã biết trước ngày giờ viên tịch. Ngài chẳng đau ốm gì cả, vì quá già yếu nên trông chỉ có vẻ mỏi mệt mà thôi.

Khi quan huyện Hoài An thuộc Giang Tô biết tin Ngọc Lâm Quốc Sư đã viên tịch ở huyện mình tức khắc

đưa hươu án đến để tiết rước chiếc quạt "Như Trâm thân Lâm", rồi báo về triều đình. Không bao lâu thì tiếp được Thánh chỉ của Hoàng Đế Khang Hy, ra lệnh làm lễ Quốc Tăng, lại phái đại thần trong triều về chủ toạ lễ Quốc Tăng, và trùng tu chùa Pháp Vương, xây tháp kỷ niệm Ngọc Lâm Quốc Sư.

Ngọc Lâm Quốc Sư để lại hai phong thư cho Ngọc Lam và Giác Chúng, trong thư nói gì, điều đó không ai biết, người ta chỉ biết

hôm làm lễ hỏa táng, Ngọc Lam, Giác Chúng, Giác Đạo và Đạo Hoảng (Pháp danh của Thúy Hồng sau khi đã xuất gia) đều có mặt trong số năm vị người đến cử hành lễ hỏa táng. Hình hài của Ngọc Lâm Quốc Sư tan theo ngọn lửa trả tỳ bốc lên, nhưng tâm lòng vì Đạo và thường người của ngài vẫn còn trong hai phong thư đi chúc tồn tại với núi sông !

HẾT



Cuộc Đời của Người Tăng Sĩ

THÍCH BẢO LẠC
THÍCH NHƯ ĐIỀN

(Tiếp theo)

Thánh Kinh của Thiên Chúa Giáo chỉ có hai quyển là Cựu Ước và Tân Ước và đó không chỉ là lời của Chúa thôi mà là lời của mọi thành phần xã hội lúc bấy giờ. Còn Tam tạng Kinh Điển của Phật Giáo, riêng phần Kinh thì toàn là lời Đức Phật; phần Luật cũng vậy. Chỉ có phần Luận mới là của những vị đệ tử của Ngài. Tổng cộng một trăm quyển, mỗi quyển khoảng hai ngàn năm trăm trang.

Hồng Danh Sám Hối là danh hiệu của các vị Phật trong hiện tại, quá khứ và tương lai. Lấy một vị Phật để sám hối tội lỗi đã gây ra từ trong vô thì kiếp cho đến ngày nay

và để sám hối tội lỗi của chính mình.

Mông Sơn Thích Thực hay còn gọi là thí thực cô hồn, nghĩa là cho những hồn đơn độc không nơi nương tựa ăn uống. Phần kinh này có khá nhiều chú. Kinh nói rằng những cô hồn ngã quỷ vì tham lam bùn xình nên cô băng cây kim mà bụng thì như bụng voi, khi ăn uống cần phải tọng thân chú để hóa những thức ăn thành nước chúng mới nuốt được. Những người chết không có ai thờ tự cúng quảy gọi là cô hồn. Những cô hồn này không có nơi nương tựa nên phải về chùa để nghe kinh và để thọ thực, vì thế chùa nào cũng có cúng cô hồn hàng ngày hoặc trong những dịp lễ lớn.

Nghi thức Tịnh Độ thì tụng kinh Di Đà và thêm một vài bài kệ tán như các bài Quy Mạng, Khê Thủ, Đệ Tử Chúng Con Tử Vô Thi. Ai đã thuộc lòng kinh Di Đà trong thời khóa buổi chiều rồi thì lễ Tịnh Độ tương đối khỏe hơn.

Nghi thức cúng Ngọ đơn giản hơn chỉ chừng mười trang sách, học trong mười ngày đến một tháng có thể thuộc lòng. Cúng Ngọ tức là cúng cơm Phật. Luật có dạy rằng các vị Trời thường hay ăn buổi sáng, các vị Phật thường hay dùng Ngọ trai, súc sanh naga quý thường hay ăn ban chiều và tối. Vì thế cúng Ngọ là cúng hầu Phật. Tụng Lăng Nghiêm buổi sáng là để đánh thức chư Thiên, cảnh tỉnh loài người. Tụng kinh buổi chiều là để bố thí cho cô hồn naga quý và tụng kinh buổi tối là để siêu độ cho tất cả sinh linh đang nổi trôi trong vòng luân hồi sinh tử.

Sau khi học bốn thời công phu thuộc lòng xong, vị Tăng sĩ đó phải học hai quyển Luật là Tỳ Ni, Sa Di và Quy Sơn Cảnh Sách cho thuộc lòng. Luật là những điều Phật răn cấm các đệ tử của Ngài. Luật là giềng mối của Đạo. Giữ Luật đúng đắn thì Đạo phát triển, nếu không thì sẽ băng hoại theo thời gian. Đức Phật đã dạy: "Sư tử trùng thực sư tử nhục". Chỉ có vị trùng của sư tử mới ăn sư tử được thôi. Đối với Giáo Pháp cũng thế, Ngài không lo ngại ai ở ngoài có thể phá hoại Đạo mà chỉ lo chính những đệ tử của Ngài phá Đạo thôi. Phá Đạo là phá giới luật, là không thực hành giới luật theo chân tinh thần của Đạo.

Người ta có thể tự học kinh, học luật một mình hoặc học chung, học thì đua cùng lúa và cùng thời điểm. Chùa sẽ cử một vị Sa Di lớp trước, đã thọ giới đứng ra kiểm soát việc học của các chú tiểu. Người nào học hành siêng năng tinh tấn thì sẽ được tán dương, người nào nghịch ngợm lười biếng không thuộc bài đúng kỳ hạn thì sẽ bị phạt quỳ trong thời gian từ một đến ba cây hương để sám hối. Hình phạt ở chùa ít có tính cách bắt buộc nhưng cũng không phải để dằn hơi hợm được. Luật nhà chùa buộc người Tăng sĩ phải tự mình nhận lỗi của mình hơn là để cho người khác kết án rồi mới nhận.

Hai quyển luật nói trên dày khoảng trăm trang, học chừng năm tháng đến một năm. Chú tiểu nào thông minh, cầu tiến và có ý chí tu

hành thì tất cả những kinh và luật trên chỉ cần hai hay ba năm là thuộc hết. Nhưng thuộc kinh, luật hết cũng chưa đủ. Lúc bấy giờ vị thầy bổn sư sẽ dò xét tính nết, coi nghi đi đứng năm ngời có được hay không rồi quyết định cho thọ giới Sa Di. Muốn được thọ giới còn phải qua cuộc sát hạch. Việc nạp đơn dự thi xảy ra trước một tháng hay một tuần trước lễ thọ giới. Trước khi thọ giới, vị tân Sa Di sẽ được may một chiếc y vàng hai mảnh, một tọa cụ, một dây lọc nước và những dụng cụ cần thiết cho mình. Hội đồng khảo hạch gồm quý Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức đây giới đức và đạo hạnh phụ trách. Thí Tăng phải trải qua ba cuộc sát hạch tại ba phòng khác nhau: phòng thứ nhất khảo kinh, phòng thứ hai khảo luật và phòng thứ ba khảo về luận. Nếu một trong ba phần trên bị thiếu điểm thì coi như rớt và chờ năm khác thi lại. Người đầu đầu gọi là Thủ Sa Di đầu thứ nhì gọi là Dĩ Sa Di. Sau khi đầu lý thuyết, tối hôm đó những người trúng tuyển phải lạy Hồng Danh, Sám Hối 108 lần để chuẩn bị ngày mai làm lễ thọ giới. Lễ thọ giới hay lễ giới đàn. Chúng minh giới đàn gồm có 10 vị gọi là Tam Sư Thất Chứng. Ba vị sư tối cao gọi là Đản Đầu Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, bảy vị bên dưới là những Tôn Chứng Sĩ. Ngoài ra còn có hai vị Điền Lễ để chỉ dẫn cho những vị tân Sa Di thực hành nghi thức thọ giới. Giới đàn Sa Di là giới đàn để trao 10 giới cho bên Tăng; bên Ni gọi là Sa Di Ni. Đại Giới Đản tức là giới đàn tổ chức chung cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Sa Di, Sa Di Ni, Bồ Tát giới, Ngũ giới. Thông thường cứ hai hay ba năm thì Đại Giới Đản được tổ chức một lần tại các tỉnh lớn. Giới đàn cho riêng Sa Di thôi thì thường mỗi năm được tổ chức một lần.

Sau thời gian ở chung với thầy bổn sư từ ba đến năm năm, nếu nhận thấy đệ tử mình đã chứng chắc vững vàng về nhiều phương diện thì thầy bổn sư sẽ gọi người đó vào trong một Phật Học Viện hay một Tổ Đình, nơi có nhiều Tăng chúng đang tu học với nhiều vị giảng sư theo một thời khóa biểu tương tự như trường học ngoài đời.

Chương trình học cũng khá nặng nhọc với nhiều trình độ khác nhau từ sơ đẳng, trung đẳng, cao đẳng đến đại học về Phật Giáo. Một Tăng sinh có thể học cả hai chương trình nội điển và ngoại điển. Nội điển là chương trình của Phật Học Viện hay

của Tổ Đình; ngoại điển là chương trình giáo dục ngoài đời từ Phổ Thông đến Đại Học. Tại Việt Nam ngày trước, chương trình học của tất cả mọi trường đều chia làm hai buổi sáng từ 8 đến 12 giờ, chiều từ 2 đến 6 giờ, có lẽ là theo ảnh hưởng của Pháp, lại nữa Việt Nam là xứ nhiệt đới, buổi trưa rất nóng, dù có ở lại học buổi trưa thì cũng chẳng được gì nhiều. Giờ nghỉ trưa có thể ngủ hoặc làm việc lật vạt trong chùa trong gia đình. Nhiều người ngoại quốc đến Á Châu lấy làm lạ vì đến trưa mọi sinh hoạt đều như ngừng đong cả và có người đã vui miệng bảo: Tại Á Châu, trong vòng 24 tiếng đồng hồ, có đến hai đêm tối; một đêm kéo dài từ 18 giờ chiều đến 6 giờ sáng hôm sau, một đêm khác bắt đầu từ 12 giờ trưa đến 14 giờ.

Nếu một Tăng sĩ quyết định học cả hai chương trình thì sẽ khá vất vả nhưng nếu ai có chí thì cũng thành công một cách dễ dàng. Chương trình sinh hoạt tại các Phật Học Viện được chia ra như sau:

Sáng :

| | |
|---------|----------------|
| 4.30 | thức dậy |
| 5.00 | tụng kinh |
| 6.00 | vệ sinh |
| 7.00 | điền tâm |
| 7.30 | đến trường |
| 8-12.00 | học tại trường |
| 12.30 | cơm trưa |
| 13.00 | chỉ tịnh |

Chiều :

| | |
|----------|--------------|
| 14-18.00 | học ở trường |
| 19.00 | cơm tối |
| 20.00 | Tịnh độ |
| 21-23.00 | giờ học bài |
| 23.00 | chỉ tịnh |

Thời khóa biểu này áp dụng triệt để cho người học hai chương trình. Có thể buổi sáng học trường đạo, buổi chiều học trường đời, hay ngược lại. Ai không kham nổi thì có thể học một chương trình thôi, và đạo vẫn là phần tiên quyết.

Thông thường tại những chùa nhỏ những chú tiểu phải đi công phu, bài sám mỗi ngày ít nhất là một hay hai thời công phu. Còn những chùa lớn thì vì có nhiều chư Tăng và vì chương trình học quá nặng nên việc công phu được chia ra từng chúng, từng tuần, luân phiên nhau mỗi chúng một tuần, do đó được có nhiều thời giờ để học tập hơn. Ngoài việc tụng kinh theo chúng trực, Tăng sinh còn phải gánh nước, bửa củi, nấu cơm, dọn cơm thay cho những chúng khác chùa đến phiên trực.

Đặc biệt hơn nữa, những Tăng

sinh nào sắp thi Tú Tài trường đạo lần trước đời thì sẽ được miễn tụng kinh bài sám trong ba tháng để học ôn bài vở.

Công việc thì nhiều, học hành cũng lắm, nhưng việc ăn uống thì trước sau vẫn đạm bạc nên có những Tăng sinh tuy tuổi còn trẻ nhưng tóc đã bạc, da thịt không được hồng hào khỏe mạnh. Một số ít xem ra chịu được cơm nhà chùa nên rất mập mạnh. Phần đông chẳng ai quan tâm đến vấn đề trên mặc dù sức khỏe là vàng và có quyết định rất nhiều trong đường tu hành của người Tăng sĩ. Các Phật Học Viện và Tổ Đình ở miền Trung khá cực khổ so với miền Nam. Ở Trung, Tăng sinh phải tự lực cánh sinh trong những ngày nghỉ, nhưng kết quả thu hoạch thì chẳng bao nhiêu vì đất đai không màu mỡ như ở miền Nam. Có nhiều Tăng sĩ chuyển từ Trung vào Nam và hòa hợp dễ dàng, nhưng có ít vị từ Nam ra Trung mà tu học được dễ dàng lâu dài. Đời sống đã khó khăn như thế mà kỷ luật Thiên môn lại rất nghiêm minh nên có ít vị Tăng từ Nam ra Trung là vì thế.

Mỗi tháng làm lễ sám hối và Bồ Tát hai lần vào 14 và 29 hay 30 âm lịch. Lễ sám hối được cử hành vào 8 giờ tối để lay hồng danh sám hối 108 lay như đã nói trên. Thông thường, trước lễ sám hối thì phải cạo đầu và tắm gội cho thân tâm thanh tịnh rồi mới được vào chánh điện. Lễ Bồ Tát tức lễ tụng giới diễn ra vào thời công phu khuya sáng ngày Rằm và Mồng Một. Trong lễ công phu này có thêm lễ lay danh hiệu Phật, chư vị Tổ Sư Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam cũng như lay tứ đại trọng ân là quốc gia, cha mẹ, thầy tổ, xã hội, còn gọi là lễ Chúc Tân hay lễ Thủ Ân. Tại sao một tháng hai lần người Tăng sĩ phải làm công việc ấy? Vì lẽ rằng muốn được tiên tu cho thân tâm thanh tịnh, giải thoát thì người Tăng sĩ phải rèn luyện chính mình, tập cho mình sống đời đạo hạnh, cao thượng hơn mọi mong hóa độ quần sanh một khi nhân lãnh nhiệm vụ trụ trì hay giảng sư một nơi nào đó. Mặt khác, người Tăng sĩ phải luôn luôn quan niệm rằng sống chết là vô thường đến lúc nào chẳng hay cho nên phải thường xuyên tinh tấn để chóng được giải thoát luân hồi sinh tử.

Lễ Bồ Tát hay lễ tụng giới được cử hành sau khi lễ chúc tân chấm dứt. Tất cả chư Tăng tập trung tại

chánh điện để tụng thuộc lòng các giới luật Đức Phật đã dạy. Người chưa thọ Sa Di thì chỉ tụng xong Ngũ Giới là lui ra, người chưa thọ Tỷ Kheo thì tụng xong Ngũ Giới và Sa Di giới rồi lui ra tuyệt đối không được ngồi nán lại nghe những giới mà mình chưa thọ. Bởi lẽ sợ người chưa thọ giới sẽ sinh tâm ngã mạn, tà kiến, khinh chê người phạm giới nếu họ biết đủ các giới, trong khi Luật của Phật dạy là để cho chính mình sửa mình chứ chẳng đợi ai thường phạt cả, người nào thực hành sai giới luật thì người đó bị đọa lạc vào biển trầm luân, không ai có quyền đọa đày người đó mà cũng chẳng ai có thể cứu người đó lên một thế giới cao hơn nếu chính người đó không khép mình vào khuôn khổ tu hành giới luật.

Ngoài ra, mỗi năm có ba tháng an cư kiết hạ, nghĩa là ở yên trong một chỗ để thực hành giới luật của Phật chế. Ngày xưa, Đức Phật còn tại thế, cứ mỗi năm Ngài đi giáo hóa khắp nơi chín tháng, ba tháng còn lại là mùa mưa mà cũng là mùa cơn trùng sinh nở sợ đi dẫm chết nhiều, mặt khác Ngài cũng muốn để tu niệm, thực hành chánh niệm, giới luật để những tháng khác tiếp tục hành đạo. Ba tháng mưa tại Ấn nhằm Tháng Tư đến Tháng Bảy âm lịch tại Việt Nam, nên mùa an cư kiết hạ của Việt Nam thường bắt đầu sau lễ Phật Đản và chấm dứt trước lễ Vu Lan. Có nhiều nơi còn an cư kiết đông, nhưng việc này thường chỉ dành cho những vị Tăng cao tuổi và có nhiều điều kiện hơn mà thôi, đối với Tăng sinh còn đi học thì rất bất tiện vì mùa đông vẫn còn học, còn thi cả trường đạo lẫn trường đời, do đó rất hiếm các Tăng sĩ an cư kiết đông.

Những vị đã thọ Tỷ kheo giới - 250 giới cho Tăng và 348 giới cho Ni - thì mỗi mùa an cư được một tuổi đạo. Từ Tỷ Kheo hay Đại Đức lên Thượng Toạ thì phải cần ít nhất 40 tuổi đời, 20 tuổi đạo; Thượng Toạ lên Hòa Thượng thì ít nhất phải 60 tuổi đời, 40 tuổi đạo. Năm nào không an cư là không có tuổi đạo.

An cư có nhiều cách. Có thể nhập chúng để an cư và mỗi chúng tối thiểu phải có bốn vị. Hoặc tâm niệm an cư tức không quá bốn vị Tỷ Kheo, không có phương tiện để nhập chúng an cư ba tháng mà phải du phương hóa độ hoặc vì một lý do bất khả

kháng nào đó không ở yên một chỗ được thì phải đến trước Tam Bảo làm lễ Tâm Niệm An Cư. Các thế thức an cư này cũng áp dụng cho Ni giới.

Một khi đã nhập chúng an cư rồi thì không thể rời khỏi vườn chùa vì bất cứ một lý do gì nếu không có phép của Tăng chúng. Các lý do bất khả kháng như Thầy Tổ viên tịch, cha mẹ qua đời, đau ốm... nhưng một khi trở lại thì cũng phải có lễ thưa bạch với chư Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức mới có thể vào tiếp tục an cư trở lại.

Thời khóa biểu an cư rất nghiêm túc và bắt buộc mọi người phải tuân theo, dù các vị đó là Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức hay các chú tiểu, chú đệ tử. Tiếng khánh báo thức vang động từ bốn giờ sáng. Mọi người thức dậy ngồi Thiền trong vòng ba mươi phút sau đó là vệ sinh để chuẩn bị công phu khuya. Khóa lễ bắt đầu lúc năm giờ, kéo dài cho đến sáu giờ. Khóa lễ gồm có tụng thân chú Thủ Lăng Nghiêm, đi nhiễu Phật ba vòng, lễ Phật, tụng các bài sám nguyện và hồi hướng. Sau khóa lễ, Tăng sinh phải đi chấp tác, kẻ tưới rau, người quét nhà, kẻ nấu cháo ăn sáng, kẻ lo nấu nước hầu Thầy... mỗi người một nhiệm vụ dưới sự kiểm soát của một trưởng ban. Ví dụ việc làm vườn thì có vị Trì Viên dẫn dắt những người thuộc chúng làm vườn. Tiếp khách thập phương thì có vị Trì Khách, tương đối lịch thiệp có khiêu ngoại giao, lo phân sư trong những ngày lễ lớn. Trì Khố là vị lo việc ăn uống cho Tăng chúng trong chùa hay Phật Học Viện, đây cũng là người lo vấn đề sức khỏe cho Tăng chúng nữa. Nhà kho của chùa thiếu hay đủ, nhiều hay ít, Trì Khố phải báo cho vị Trụ Trì biết. Hương Đăng là vị lo việc nhang đèn, quét dọn trên chánh điện. Thị Gia là vị có bốn phen hầu Thầy lúc Thầy ra đi, hoặc trước và sau các bữa ăn, giấc ngủ của Thầy. Trục Nhật là vị phụ trách dọn ăn cho Tăng chúng. Trì Chúng là vị lo tất cả mọi chuyện thiếu đủ cho Tăng chúng trong chùa. Trì Chúng dưới quyền Trì Sự nhưng lại trên tất cả các trưởng ban khác. Trì Sự là vị được xem như Phó trụ trì, thay cho Trụ Trì trong những lúc vị này không có mặt trong chùa. Các Phật Học Viện có trên trăm Tăng sinh thì phải có một ban giám đốc hùng hậu hơn.

Xem tiếp trang 30

Allgemeine Buddhalehre

Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

REZITATION DER BUDDHALEHRE (SUTRA) ÜBUNG DER MAGISCHEN FORMEL (DHĀRANĪ) ANRUFUNG (REZITATION) DER BUDDHA-NAMEN (BUDDHASNUSRITI)

A. Einführung:

Es reicht nicht aus, wenn die Buddhisten lediglich die DREI-JUWELEN (triratna) verehren, sich davor verbeugen und Ihnen Opfergaben darbringen. Sie sollen darüberhinaus dennoch die Sutren rezitieren, die Dhāranī (magische Formel) üben und die Anrufung (nusriti) der Buddhasnamen praktizieren.

B. Thematik:

I. Definition:

1. Rezitieren der Sutren,
2. Übung der Dhāranī,
3. Praxis der Buddhasnusriti

II. Die Gründe für die:

1. Rezitation der Sutren,
2. Übung der Dhāranī,
3. Praxis der Buddhasnusriti.

III. Regelmäßige Rezitation und Übung:

1. Sutren, welche regelmäßig rezitiert werden soll,
2. Dhāranī, welche regelmäßig geübt werden sollen,
3. Buddhasnamen, welcher die Anrufung (nusriti) regelmäßig praktiziert werden sollen.

IV. Nutzen von der:

1. Rezitation der Sutren,
2. Übung der Dhāranī,
3. Praxis der Buddhasnusriti.

C. Schlußfolgerung:

Es ist sehr empfehlenswert, Sutren zu rezitieren, Dhāranī zu üben und die Anrufung der Buddhasnamen zu praktizieren. Die Durchführung soll nicht nur die äußere Verrichtung, sondern auch die innere Grundsätze der Angelegenheit unterzogen werden.

III.- Sutren, die regelmäßig rezitiert werden sollen, Dhāranī, die regelmäßig geübt werden sollen und Buddhasnamen, die regelmäßig angerufen (nusriti) werden sollen.

1. Sutren für die regelmäßige Rezitation :

Gewöhnlich können alle Sutren rezitiert werden, denn jedes Sutra besitzt überwindende Effekte, die die Ungewißheit beseitigen und den Lebewesen einen klaren Geist eröffnen können, nur wenn wir es mit ganzem Herzen rezitieren.

Aufgrund des ungleichen Wissens aller Lebewesen sollen wir die Sutren auswählen, welche unserem Wissensstand und Anliegen entsprechen, dann sie rezitieren. Normalerweise rezitieren die vietnamesischen Buddhisten, sowohl Mönche und Nonnen als auch die Laien, folgende Sutren : Amitaba-Sutra, 108 Buddhasnamen-Sutra, Ullambana-Sutra, Avalokitesvara-Sutra, Bhairavādjya-rādja-Sutra, Vajra-Sutra, Surangama Sutra, Saddharma-pundarika-Sutra, Ksitigartha-Sutra usw ...

Es gibt diejenigen, die der Ansicht sind, daß man Sutren rezitiert, die für jeden Umstand und jeder Situation entsprechen, wie z.B. :

- a) Für die Verstorbenen-Andacht sind die Rezitation vom Amitaba Sutra, Ksitigartha-Sutra, Ullambana Sutra, ... vonnöten.
- b) Für das Heil-Bittgebet rezitiert man das Avalokitesvara (Barmherzigkeitgöttin)-Sutra, Bhairavādjya (der Heilende Buddha)-Sutra, ...
- c) Für die Gebete zur Vernichtung aller Unheilsamen und zum Heilen der Krankheit werden Vajra-Sutra, Surangama-Sutra, .. rezitiert
- d) Für die Unheilsamen-Bekennnisse-Ritual rezitiert man die Buddhasnamen-Sutra.

Mit der Auffassung, bestimmte Sutra für eine bestimmte Andacht, Ritual oder Zeremonie auszuwählen, ergibt sich doch viele Vorteile, welche unsere Gedanken während der Rezitation konzentrieren auf dem für bestimmtes Anliegen Bittgebete

ermöglichen, somit unser Gebet noch wirksamer sein wird. Doch dürfen wir dabei nicht vergessen, daß, bezüglich der Lehre als auch der Verdienst, wenn wir irgendein Sutra mit ganzem Herzen rezitieren, werden wir das gleiche fruchtbare Resultat erhalten.

2. Dhārani für die regelmäßige Übung :

In den Pagoden üben die Mönche und Nonnen in der Frühmorgensandacht (puja) die Surangama-Dhārani, die Maha-Karunā-Dhārani, die 10 Dhārani der Frühmorgenspuja, usw .. Dagegen sind die Laien die Dhārani-Rezitationsübung von Maha-Karunā Dhāra:i und die 10 grundlegende Dhārani der Frühmorgens-Puja vonnöten, aufgrund zweier Punkte : es steht ihnen wenig Zeit zur Verfügung, weil sie sich ihrem Berufs-Familien-Leben widmen müssen; zweitens ist Surangama-Dhārani sowohl sehr lang als auch im Sanskrit beschreibend eine schwierige Phonetik darum ist sie sehr schwer auswendig zu lernen als auch zu rezitieren. Allerdings ist es sehr empfehlenswert, wenn die Laien solche Dhārani auswendig lernen und rezitierend üben können, wie die Mönche und Nonnen.

3. Die Buddhasnamen für die regelmäßige Anrufung :

Jeder Buddha verfügt über 10 Beinamen, weil sie den gleichen erleuchteten Citta, unermeßliche barmherzige Liebe, grenzenlose Verdienste-Weisheit besitzen und ihre Liebe zu allen Lebewesen unendlich sind. Aus diesem Grunde, wenn wir irgendeinen Buddhasnamen anrufen, wird diese Anrufung von allen Buddhas empfangen und bestätigt, womit die tugendhaften Verdienste unermeßlich und grenzenlos sind.

Auf dem Niveausstand und Umständen zu betrachten, befinden wir uns in der Taha-Welt, dem Sakyamuni-Buddha-Land und wir sind der geistigen und tugendhaften Erziehung vom Sakyamuni unterworfen, darum wird sein Namen selbstverständlich angerufen (nusriti). Wie das Volk eines Landes soll sich die Dankbarkeit an die klare Politik der gegenwärtigen Landes-Regierung richten.

Falls die Laien, die die Schulung des "Reinen Landes" praktiziert, soll er täglich den Amitabha-Buddhas-Namen anrufen (nusriti). Die Schulung (Dharma) ist nach den folgenden Lehrworten von Sakyamuni-Buddha vorgestellt : "In dieser im

Zeitraum der Dharma-Erde Taha-Welt verfügt lediglich noch die Schulung der Anrufung den Amitaba-Buddhasnamen, und Beten für die Hineingeburt in dem westliche Himmelsrichtung Reinen-Land, dessen Landesvater Amitaba-Buddha ist, welche die einfachste Schulung, um die vollkommene Erleuchtung zu erlangen gegenüber aller Schulungen".

Außerdem gibt es Laien, die den Namen des Mātreyā-Buddha, der künftige Buddha der Taha-Welt anrufen um die Hineingeburt in dem Tushita-Himmel zu beten; oder den Namen vom Bhāichādyarādja-Buddha, dem heiligen Buddha, anrufen mit dem Anliegen zur Heilung aller Krankheiten.

Kurzgefaßt sollen die Laien des Buddhismus die Namen von drei Buddhas des zeitlichen Raums.

a) Die Anrufung(nusriti) des Sakyamuni-Buddhasnamens, welche bedeutet, daß wir an dem gegenwärtigen Buddha gedenken welcher auch der Religions Gründer dieser Welt ist

b) Amitaba-Buddhasname anrufend, bedeutet die Anrufung des in der Vergangenheit gewordenen Buddhas, und er ist auch der uns ins seine "Reine Land" führende Buddha

c) Mātreyā-Buddhasname anrufend, bedeutet die Anrufung des künftigen Buddha.

IV.- Nutzen der Sutrensrezitation, der Dhārani-Praktizierung und der Anrufung der Buddhasnamen.

1. Nutzen der Sutrensrezitation

Die in der Tripitaka verfaßten lehrende Worte vom Buddha sind klare lebenswürdige Worte, welche aufgrund der Barmherzigkeit und übernatürlichen Weisheit des Sakyamuni-Buddha hervorgerufen wurden. Aus diesem Grunde sind buddhistische Sutren der weltlichen Aussagen bedeutend überragend. Wenn wir sie mit ganzem Herzen rezitieren und praktizieren, ziehen wir sicherlich daraus viele Nutzen für uns selbst, für die Eigenfamilie und für alle uns umgebenden Menschen.

a) Für sich-selbst :

Während des Rezitierens konzentriert sich der Übende auf jedes Wort im Sutra, um nicht vernachlässigt zu sein. Wobei die sechs Organe: Ohren, Augen, Nase, Zunge, Körper und

Gedanken sich zu dem Anliegen fixieren. Bei der ernsthaften sich Widmung der Sutrensrezitation werden die Karma vom Tun, Sprechen und Gedanken nicht an die 10 Unheilsamen anhaften und daraus werden wir nur an die rechten Worte, die heilsame Rede gesinnt sein.

b) Für die Familie :

Vor der Rezitation vom Sutra hören alle Familiensmitglieder über das Alltagsleben zu unterhalten auf und die aus der Nachbarschaft kommenden Familiensgäste zum Plaudern lassen Heim kehren.

Deswegen herrscht in der Familie eine friedliche, feierliche, eintrachtige Atmosphäre.

c) Für die uns umgebenden Menschen

In den stillen Nächten werden der tiefe Ton des Rezitierens mit dem im gleichen Rhythmus auf den Kastagnetten geschlagenen Klang und der weithinaus vibrierenden Gongschläge die Menschen aus ihrem Alptraum führen und in den Ohren der verwirrten Menschen solche tiefgründigen Lehrworte und nützliche Empfehlung im Sutra gelangen, welche der Übender gerade rezitiert.

So ist es sehr eindeutig, daß das Rezitieren der Sutren zum Nutzen nicht nur für uns selbst, sondern auch für unsere Familie als auch die um uns lebenden Menschen bringt. Es sind nur von den gewöhnlichen, äußerlichen Nutzen die Rede, welche man mit bloßen Augen wahrnehmen kann. Außerdem verfügt das Rezitieren der Sutren noch über effektivere Nutzen sowie außerordentlich wirksame Dinge, die nicht erklärbar sind, der dies ernsthaft mit ganzem Herzen praktiziert, wird selbst die geistige Fruchtbarkeit der Sutrensrezitation und deren Effektivität erfahren.

2. Nutzen des Praktizierens der Dhārani

Die Dhārani sind zwar nicht erklärbar; doch wenn jemand mit ganzem Herzen rezitierend praktiziert, gelingten geheimnisvolle und außergewöhnliche Effekte, welche undenkbar und unsprechbar sind. Dies gleicht dem Empfindungszustand desjenigen der etwas Warmes oder Kaltes trinkt, nur er selbst kann dies empfinden.

Es kann so gesagt werden : Eine Dhārani beinhaltet einen ganzen Inhalt eines Sutra, darum ist die Wirkung der Dhārani sehr außerordentlich. Wenn man in Gefahr gerät, mit ganzem Herzen die Dhāra-

ni rezitierend, wird er schnell davon entkommen.

Wie in der Vergangenheit, als Ehrwürdigen Ananda, Jünger des Sakjamuni-Buddha, in der Gefahr der Malaria geriet, brachte Sakjamuni-Buddha dem Manjuri-Bodhisattva die Surangama-Dhārani bei, und befahl Manjuri zum Ananda, um ihn zu befreien.

Heutzutage gibt es auch viele Fälle, in denen man mit ganzem Herzen die Dhārani rezitiert und man hat deutliche Effekte empfunden. Nach den Worten des Dr. Thiên Thành befand er sich im Jahr 1946 während des Aufbruchs in einem Dschungel in der Mitte von Vietnam. Plötzlich bekam er eine schwere Krankheit. Obwohl er sowohl westliches-, als auch traditionelles Arzneimittel besaß, konnte er sich selbst nicht heilen. Er war festüberzeugt, daß sein Leben in diesem bergigen Dorf beendet würde. Zufällig fiel ihm ein, daß, als er noch unter der Obhut seiner Eltern lebte, hörte er oft die von seinen Eltern rezitierende Dhārani Dāna-Sagaravaratna. Sofort rezitierte er diese Dhārani mit ganzem Herzen. Während dessen kamen auch die Pfleger, um mit ihm die ganze Nacht diese heiligen Dhārani zusammenzurezitieren. Am dem Morgen danach war er wieder ganz gesund, dies hat alle Kollegen von ihm sehr überrascht.

3. Nutzen der Anrufung(nusriti) der Buddhasnamen

Der erworbenen Verdienste von der Anrufung der Buddhasnamen sind noch größer, weil eine einzige Anrufung der Buddhasnamen die Tripitaka, alle Dhārani und alle die vollkommen Erleuchtungsschulungen wie die Meditationsschulung(Samadhi) die Gedanken-Betrachtungsschulung, usw ... umfaßt.

Sakjamuni-Buddha hat uns gelehrt: "Eine sehr lange Zeit nach dem Eingehen ins Nirvāna von Sakjamuni-Buddha kommt die Zeit der Dharma-Erde, wobei alle Sutren vernichtet sein werden. Es existiert nur noch das Amitaba-Sutra nur in bestimmter Zeit, dann wird es dennoch vernichtet. Aus dieser Zeitperiode existiert nur noch ein Anrufungssatz mit 6 Worten Namo Amida Buddha, welche über ausreichend Wirkung verfügt, alle Lebewesen in Reinem Land hineingeboren zu führen

Buddhasworte sind wahr. Es gab Nachweise über Leute, die lediglich mit ganzem Herzen den Anrufungssatz

"Namo Amida Buddha" praktiziert haben, konnten das Sterbedatum voraussagen und glückliche Vorzeichen vor der Hingeburt wahrnehmen. Wie der chinesische Patriarch HUE VIEN der Amida-Schulung, während der 10 jährigen Praktizierung des Amida Buddha Anrufens, empfand er die Berührung der Amida-Hände auf seinen Kopf dreimal. In seiner Lotus-gemeinde gab es 123 Personen, die die Anrufung des Amida Buddhasnamens praktizierten und so von Amida Buddha zu seinem Reinen-Land geführt. Im Jahr 1940 in Süd Vietnam gab es 3 französische Offiziere, nämlich Hauptmann Touffan, Leutnant Retourna und Unterleutnant Brillant die mit einem Wasserflugzeug von der Insel Coulon nach Saigon flogen. Auf der Flugtour stürzte das Flugzeug auf unerklärlicher Weise über dem Meer ab. Unterleutnant (ein Franzose mit vietnamesischer Abstammung) rief den Amida Buddhasnamen an, um die Rettung zu erbitten. Das Wasserflugzeug schwebte auf dem Meeresspiegel 3 Stunden lang, bis es von einem japanischen Fischerboot gefunden und gerettet wurde. Als die drei Offiziere das Fischerboot betraten, ging das Wasserflugzeug sofort unter. Alle wunderten sich sehr über dieses Ereignis und fragten sich: warum mit drei schwere Menschen auf dem Wasserflugzeug schwebte es noch vorher auf das Wasser, und warum ging es nun runter, obwohl niemand sich in ihm befand?

Eloß der Unterleutnant Brillant konnte dieses seltsame Wunder erklären. Er schilderte alle Leuten diese wunderbare und heilige Wirkung der Anrufung der Buddhasnamen, welche Schulung er täglich praktiziert hat und diesmal war er zum zweiten Mal, dank der Anrufung der Buddhasnamen, daß er aus der Gefahr kommen konnte. Hauptmann Touffan und Leutnant Retourna vertrauten seine aus eigener Erfahrung und Kenntnisse hervorgerufene innige Schilderung mit ganzem Herzen an.

Als sie Saigon erreichten, haben sie daher geld zusammen gelegt zur Errichtung einer kleinen schönen Buddha-Gedenkstätte in Cat Lai, Gemeinde Thanh My Loi, in der Provinz Gia Dinh, um ihre Dankbarkeit gegenüber den Buddhas ausdrücken zu können.

Dies ist nur eine von tausenden Geschichten über die Nutzen der Schulung der Anrufung der Buddhasnamen.

C.- SCHLUSSFOLGERUNG

Empfehlend aller Buddhisten die Sutren rezitierend, die Buddhasnamen anrufend und die Dhārani praktizierend zum Vervollkommen der inneren und äußeren Prinzipien der Übungen.

Die Rezitation der Sutren, die Übung der Dhārani und die Anrufung der Buddhasnamen sind 3 Schulungsmethoden des Buddhismus, die sowohl die inneren als auch die äußeren Prinzipien beinhalten. Als ob man als Laien oder als Hauslosigkeit-verweilender, ob Therevada oder Mahayāna, ob in der passiven oder aktiven Form, wird an diesen 3 grundlegenden Methoden der geistigen Schulungen nicht vorbeigegangen. Aus diesem Grunde sollen die Buddhisten diese 3 Methoden ernsthaft praktizieren, damit die inneren und äußeren gleichwertig verwirklicht sein können, sowie Worte und Tat entsprechen zur Erhaltung fruchtbaren Ergebnisse. Diese drei Methoden sind in der Wirklichkeit der Ausübung nicht das Gleiche; doch ihre Resultat ist sehr außerordentlich. Entsprechend der eingenen Umstände und Wissen können die Buddhisten ein, zwei oder alle drei Methoden praktizieren. Junge Leute können täglich alle drei Methoden ausüben; die Älteren sollen sich im Gegenteil nur die Anrufung der Buddhasnamen widmen.

Allerdings sollen alle Buddhisten daran denken, daß während des Rezitierens der Sutren, der Übung der Dhārani, der Anrufung der Buddhasnamen, der Handhabung mit den Kastagnetten oder mit der Glocke... ihren Geist von allen unrechten Gedanken, allen niederträchtigen Wünschen entfernen sollen und in ihnen die Bilder des Erhabenen und dessen Güte, Liebe, Barmherzigkeit erleuchten. Sie müssen dem Beispiel des Buddhas folgen, damit sie das große Mitgefühl an allen Lebewesen schenken, an die Leidenhaftigkeit aller Lebewesen denken und einen Willensentschluß haben, indem sie allen Lebewesen die Freude bringen und sie aus dem Leiden befreien. Nach der Ausübung der Rezitation oder Anrufung kehren sie zurück in ihr tägliches Leben und ihrer Arbeit, die sie auch tun, damit ihre Handlungen auch barmherzig wie ihre Gedanken und Worte zu entsprechen.

(Fortsetzung folgt)

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENDO KYOKAI
(Gesellschaft der buddhist. Förderer)
3-14,4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, JAPAN
Telephone: (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982

Druck
Kosaido Printing Co., Ltd.
Tokyo, JAPAN

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt.

Buddha hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über funftausend Bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes

INHALT BUDDHA

Erstes Kapitel: SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel: DER UNENDLICHE UND VER-
KLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde
- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung.
- III. Der unendliche Buddha.

Drittes Kapitel: DIE GESTALT VON BUDDHA UND
SEINE TUGENDEN.

- I. Drei Wesenszüge von Buddha.
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend.

DHARMA

Erstes Kapitel: DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel: DAS REIN GEISTIGE UND DIE
WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"
- III. Der wirkliche Stand der Dinge
- IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel: DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
 - II. Das Wesen Buddhas
 - III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit
- Viertes Kapitel: IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel: DIE HILFE, DIE VON BUDDHA
ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas, Land der Reinheit

DER WEG DER ÜBUNG

Erstes Kapitel: DER WEG DER LÄUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel: DER WEG Z. PRAKT. ERKENNTNIS

- I. Die suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

DIE BRÜDERLICHKEIT

Erstes Kapitel: PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel: PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR
WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familienleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel: AUFBAU EINES BUDDHA_LANDES

- I. Die Harmonie der Brüderschaft
- II. Das Buddha-land
- III. Über diejenigen, die im Buddhaland die Herrlichkeit genießen

ANHANG

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte d. Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und
Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas"

Drittes Kapitel

DAS WESEN BUDDHAS

I MENSCHLICHER GEIST

1. Die Welt ist wie ein Lotosteich, der mit vielen verschiedenen Pflanzenarten bewachsen ist. Es gibt Blüten mit vielen verschiedenen Farbtönen. Einige sind weiß, einige rosa, einige blau, einige gelb; einige wachsen unter dem Wasser, einige breiten ihre Blätter auf dem Wasser aus, und einige heben ihre Blätter übers Wasser empor. Die Menschheit weist noch viel mehr Verschiedenartigkeiten auf. Es gibt Unterschiede im Geschlecht, aber das Geschlecht ist kein wesentlicher Unterschied, denn durch richtiges Training können Frauen die Erleuchtung genauso erreichen wie Männer. Unter den Menschen gibt es viele Arten und Grade der Mentalität: Einige sind weise, einige sind dumm, einige sind gutmütig, einige sind launisch, einige sind leicht zu führen, einige sind schwer zu führen, einige besitzen einen reinen Geist und einige haben einen Geist, der befleckt ist. Aber diese Unterschiede sind unbedeutend, wenn der Geist zur Erleuchtung gelangt.

Um ein Trainer von Elefanten zu sein muß man fünf Qualifikationen besitzen: Gesundheit, Vertrauen, Fleiß, Aufrichtigkeit im Vorsatz und Weisheit. Um Buddhas Edlem Pfad zur Erleuchtung zu folgen, muß man dieselben fünf guten Qualitäten haben. Wenn man diese Qualitäten hat, dann ist es, ungeachtet des Geschlechts, möglich, die Erleuchtung zu erlangen. Es braucht nicht lange zu dauern, bis man die Lehre Buddhas verstanden hat, denn alle Menschen besitzen ein Wesen, das eine Affinität zur Erleuchtung hat.

2. In der Praxis sehen die Menschen, die auf dem Pfad zur Erleuchtung wandeln, Buddha mit ihren eigenen Augen und vertrauen auf ihn mit ihren eigenen Sinnen. Die Augen, die Buddha sehen und der Geist der Buddha vertraut, sind dieselben Augen und derselbe Geist, die bis zu jenem Tage in der Welt des Leidens umhergewandert sind.

Wenn ein König von Banditen belästigt wird, muß er herausfinden, wo ihr Lager ist, bevor er sie angreift. Deshalb sollte ein Mann, wenn er von irdischen Leidenschaften bedrängt wird, sich zuerst ihres Ursprungs vergewissern.

Wenn ein Mensch sich in einem Haus aufhält und seine Augen öffnet, wird er zuerst das Innere des Raumes bemerken und erst später von dem Fenster aus die Aussicht sehen. In gleicher Weise können wir uns nicht Augen vorstellen, die zuerst die Dinge, die draußen sind, bemerken, und erst dann die Dinge im Haus

erkennen.

Wenn es einen Geist im Körper gibt, sollte er zuerst die Dinge des Körpers kennen, aber im allgemeinen sind die Menschen an äußerlichen Dingen interessiert und scheinen die Dinge im Körper wenig zu kennen und sich wenig um sie zu kümmern.

Wenn der Geist sich außerhalb des Körpers befände, wie könnte er dann mit den Bedürfnissen des Körpers in Berührung bleiben? Tatsächlich aber fühlt der Körper, was der Geist erkennt, und der Geist weiß, was der Körper fühlt. Deshalb kann man nicht sagen, daß der menschliche Geist sich außerhalb des Körpers befindet oder vom Körper unabhängig ist. Wo existiert nun aber der Geist?

3. Seit unbekannter Vergangenheit sind die Menschen in Unwissenheit umhergewandert, bedingt durch ihre eigenen Taten und verblendet durch zwei grundlegende Mißverständnisse.

Zuerst glaubten sie, daß der kritische Geist, der an der Wurzel dieses Lebens von Geburt und Tode liegt, ihr wirkliches Wesen sei. Zweitens wußten sie nicht, daß sie, verborgen hinter dem unterscheidenden Geist, einen reinen Geist der Erleuchtung besaßen, der ihr wahres Wesen ist.

Wenn ein Mensch seine Faust schließt und seinen Arm hebt, so sieht dies das Auge, und der Geist unterscheidet es, aber der Geist, der es unterscheidet, ist nicht der wahre Geist.

Der unterscheidende Geist dient nur zur Unterscheidung von eingebildeten Unterschieden, die Habgier und andere Launen, welche in Beziehung zum "Selbst" stehen, geschaffen haben. Der unterscheidende Geist ist abhängig von Ursachen und Wirkungen, ist ohne Eigensubstanz, und ändert sich fortwährend. Aber da die Menschen glauben, daß dieser Geist ihr wirklicher Geist sei, tritt die Verblendung in die Ursachen und Wirkungen ein, welche das Leiden schaffen.

Der Mensch öffnet seine Hand, und der Geist nimmt dies wahr. Aber was bewegt sich? Ist es der Geist, oder ist es die Hand? Oder weder noch? Wenn sich die Hand bewegt, dann bewegt sich der Geist entsprechend, und umgekehrt, aber der sich bewegende Geist ist nur eine oberflächliche Erscheinung des Geistes, es ist nicht der wahre und grundlegende Geist.

4. Im Grunde hat jeder einen reinen und klaren Geist, aber dieser ist gewöhnlich von der Verunreinigung und dem Schmutz der irdischen Wünsche überdeckt, die aus den Umständen entstanden sind. Diese irdischen Wünschen entstehen nicht aus dem Geist unseres Wesens; sie sind etwas Zusätzliches, wie Eindringlinge oder Gäste in einem Haus, aber nicht ihr Gastgeber.

Der Mond ist oft hinter Wolken verborgen, aber seine Reinheit bleibt ungetrübt. Deshalb dürfen die Menschen nicht zu dem Denken verleitet werden, daß diese irdischen Wünsche, die Wünsche ihres eigenen wahren Geistes sind.

Sie müssen sich fortwährend an diese Tatsache erinnern, indem sie fortwährend den reinen und unveränderlichen, grundlegenden Geist der Erleuchtung in sich wachrufen. Dadurch, daß sie von sich ändernden irdischen Wünschen gefangen genommen und durch ihre eigenen verdrehten Vorstellungen irreführt werden, irren sie in einer Welt der Verblendung umher.

Die Unruhen und Befleckungen des menschlichen Geistes werden sowohl durch Habgier als auch durch seine Reaktionen

auf die sich ändernden Umstände hervorgerufen.

Wenn der Geist nicht nach den Dingen so wie sie kommen, greift und sich an sie klammert, wird es keinen unruhigen und befleckten Geist geben. Der Geist, der durch die Dinge, die sich gerade ereignen, nicht verwirrt wird, der unter allen Umständen rein und ruhig bleibt, ist der wahre Geist und sollte der Meister sein.

Wir können nicht sagen, daß ein Gasthaus verschwindet, nur weil der Gast außer Sichtweite ist, noch können wir sagen, daß das wahre Ich verschwunden ist, nur weil der unreine Geist, der durch die veränderlichen Lebensumstände erregt wird, verschwunden ist. Der menschliche Geist ist mit seiner Last aus falschen Vorstellungen und seinen Fesseln der Bindung, die sich mit den sich ändernden Bedingungen verändern, nicht die grundlegende und wahre Natur des menschlichen Geistes.

5. Denken wir an einen Hörsaal, der hell ist, während die Sonne scheint, aber dunkel ist, nachdem die Sonne untergegangen ist.

Wir können an das Licht denken, das mit der Sonne verabschiedet und an das Dunkel, das mit der Nacht kommt, aber wir können nicht auf die gleiche Weise an den Geist denken, der Helligkeit und Dunkelheit wahrnimmt. Wem gehören Helligkeit und Dunkelheit, daß wir sie wie an ihren Besitzer zurückgeben können? Der Geist der für Helligkeit und Dunkelheit empfänglich ist, kann niemanden zurückgegeben werden. Er kann nur zu seinem wahren Wesen, das die grundlegende Natur des menschlichen Geistes ist, zurückkehren.

Es ist nur ein vergänglicher Geist, der momentweise Veränderung von Licht und Dunkel wahrnimmt, je nachdem ob die Sonne auf- oder untergeht.

Es ist nur ein vergänglicher Geist, der von Augenblick zu Augenblick, mit den sich ändernden Lebensumständen, verschiedene Gefühle hat; er ist nicht der wirkliche und wahre Geist. Der grundlegende und wahre Geist, der die Helligkeit und die Dunkelheit verwirklicht, ist das allumfassende Wesen des Geistes.

Die vergänglichen Gefühle von Gut und Böse, Liebe und Haß, die durch sich verändernde Umweltbedingungen hervorgerufen werden, sind nur momentane Reaktionen, die ihre Ursache in der Befleckung haben, welche sich durch den menschlichen Geist angesammelt hat.

Hinter den Wünschen und irdischen Leidenschaften, die der Geist unterhält, bleibt, klar und unbefleckt, das grundlegende Wesen des Geistes.

Das Wasser ist in einem runden Behälter eine runde Form, in einem viereckigen, aber Wasser selbst hat keine besondere Form. Die Menschen vergessen oft diese Tatsache.

Die Menschen sehen dieses und jenes, sie mögen dieses und jenes nicht, sie unterscheiden Existenz von Nichtexistenz und nachdem sie in diese Entwicklungen eingefangen wurden und sich an sie klammern, leiden sie.

Wenn Menschen nur ihre Bindungen an diese eingebildeten und falschen Unterscheidungen aufgeben und die Reinheit ihres grundlegenden Geistes wiederherstellen würden, dann würden sowohl ihr wahrer Geist als auch ihr Körper frei von Leidenschaft und Leiden, und sie würden die Friedfertigkeit kennen, die mit jener Freiheit einhergeht.

II DAS WESEN BUDDHAS

1. Wir haben von dem reinen und wahren Geist als dem grundlegenden gesprochen; er ist auch der Samen der Erleuchtung.

Man kann Feuer entfachen, indem man eine Linse zwischen die Sonne und eine Moxapflanze hält. Woher kommt das Feuer? Von der Linse bis zur Sonne besteht ein riesiger Abstand. Augenscheinlich gibt es keine Verbindung, aber das Feuer brennt gewiß auf der Moxapflanze. Wenn die Moxapflanze etwas wäre, das sich nicht entzündend ließe, würde es kein Feuer geben.

In gleicher Weise wird, wenn sich das Licht von Buddhas Weisheit im menschlichen Geist konzentriert, sein wahres Wesen, das Erleuchtung ist, entzündet werden, und sein Licht wird den Geist anderer Menschen durch seine Helligkeit erleuchten und Vertrauen auf den Buddha wecken. Aufgrund der Gnade und des Mitleids Buddhas hält er die Linse der Wahrheit vor jeden menschlichen Geist, so daß ihr Vertrauen entzündet werden kann.

2. Oft beachten die Menschen die Verwandtschaft ihres wahren Geistes mit Buddhas erleuchteter Weisheit nicht und werden deshalb von der Verwicklung irdischer Leidenschaften gefangengenommen, klammern sich an die Unterscheidung von Gut und Böse und klagen aufgrund ihrer Knechtschaft und ihres Leidens.

Warum sollten Menschen, die diesen grundlegenden und wahren Geist besitzen, falschen Vorstellungen anhängen, und sich damit verurteilen, in einer Welt der Verblendung und des Leidens umherzuirren während alles um sie herum vom Licht der Weisheit Buddhas erleuchtet wird?

Eines Tages sah ein Mann auf die Rückseite eines Spiegels und wurde wahn-sinnig, weil er sein Gesicht und seinen Kopf nicht sah. Wie unnötig ist es für einen Menschen, wahn-sinnig zu werden, nur weil er unbedacht auf die Rückseite eines Spiegels sieht!

Aber es ist genauso dumm und unnötig für jemanden, weiter zu leiden, weil er die Erleuchtung dort nicht erreicht, wo er sie zu finden glaubt. Es gibt kein Scheitern bei der Suche nach Erleuchtung. Das Versagen liegt bei jenen Menschen, die während einer langen Zeit mit ihrem unterscheidenden Geist die Erleuchtung gesucht haben, indem sie sich nicht klar-machten, daß ihr Geist nicht der wahre, sondern der eingebil-dete Geist ist, der durch die Ansammlung von Begierden und Einbildungen verursacht worden ist, welche ihren wahren Geist überlagert und versteckt.

Wenn die Ansammlung von falschen Vorstellungen weggeräumt ist, wird die Erleuchtung möglich sein. Aber, so seltsam es ist, wenn Menschen die Erleuchtung erlangt haben, werden sie begreifen, daß es ohne falsche Vorstellungen keine Erleuchtung geben kann.

3. Das Wesen Buddhas ist nicht etwas, das zu einem Ende kommt. Obwohl böse Menschen als Tiere oder hungrige Dämonen geboren werden oder in die Hölle fallen sollten, können sie ihr Buddhawesen nicht verlieren.

So sehr die menschliche Verwandtschaft mit Buddha in der Leidenschaft

des Körpers verborgen oder an der Wurzel der irdischen Wünsche vergraben und vergessen sein mag, wird sie doch nie völlig ausgelöscht werden können.

4. Es gibt eine alte Geschichte, die von einem Mann erzählt, der betrunken in den Schlaf fiel. Sein Freund blieb bei ihm so lange er konnte, aber da er gezwungen war, zu gehen und da er dachte, man könne ihn brauchen, versteckte der Freund einen Juwel in dem Gewand des betrunkenen Mannes. Als der Betrunkene sich erholt hatte und nicht wußte, daß sein Freund einen Juwel in seinem Gewand versteckt hatte, wanderte er in Armut und Hunger umher. Lange Zeit später trafen sich die beiden Männer wieder, und der Freund erzählte dem armen Mann von dem Juwel und riet ihm, ihn zu suchen.

Wie der betrunkenen Mann irren die Menschen umher und leiden in diesem Leben der Geburt und des Todes, unbewußt verborgen in ihrem inneren Wesen, rein und makellos, ist der unbezahlbare Schatz des Buddhawesens.

Wie unbewußt den Menschen auch die Tatsache sein mag, daß jeder dieses höchste Wesen in seinem Besitz hat, und wie erniedrigt und unwissend sie auch sein mögen, verliert Buddha nie den Glauben an sie, weil er weiß, daß im ureigensten Wesen von ihnen potentiell alle Tugenden eines Buddhas enthalten sind.

Deshalb predigt ihnen Buddha den Dharma, erweckt Vertrauen in ihnen, führt sie von ihren Hirngespinnsten weg und lehrt sie, daß es keinen Unterschied zwischen ihnen und Buddha gibt.

5. Buddha ist einer, der die Erleuchtung erreicht hat, und die Menschen sind die, die fähig sind, die Erleuchtung zu erreichen. Das ist der ganze Unterschied der zwischen ihnen besteht.

Wenn ein Mensch glaubt, er sei zur Erleuchtung gelangt, so täuscht er sich, denn, obwohl er sich in diese Richtung bewegen mag, hat er die Erleuchtung noch nicht erreicht.

Das Buddhawesen erscheint nicht ohne fleißige und ehrliche Anstrengung, noch ist die Aufgabe beendet, bis Erleuchtung erscheint.

6. Es gab einmal einen König, der sammelte einige Blinde um einen Elefanten und bat sie, ihm zu erzählen, wie ein Elefant aussähe. Der erste Mann berührte einen Stoßzahn und sagte, ein Elefant sähe aus wie eine Riesenkarotte. Ein anderer berührte zufällig dessen Ohr und sagte, er sähe aus wie ein großer Fächer. Ein anderer berührte dessen Rüssel und sagte, er sähe aus wie eine Mörserkeule. Noch ein anderer, der zufällig dessen Bein berührte, sagte, der Elefant sähe aus wie ein Mörser. Wieder ein anderer, der nach dessen Schwanz griff, sagte, er sähe aus wie ein Seil. Nicht einer von ihnen konnte dem König die wirkliche Gestalt des Elefanten beschreiben.

In gleicher Weise könnte man hundert Männer bitten, das Wesen des Menschen zu beschreiben, und nicht einer von ihnen wäre fähig, die wahre Natur des menschlichen Wesens aufzuzeigen.

Es gibt nur einen möglichen Weg, durch den das wahre Wesen des Menschen, das Wesen, das nicht durch irdische Wünsche gestört oder durch den Tod zerstört werden kann, verwirklicht werden kann, und das geschieht durch die Begehung des Edlen Pfad Buddhas und durch jene, die ihn ausüben.

(Fortsetzung folgt)



Fortsetzung von Seite 29

Die Mitglieder des Gruppensleiter Ausschusses der Tām Minh-Jubfa haben sich vom 7. bis 8. November 1987 in Norddeich eingetroffen, um einen Besuch in der Minh Hai-Jubfa abzuhalten. Dies war die erstmalige Zusammenkunft zweier Jubfa, um Erfahrung über die Aktivitäten der örtlichen Jubfa auszutauschen, zugleich der Vorbereitung der am 2. und 3. Januar 1988 in der Pagode Viēn Giác stattfindenden Prüfung für die Gruppensleiter zu besprechen. Diese kommende Prüfung umfaßt die Buddhalehre und Fachkenntnisse gemäß der Jubfa-Arbeitslinien für zwei Stufen: die Primäre und Sekundäre Heil-samen.

■ **MINH HAI - JUBFA** führt ihre Aktivitäten regelmäßig wöchentlich im Über-gangslager Nazareth in Norddeich durch. Das Tagesprogramm beinhaltet die Andacht, Buddhalehre-Schulung, das Erwerben der Jubfa-Fachkenntnisse und die Gruppenspiele. Für ihre Aktivitäten steht es besonders günstiger als die der Tām Minh Jubfa, weil Herr Thī Lộc Võ văn Mai und Herr Hoàng erfahrene und bereits in Viēn

Nam ausgebildete Gruppensleiter waren. Im Gegensatz dazu bleibt diese Jubfa weit fern von Ehrwürdigen für die Tugend-Erziehung, deshalb müssen die Leitung der Minh Hai Jubfa die Buddhalehre Schulung für alle Jubfa-Mitglieder selbst bewerkstelligen.

■ **TAM MINH - JUBFA** in Hannover steht im Gegensatz zu Minh Hai-Jubfa, daß sie von Ehrwürdigen für Tugend-Erziehung für die Buddhalehre-Schulung betreut wird, gibt es für die Leitung der Tām Minh Jubfa noch keinen erfahrenen und ausgebildeten Gruppensleiter. Trotzdem durch die freiwilligen und freundlichen Einsätze der Mitglieder des Gruppensleiter-Ausschusses sind die Aktivitäten der Tām Minh Jubfa vielversprechend.

Die Jubfa trifft monatlich am ersten und dritten Sonntag in der Pagode Viēn Giác um sich zu aktivieren. Das Aktivitätsprogramm umfaßt die Andacht für Jugend und Kinder, die Gruppenspiele, das Lernen der Muttersprache, die Buddhalehre Schulung und das Erwerben der Jubfa-Fachkenntnisse; es beginnt um 10 Uhr und endet um 15 Uhr.



Das Leben eines buddhistischen Mönches

Erwürdiger THICH BAO LAC
Reverend THICH NHU DIEN

Deutsche Übersetzung von
NGUYEN NGOC TUAN und NGUYEN THI THU CUC

(Fortsetzung)

Die Lebensdauer eines Menschen beträgt ungefähr 60 Jahre. Aber wenn wir es genau prüfen, sind wir auch innerhalb von 30 Jahren schon krank. Und während dieser 30 Jahre leiden wir physisch und geistig.

Dagegen haben Bodhisattvas und Buddhas viele Gelübnisse abgelegt, z.B. auch dasjenige, alle Lebewesen zu erretten. Amitabha-Buddha hat 48 Gelübnisse abgelegt, Bodhisattva Avalokitesvara mit grenzenlosem Mitleid hat 12 Gelübnisse. Samantabhadra Bodhisattva mit höchsten Tugenden legte 10 Gelübnisse ab, usw.

Jeder Bodhisattva hat viele verschiedene Gelübnisse abgelegt, um alle Lebewesen aus dem flammenden Haus der Begierden zu erretten. Der Heilige Ananda hat das Gelübde abgelegt:

Phục hình, Thế Tôn vị chứng minh,
Ngũ trược ác thế thế tiên nhập
Như nhứt chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất úc thủ thủ nê hoàn ...

Die 4 obenstehenden Sätze aus der Sutra bedeuten:

Möge der Erhabene mein Zeuge sein!
Ich sehne mich nach Eintritt in
dieses unreine Leben.
Zuerst möchte ich alle Lebewesen
erretten.

So lange auch nur ein einziges Lebewesen noch nicht erwacht ist,
beschließe ich, nicht ins Nirvana
ein zu gehen...

Oh! es ist das Höchste für einen Bodhisattva, der wegen der Leiden der Lebewesen diese über das Meer von Trübsal führt. Das weltliche Leben (Đời ngũ trược) ist ein schmutziges, unsauberes Leben; es entsteht aus dem Dasein (Kiếp trước), der Blindheit (Kiến trước), der Betrübnis (Phiền não trước), der Sinnlichkeit, Lüsterheit (Chúng sanh trước) und dem Schicksal (Mạng trước). Für die Weisen sind dies 5 Unreinheiten. Aber im Verhältnis zu den anderen Lebewesen gehören die Menschen zu einer relativ guten Lebensform. Wenn man darüber gründlich und genau nachdenkt, ist dieses Leben nur ein unreines Leben. Wir leben in dieser Unreinheit, aber wir glauben fest daran, daß es sehr schön und sauber sei. Die Weisen haben aber gesehen, daß wir tief im Elend sitzen. Deshalb haben sie Mitleid mit uns und möchten uns gern mit Barmherzigkeit helfen und erretten.

Für andere Lebewesen sieht es anders aus. Sie leben in Sümpfen und stehenden Gewässern und essen nur die schmutzigen Überreste der Menschen. Sie fressen diese, weil sie ihnen gut schmecken, und leben in dieser Verblendung. Die Menschen finden sie sehr schmutzig. Diese Behauptung beweist, daß man sich erhabener dünkt und stolz wird und sich mehr von anderen freimacht, wenn man in einer höheren Welt steht und in die niedrige Welt schaut. Alle Lebewesen leben in ihrer eigenen Welt. Aber wegen ihrer Eigensinnigkeit und ihres konservativen Charakters werden sie ihre eigene Welt nicht als solche empfinden. Aber in Wirklich-

keit ist es anders. Buddha hat auch gelehrt: "Wer die Erlösung außerhalb dieser Welt sucht, tut dies als jemand, der Schildkrötenhaare und ein Hasenhorn sucht". Es ist dies eine Unwahrheit, eine Utopie.

Es ist aber wahr, daß Buddhas Dharma über die Erlösung aus dieser Welt nur deswegen existiert, weil die Schildkröte keine Haare hat und der Hase kein Horn trägt. Buddhas Dharma existiert deswegen nicht außerhalb dieser Welt, weil es in dieser Welt so viele Leiden gibt. Wenn es in dieser Welt keine Leiden mehr gibt, dann ist die Anwesenheit der Buddhas und Bodhisattvas nicht mehr nötig.

Die Gelübde der Heiligen Ananda sind genau so wie die des Ksitigarbha (Bodhisattva der Hölle). "Wenn es in der Hölle keine Lebewesen mehr gibt, werde ich ins Nirvana eingehen". Dieses Gelübde ist sehr hoch und achtbar, aber die Lebewesen amüsieren sich immer noch im Haus des dreifachen Feuers (das Feuer der Begierde, des Hasses und der Verblendung), das den Körper und das Herz der Menschen verbrennt. Aber sie wissen nichts davon. Buddha und die Weisen sind wie eine gute Mutter, die auf ihre Kinder wartet, und sie ermahnt, nicht mehr in diesem Hause des Feuers zu spielen. Die Kinder sind verblendet und noch nicht erwacht.

Bodhisattva Avalokitesvara hat auch 12 Gelübde abgelegt. Davon ist eins sehr rein und subtil, welches fast alle Buddhisten kennen. Es lautet: "Mit Hilfe der reinen Flasche wohlthuenden Taus und des wundervollen Zweiges der Pappel und der Weide kann sie das schmutzige Herz waschen". Oh! wie achtbar, wie wertvoll ist es für einen Bodhisattva, der immer das Elendsgeschrei der Menschen hört, und die Menschen aufsucht, um sie aus der Not zu erretten. Er benutzt sein reines Herz und seinen reinen Körper, um den Süßwassergeschmack zu sammeln, außerdem den Zweig von Pappel und Weide, die geschmeidig sind, den Umständen entsprechend, die Menschen zu erlösen, um die Menschen einsichtig zu machen und die törichten Ideen der Menschen wegzuwaschen.

Der Samantabhadra Bodhisattva mit seinen höchsten Tugenden hat außer den 10 größten Gelüben noch 4 große Gelübde abgelegt, wie:

"Chúng sanh vô biên thế nguyên độ.
Phiền não vô tận thế nguyên oan.
Pháp môn vô lượng thế nguyên học.
Phật đạo vô lượng thế nguyên thành."

ins Deutsche übersetzt:

"Unzählige Wesen gibt es
ich gelobe sie alle zu erretten
Die befliehenden Leidenschaften sind
unerschöpflich
ich gelobe, sie alle überwinden
Die Dharma sind grenzenlos
ich gelobe, sie alle zu studieren
Die Buddha Lehre ist unvergleichlich
ich gelobe, mich ihr zu nähern..."

Diese 4 großen Gelübde sind wie

Glockengeläut, durch welches diese ver-gängliche Welt voller weltlicher Bindungen und Störungen zur Einsicht gelangen soll. Der Körper und das Gemüt eines Bodhisattva sind unermesslich wie eine im-pante Berglandschaft, wie die 3000-fachen großen Weltsysteme, die keine Wege versperren. Diese Gelübde entfliehen aus dem unbegrenzten Raum und aus der unendlichen Zeit.

"Obwohl sich das Universum bewegt, bleiben meine Gelübde unverändert. Ich strebe damals wie heute, mit den 10000-fachen Dharma Methoden die Stufe der Bodhi zu erreichen".

Von allen Lebewesen, ob sie Gefühl oder kein Gefühl haben, ob Mensch oder Tier, wird Samantabhadra Bodhisattva niemanden ablehnen, sondern sich dazu entschließen, sie ausnahmslos alle zu erretten. Die befliehenden Leidenschaften begleiten den Menschen von der Geburt bis zum Tod, aber er ist entschlossen, diese Bindungen zu lösen. Die Buddha Lehre ist zu vergleichen mit den Blättern im Wald, und das Wissen aller Lebewesen ist wie eine Handvoll Blätter in Buddhas Hand. Er begehrt aber das Höchste dieser Wahrheit zu studieren. Es gibt nur einen Weg zur Erlösung, und der Weg zur Erlösung führt über die Wahrheit. Er begehrt dieses Ziel zu erreichen, um alle Lebewesen zu erretten.

Amitabha Buddha hat insgesamt 48 Gelübde abgelegt; und fast alle Gelübde von ihm lehren uns, daß sie Wahrheit sind und nicht unrealistisch. Und wenn ein Lebewesen diese je akzeptiert und praktiziert, und dann nach seinem Tode nicht in die Welt des Amitabha Buddha eingehen würde, dann hat Amitabha Buddha beschlos-sen, nicht als Buddha in der himmlischen Welt zu sein.

Es gibt aber ein Licht, eine Fackel sowie einen lebenswürdigen und hervorragenden Vater, den Allerhöchsten, der uns aus dem tiefen Fluß und dem Abgrund zur Wahrheit des Dharma leitet. Das ist der Buddha, der Bodhisattva, ein Weiser; die Menschen sind aber anders. Buddha, Bodhisattva sind barmherziger und opfern sich mit Freuden; die Menschen sind egoistischer und neidischer. Sie können nur sich selbst lieben, schützen und mit leicht-sinnigen und unbesonnenen Entscheidungen aufbauen. Die Menschen haben oft gesagt, daß sie ihre Familie, ihre Eltern, Frau und Kinder und ihre Freude lieben. Aber in Wirklichkeit lieben sie sich selbst zuerst. Sie haben Angst, daß sie diese Liebe irgendwie verteilen müssen. Dadurch versuchen sie, möglichst mit eigener Kraft einen Garten der Selbstachtung aufzubauen, um diese Eigenliebe vor äußeren Eingriff zu schützen. Auf solche Eingriffe reagieren sie verärgert. Wenn jemand verhätschelt oder gelobt wird, ist er sehr froh, begeistert und glücklich. Aber wenn jemand unglücklicherweise eingeschüchtert oder kritisiert wird und seine schlechten Gewohnheiten öffentlich gerügt werden, dann entstehen natürlich Begierde, Haß und Verblendung, und frühere Taten werden in Vergangenheit, Gegenwart und Zukunft vergolten.

Dadurch bleibt der Zugang zur Weisheit verschlossen. Eigenliebe und Habgier herrschen wieder vor.

(Fortsetzung folgt)



BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN im Ausland

Marseille

Vom 23. bis 25. Oktober 1987 war Rev. Thích Như Điển in Marseille zur Teilnahme der Bittgebetszeremonie für die Friedfertigkeit aller Wesen in der Nonnen-Buddhasstätte Phô Đà. Diese andächtige Zeremonie wurde unter Leitung von Nonnen Ven. Thích Nữ Như Tuân, Abtin der Phô Đà Nonnen-Buddhasstätte abgehalten.

Anschließend hat der Reverend einen Besuch beim Hocherwürdigen Thích Thiệu Đĩnh, Abt der Pháp Hoa Pagode in Marseille, abgestattet.

In der Predigtstunde am 24. Oktober 1987 in der Phô Đà Nonnen-Buddhasstätte hat der Reverend die Lehre über das Wesen des Lernens und der Übung der Buddha's Lehre für Laien unterwiesen. Diese Predigung haben etwa 50 Buddhisten und Freunde des Hauses vernommen.

BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN in der BRD

Jahrestagung der B.R.G.

Die Jahrestagung der B.R.G. hat in diesem Jahr vom 6. bis 8. November 1987 in Wachendorf stattgefunden, 30km von Bonn entfernt.

Das Tagungsprogramm beinhaltete: Berichte über Aktivitäten dieser Organisation in den letzten Jahren, Bilanz des Finanzwesens der Organisation. Demnach gab es mehrere Vorträge über "die Buddhisten und die Christen, über die soziale Verantwortung" usw. ... Kleinere Themen wurden Gruppenarbeiten zugeordnet. Außerdem verfügte diese Jahrestagung auch über Meditationsstunden für Anhänger des Mahayana als auch des Hinayana-Buddhismus.

Etwa 23 Mitglieder Gruppen dieser

Organisation kamen zu dieser Jahrestagung, und viele Beobachter als auch Freunde der B.R.G.; insgesamt waren 50 Anwesende.

Rev. Thích Như Điển, Abteilungsleiter der C.V.B.D., als Vertreter der Congregation und Herr Dr. Thị Minh Văn Công Trâm, Vize-Vorsitzender für Außenangelegenheiten der V.B.V.F. haben an dieser Veranstaltung als Gast-Zuhörer teilgenommen.

ANDACHTEN

Bremen

Am 14. November 1987, um 15 Uhr, hat der Ortsverein der V.B.V.F. aus Bremen eine regelmäßige Andacht für die in Bremen und dessen Umgebung lebenden VN-Flüchtlinge und Freunde des Hauses veranstaltet.

Rev. Thích Như Điển und Herr Thị Tâm Ngô văn Phát, Vorsitzender der V.B.V.F. kamen zu dieser andächtigen Veranstaltung und überreichten den Vorständen des Ortsvereins die Ortsvereinsstempel für das Verwaltungswesen.

Die Andacht hat feierlich stattgefunden. Anschließend vernahmen die Teilnehmer aufmerksam die Unterweisung vom Reverend über die praktische Weise der Sutra-Rezitation, der Anrufung der Buddha-namen, der Buddhistischen Meditation. Danach folgte die geistige Unterhaltung beim Tee und Kuchen.

Köln

Am 28. November 1987 hat durch die Kooperation der Vereinigung der VN-Flüchtlinge und den Buddhisten in Köln eine Buddhistische Andacht in Köln stattgefunden.

Dies war die erste andächtige Veranstaltung für die in Köln und deren Umgebung lebenden VN-Flüchtlinge.

Norddeich

Im Abstand von 3 Monaten haben die Leitung der Übergangslager Nazareth Nord-deich eine buddhistische Andacht in ihrer Stätte veranstaltet. Dies fand am 5. Dezember 1987 statt. Rev. Thích Như Điển kam nach Norddeich zur Leitung der Andacht und zur Predigung der Buddha-lehre für die dort lebenden Buddhisten.

Auch hier wurde eine JUBFA (Jungbuddhisten Familie) gegründet (Bericht darüber im Viên Giác Nr. 41). Darum haben überwiegend Jugendliche an dieser andächtigen Veranstaltung teilgenommen.

Berlin

Am 12. und 13. Dezember 1987 fand in Berlin eine regelmäßige Andacht und eine Atthanga-Sila-Übung statt. Auch hier wurde im Abstand von 3 Monaten eine Andacht und Atthanga-Sila-Übung veranstaltet, welche unter der Leitung von Rev. Thích Như Điển durchgeführt wurde.

Außerdem wurde in der Linh Thủ Buddha-Stätte, Nonne Rev. Thích Nữ Như Hân, als deren Abtin, auch die monatlich regelmäßige Andacht und das Unheilsamen-Bekenntnis-Ritual zeremoniert, dies ermöglichte das Beisammensein zur geistigen Schulung der in Berlin lebenden Buddhisten und Freunde des Hauses.

Paderborn

Am 19. Dezember 1987 haben die Paderborn lebenden VN-Flüchtlinge eine Andacht für sich veranstaltet.

Dies war die erste andächtige Feierlichkeit für die dort lebenden Buddhisten und Freunde des Hauses, trotz dem kamen viele Besucher. Hier gibt es leider noch keinen Ortsverein der V.B.V.F., dessenfolgend haben die dort lebenden VN-Flüchtlinge wenig Möglichkeit zur geistigen Schulung und zum Beisammensein für den gegenseitigen Beistand. Aus diesem Grunde haben sie die Congregation und die Vereinigung um die Leitung der jährlich regelmäßigen Andachten für Paderborn gebeten und in Zukunft bemühen sie sich um die Gründung eines Ortsvereins der V.B.V.F. aus Paderborn, somit sind den Kontakt und den gegenseitigen Beistand zwischen Paderborn und der Viên Giác Pagode ständig pflegen können.

AKTIVITÄTEN der V.B.V.F e.V.

Die Vereinigung der buddhistischen VN-Flüchtlinge e.V. (VBVF) wurde im Jahr 1978 gegründet und hat in den letzten Jahren sehr effektiv aktiviert. Bis zu heutigen Tage sind viele Ortsvereine in aller Bundesebene entstanden und sich der V.B.V.F. angeschlossen, z.B. Ortsvereine aus Aachen, Berlin, Hamburg, Hannover, Bremen, Frankfurt, Fürth+Erlangen+Nürnberg, München, Münster, Stuttgart, ... Diese Ortsvereine haben allmählich die jugendlichen Aktivitäten in die Jungbuddhisten Familie (JUBFA) organisiert, zur Schulung der VN-Jugendlichen im Wesentlichen die Buddhalehre, Pflege der Muttersprache, Jugendarbeiten gemäß der JUBFA Leitlinien, damit die VN-Jugendlichen eine Möglichkeit zum Pflegen, zur Aufrechterhaltung des Kulturguts von dem vietnamesischen Volk und zur geistigen Bildung sowie zur Erleichterung der Integration in das tägliche Leben im zweiten Heimatland geben.

Diese erfolgreichen Ergebnisse sind ohne Gedenkstöße und Hilfsbereitschaft von allen Eltern sowie von der Ortsvereinen nicht verwirklicht. Hierfür einen herzlichen Dank an alle Mitwirkenden.

Bremen

In diesem Sinn hat am 14. November 1987 Herr Thị Tâm Ngô văn Phát, Vorsitzender der V.B.V.F., Herrn Thiệu Đạo Trần Thiện im Namen des Ortsvereinsvorstandes die Ortsvereinsstempel; und mit großer Hoffnung, daß der Ortsverein aus Bremen viele Früchte für ihre Aktivitäten zum Nutzen aller Menschen, überreichen.

Fürth-Erlangen-Nürnberg

Dieser Ortsverein wurde vor einem Jahr gegründet. Dessen Aktivitäten sind monatlich regelmäßig unter Leitung von dessen Vorsitzender, Herr Đức Hương Thanh, sowie von den Vorständen des Ortsvereins. Oftmals bitten sie Ehrwürdige Mönche und Nonnen um die Andachtsleitung und die Unterweisung der Buddhalehre.

Am 5. und 6. Dezember 1987 haben sie

Ehrwürdige Nonne Ven. Thích Nữ Diệu Tâm, Abtin der Vihara Báo Quang in Hamburg, in Fürth ehrerbietig empfangen, für die Leitung der Unheilsamen - Bekenntnis-Ritual und die Atthanga-Sila-Übung. Dies bezeichnet die Intensität der geistigen Bildung von dem Ortsverein aus Fürth + Erlangen + Nürnberg und dies ist sehr empfehlenswert und preisenswert.

Prüfung für Gruppenleiter der JUBFA

Der Vorstand der V.B.V.F. hat ein Schreiben an alle Ortsvereine der VBVF verschickt, zwecks Einladens von Vertretern der Ortsvereine zum Teilnehmen als Beobachter während der Prüfung für der JUBFA Gruppenleiter. Diese Prüfung wird am 2. und 3. Januar 1988 in der Pagode Viên Giác in Hannover stattfinden, es gibt auch die Möglichkeit zur Zusammenkunft der Ortsvereinsvertreter, zum Erfahrungsaustausch über die gemeinnützigen Arbeiten und zum Kennenlernen der JUBFA-Struktur und deren inhaltlichen Arbeiten.

ARBEITEN des VIETN. BUDDH. SOZIO-KULTUR-ZENTRUMS (VIBUSKUZ)

Seit einigen Jahren sind die V.B.V.F für die Sozialsarbeiten zur Unterstützung, Beratung, Betreuung der VN-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland verantwortlich, deren Dienststelle befindet sich in der Pagode Viên Giác und wurde von Herrn Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp beaufsichtigt. In diesem Jahr wurde diese Sozialsverantwortung jedoch an das Vietnamesische Buddhistische Kulturzentrum übertragen; dies war der Grund zur Namensänderung des Kulturzentrums. Nun heißt es fortan das VIETNAMEISCHES BUDDH. -ISTISCHE SOZIO KULTURZENTRUM (VIBUSKUZ) in der Bundesrepublik Deutschland, sitzt in der Viên Giác Pagode in Hannover, und dessen Leitung ist wiederum von Herrn Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp und unter Mitwirkung von vielen nah und fern lebenden Buddhisten und Freunden des Hauses. So soll das Zentrum, nebst der kulturellen Arbeiten, die Sozialverantwortung übernehmen.

In dem Sozialswesen hat das Zentrum, seit der Namensänderung, viele Briefe und Telefonate von der nah und fern lebenden VN-Flüchtlinge bekommen, zum Suchen der Beratung, der Betreuung, im manigfaltigen Bereichen wie in dem Rechts, Sozial-Wesen, der Familien Zusammenführung, Einbürgerung, Übersetzungsarbeiten usw ... Dies sind nur einige Sozialdienstleistungen von vielen.

Im Bereich der kulturellen Arbeiten wird das Zentrum künftig Seminare sowie folgend der Einladung von verschiedenen Institutionen, Schulen, über Thema VN : kessen Kulturgut, Religionen und historische Entwicklung des Landes, Kochkunst fortführen, die Brücke der Volker verständnisse zum Für-und Miteinandereben zu ermöglichen und die Vorurteile über die Anwesenheit der VN-Flüchtlinge zu verringern.

Aus diesem Grunde, folgend der Einladung von Herrn Träger des Sozialamtes

Seelze, Betreuer der Advent-Jugend für Christi der Adventgemeinde in Hannover, kamen Frau Thiện Hạnh Nguyễn Thị Hiền, Herr Thiện Tân Vũ Quang Tú und Herr Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp, Mitwirkende des VIBUSKUZ, zu einem Treffen der Advent-Jugend. Dies fand am 21. November 1987 im Adventhaus der Adventgemeinde in der Fischerstr. 19 in Hannover statt. Das Tagesprogramm begann zunächst mit einem kurzen Vortrag von Herr Träger über das Asylrecht und der Zuwachs der Asyllanten seit 1977 bis heute. Dann folgte die Erzählung über den Fluchtgrund und das Schicksal eines aus Sri Lanka geflüchteten Tamin nach Deutschland. Frau Nguyễn hat sich anschließend über ihre Fluchtsituation, die Rettungsaktion des Cap Anamur-Schiffes geäußert, dazu wurden über 100 Dias von der Fluchtstragödien auf dem Meer und der Arbeiten des Cap Anamur gezeigt.

Diese tragisch bewegten Bilder machten alle Anwesenden sehr bedrückt und dadurch haben sie Verständnis und Mitgefühl für die VN-Flüchtlinge geschafft.

Danach wurden verschiedene Gerichten aus Sri Lanka und aus Việt Nam gespeist. Die Handhabung mit dem Stäbchen war nicht ganz einfach, trotzdem machte es allen viel Spaß. Die Kunst der vietnamesischen Küche wurde von Frau Nguyễn vorgestellt. Mehr als 50 Dias über das Leben, die Religion und der Kultur des vietnamesischen Volkes wurden auch diesmal gezeigt, darüber wurden viele Fragen gestellt. Das Treffen begann um 16 Uhr und beendete um 21 Uhr, mit großem Interesse und Verständnis von allen Teilnehmern.

Anwesend war auch Herr Pastor Rehling der Adventgemeinde in Hannover, und bereit im nächsten Jahr mit dem VIBUSKUZ Kontakt zu pflegen und Aktivitätsaustausch zwischen zweier Institutionen, vor allem der Jugendarbeiten. Nach der Meinung von Herrn Träger wird er für die Advent-Jugend der Ortsgemeinde das VIBUS-KUZ künftig einladen um eine solche menschlich verständnisvolle Kooperation zu veranstalten.

An dieser Stelle, im Namen aller des VIBUSKUZ Mitwirkenden, danken wir Herrn Pastor Rehling, Herrn Träger, der Advent Jugend herzlich für Ihre Einladung, damit Sie unsere Arbeiten durchführbar ermöglichen.

X
X X

In vorigen Jahren hat das Zentrum den Aktivitäten der V.B.V.F beigestanden und mitgewirkt, unter der Leitung und Beratung der C.V.B.D. Dazu zählen noch die Unterstützung der Arbeiten der JUBFA in der Aufbauphase. Dies sind interne Anliegen. Im Frühjahr 1988 wird das Zentrum, mit der Zustimmung und Schirmherrschaft von Rev. Thích Như Điển, Abt der Viên Giác Pagode, Kurse für Freunde des Hauses wie vegetarischen Koch-, Meditations-, vietnamesischen Sprach-Kurs... in der Viên Giác Pagode veranstalten, auch monatliche Seminare oder Gesprächskreise über das Thema "Religion und Menschen" für alle Interessenten. Dies Aktivitätsprogramm des Zentrums im Jahr 1988 wird in der örtlichen Presse angekündigt.

Wir danken alle sehr herzlich, die für unserem Anliegen bis heute beigestanden und mitgewirkt haben und zum Jahreswechsel wünschen wir Ihnen und Ihre Familie viel Glück und Gesundheit.

JUNGBUDDHIST-FAMILIEN (JUBFA)

■ PRÄSENTATION 2 NEU GEGRÜNDETER JUNGBUDDHISTEN-FAMILIEN

Anlässlich des Ullambana-Festes vom 4. bis 6. September 1987 in der Pagode Viên Giác Hannover haben 2 neu gegründete "Jungbuddhisten-Familien" vor Ehrwürdigen Mönche und Nonnen der Congregation der Vereinigten Vietnamesisch-Buddhistischen Kirche - Abteilung in der BRD, sowie vor zahlreicher Festteilnehmern präsentiert. Es waren nämlich die Jungbuddhisten Familie (J.U.B.F.A.) MINH HAI aus Norddeich und J.U.B.F.A. TAM MINH aus Hannover und deren Umgebung.

- Jubfa MINH HAI hat 27 Jugendliche in 4 Gruppen aufgeteilt; 2 Jungen-Gruppen und 2 Mädchen-Gruppen ihr Alter ist von 13 bis 18. Der Jubfa-Leiter von MINH HAI ist Buddhist Thi Lôc VO VAN MAI.

- Jubfa TAM MINH hat 40 Jugendliche und Kinder in 4 Gruppen; 1 Jungen Gruppe, 1 Mädchen-Gruppe und 2 Kinder-Gruppen. Die Jugendlichen sind im Alter von 13 bis 18 und die Kinder von 6 bis 13. TAM MINH Jubfa Leiter ist Buddhist Thi Chanh TRUONG TAN LOC und TAM MINH Familienhaupt ist Herr Quang Ngô HO CHUYEN.

Die Jungbuddhisten-Familien sind die Aktivitätszweige der Ortsvereine der V.B.V.F., welche die Schwerpunktarbeiten auf die buddhistische Erziehung und die Bildung für Kinder und Jungbuddhisten zum wahren Buddhisten konzentrieren.

■ BUDDHISTISCHE JUGENDGRUPPE IN MÜNCHEN.

Eine Buddhistische Jugendgruppe namens CHANH TIN, wurde von dem Ortsverein der V.B.V.F. in München gebildet und am 12.9.87 in der Buddhastätte TAM GIAC in München präsentiert. In der Aufbauphase gab es für diese Gruppe leider noch keinen buddhistisch ausgebildeten Leiter, deshalb können sie zunächst keine Jungbuddhisten Familie bilden. Wir hoffen, daß in der Zukunft nach Möglichkeit eine Jungbuddhisten Familie gebildet würde, somit die Tradition der vietnamesischen Jungbuddhisten Familie weiter gepflegt werden kann.

Lesen Sie weiter auf Seite 26

CUỘC ĐỜI NGƯỜI TĂNG SĨ

Tiếp theo trang 20

TÌNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

Tiếp theo trang 5

sự trị danh thuộc môn thứ hai là mọi người đều có thể thật hành và có hy vọng thành tựu. Tuy nhiên, vì căn tánh của chúng sanh khác nhau, ngài phải nói cho đủ để mọi người tùy sở thích mà lựa chọn. Về phần dịch giả chỉ căn cứ theo phần đồng hạng dung thường đời nay mà biện minh sự lợi hại thế thôi.

8- Hỏi :

Tôi nghe Thiện Tài đồng tử là bậc viên đôn lợi căn, một đời được chúng quả, sao đức Phổ Hiền không khuyên ngài sanh về cõi Hoa Tạng mà lại khuyên sanh về Cực Lạc, là ý thế nào?

Đáp : Trong Hoa Nghiêm Sớ có lời hỏi ấy. Sớ bản đã đáp : "Việc đó hàm ẩn nhiều lý do : vì có nhân duyên, vì dễ tâm niệm được quy nhứt vì không lìa cõi Hoa Tạng, vì tức là bản sư". Hai lý do trước dễ hiểu. Lý do thứ ba là trong thế giới Hoa Tạng có vi trần cõi Phật, miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức Phật độ, tất cả đều không ngoài sở sát chúng ấy. Lý do thứ tư là như trong kinh nói : "Hoặc thấy pháp hội Phật Vô Lượng Thọ, có nhiều vị Bồ Tát như Quán Thế Âm vi nhiều, liên khen ngợi thân di hóa của đức Tỷ Lô Giá Na. Tỷ Lô Giá Na Như Lai là Giáo chủ cõi Hoa Tạng, đức A Di Đà đã là thân di hóa của ngài thì đâu có khác chi ngài, vì thế nên mới nói "tức là bản sư". Trong ấy lại nói : "Phổ Hiền Bồ Tát vì Thiện Tài và hải chúng kết khuyến về Cực Lạc bởi ngài Thiện Tài là bậc tin hiểu viên tống vào trí Văn Thủ, tu hạnh Phổ Hiền, phước huệ và sự lý đều xung hợp pháp giới. Đó là bậc đại tâm, tuy đã ngộ thể bản mình, đồng hàng với chư thánh, nhưng vì lực dụng chưa đầy đủ, không thể nhập thế làm lợi ích khắp quần sanh như các đức Như Lai. Vì thế Phổ Hiền Bồ Tát khuyến ngài, cho đến hải chúng, nương về tịnh độ, gần gũi Di Đà, không ngoài ý muốn cho tất cả được mau chứng quả Phật".

(còn tiếp)

Sau khi làm công tác xong, khoảng bảy giờ sáng, nghe ba tiếng mõ là tất cả mọi người tập trung tại trai đường để điếm tâm. Trước khi điếm tâm thì tụng một thời kinh ngắn. Sau khi điếm tâm xong khoảng tám giờ bắt đầu học đến mười giờ và từ mười giờ rưỡi đến mười hai giờ.

Sau buổi học sáng, tất cả chúng Tăng, kể cả vị Trụ Trì, đều phải làm lễ quá đường, hay lễ thọ trai. Ngo trai thường ngày thì không có nhiều nghi lễ như trong mùa an cư. Trong ngo trai thường ngày, Tăng chúng chỉ mặc áo nhứt bình, áo tràng hay áo vạt hồ, nhưng trong mùa an cư thì tất cả phải đắp y đại lễ. Trước khi dùng cơm phải tụng nghi thức cúng ngo - cúng đường và xuất sanh - thí cho các loài chim chóc, sau đó mới dùng cơm. Cơm được in thành từng in lớn, tùy theo sức mình mà sót lại cho vừa phần ăn. Trong khi dùng cơm không được làm ồn ào hay trò chuyện. Người Tăng sĩ trong lúc hành thiền hay lúc an cư phải giữ giới luật thật nghiêm minh và cố gắng giữ tất cả những lễ nghi tế hạnh để tự đào tạo một đời sống chân chính hòa hợp với giới luật của thiên môn.

Có nhiều thí chủ muốn cầu phước báu cúng dường chư Tăng nhân ngày làm tuần thất, cầu siêu, cầu an.. cũng có thể nhân cơ hội này dâng tỳ vật dụng lên chư Tăng để nhờ thân lực của chư Tăng cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền được tăng phước thọ và cha mẹ quá vãng được siêu sanh Tịnh Độ. Lễ Trai Tăng có thể cúng dường trong lúc đang an cư kiết hạ, mà cũng có thể nhân ngày tự tứ - Rằm Tháng Bảy âm lịch - sắm sửa lễ vật để cúng dường. Tỳ vật dụng là bốn thứ cần dùng của một vị Tăng đó là thuốc thang, nhà cửa, y phục và ẩm thực. Tăng sĩ là người bỏ cái giàu có tạm bợ của thế gian đi tìm cái chân hạnh phúc của Đạo Pháp, của cuộc đời : giải thoát và giác ngộ. Vì thế Tăng sĩ chỉ cần đủ chứ không cần thừa; nhưng nếu thiếu thì cũng khó tu tập vậy.

Việc cúng dường cầu nguyện này khởi sự từ sự tích Ngài Mục Kiền Liên ngày Đức Phật còn tại thế. Sau khi chúng được sáu phép thân thông, Ngài Mục Kiền Liên bèn dùng thần

thông để xem mẹ mình đang thác sanh vào cõi nào và Ngài đau lòng thấy mẹ - tức bà Mục Liên Thanh Đề đang thác đọa trong cõi quỷ đói. Ngài thường mẹ nên vận dụng thân lực đem cơm xuống cho mẹ, nhưng cơm vừa kể miệng thì hóa thành lửa cá, không thể nào ăn được. Ngài Mục Kiền Liên bèn trở về hỏi và xin cầu Phật giúp đỡ. Phật cho biết bà cụ đang phải trả nợ báo kiếp trước và Mục Kiền Liên dù đã chứng được thân thông cũng vẫn không thể nào cứu giúp mẹ được. Do đó Đức Phật khuyến là cứ đến Rằm Tháng Bảy, ngày tự tứ của chư Tăng, nên sắm sanh lễ vật cúng dường chư Tăng và cầu nguyện. Ngài Mục Kiền Liên đã làm theo lời Phật dạy, và cũng trong ngày đó bà cụ đã ăn năn tội lỗi xưa của mình, thêm vào đó lại nhờ cố niệm lực chú nguyện của chư Tăng nên bà đã được thoát sanh vào cõi khác an nhàn hơn. Cũng từ đó trở đi, các đệ tử của Đức Phật nếu muốn báo hiếu cho cha mẹ thì nhân ngày tự tứ hay trong lúc an cư đều có thể dâng lễ vật cúng dường chư Tăng để cầu phước báu cho cha mẹ.

(còn tiếp)

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

Đường không biên giới

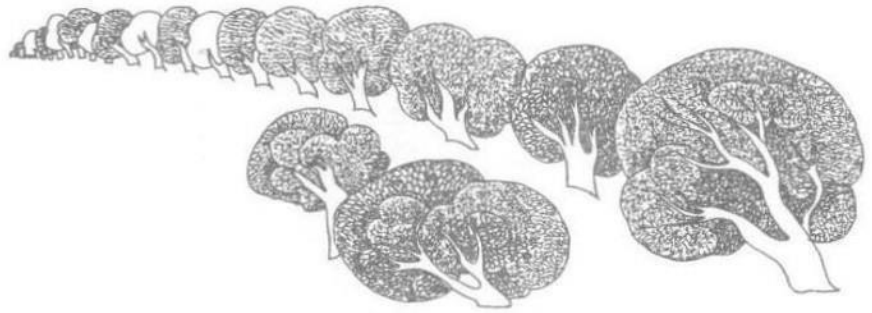
THÍCH NHƯ ĐIỂN

(Kỳ thứ 37)

Tôi bắt đầu viết loạt bài này từ năm 1980 cho đến nay là 1987. Tổng cộng là 8 năm dài. Mỗi năm trên 6 số báo Viên Giác và mỗi lần cách nhau 2 tháng. Lẽ ra mục "Đường Không Biên Giới" này có tiếp tục nữa. Vì đã gọi là "Không Biên Giới" làm sao có giới hạn được phải không quý vị? Nhưng để thay đổi không khí cũng như để cho tác phẩm này phải ra mắt với độc giả sau 8 năm tôi đã cúi mang nó trong lòng, trên bàn giấy, trong ký ức v.v... nên bắt buộc tôi phải dừng lại nơi đây, có thể gọi đó là biên giới tạm vậy. Khi nào có cơ duyên tôi sẽ trở lại với quý vị ở một mục khác hay với tựa đề này cũng không sao.

Trải 8 năm trời gió sương mưa nắng, những đoạn đường đi của tôi đã được đọc giả lưu tâm, thêm hỏi, đọc thúc, an ủi, cổ vũ cho bước đường thi hành Phật sự ấy. Bao nhiêu cảm tình đó của quý độc giả xa gần, Phật tử cũng như không Phật tử, đã làm cho tôi phấn khởi rất nhiều.

Sau 10 năm ở Đức tôi đã cho ra đời 8 tác phẩm và tác phẩm này là tác phẩm thứ 9 vậy. Như vậy cứ mỗi năm trung bình là gần 1 tác phẩm được ra đời. Người đời có gia đình, con cái, ấy gọi là niềm vui. Nhưng tôi thì có cái vui của người cầm viết. Mặc dầu tôi không phải là một nhà văn; nhưng cố gắng ghi lại những cái gì đã xảy ra trong đời mình, lúc đang làm việc đạo, để một ngày mai, nếu ai đó có muốn tìm lại những bước chân đi trước, có thể có một vài dữ kiện mà từ đó đi thêm nữa. Lâu đài cung điện nguy nga, chùa chiền đồ sộ, quyền thế cao sang v.v... những



vật này không tồn tại hoài với lịch sử. Dầu có tồn tại năm ba trăm năm đi chăng nữa, nó cũng là những vật không biết nói. Nhưng nếu một quyển sách, dầu hay dầu dở mà còn tồn tại được như thế hoặc lâu hơn, thì nó là chứng nhân của lịch sử rồi. Nên tôi cần phải viết.

Ngày xưa cách đây 11, 12 thế kỷ khi Ngài Pháp Hiền và Ngài Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh, học đạo nếu các Ngài không ghi lại những ký sự lúc bấy giờ thì ngày nay có lẽ nhân loại sẽ không có thêm được những dữ kiện chính xác khi tìm lại lịch sử lúc ban đầu.

Nghĩ rằng Phật Giáo ngày xưa vẫn còn ở tại Á Châu; vì phương tiện giao thông và truyền đạt tư tưởng bị hạn chế. Ngày nay nhờ thế giới văn minh, loài người tiến bộ, tư tưởng được khai phóng, cho nên thiết tưởng rằng Phật Giáo có mặt tại các nước Âu Châu này, phải có một cái gì đó có tính cách đặc thù của nó, cần phải ghi lại, mà Phật Giáo Việt Nam là một trong những Tôn giáo được mang sang Âu Châu vào cuối thế kỷ thứ 20 này.

Việt Nam là một nước có một nền văn hiến lâu dài. Một đạo Phật trên 18 thế kỷ. Nhưng Việt Nam bị bất hạnh bởi chiến tranh chết chóc và thù hận lan tràn trên quê hương yêu dấu đó. Nếu không có chiến tranh, chém giết thì chúng ta đã không có mất nơi đây và đương nhiên ảnh hưởng của Phật Giáo Việt Nam tại quốc độ này cũng chưa có gì đặc biệt lắm.

Ngày xưa người Âu Châu nhìn những xứ Á Đông chúng ta, xứ nào cũng giống xứ đó, không phân biệt được ai là ai cả. Nhưng ngày nay người Âu Châu đã hiểu chúng ta rất

nhiều. Và để càng ngày càng hiểu được nhiều hơn thế nữa chúng ta cần phải trao đổi văn hóa và Tôn giáo với nhau nhiều hơn trước, để tạo nên niềm cảm thông sâu sắc hơn.

Quê hương tôi từ Đông Văn đến mũi Cà Mau dài chừng 2.500 cây số. Có sông, có biển, có núi, có đồi. Có Hà Nội 36 phố phường, có Huế như chốn thâm cung bí sử, có Sài Gòn trong lòng lầy nguy nga; nhưng tôi lại chưa có duyên đi hết đó đây để thăm những lăng tẩm xưa; những ngôi chùa cũ, những đền đài cung điện v.v... Trong khi đó ở xứ người tôi lại có cơ hội đi được nhiều hơn trong các nước Á Châu, Mỹ Châu hoặc Âu Châu. Sau hơn 5 năm ở Nhật tôi đã đi hầu như khắp nước Nhật và sau hơn 10 năm ở Đức hầu như tôi đã đi hết xứ Đức rồi. Đây là một số địa phương tôi đã đi qua và đã đến, xin kể lược thuật từ Bắc chí Nam vậy.

Địa phương đầu tiên của ai địa đầu nước Đức là Flensburg, Kiel, Neuminster, Plön, Lübeck, Stade, Norddeich, Emden, Cloppenburg, Pappenburg, Hamburg, Salzburg, Bentheim, Osnabrück, Bad Iburg, Georgmerienhitte, Hagen, Rheine. Rồi Berlin, Rielefeld, Stadthagen, Uelzen, Lüneburg, Celle, Friedland, Göttingen, Hildesheim, Langenhagen, Dortmund, Barntrup, Detmond, Münster, Recklinghausen, Mönchengladbach, Bochum, Essen, Neuss, Disseldorf, Aachen, Düren, Jülich, Dorsten, Bonn, Köln, Koblenz, Kassel, Gießen, Frankfurt, Wiesbaden, Saarbrücken, Mannheim, Karlsruhe, Pforzheim, Stuttgart, Münnerstadt, Rottershausen, Schweinfurt, Fulda, Sindelfingen, Tübingen, Reutlingen, St. Georgen, Fürth, Erlangen, Nürnberg, Augsburg, Ulm, München, Boden See v.v... chỉ sơ sơ như vậy cũng gần 70 địa phương tại nước Đức tôi đã đặt chân đến rồi. Đó

là những nơi còn trong kỷ ứ, còn những nơi đã quên chắc cũng gần bằng nửa số trên.

Ngày xưa tôi được tiếng là học mau như và nhớ dai; nhưng ngày nay thì không có khả năng nhiều như ngày trước nữa. Không phải trí óc bây giờ tệ hơn lúc trước, mà vì ngày trước còn nhỏ, việc ít, học mau vô. Bây giờ lớn rồi, công việc nhiều; giống như ly nước đã đầy làm sao có thể đổ thêm vào được nữa. Thỉnh thoảng tôi có giao nghiệm lại để xem thử trí nhớ có khác xưa nhiều hơn không thì thấy rằng có chậm đôi chút; nhưng không đến nỗi nào.

Một tờ giấy trắng khi bị chấm 1 vết nhỏ thì thấy liền, chứ một chiếc áo màu hoặc chiếc áo bẩn thì sẽ khó thấy được điều đó. Có nhiều người bảo để giả hầy vào chùa tu, chứ trẻ tu làm gì cho ồng. Nhưng riêng tôi thì chông lại lối lập luận ấy. Đành rằng giả tu cũng được; nhưng khi giả rồi thì hay quên trước, quên sau, lưng cộm, tai điếc làm sao kham nhân nổi việc trọng trách của một trưởng tử Như Lai. Vì thế cho nên ngày xưa Đức Phật vẫn cho những người trên 60 tuổi xuất gia; nhưng không được thọ giới là điều hiển nhiên vậy.

Nếu cuộc sống thanh niên của chúng ta có một niềm tin mãnh liệt đem tất cả tài năng và sức lực ấy để tu hành và phụng sự cho lý tưởng của mình thì hay biết dường bao, thay vì dùng cuộc sống sung mãn ấy ở tuổi thanh niên để lo chơi bời trác táng, đến khi thân tàn ma dại, ê ẩm mọi bề mới tìm cách nương náu nơi cửa chùa để mong với đi niêmtục luy, thì hóa ra Đạo Phật chỉ là Đạo yên thế, xa đời, không hiểu ích gì cho xã hội sao?

Nhiều người thấy có gia đình có con cho đi tu thì bảo rằng gia đình ấy có phúc. Nhưng khi con mình xin đi tu thì họ bảo phải chờ năm ba năm nữa hãy đi. Đó chỉ là một kế hoãn binh, để rồi vĩnh viễn không cho con mình theo con đường Đạo nữa. Đi tu là một niềm vinh hạnh. Ai cũng biết thế; nhưng khi vinh hạnh ấy thuộc về người khác kia, chứ chính con mình thì không muốn. Ngày xưa ở Việt Nam có những người đi tu, rồi ro nữa chứng kham không nổi cuộc sống tu hành nên phải ra đời. Nhưng khi ra đời rồi, không phải để sinh sống với những người chung quanh. Vì họ bị chế giễu, dèm pha mọi mặt. Nhưng bây giờ ở hải ngoại thì tôi lại chủ trương khác. Dĩ nhiên mục

đích vẫn phải tu đến nơi đến chốn thôi; nhưng chỉ thay đổi quan niệm vậy. Nếu bắt buộc tu cho đến suốt đời, mà có nhiều người không kham chịu nổi thì sao? Họ nên ở trong chùa hay họ phải hoàn tục? Nếu họ ở lại trong chùa chưa chắc gì lương tâm họ sung sướng, vì con đường tu họ không muốn tiếp tục nữa. Nếu ra đời hẳn thì họ sẽ bị chế bai, dèm pha mọi mặt. Theo tôi quan niệm thì ai tu được cứ khuyến khích cho họ tu đến nơi đến chốn. Nếu ai không thể tu được thì hãy cho họ hoàn tục mà không nên có sự phẩm bân. Sự tu được một thời gian là đã quý rồi. Quý hơn những người chẳng tu được một ngày nào cả. Vậy tại sao chúng ta không thông cảm và khuyến khích những người ấy, mặc dầu họ chỉ tu được một thời gian thôi. Trong khi người Miên, người Lào, người Thái v.v... quan niệm rằng nếu người nào có tu một thời gian trong chùa là những người ấy có được phúc đức lớn, sau đó mới ra lập gia đình. Còn quan niệm của người Việt Nam chúng ta thì khắt khe quá; nên riêng tôi muốn quý Phật tử Việt Nam nên chấp nhận việc này và hãy sửa đổi việc xưa để cho những người phát tâm tu học được nhờ.

Tôi không có ý duy tân Phật Giáo Việt Nam. Vì Phật Giáo Việt Nam chẳng có gì để phải duy tân cả ngoài trừ những quan niệm hẹp hòi cổ chấp của Phật tử chúng ta. Có thể mỗi người trong chúng ta đều có mỗi loại lý luận, mỗi quyền sống khác nhau. Nhưng mong rằng nếu là quyền được sống và được tu của một người Phật tử muốn làm một Tăng sĩ thì phải dễ dãi như thế.

Cũng vì quan niệm như vậy nên ngày nay tôi tuyên chọn đề từ xuất gia có tính cách rộng rãi hơn, không bắt buộc và khắt khe như quan niệm xưa nữa. Phong tục, tập quán, quan niệm v.v... có lẽ nó cũng chỉ hợp với từng thời điểm và từng quốc độ, không nhất thiết là khắp mọi nơi trên quả địa cầu này ngoại trừ chơn lý. Người da trắng cho mình là văn minh, tiến bộ, sạch sẽ v.v... nhưng khi vào trong đám da đen thì người da trắng vẫn bị lạc loài như thường. Hoặc ngược lại người da vàng cũng thế. Họ chỉ có thể tự hào hoặc hãnh diện trong quê hương đất nước của họ; nhưng khi ra khỏi lãnh vực quốc gia và tập quán rồi thì khó có thể thâm định được rằng đó là đúng hay sai.

Phật tử Việt Nam chúng ta rất tốt, có những điều rất hay; nhưng cũng có lắm điều rất khác đời; nên chúng tôi lại có những đề nghị trên Mong rằng lối thật ấy chẳng mất lòng những kẻ hữu tâm với đạo.

Năm 1975 rồi vì nạn Cộng Sản nên chúng ta mới có mặt tại nơi đây mà cũng phải nói rằng trong cái rũi ấy lại có cái may là nhờ đó ngày hôm nay người Việt Nam chúng ta mới có mặt khắp nơi trên quả địa cầu này và chính nhờ vậy mà có nhiều người địa phương đã biết đến dân tộc Việt Nam cũng như Phật Giáo Việt Nam.

Chúng ta mang cây Bồ Đề từ xứ nóng qua xứ lạnh để trồng không phải là điều dễ. Chờ cho bắt rễ xanh tươi rồi dăm chồi này lộc phải tốn công nhọc sức rất nhiều. Ngược lại ngày xưa khi các giáo sĩ Âu Châu sang truyền đạo tại Á Châu đã gặp không biết bao nhiêu là khó khăn thử thách của lúc ban đầu. Chúng ta có thể cảm thông được những sự khó khăn đó. Nhất là thời điểm của những nước Á Châu chưa có mở cửa rộng rãi để đón chào những tư tưởng tôn giáo của Âu Châu.

Ngày nay thì ngược lại, Phật Giáo đã đi vào cửa ngõ của Âu Châu bằng con đường tử bi, không bao lực. Theo sau bước đường truyền giáo của Đạo Phật không có binh hùng tướng dũng, không có tiếng reo hò của quân sĩ bốn phương. Phật Giáo chỉ âm thầm ngấm sâu vào trong từng thớ thịt của dân tộc ấy của người dân tại đó. Nên có nhiều nơi Đạo Phật được gọi là đạo của Dân Tộc cũng không ngoa chút nào.

Bây giờ cũng là thời điểm tốt nhất để những người Âu Châu thêm về Phật Giáo Việt Nam nói riêng và Đạo Phật nói chung. Thời điểm của khoa học đang tiến bộ, mà khoa học đó càng ngày càng phát triển thì càng làm triển khai giáo lý của Phật Giáo rất nhiều. Vì những lời dạy của Đức Phật không phân biệt tính cách khoa học và giáo đoàn của Ngài không phải chỉ là những người biết có tin mà còn có trí tuệ sáng suốt để đánh giá những việc gì đã đúng và xảy ra chung quanh vậy.

Trước khi tập hồi ký này tam chấm dứt tôi phải dâng lời cảm tạ Tam Bảo, đã cho tôi một phúc lớn, đến xứ này để làm việc đạo suốt 10 năm trôi qua tại xứ người đều thuận buồm xuôi gió. Gành, cây lá Bồ Đề càng ngày càng tỏa rạng khắp nơi.

Xem tiếp trang 37

Mừng Giáng Sinh Tại Chùa

Lời tòa soạn :

Thế theo yêu cầu của một số bà con Phật Tử, chúng tôi xin đăng lại bài này vào báo Viên Giác. Tác giả SH.Hà Đứơng đã hoan hỉ gởi lại bài này cho Tòa Soạn hoàn toàn xú dụng. Bài này đã được đăng trong Tập san DÂN CHIA Âu Châu số 55, tháng 12/1986, trang 12 và 13.

Hôm ấy, một trong những ngày cuối cùng mùa Vọng, bà con anh chị em trong xứ rộn ràng sửa soạn đón mừng lễ Chúa Giáng Sinh. Ở xứ Nhật tại miền thửa sai này, tuy con số giáo dân còn quá ít, tỷ lệ chưa đầy một phần trăm so với dân số gần 120 triệu, nhưng cộng việc tông đồ giáo dân khá tích cực, bằng nhiều hình thức hợp thời mới mẻ linh động, đặc biệt trong những ngày này, đón mừng Chúa đến.

Năm nay tại xứ đồng chúng tôi ở, các bà mẹ, các bậc phụ huynh vẫn thi nhau tổ chức bán Bazar sinh nhật, nhưng không bỏ tiền vào quỹ xứ, các anh chị các hội đoàn khác vẫn nhận hàng tã cho mình làm, đem về bán lại, không thâu lời vào quỹ đoàn, nhưng tất cả góp chung lại làm chiến dịch "ngày tình thương" (ai no hi), bằng cách mua quà đi thăm, tặng các bệnh nhân, các em bé mồ côi, các cụ già bà lão tại đường đường thuộc khu phố kế cận. Tôi cũng bị "điều động" cùng đi làm. Họ giao cho về thăm bắt được, nhập nhóm anh chị em lao công, đi thăm phát quà cho bệnh nhân tại bệnh viện gần đó. Vì bác sĩ y tá đã báo tin cho hay biết trước, nên các bệnh nhân đều ở lại phòng mình chờ đợi chúng tôi. Tuy hầu hết bệnh nhân là Phật tử hay Thân đạo tu, nhưng họ tiếp nhận chúng tôi rất hồn nhiên vui vẻ và đón quà một cách chân thành cởi mở. Món quà tặng chẳng có là bao, gói ghém quyền sách tóm tắt sự tích Chúa Giáng Sinh, kèm theo hộp quà kẹo bánh cùng tấm thiệp bông hoa chúc mừng, thế mà họ coi như báu vật, khom lưng cúi đi gục lại nhiều lần, cảm ơn lia lịa : Hết lòng cảm ơn, cảm ơn nhiều nhé! (Domo, domo arigato gozaimashita), hoặc : Thật là cảm động quá đi thôi! (taihen kando itashimashita), hay : Thật là tốt đẹp hay ho quá xá này (taihen ii koto na!). Có người vây tay chào chúng tôi khi ra về, còn nói đùa thêm vui : Khi tôi khỏe lại, thế nào tôi cũng tìm dịp đến thăm nhà thờ và có thể học đạo nữa!

Sau khi đi thăm phát quà về, chúng tôi còn ngồi lại lâu giờ, các ông bà anh chị lần lượt kể lại việc làm từng nhóm mình, thuật lại những mâu chuyện hay họ khi thăm hỏi chuyện trò với các cụ già vui tính, với các em bé thích nô đùa pha trò giễu cợt. Trong khi chúng tôi đang chuyện trò bản bạc này nọ thì nghe điện thoại reo từ dưới nhà. Cô Yoshida Miko gọi lạnh chân chạy vội xuống nghe và cũng lật đật hắt hủ chạy lên. Đàng lẽ cô ta chỉ cần ra đầu hiệu hoặc nói nhỏ cho tôi biết có ai muốn nói chuyện, nhưng cô ta cao hứng nói to lên, nhân mạnh từng tiếng : Có nhà sư tại Chùa Kenjojime muốn nói chuyện với thầy Gioan! Thế là tất cả im lặng nhìn nhau rồi phá cười. Anh Kondo tỉnh tỉnh ít nói, từ này ngồi im ở góc phòng, buột miệng nói với giọng hài hước : Nhà Sư chưa nhân được quà tặng chú gì! Rồi bà Takahayashi thêm vào Thầy Gioan sắp đi tu Chùa rồi đó, bà con ơi! Tất cả lại cười to sảng sảng, ho hoe. Tôi vừa chạy nhanh xuống nghe điện thoại vừa nói vọng lại : Ừ, cứ trên chọc kiêu này mãi, tôi sẽ đi Chùa cho mà xem. Thật thế, ngày hôm sau tôi đi Chùa, thăm Nhà Sư.

Tôi được quen biết vị Sư khả kính này là do sự giới thiệu của anh Tetsuo Utsumi, cháu của Nhà Sư cũng là cháu nội của ông bà Utsumi, hồi ấy gia đình ông bà còn cư trú và làm việc tại Sài Gòn. Nhà Sư điện thoại cho tôi rất ít, nhưng mỗi lần gọi là có tin vui, hoặc cho hay biết ông bà Utsumi sắp về chơi đến thăm, hoặc vừa nhân được một giỏ, một giỏ chuối, một sen từ bên ấy gọi sang và sẽ dành gởi cho ít nhiều thưởng thức. Tôi cũng thăm nghĩ như vậy, bởi lẽ vào dịp đại lễ, vào mùa Tết nhất thăm viếng. Nhưng trái lại, Nhà Sư nói thẳng vào chuyện "ai no hi" vừa kể trên, mách bà con ở bệnh viện cho hay họ đã nhận được quà tặng của nhà thờ mà Nhà Sư cho là cử chỉ đẹp, đáng khích lệ trong dịp này Nhà Sư muốn mời tôi đến chơi thăm Chùa cho vui. Tôi cảm ơn sự ưu ái của Ngài, xin khất lại sau ngày lễ, thế nào cũng tới. Nhưng Nhà Sư nói rằng nếu đến sau ngày lễ thì mất hết ý nghĩa thăm Chùa, nên tôi phải cố gắng đến thăm kịp thời ngày mai, vì công việc sửa soạn đại lễ đến sau lưng.

Tôi cũng đoán biết trước, chẳng phải vì việc đi thăm tặng quà cho bệnh nhân vừa rồi mà Nhà Sư muốn mời đến chơi hỏi han sự việc, nhưng chắc chắn có chuyện gì khác. Thật thế, lần này khi tôi vừa đến từ thất kế canh Chùa thì vợ chồng anh Tetsuo cũng đã từ Yokohama về, đang trò chuyện với vợ. Cả một sự xếp đặt từ trước, tôi đã đoán không sai. Hai vợ chồng Tetsuo hẳn còn trẻ trung hoạt bát vui tính, cả hai đã trở lại Đạo Công Giáo trước khi cưới hỏi nhau do sự chấp thuận hai họ đối bên, nhờ sự dàn xếp khéo léo tài tình của Nhà Sư. Có sự hiện diện của đôi vợ chồng, lại là Công Giáo, nên buổi thăm viếng chuyện trò trở nên dễ dàng hơn, thân mật hơn, không cần quá giữ gìn lễ nghi đùa đón. Nhà Sư đưa mắt nhìn tấm lịch treo trên tường, chỉ tay hai ngón ra đầu, 2 ngày nữa là lễ Giáng Sinh đó, rồi đem ra cho xem một tấm thiệp Giáng Sinh từ nhiều nơi gởi tặng, có cả những tấm thiệp từ Saigon gởi về làm tôi trong chốc lát chạnh lòng nhớ nhà vô hạn. Nhà Sư tiếp tục chuyện trò càng thân mật vừa lên, cũng điều trình trong : Nếu Đức Phật Thích Ca cũng sinh thời với Bà Vua, thế nào Ngài cũng khấn gởi lên đường, đi tìm thờ lạy Chúa cho bằng được. Vì Đức Phật cũng là người thức thời hiểu biết, đã từng được báo mộng trong đêm khuya ra đi tìm đạo lý. Chính Ngài đã tự tìm thấy ánh sáng soi dẫn tâm hồn mình qua ánh sáng của Thiên lân ngày tụng niệm và Ngài đã mặc khải cho chúng sinh năm luật điều căn bản giống như luật điều đạo lý của Đức Kitô ... Nhà Sư nói một chuỗi dài thao thao theo nguồn cảm hứng sẵn có đến nỗi tôi có cảm tưởng đang ngồi nghe Nhà Sư thuyết pháp tại giảng đường của Phật. Sau này qua lời trò chuyện hỏi han cùng vợ chồng anh Tetsuo, tôi mới hiểu biết thêm Nhà Sư rất sâu rộng và quảng đại trong nhiều vấn đề thích nghi với các trào lưu tư tưởng, tôn giáo, lễ nghi phong tục. Chính trước khi gia đình ông bà Utsumi xin học đạo và rửa tội tại Sài Gòn cũng đã hỏi han ý kiến Nhà Sư, đến cả việc hai vợ chồng Tetsuo trở lại Đạo, cưới hỏi nhau thành vợ chồng. Ngoài ra, Nhà Sư còn có những tương quan liên hệ

mật thiết với các giáo phái khác, cách riêng với tôn giáo phái Nhật Rishso Ko-seikai, một giáo phái liên kết đạo lý của ba tôn giáo chính lại với nhau, tương tự như đường đi của giáo phái Cao Đài Tây Ninh.

Trong khi tất cả còn chăm chú lắng nghe Nhà Sư nói chuyện thì vợ anh Tetsuo se se mở đĩa hát tiếng Nhật Shizukeki Mayonaka (Đêm Thành Vô Cùng) rồi tiếp bản Minuit, Chrétiens! C'est l'heure solennelle mà Nhà Sư ưa thích âm điệu bài nhạc, cả nhà lại thích ý nghĩa lời ca. Sau đó, gia đình Nhà Sư và vợ chồng anh Tetsuo tặng tôi bức tượng Chúa Hải Đông làm theo lối búp bê kiểu Nhật, áo màu đỏ sặc, tím đoán chắc anh chị Tetsuo tự lựa chọn tìm mua đem đến. Sau đó Nhà Sư dẫn tôi vào phòng bên, nhỏ hẹp, nơi Nhà Sư ngồi Thiền, hình như muốn chứng minh lời lẽ "thuyết pháp" của mình, cho tôi xem hình ảnh Gia Thất hàng đã xếp bằng giấy màu Kagami rất công phu mỹ thuật, bên cạnh là Đức Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây thông ba nhánh.

Buổi thăm viếng chuyện trò kéo dài khá lâu, trời bắt đầu tối dần, tôi xin phép gia đình Nhà Sư ra về và cảm ơn chúc mừng tất cả một lần nữa trước công Chúa vừa lên đèn. Trên các nẻo đường thành phố, ánh sáng tràn lan, nhấp nháy liên miên thay màu đổi chủ, các cửa hiệu trưng bày la liệt những món hàng mới lạ, đặt kế cạnh tấm bảng như thiệp kêu mời khách mua : Christmas Omedeto. Nhìn xa xa phía dân vào công viên, ánh đèn muôn màu lấp lánh trên cây thông cao ngất, tôi thăm nghĩ dần thành phố đang chuẩn bị lễ Giáng Sinh dựng cây Noel thay cho nhà thờ đó. Hôm nay trên đường ra về tôi chẳng còn ám ảnh tư tưởng Hồn Bướm Mơ Tiên như những dịp thăm Chùa lần trước, nhưng cảm thấy vui vui là lạ, không còn cô đơn nơi xứ người, hầu hết còn ngoại giáo, nhưng có lẽ họ cũng muốn vui chung với chúng ta trong ngày Chúa ngự đến, ít nhất trong sự tập nập buồn bán, thăm hỏi chúc mừng nhau. Tôi vào ôn lại những lời lẽ truyền cảm của Nhà Sư, vừa gởi lại tư tưởng sinh nhật của nhà thơ ngoại giáo Ấn Độ, Rabindranath Tagor, khi ông ta so sánh rất sâu xa ngày sinh nhật của mình với ngày sinh nhật của Chúa : Trong đời tôi có hai sinh nhật. Ngày sinh nhật của tôi chỉ vui mừng trong khung cảnh gia đình. Ngày sinh nhật của Chúa tôi được chung vui mừng chúc với tất cả mọi người, mọi dân tộc ... Phải, ngày sinh của Chúa phải là ngày vui chung của loài người mọi thế hệ. Chúa sinh ra cho hết thảy mọi người, mọi chủng tộc, mọi sắc thái. Cho Bà Vua có tài năng thiên văn địa lý cũng như cho mục đồng chất phác thơ ngây. Cho dân tộc văn minh giàu sang phú quý cũng như cho quốc gia chậm tiến đói khổ nghèo nàn. Cho tất cả mọi người, mọi tầng lớp xã hội biết tiếp nhận chở độn Người. Những tư tưởng đó đưa tôi về gần gũi, ăn mừng sinh nhật cùng quê hương tôi thăm nghĩ ngâm lên lời thơ yêu mến của nhà thơ ngoại giáo đáng yêu Bằng Bá Lân :

Đem thành vô cùng !
Muôn ánh đèn. Muôn vì sao nhỏ.
Mỗi vì sao toả nhe một niềm hy vọng,
nổi lên một nỗi mong chờ.
Mong chờ chi ?
Mong chờ ngày mà...
Xa lạ cũng là anh em
Vĩ tất cả cùng cảm thông lời Chúa.
Vĩ lời của Chúa là lời Tình Thương.
Vĩ ơn huê của Người là ơn cứu rỗi.
Ơn huê của Người là ơn Hòa Bình vô giá. ■

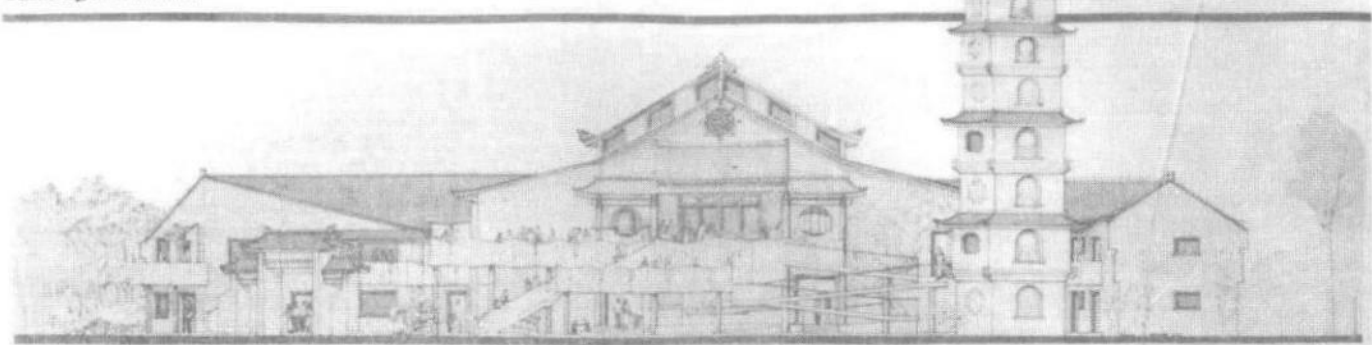
Hannoversche Stadtteil-Zeitung

Ausgabe Süd



Donnerstag, 3. Dezember 1987

Amfliches Bekanntmachungsblatt der Bezirksräte Hannover



Fernöstliche Architektur im Süden Hannovers: Die neue Pagode der vietnamesischen Buddhisten mit der rund 14 Meter hohen Stupa (rechts).

Inmitten trister Industrie-Architektur:

In Mittelfeld entsteht ein Ort der Erleuchtung

Vietnamesische Buddhisten bauen neues Zentrum / Baubeginn Anfang nächsten Jahres / Drei-Millionen-Projekt

Die Herrschaftsgöttin ist noch in gelbes Tuch gehüllt und steht - ein wenig nach hinten versetzt - zur Linken der kostbaren Erzstatue Buddhas, die an der Stirnseite der Aufstiegsallee thront. Erst nach dem Umzug in die neue Pagode wird sie ihren Schleier lösen, und bis dahin wird wohl noch gut ein Jahr vergehen. Doch Reverend Thích-Như-Dien (bürgerlich Le Chung) ist zuversichtlich. Der 37-jährige Abt der Pagode Viên Giác hofft, daß mit dem Bau an der Karlsruher Straße 6/Ecke Eichelkampstraße Anfang nächsten Jahres begonnen werden kann.

Inmitten trister Industrie-Architektur soll hier nach den Plänen eines vietnamesischen und eines deutschen Architekten aus Saarburg eine religiöse Begegnungsstätte im fernöstlichen Stil entstehen. Donnerstag wird die leicht veränderte und fertigleuchtige Pagode mit ihren geschwungenen Dächern von einer rund 14 Meter hohen kubischen Stupa. In diesem Turm, dessen Stockwerke durch weit über-

genste Dächer voneinander abgesetzt sind, wird der levonene Buddha einzeln residieren. Beirührend ist jedoch die zentrale Aufstiegsallee, die sich hinter einer reichgestalteten und einladend gestalteten Giebelwand verbirgt. Um die Kultstätte gruppieren sich kleinere Nebengebäude, in denen unter anderem die umfangreiche Bibliothek, Druckerei und Büro sowie die Wohnräume von Abt und Novizen untergebracht sind. Insgesamt bedeckt der buddhistische Tempel eine Grundfläche von 300 Quadratmetern. Das 400 Quadratmeter große Grund-

stück hat die Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhisten in der Bundesrepublik Mitte dieses Jahres von der Union Beton für rund 540 000 Mark erworben. Nachdem die entsprechende Bauvorstudie bereits im September positiv beschieden wurde, steht der Erwerb der Baugenehmigung für das außerordentlich hübsche Gebäude, so ein Sprecher des Bauordnungsamtes, voraussichtlich nicht mehr im Wege. Finanziert wird das Drei-Millionen-Mark-Projekt zu großen Teilen über Spenden und ständige Darlehen der rund

25 000 in der Bundesrepublik lebenden vietnamesischen Buddhisten. Das Land Niedersachsen wurde ebenfalls um Unterstützung gebeten. Regelmäßige Zeremonien in Höhe von rund 20 000 Mark erhält die Congregation jährlich vom Bundesministerium des Innern.

Nach der Fertigstellung der neuen Pagode möchten die Buddhisten auch ihre kulturellen Aktivitäten ausweiten. In der ehemaligen Lagerhalle an der Eichelkampstraße plantieren bislang viele Pläne am Platzmarkt. Mit Koch-, Akupunktur-, Meditations- und Sprachkursen sowie Seminare über buddhistische Kunst wollen sie verstärkt auch die Hannoveraner ansprechen. „Vielleicht“, so hofft Abt Thích-Như-Dien, der Betreuer der vietnamesischen Buddhisten in Hannover, „wird es in Zukunft ja nicht nur bei neugierigen Bürgern. Die Pagode Viên Giác, was übersetzt „Ort der Vollkommenheit und Erleuchtung“ heißt, steht allen offen.“



Für den Fotografen könnte Abt Thích-Như-Dien den Schöpfer der Herrschaftsgöttin, der sie jetzt noch verhüllt.

Kiến trúc Á-Đông ở phía Nam thành phố Hannover : Một ngôi chùa mới của Phật Tử Việt Nam với ngôi tháp cao 14 mét (bên phải).

Vị trí trì Thích Như Điển kéo tâm vai phủ tượng Phật Bà Quán Âm cho nhiếp ảnh gia chụp. Cho đến khi có chùa mới, tượng Ngài vẫn còn được che phủ.

Tượng Phật Bà Quán Thế Âm còn được che phủ bằng một tấm vải vàng và chùng lui phía sau ở bên trái tượng Phật bằng đồng quý giá được thờ ở một mặt bên trong chánh điện. Tấm vải phủ này sẽ được kéo xuống khi tượng Phật Bà được thỉnh qua thờ bên ngôi Chùa mới, từ giờ đến đó còn chừng một năm nữa. Nhưng Đại Đức Thích Như Điển, vị trí trì chùa Viên Giác rất vững tin rằng việc khởi công xây cất ngôi Chùa mới tại đường Karlsruhest. 6, góc đường Eichelkampstr., có thể tiến hành vào đầu năm tới.

Chính giữa lối kiến trúc kỹ nghệ buồn tẻ sẽ xuất hiện một ngôi Chùa kiểu Á-Đông do một Kiến Trúc Sư VN và một Kiến Trúc Sư người Đức ở Saarburg phác họa. Một ngôi Tháp với những mái ngói cong cao 14 mét

Ngay giữa lối kiến trúc buồn tẻ của kỹ nghệ :

TAI MITTELFELD PHAT HIEN RA GIAC NGO ĐAO TRANG

Phật Tử Việt Nam xây một Trung Tâm mới / khởi công xây cất đầu năm tới / một dự án 3 triệu Đức Mã.

Ngay giữa khu kỹ nghệ ở Mittelfeld tọa lạc một Trung Tâm của người Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức. Hằng năm có khoảng 8000 người đã đến thăm chùa Viên Giác lễ Phật, kể từ năm 1980 khi chùa được dọn về đường Eichelkampstr. Nơi này trước đây là kho chứa hàng kỹ nghệ. Nhưng nơi này cũng quá chật hẹp, vì thế nhiều sinh hoạt không thể thực hiện được. Nên một ngôi Chùa mới sẽ được khởi công xây cất vào đầu năm tới, tọa lạc trên khu đất đối diện bên kia đường và viên gạch đầu tiên xây ngôi Chùa mới này đã được đặt xong.

vườn cao khỏi ngôi Chùa mới với những đường nét chi tiết rất mỹ thuật. Ngôi Tháp nhiều tầng này dùng để thờ Phật.

Những ngôi Chánh điện lại càng nổi bật hơn với những mái nhà năm chồng lên nhau thật duyên rữ. Chung quanh ngôi Chánh điện này là những dãy nhà trệt dùng làm thư viện, văn

phòng, nơi in kinh sách cũng như Tăng phòng. Toàn bộ ngôi Chùa mới chiếm một chu vi khoảng 3000 mét vuông.

Miếng đất 4000 mét vuông xây ngôi Chùa mới đã được Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất tại Tây Đức mua lại của Hãng Union Beton

Xem tiếp trang 39

THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC

LÊ THỊ BẠCH NGÀ

an tôi viết thư từ Việt Nam qua, đọc thấy rất thương: "Ngà ơi, bà có biết rằng bà đang sống trên thiên đàng, mà tôi đang sống trong địa ngục, địa ngục vật chất lẫn tinh thần. Chắc bà tu 9 kiếp rồi, nay mới được như vậy. Còn tôi phân bạc duyên thơ ...". Thư dài đến ba trang viết chi chít những tâm sự náo nức. Nhưng nói rằng tôi đang ở trên thiên đàng thì chắc không đúng, thiên đàng Bắc Mỹ này so ra cũng chỉ là một cõi ta bà đầy rẫy khổ đau, khổ nhiều vui ít. Tôi không quen kể lê tâm tình nhưng quý bạn hãy nghe anh tôi than thở:

- Cái xứ gì đâu không có tình người, chẳng ai biết ai, hừng hực đi làm, hừng hực về nhà, hừng hực ăn, hừng hực ngủ! Từ ngày ly hương, tôi trở thành người máy Robot. Bây giờ quê nhà đang mùa Xuân hoa nở đầy đường Nguyễn Huệ, tôi nhớ phát điên bụi mai già và hàng vạn thọ trước sân... không khí ngát hương... Bên này tuyết trắng mờ mắt muôn dui luôn. Nhiều lúc lái xe, muộn lắm đâu xuống sông St Laurent mà chết cho xong kiếp đọa đầy!"

Ái đây đọa anh tôi? Ai chọn con đường lối đời để hồn bay trở về Việt Nam, chốn thiên đàng của quá khứ. Tôi thương cho anh tôi, con người vì chỉ thấy có quá khứ mà không thấy được hiện tại lẫn tương lai. Ông ta có biết đâu giờ đây Việt Nam đâu yêu thương trước, chốn thiên đàng tuyệt vời ngày xưa của ông anh, nay bạn tôi lại kháng định một cách chắc chắn là địa ngục khổ đau!

Hồi còn học trung học, lớp đệ tam, chúng tôi thành lập một đội bóng rổ nữ, đi đâu với các trường trong tỉnh, đem về nhiều "cúp" cho trường. Nhóm tôi thì thân nhau lắm. Cầu thủ nữ gồm nhiều lớp hợp lại, tuổi tác không đều, nhưng vẫn thân nhau.

Một tuần trước chúng tôi còn đạp xe đạp cả đoàn đi ăn chè khao quân, tuần sau cô bạn nhỏ trong nhóm ngã dúi ra chết, đau gì không biết, chỉ hai đêm là mất, chúng tôi khóc mê man, kéo nhau cả lũ đi đưa đám.

La thay, khi nhìn bạn tôi nằm dài trong hòm bọc satin trắng muốt, mặc áo đầm trắng dài chấm gót, đầu đội vòng hoa trắng kết bằng voan, hai tay chấp ngang ngực với cành hoa huệ và cây thánh giá, tôi thấy cô bé đẹp quá, chẳng giống gì bạn tôi khi đang nháy nhót như sóc trên sân bóng rổ của trường đạo nào. Cô bé biến thành tượng Đức Mẹ đồng trinh trước nhà thờ Chúa hồi tôi học trường bà seor. Tôi hết cả sợ, nhìn kỹ hơn vào mặt, cô bé môi đỏ má hồng, tươi rói, đẹp như cô dâu mới, mặt hiền hòa thanh thản, phảng phất nụ cười nhẹ, chắc là bạn tôi đang ở

thiên đàng, vì thế nó mới đẹp vậy, mới vui vậy. Phải rồi, bạn tôi, chết lúc 15 tuổi, có làm điều gì tội lỗi đâu, có kip làm gì xấu đâu, cho nên nó được lên thiên đàng. Chúa đem nó đi rồi, và tôi yên tâm cho bạn tôi ... trong lòng được an ủi.

Có những cái chết đau buồn hơn, nghiệt ngã hơn ... nhưng về lâu về dài, tôi nghiệm ra là mỗi người có mỗi nghiệp duyên, nói hoài cũng chẳng đến đâu, phần tích nhiều thêm rồi. Nghiệp lành dù ai gây nấy chịu, nhân quả rõ ràng, ai làm nấy biết. Thiên đàng địa ngục ai khôn thì nhớ, ai dại thì chịu, đêm nằm nhớ Phật nhớ thầy (hay nhớ Chúa nhớ cha) đọc kinh cầu nguyện để lên thiên đàng.

Quan niệm về thiên đàng địa ngục hồi nhỏ đối với tôi nó rõ ràng và đơn giản như vậy. Tôi học Thánh Kinh với bà seor năm này qua tháng nọ, cố học, cố giữ, mình để đúng sa vào địa ngục (mà khổ) để được theo Chúa về ở thiên đàng (cho sướng). Song song với hình ảnh thiên đàng địa ngục tôi làm quen với ngục Á Tỳ của tôn giáo Mục Kiền Liên trong những mùa Vu Lan với gia đình Phật Tử. Đứa con nít nào mà nói lão chết xuống địa ngục sẽ bị cắt lưỡi, nuốt hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi. Ăn cắp thì bị tôi chất tay, rút thit. Trai gái, bầy ba thì bị ôm cột đồng, nằm giường sắt nóng, đầu thân rời rã, đem nấu vạc dầu ... Hương chi tôi là Phật Tử, mẹ tôi không kể chuyện đời xưa đời sau (tôi nghe chuyện Mục Kiền Liên đi về địa ngục cứu mẹ là bà Thanh Đề có đến cả chục lần không chán) thì các anh chị trưởng trong đoàn Phật Tử cũng nhắc đi nhắc lại dài dài trong mỗi mùa Vu Lan báo hiếu.

Tuy vậy, chẳng ai dạy tôi chữ niết bàn, tịnh độ. Mãi đến sau này, bắt đầu học Phật tôi mới phải mất công suy nghĩ đến những chữ trừu tượng xa vời kia.

Tôi học Phật là vì gặp duyên học Phật nói cho nó oai hơn một chút, là vì tôi tự quyết định đi tìm học. Để chi vậy? Để tiền một chút tư phiến nào qua an vui. Nội đến địa ngục là khổ, ai cũng biết rồi, nhưng kỳ quá, cõi ta bà có trời xanh mây trắng, có trăng sao, có cây hoa lá, có bướm có chim, có người có vật, có nắng vàng óng ánh, có gió mát mơn man .. nên thơ vậy, đẹp vậy, thật là hữu tình thế mà Phật dạy rằng độ cũng là chốn tam bo, cõi vô thường khổ não, không có gì đáng ham luyện, còn có những chỗ khác an vui hơn, sung sướng hơn, đẹp đẽ hơn, tùy nguyên của mỗi người mà tu về nơi chốn mình chọn lựa!

Có mấy chỗ an vui? Nhiều lắm, học kinh sách thì nghiệm ra là để chúng moi chúng sinh là có một cảnh giới an vui

hiên hiên, những quốc độ an vui nhiều như cát sông Hằng (nhiều lắm). Đi lơ mơ dễ lạc. Tôi cảm khích lời phân giải chỉ đường của Ngài Ấn Quang dạy cho một Phật Tử tìm về nẻo Tịnh độ.

- Ví cho một người tu thiên nghiệp lên đến cõi trời, hưởng đực lạc an vui mây ngàn kiếp, rồi khi hết phúc cũng sẽ đọa xuống cõi ta bà, luân hồi trong lục đạo chịu cảnh trầm luân, chi bằng nguyên tu về cõi tịnh độ an vui của Phật A Di Đà là nói không thối chuyển để được tiếp tục tiến tu lên mãi và thành Phật.

Ái học Thiên, không tin lời kẻ tu tịnh độ cũng phải, tôi không ép. Thôi hãy nghe Phật bảo ông Tu Đạt Đa trong kinh Thủy Sâm, trang 133, của thầy Thích Tuệ Hải dịch:

- Thấy người là Uất Đầu Lam Phát, lời căn sáng suốt, đã hàng phục được phiền não, đến cõi trời phi phi tướng rồi, mà khi mệnh chung còn phải đọa vào đường súc sinh làm con phi lý, huống chi người khác.

Tôi ha căn, ngu ngốc, chẳng hiểu nổi cõi phi tướng, phi phi tướng có gì, cũng không biết con phi lý là con gì, đẹp hay xấu, đứ hay hiền .. Nhưng xem ra như thế nếu không lên đến qua thánh bất thối chuyển, thì vẫn còn bị luân hồi chuyển qua các đường ác để như trở bàn tay.

Vậy thì cõi tịnh độ, nơi chốn an vui không thối chuyển của Phật A Di Đà đó xa hay gần? Ở đâu? Làm sao mà tới cho được, ví như qua sông, sóng gió phủ đầu, muộn qua thì nương thuyền và tay chèo vụng lái. Dù mình đi một mình thì cũng phải vụng tay chèo. Dù có người giúp, chèo lái cho mình qua, mình cũng phải tin rằng bên bờ kia, bên kia sông, bên chôn mít mù đó, có một nơi để đến, để về và vụng tâm cất bước lên thuyền mà đi.

Con sông ví như cuộc đời lộn xộn, quay lờn, luân hồi sóng gió. biền nghiệp mệnh mang.

Chiếc thuyền là pháp môn tịnh độ Phật để lại cho thế nhân.

Tín, nguyên, hành là tâm trang của kẻ cất bước lên thuyền tìm về tịnh độ.

Các thầy là người cầm lái đưa thuyền mà Tổ sư Ấn Quang là một trong những người cầm lái giỏi, giải thích đường về tịnh độ rõ ràng để hiểu.

Tôi cũng phục cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, dù cho tôi học Thiên vài chục năm nữa, tôi cũng không biết hết nội cái biết của cụ về "cảnh giới như huyễn". Cái biết của cụ mệnh mạng như trời cao đất rộng, như những làn sóng ba đồng xoay tít lên cao ... mà tâm tôi thì hẹp quá, nhỏ quá, thấp quá, mê mờ quá ... nhưng không phải vì thế mà tôi không biết trầm trở khen ngợi những gì cụ giảng dạy. Ví như người mù đầu có thấy được mắt trời, nhưng vẫn biết được, cảm được mắt trời có đó, đang tọa hơi ấm .. cũng vậy, hiểu thì không hiểu mà tôi vẫn cảm thấy thật hay, thật tuyệt về cái pháp môn như huyễn của cụ.

Nói đến pháp môn như huyễn, tôi buồn cười cho cái kinh nghiệm đem đao vào đời đem đời vô đạo của tôi, một kinh nghiệm nông cạn mà sâu như biển, đáng cất để đời. Tôi càng càng tuyên bố với chồng:

- Anh đi! Phật dạy thiệt hay! Cuộc đời là huyễn mộng, như bọt, như bóng, có gì quan trọng đâu. Nhìn xem, chồng có sợ đó mà biết là huyễn, là chính thực không phải là chồng, do nhân duyên hòa hợp tạo nên, gặp nhau, gá nghĩa, cho nên mới tạm gọi là chồng.

Chồng tôi nổi sân :
- Nè, bà học gì thì học tùy bà, nói gì thì nói mặc bà, nhưng đừng tới "chồng như huyền" là không được rồi! Tôi còn sống sờ sờ ra đây, chưa chết, coi chồng như "cổ cổ không không" là bà chết với tôi !

Bỗng nhiên, ông chồng như huyền của tôi đối diện thành vui, giọng ngọt xớt như đường mía lau :

- Phải! Phải! Thôi bây giờ anh bắt chước em giống như em bắt chước Phật, tuyên bố oang oang : Em ơi, cuộc đời hư huyền, vợ chồng hư huyền, như có như không, một vợ hay vài bà vợ cũng như không như có, để anh kiếm thêm vài ba mu núa cho vui của vui nhà, có có không không ...

Đến lượt tôi nổi sân :
- Nè, nói gì thì nói, nhưng đừng tới vợ mà coi như "có có không không" là không được rồi! Tôi còn sống sờ sờ ra đây, chưa chết đâu mà tưởng bở !

Bởi vậy mới gọi học không ra học, hành chẳng ra hành, súc máu giao mà đòi nghe lý thuyết không gian 4 chiều, ngồi trước thêm cả tam quan mà đòi học kinh Hoa Nghiêm với Kim Cang ... Ôi cái của địa ngục "vô ngã" nhỏ xíu, gân xít thể kia, mà đung vào là bị hất văng đội ngược ra, đau ê ẩm, làm sao mà tôi qua cho nổi của thứ hai "như huyền" để bước đến cõi thiên đàng sự sự vô ngại, pháp giới viên dung, cảnh giới như huyền ... gì gì mà nhỏ như hạt cải, lớn như hư không... Thôi thì tôi biết phân lui về chỗ cũ, vô minh mê mờ mờ, vui vui buồn buồn, như ngọn đèn khi tỏ khi lu... Ôi trùng trùng duyên khởi, cái này mắc vào cái kia như hình với bóng, như nghiệp với duyên như chồng với vợ ... vậy mà khỏe, đồ quán xét sâu xa tẻo cao tẻ năng đau nhiều! Khi có thì biết là có, khi không thì biết không khi vui biết mình đang vui, khi buồn biết buồn, khi giận cũng vậy ... tuyệt nhất là khi ngủ mình biết mình ngủ, khi mê mở mình biết mình mê mở ... cái thấy đó mới thật là cái thấy biết rõ ràng !

Tại sao vậy? Bởi vì đồng lúc mình thấy mình mê thì cũng thấy ngay cái gì đối ngược của mê là tỉnh (hay giác).

Cái tỉnh nó nằm ở đâu? Tỉnh nó nằm trong cái mê chứ ở đâu? Giống như đau khổ nằm sát bên hạnh phúc. Thấy Thiện Huệ ở chùa Khánh Anh giảng đi giảng lại kỹ càng rằng "Hạnh phúc đi liền với đau khổ như cái bóng đi theo hình".

Vậy thì cái tỉnh cũng đi liền với cái mê như bóng theo hình.

Cảnh giới niết bàn an vui cũng đi liền với cảnh giới ta bà đau khổ như bóng theo hình.

Bồ đề tỉnh giác cũng đi liền với ngu si phiền não như bóng theo hình.

Không có cái này thì làm sao có cái kia ?

Không có khổ đau thì cần gì phải chạy lằng xằng đi kiếm cái an lạc ?

Vậy thì có cái này tức có cái kia.
Có khổ đau tức có an lạc.

Có với tôi, đó là chìa khóa để vào của Phật đạo. Học Phật mà biết mình đang học Phật, học Phật để làm gì, thấy mình đang ở chỗ ngu đốt mà tiến lên, thấy đường tiền, đường thoát từ ngõ này qua ngõ kia, từ bờ này qua bờ khác, từ của sinh tử luân hồi qua cửa giải thoát, thường hằng, vô sinh, bất tử, không mất. .. có phải đáng cho mình học không? Đáng phấn khởi không? Đáng đội mưa đập tuyết đến chùa nghe thầy giảng dạy không ??

Mấy cụ già như bà cô tôi tuyên bố khỏe ru :

- Chuyện đời rắc rối thì phi, cổ bỏ

hết ngoài tai. Bây giờ cô tu về tịnh độ, mai một chết về với Phật A Di Đà an vui.

Bà cô tôi nói vậy cũng yên một bề, tôi mừng cho bà. Ở cô nói, về cô chôn cũng hay! Cái sự chết chính là cái sợ hãi vô có rỗng rỗng không biết đi về đâu sau khi chết. Bà cô tôi đã sửa soạn, đã sắp xếp ngày về với Phật như kẻ xa nhà về quê, như con về với mẹ với cha .. Còn tôi, cõi tịnh độ đối với tôi còn xa ngàn dặm, nghe thì có nghe, nhưng đến được coi bộ còn lâu !

Cái thân mỏng manh của tôi, xui xẻo thì ngày mai lần đùng ra chết, bệnh hoạn tai nạn, nghiệp lực phải trả, đứt ngang .. ai biết? Nhưng nghiệp này hết còn nghiệp khác đây lên, số kiếp của tôi còn luân hồi lục đạo vài ba a tăng kỳ kiếp nữa là cái chắc ... có may mắn, thọ được như bà cô tôi thì vài chục năm nữa cũng chết mà ngày nay qua ngày khác, cuộc đời lắm nỗi ưu phiền, mình không tạo nghiệp thì nghiệp cũng tìm mình mà đeo, mà gá vào ... chạy đầu cho thoát !

Từ ngày theo gót chồng tôi, xách áo đến lạy thầy xin học thiên, thầy giảng một đàng, trò hiểu một nẻo, thầy dạy xong về chùa, hai vợ chồng về nhà học tiếp, một câu của thầy đem về làm 4, làm 8, làm 16, 32 ... cái nhau ôm tôi, như người mù sờ voi ... tôi nghĩ mà buồn cười và vỡ lẽ ra rằng thì ra, cái học cũng có nhiều bậc, nhiều tầng. Ví như cùng học tiểu học mà cũng có từ lớp mấy giáo lên đến lớp nhũ lớp nhất. Trong mỗi lớp 30 - 40 học trò cũng có nhiều căn cơ khác nhau, đứa này thông minh, đứa kia trí tuệ, đứa này siêng năng chăm chỉ, đứa no ham chơi ... Có giao dạy mấy chục học trò, mỗi đứa mỗi tâm tính, mỗi đứa mỗi trình độ, dạy cho xong chương trình năm học chắc có cũng điên đầu mệt đứt. Ví vậy mà tôi thông cảm với thầy, với Phật. Thầy dạy một pháp môn là đủ để về tịnh độ, cơ sao Phật lại đưa ra cho chúng sinh đến 84000 pháp môn để cho nức sức mà chọn lựa, cho hợp kẻ hợp cơ.

Tôi nghĩ rằng 84.000 pháp môn cũng chỉ là một con số tượng trưng, có lẽ phải nói rằng có bao nhiêu khổ đau phiền não là có bấy nhiêu đường giải thoát để đưa người về cõi tịnh độ.

Nói chuyện Tịnh độ sau khi chết thấy còn xa với quá. Tôi nói chuyện hiện tại mình còn sống sờ sờ ăn ngày 3 bữa này mà thôi. Nhân mấy ngày thấy Như Điển ghé Montréal hoàng pháp ở chùa Quan Âm, bạn tôi theo riết thầy để hỏi cho ra lẽ. Câu hỏi của chị có lẽ chỉ để ấp ủ, thắc mắc từ lâu, đối với chị chắc cũng quan trọng như vấn đề chết sống. Chị hỏi thầy rằng:
- Thưa thầy, địa ngục trong kinh tá có thiệt không đây ?

Hình như sau đó, thầy đã ban cho một thời pháp khá dài, khá hay, tôi không có cơ duyên được nghe giảng, nhưng khi gặp tôi, chị kể cho nghe lời thầy kết luận. /

- Địa ngục có mà không có !

Mới nghe qua, xem như huyền hoặc. Tôi lại nhớ đến cụ Tịnh Liên! Thôi, Thôi, tôi hết ham lạc vào mê hồn trận cảnh giới như huyền của cụ nữa rồi! Nhưng la lung thay, có lẽ bạn tôi đã được thầy đồ mở một cánh cửa nào đó của tâm linh hướng về giải thoát. Từ đó bạn tôi hết thắc mắc, chỉ tâm niệm Phật, tụng kinh.

Tôi tư kết luận một mình.

- Bạn tôi đã thấy địa ngục, và cùng lúc thấy được địa ngục, chỉ đã thấy luôn cái bóng của địa ngục là thiên đàng.

Tôi nhớ đọc được ở cuốn kinh Đại thừa nào đó :

- Khi lâm chung, thân thức của chúng sinh nhiều ác nghiệp xẹt ngay vào địa ngục, nhanh hơn tên bắn ... Nói gì khi chết mới vào địa ngục! Mỗi ngày, hàng ngày tôi cũng ra vào địa ngục đều đều !

Khách hàng của tôi có nhiều loại, nhiều hạng : Đàn ông đàn bà, trai gái, ông già con nít ... giàu nghèo đủ cả. Mỗi người là một thế giới, lúc họ ở thiên đàng vui sướng thì tôi ít được chia sẻ, lúc nào đau đớn, ngắt ngư thì họ tìm đến tôi lấy thuốc, mớ cánh cửa địa ngục của họ ra cho tôi xem. Mỗi cách đây nửa tháng tôi vừa soạn thuốc, vừa an ủi một bà khách mắc bệnh ung thư đến hồi hết thuốc, nhìn những viên thuốc chống đau với cái toa ghi đồ thuốc giết người, tôi khuyên bà nên trở lại nhà thương sớm, may ra... Mới hôm qua, tin báo về bà đã trút linh hồn trong cơn đau đớn ... Trời a, tôi đã biết trước, tôi đã đoán ra rồi! Nhưng không biết sao, khi nghe tin, người tôi nóng hừng lên như bị bước qua lò sắt, tim tôi thất lại như bị kéo tên để cùng theo bà đi vào địa ngục ... Bình nhân của tôi thân thiết với tôi dường vậy, nói gì đến bạn tôi, gia đình tôi, các con tôi buồn là tôi buồn, các con tôi sướng là tôi vui, mẹ tôi đau vật vạ là tôi cũng khóc rờn ... địa ngục đối với tôi không xa lạ, nhưng bù lại thiên đàng của tôi cũng cận kề gang tấc.

Nhưng một ngày, ăn ngủ, làm việc, khóc cười, buồn vui, thiên đàng địa ngục ra vô trảm bản như thế cũng mệt, có cách gì để thấy địa ngục thiên đàng mà khỏi vô, không cần bước vào không nhỉ ?

Học duy thức tuy rắc rối cũng có lực được việc. Thầy dạy rằng theo duy thức học, cái biết gồm có 2 tầng; tầng đầu là cái biết, sự nhận biết sự sự vật vật; tầng thứ hai là cái so sánh, đo lường, phân biệt, đặt tên, chọn lựa. Chính tầng thứ hai này dẫn đến cái tri thức sai lạc gây tai nạn nghiệp.

Nếu mình sống luôn luôn với cái biết đầu thì sẽ gặp được một trạng thái giác tỉnh, biết mà không bị lôi kéo theo cái động loạn. Biết không động khác với biết mê mờ.

Biết như vậy có ích gì không ?
Có ích lắm chứ !

Ví dụ :

- Biết được đây là khổ mà không bị lôi kéo theo cái khổ.

- Biết đây là địa ngục mà không bị đắm trong địa ngục.

- Biết đây là sướng vui mà không thu giữ ôm chặt lấy cho mình.

- Biết đây là thiên đàng mà không mắc vào hư huyền.

Bạn muốn đi tìm niết bàn là chọn an vui thường hằng thì trước hết bạn phải biết địa ngục khổ đau là gì đã chứ. Ví như kẻ muốn đi tìm vàng, - nghe nói vùng đất này có vàng, tuy không thấy được vàng vì bột vàng rất nhỏ, rất hiếm, nhưng chắc chắn là bạn biết đất cát sỏi đá khác vàng, không phải là vàng chứ.

Kiểm vàng bằng cách nào? Xúc một giỏ đất của vùng đất có vàng, đập bên giòng suối, dùng dòng nước chảy rửa cho trôi đi đất cát đá sỏi, ngày này qua ngày khác, giỏ đất này tiếp nối giỏ đất nọ, dần dà bạn sẽ thấy được ở dưới đáy giỏ, bên góc kẹt, lộ ra lóng lánh một ít bột vàng lẻ tẻ, nằm dưới đáy.. nhưng chỉ cần một chút vàng lẻ tẻ đó, con người có thể sống sung sướng giàu sang suốt đời.

Cũng vậy, muốn tìm chơn niết bàn là nơi an vui sâu xa bền vững, khó thấy, khó

hiều, cũng nên bắt đầu bằng cách đem toàn cái khối tri thức cùng với đồng danh sắc hồn độn nằm trong cái túi da cao thuốc rưới này ra mà gột rửa bằng giòng suối thiên na (nếu học thiên) bằng dòng nước nhất tâm bất loạn (nếu học tính) để gột rửa đi những ngũ uẩn, tứ đại thịt xương, tham sân si nghi mạn, tâm vương tâm sở, thọ tướng hành thức gì gì ... cho tiêu hết đi, ngày này qua ngày khác, một ngày kia sẽ lộ ra cái biết như như không đồng, cái để nhất phong đầu của duy thức học, cái biết không mê, cái biết giác tỉnh, tinh thức ... cái biết của các thầy giảng ... nhưng đối với tôi lại là cái biết như có như không bởi vì muốn bắt lấy mà không bắt nổi, muốn nắm lấy mà chẳng nắm được, tuy nhiên nó vẫn lộ lộ ra đó, mỗi giờ, mỗi phút, mỗi sát na.

Theo cái sức nhỏ bé của tôi, nguyên tắc đi về tinh đồ là vậy, vì thế tôi học Phật, tôi tu Phật, tôi hành Phật pháp học được với mấy thầy bằng tâm lòng thanh thản, an tịnh, có đi thì có tới, có tu thì có thành, tự nhiên là như vậy, chắc chắn rõ ràng là như vậy.

Khi tôi ngồi thiền, bây giờ và ở đây tôi nhìn vào tâm tôi, tôi thấy một cảm giác vui buồn, thường ghét nào đó (tạm gọi là cảm thọ).

Tôi cảm lên cảm thọ đó, lắng nghe cảm thọ đang ở trong tôi, và tôi thả trôi cảm thọ đó để cho nó trôi theo giòng nước chảy. Giòng nước thời gian chảy qua và mang theo, mang đi mất cảm thọ có trong tôi. Dòng nước chảy qua, thời gian trôi đi và tâm tôi được gột rửa. Cái gì vô thường, có hiện ra rồi biến mất, cái gì thay đổi theo thời gian là cái không chân thật, tôi bỏ thả nó đi như người tìm vàng bỏ thả cát sau sỏi đá trôi đi theo dòng nước ... Năm này qua tháng nọ tôi được gì ?

Cõi tinh đồ tôi chưa về đến. Có chết cũng chưa chắc về được vì nghiệp còn dày nhưng ngay tại nơi này, ở đây, giờ phút hiện tại trước con mắt, tôi đang có được an vui, an lạc trong lòng. Không phải như vậy là tôi đã đạt đến được cõi thiên đàng hạ giới gì đâu! Cũng không phải là tôi có thần thông vì học thiên rồi biến ta bà thành tịnh độ đâu !

Địa ngục vẫn còn đó. Tôi ra vào địa ngục mỗi ngày như đi chợ. Tôi cũng đau nhức, ruột gan nóng nảy như bị xào nấu khi được tin từ quê nhà, ngôi nhà tử đường với nhiều kỷ niệm ấu thơ, đã cháy tan thành tro bụi. Tim tôi cũng nghệt như bị quỳ bóp cổ khi biết anh tôi quảng quai vì bệnh, vì đói trong ngục tù Cộng Sản.

Thế nhưng, thiên đàng vẫn kề bên địa ngục như bóng với hình. Tôi là một thể nhân thường tục, nói rõ hơn, tôi là một phàm nhân tâm thường như mọi người của cõi ta bà đau khổ, cũng vui cũng buồn cũng ngủ cũng ăn, cũng thương cũng giận ... nhưng tôi được có cái duyên may là tôi thấy mình đang đứng trên mảnh đất Phật pháp, như kẻ đi tìm vàng có cái duyên may thấy mình đang đứng trên mảnh đất có vàng.

Tôi làm được gì với cái gọi là Phật pháp? (rất quan trọng cho người này - kẻ đem tâm học Phật - lại chẳng quen thuộc, hấp dẫn gì với kẻ khác).

Địa ngục thiên đàng là đâu? Địa ngục thiên đàng có ở quá khứ, hiện tại hay tương lai? Địa ngục thiên đàng là nơi hư dối hay có thật? Hay địa ngục là thiên đàng?? Giống như thầy thường nói phiến

Phai Màu Tóc Sương



Giờ như cánh vạc lao đao,
Trời cao đất rộng nơi nào dung thân
Tha hương mòn mỏi gót chân
Mỗi mùa tuyết giá, một lần xót đau.

Đời vô minh vốn qua mau
Ngẩn ngơ thân thể phai màu tóc sương
Đêm đêm nghĩ chuyện vô thường
Vui trong khoảnh khắc mà buồn vô biên.

Ta mang nặng mối ưu phiền
Đề xin chuốt lấy bình yên cho người
Ai gieo tình ái vào đời
Để vô ưu cũng ngộ lời rong rêu !

Nào ai tron ý thương yêu
Xin cho nhân thế những điều bình an !

■ TÚY ANH

não là bỏ để, khổ đau là giải thoát?
Câu trả lời cách nào cũng không nhằm
Còn thớ, còn sông thì thiên đàng địa
ngục đối với tôi còn như có như không.

Tôi đồng ý với bạn tôi. Tôi chẳng cần đi kiếm đâu cho xa xôi cõi thiên đàng địa ngục ở thế gian bên ngoài nữa. Thế gian bên trong của mỗi người chúng ta đang lộ lộ hiện hiện ra đó mà nào ta đã thăm viếng cho xong. Thế gian này có đủ cả, thiên đàng địa ngục, vui sướng khổ đau cũng như tham, sân, si nghi mạn buồn vui thường ghét đủ cả. Lại còn có cả cái mà người ta gọi là không tham, không sân không si.

Thầy tôi dạy rằng :

- Cái KHÔNG THAM tương ứng với cái thiếu dục tri túc, biết đủ ... Cao hơn một tầng, cái không tham tương ứng với cái chia sẻ, bố thí, chung hòa ...

- Cái KHÔNG SÂN tương ứng với cái thấy và thương (tự nhân thị chúng sanh). Đã nhìn thấy, hiểu và thương thì làm sao mà giận cho nổi? Cao hơn một tầng, cái không sân tương ứng với cái từ vô lượng tâm tử bi hỷ xả mà mọi người học Phật đều mong đạt tới.

- Cái KHÔNG SI tương ứng với cái tỉnh giác, chánh niệm, cái biết thường hằng như như không động, cái biết để nhất phong đầu. Cao hơn một tầng, cái không si tương ứng với cái trí tuệ bát nhã của kẻ chứng niết bàn an vui, cái trí tuệ vô song, cái toàn trí của bậc đại giác, của Phật.

Tôi hỏi bạn, bạn ơi, bạn còn muốn đi đâu cho xa hơn thế nữa hở bạn ??? Cho nó nhọc sức, hao hơi, mất năng lượng, uống phí thì giờ ? Tôi nói nhiều dài dòng, không khéo lại lạc tứ đề nhất phong đầu qua đến đề nhị phong đầu mất thôi! Giống như tứ thiên đàng tôi lạc về địa ngục vậy, lại mất công thầy tôi la cho một trận rồi lại phải thông dây xuống kéo tôi lên. ■

Tiếp theo trang 32

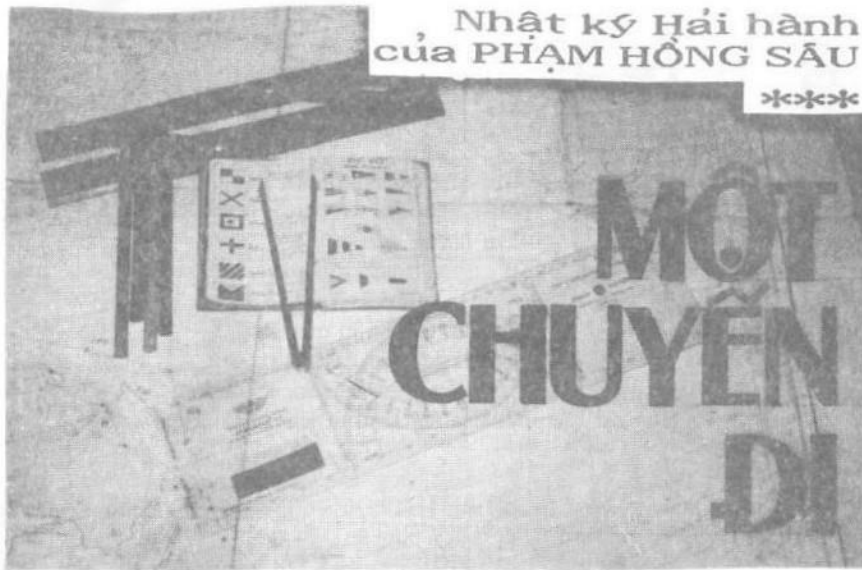
Xin cảm ơn chính phủ và nhân dân Đức đã mở rộng vòng tay nhân đạo nên đã đón nhận chúng tôi vào đây trên con đường tỵ nạn thập tự huyết sinh. Nhờ đó mà chúng tôi mới có cơ hội sống sót cho đến ngày nay để tuyên dương giáo pháp của Phật Đà.

Chúng tôi xin cảm ơn tất cả những ai đã dưỡng và sẽ lưu tâm đến Phật Giáo Việt Nam cũng như giúp đỡ chúng tôi hoàn thành trách nhiệm mang Đạo vào Đời.

Lời cuối xin nguyện cầu quê hương Việt Nam sớm thanh bình, không còn sông trong cảnh đao binh khói lửa, hận thù, chém giết lẫn nhau, để mọi người có cơ hội sống, phát triển khả năng trí tuệ của mình.

Viết xong ngày 22 tháng 4 năm 1987
(để kỷ niệm ngày 10 năm trước đây tôi đã đến Đức)





MỘT CHUYẾN

Tiếp theo

17 giờ một chiếc tuần duyên đình (PCF) của họ đến, bỏ lên tàu chúng tôi hai người cảnh sát Thái, theo sau PCF một chiếc tuần duyên hạm (PGM). Chúng tôi thấy có họ dẫn đi cũng yên lòng, tin chắc rằng hai người cảnh sát này sẽ theo mình trong cuộc hành trình.

Mặt trời ở phương tây lặn dần, hoàng hôn trở về trên biển cả. Chiếc tuần duyên đình của họ chạy trở lại ghé sát vào tàu chúng tôi rước hai người cảnh sát và báo chúng tôi từ giờ này phải tự mình tìm đường đi lấy. Họ bỏ chúng tôi và chạy khuất dần, sau đó mất dạng.

Linh tính cho tôi biết mình bị mắc lừa, thôi thì đành chịu vậy, lạy Phật, Trời phò hộ.

Tôi lấy hướng chạy về Songkla. Mặt biển tối đen, tàu không có một ánh đèn vì máy điện cung cấp cho đèn đã hỏng từ lâu. Chạy lẩn mò trong đêm cho đến rạng sáng.

Hôm nay là ngày 27 rồi, tính ra đã mất bảy ngày đêm lên dênh trên biển, bên bờ vẫn chưa thấy tới đâu, còn mải vất vả, lang thang vô hy vọng, ... Nhờ biển êm, trời có nắng ấm, rải rác khắp nơi có nhiều tàu đánh cá Thái Lan. Chúng tôi chạy tránh họ vì không muốn họ thấy mình biết dấu có thể là hải tặc hoặc thấy mình le loi, lợi dụng biển khơi mệnh mông vắng vẻ làm điều phi pháp.

Bỗng một chiếc tàu đánh cá Thái Lan chạy đuổi theo, thuyền trưởng lấy loa báo chúng tôi ngừng, chúng tôi không ngừng, chúng đuổi theo. Tôi bảo anh em lái tàu dừng để cho

họ chạy sát mình, cứ cố giữ hướng song song và khoảng cách, đồng thời báo phụ nữ và trẻ em xuống hầm, còn thanh niên lên boong cầm dao búa biểu dương lực lượng. Cứ việc đó chúng tôi đi dần đi dần lại nhiều lần, đã tránh được ba, bốn chiếc đuổi theo.

Có chiếc tức giận quá, chạy hướng mũi đâm vào hông tàu chúng tôi, chúng tôi cũng cho quay hướng chạy song song, miễn sao cho bọn họ không nhảy được lên tàu mình. Khi đã cảm thấy không làm ăn gì được, phải bỏ dở con mồi, bọn họ đứng trước mũi tàu, cởi xà rồng, ở trường như nhông, nhảy tưng tưng, thái độ hăm hăm, miệng gào lên chỉi rủa.

Cách đây không xa khi còn là một quân nhân, trên vùng biển Phú Quốc của quê hương, tôi cũng đã có lần khám xét rất nhiều tàu đánh cá Thái Lan xâm phạm hải phận. Họ hay lén lút vào vùng biển của mình để kiếm được nhiều cá hơn vùng biển của họ; họ đã dùng những miếng lưới vét được tất cả những loại cá con, gây bất lợi cho dân đánh và làm giảm tiềm năng hai san của quốc gia mình. Lúc đó với chúng tôi họ là những con mèo, còn bây giờ ngược lại đã thành mãnh hổ. Sự ngầm đến lời Phật dạy báo, cuộc đời là vô thường và sắc bất di không, sao mà đúng quá !...

Tôi cũng nắm được yếu tố của họ không phải là chiếc tàu nào cũng có súng, chiếc có, chiếc không, nhiều lắm là một khẩu carbin hay một cây 2 nòng đem theo bất hợp pháp. Với vũ khí đó hiện tại có thể gây thương tích hoặc chết chóc cho một ít người nhằm vào nhân viên phòng lái,

còn việc gây đắm tàu cũng hơi khó, nếu bắn dưới lòng, tâm đạn quá sức cản của nước làm đầu đạn yếu đi, sự xuyên thủng chỉ là một lỗ nhỏ, chúng tôi tìm cách né tránh được.

Điều thứ hai, tàu chúng tôi cũng là tàu đánh cá như họ, chỉ tàu đã mua lại một trong những chiếc tàu đánh cá Thái Lan trước đây họ đã vi phạm luật lệ quốc gia, được lệnh cấp trên cho chúng tôi dẫn đi về Đứng Đông (Phú Quốc) hay Rach Giá giao quan thuế làm biên bản phạt. Sau đó trả họ trở về, nhưng rồi họ mất mung, không đem tàu về mà bán lại cho dân địa phương Việt Nam lấy tiền.

Tôi biết họ lợi dụng cơ hội này để làm ăn kiếm thêm tiền, thêm của; ban đầu có ít, sau họ rủ rê thành nhiều, họp nhau thành một phong trào cướp bóc, hà hiếp bắt lương, gây không biết bao nhiêu đau đớn, tang thương cho những người đồng hương vượt biển.

Hiện thời tàu chúng tôi chỉ có vỏ ngoài giống họ, còn bên trong máy móc đã đổi thay theo nhiều thăng trầm của thế hệ, phần thì chịu lao đao trong những ngày đêm qua nên cũng đã quá rã rời. Thời may nhờ ở trên gia hộ nên tàu vẫn còn chạy được, mà chạy lại khỏe khi có kẻ đuổi theo.

Năng dễ yếu dần, báo hiệu cho chúng tôi biết đêm đen sẽ đến, bỗng nhiên một máy bị bể zylin. Chúng tôi phải thả trôi lênh bênh để sửa chữa mất 2 giờ đồng hồ nhưng không kết quả, đành chạy ba máy còn lại để tiếp tục cuộc hành trình.

Cả rịch, cả tang lễ tâm thần tàn trong đêm tối, máy đèn đã hỏng từ lâu, chỉ còn nhờ máy đèn chánh cung cấp cho máy bơm hút nước lười, nay lại hỏng luôn, gây lại tình trạng khổ cực cho anh em thủy thủ đoàn, phải múc nước chuyển lên boong để xuống biển.

Trong đêm tối chúng tôi thấy rất nhiều tàu đánh cá đang thả lưới, nhưng họ chẳng thấy chúng tôi vì tàu chúng tôi không có đèn. Phần phải lo tránh lưới, sợ nhờ lưới quấn vào chân vịt. Phần sợ khi họ đang chạy kéo lưới, không thấy, đâm vào tàu mình gây đắm tàu và tổn thương sinh mạng.

Vào nửa đêm chúng tôi nghe đài BBC nói có máy bay trực thăng của Thái Lan, theo lời yêu cầu Tây Đức đã bay dọc bờ biển Thái tìm chúng tôi, nhưng chẳng thấy.

Nghe thì mừng, nhưng không biết làm sao đây, khi trong tay chúng tôi chẳng có một phương tiện nào liên lạc, chỉ còn có cái Radio của anh Chủ tàu để theo dõi tin tức bên ngoài.

Trời sáng rồi, một ngày nữa lại đến, lúc đó 7 giờ ngày 25.11. Chúng tôi nhìn được ở nơi xa kia về hướng tây có một ngọn núi mờ, nhưng chưa định được vị trí.

Anh bác sĩ Lâm Chánh L. hỏi tôi: "Anh có hy vọng đến được Songkla không?"

Mặc dù chưa chính xác, nhưng tôi cũng nói trấn an anh và cố ý để những người chung quanh nghe cho họ yên lòng.

- Được chứ! Anh yên trí chúng ta sẽ đến đó vào khoảng 2 giờ chiều. Anh L. không mấy tin lời tôi lắm, nhưng anh yên lặng.

Càng lúc, dãy núi ở hướng Tây càng rõ dần, bây giờ tôi nhìn vào bản đồ theo dõi. Ở đó có 5 ngọn núi trong năm ngọn núi đó, có một ngọn cao nhất (1.290m) nằm chếch xéo với vịnh Songkla, làm tôi tin tưởng được, nên bảo anh em lái tàu, cứ nhắm hướng đó lái vào.

14 giờ chúng tôi đã nhìn thấy rõ bờ và định được hướng vịnh Songkla. Lòng phơi phơi sự thành công của mình đã ã ã được. Bà con trên tàu ai nấy cũng cảm thấy vui tươi.

Anh Mười Ninh, bây giờ là chủ hãng xuất nhập cảng đồ Á Đông tại

Hamburg thấy chắc ăn rồi, khoái quẻ cười hớn hở, dành tay lái để lái vào bên. Theo sóng xuôi anh lái rất hăng say. Vì chưa phải là bến quen thuộc, nên tôi phải tìm đường vào. Chạy dọc theo bờ biển Songkla, thấy có một đám người Việt Nam đang tắm biển ở xa xa, thấy chúng tôi họ vẫy tay ra hiệu. Chúng tôi mừng quá, chỉ biết vẫy tay lại.

Lúc đó đã 4 giờ chiều, tôi gọi: "Anh Mười, anh lái vào lối này, tránh dãy đá ngầm đằng kia!..." Anh bảo tôi: "Yên trí, yên trí!... tôi lái tàu một cây!..."

Chúng tôi hí hửng vào đến cửa vịnh, định chạy thẳng vào trong, nhưng khi đó có một chiến hạm của Hải quân Thái chạy ra, một thủy thủ đứng chỗ quan sát bên ngoài đài chỉ huy, cầm cặp cờ Simaphore chuyển morse cho chúng tôi. Họ bảo chúng tôi: "-Không được phép vào! Hãy chạy về hướng Mã Lai!..."

Tôi giật mình hoảng sợ, khi thấy những thủy thủ của họ đặt trong tình trạng báo động tác chiến những họng súng chỉa thẳng vào tàu chúng tôi và người trên đài chỉ huy khoác tay xua đuổi.

Sự việc bất ngờ xảy ra làm đầu óc tôi bối rối quá, tôi bảo anh Mười Ninh quay hướng lái, trở ra biển.

(còn tiếp)

... GIÁC NGỘ ĐẠO TRĂNG...

Tiếp theo trang 34

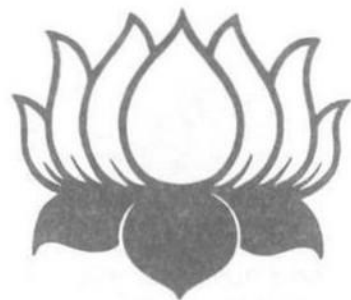
vào trung tuần tháng 5 năm nay trị giá là 540.000 Đức Mã. Sau khi đón xin xây cất (Bauvoranfrage) đã được chấp thuận vào tháng 9 năm ngoái thì việc cấp giấy phép xây cất (Baugenehmigung) "một tòa kiến trúc cực kỳ mỹ lệ" như thế sẽ không có gì trở ngại nữa. Đó là lời phát biểu của phát ngôn viên Sở xây cất tại đây.

Tài chánh cho dự án xây cất ngôi Chùa mới này, khoảng 3 triệu Đức Mã, phần lớn là nhờ vào sự cúng dường và cho mượn không có lời của khoảng 25.000 Phật Tử VN sống tại Tây Đức và khắp nơi. Ngoài ra Chùa cũng kêu gọi sự trợ giúp tài chánh của Bộ Văn Hóa tiểu bang Niedersachsen. Cho đến nay, hằng năm Chùa nhận thường xuyên 80.000 Đức Mã của Bộ Nội Vụ Liên Bang cho Phật sự chung.

Khi ngôi Chùa mới được hoàn thành thì người Phật Tử VN cũng mong muốn phát triển những sinh hoạt Văn Hóa của họ. Vì với nơi chốn chật hẹp của ngôi Chùa hiện nay tại đường Eichelkampstr., trước kia là một kho chứa hàng kỹ nghệ, mọi sinh hoạt đều không thể thực hiện được như dự tính. Trong tương lai những khóa dạy nấu ăn chay, Thiền, lớp Việt ngữ, Châm Cứu cùng như những buổi hội thảo về nhiều thể tài như Kiến trúc và Mỹ thuật Phật Giáo sẽ được mở rộng cho người Đức tại đây.

Vị trí trí Chùa Viên Giác, Đại Đức Thích Như Điển, cũng là vị lãnh đạo tinh thần của Phật Tử VN tại Tây Đức hy vọng rằng "Có lẽ trong tương lai sẽ không còn có những ánh mắt tò mò nữa. Vì ngôi Chùa Viên Giác, có nghĩa là "Đạo Trăng của sự Viên Dung và Giác Ngộ" sẽ rộng mở cho tất cả mọi người.

(Thị Chòn phỏng dịch)



Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử ủng hộ cúng dường Chùa VIÊN GIÁC như cúng dường Tam Bảo, Tôn tượng Đức Bốn Sư và Quán Thế Âm, Ấn Tống Kinh, báo Viên Giác v.v... xin gửi tình tài vào 1 trong hai trương mục của Chùa như sau:

CONGREGATION DER VEREINIGTEN
1. VIETNAMEISCH - BUDDHISTISCHEN KIRCHE e.V.
Deutsche Bank Hannover
Konto-Nr.: 865 74 70, Bankleitzahl 250 700 70

2. hoặc Pagode VIEN GIAC
Deutsche Bank Hannover
Konto-Nr.: 865 02 28, Bankleitzahl 250 700 70

Riêng việc cúng dường xây Chùa, định kỳ hoặc bất thường, xin Quý vị vui lòng chuyển tình tài vào trương mục của Chùa như sau:

CONGREGATION DER VEREINIGTEN
VIETNAMEISCH - BUDDHISTISCHEN KIRCHE e.V.
Deutsche Bank Hannover
Konto-Nr.: 865 7470 01, Bankleitzahl 250 700 70

Mọi sự ủng hộ cúng dường của Quý vị đều có thể xin khấu trừ lại thuế vào cuối năm. Vậy Quý Đạo Hữu hoặc Quý Phật Tử nào cần giấy chứng nhận này, xin liên lạc cho Chùa biết bằng thư hoặc bằng điện thoại để Chùa gửi giấy chứng nhận để Quý vị bổ túc hồ sơ khi làm đơn quân binh thuế. Xin chân thành cảm tạ Quý vị đã hộ trì Chùa VIÊN GIÁC lâu nay và xin nguyện cầu Chư Phật gia hộ cho Quý vị cùng buổi quyền được vạn sự kiết tường như ý.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Hình ảnh cổ đô Huế trên những tờ bạc của Việt Nam

Tài liệu rút trong cuốn
" LỊCH SỬ TIỀN TỆ " của

Phạm Thăng

Kể từ khi quân Pháp sang chiếm nước ta, thành lập nhà Đông Dương Ngân Hàng năm 1875 để phát hành tiền giấy, đến lúc nước nhà được độc lập qua nền Đệ Nhất rồi Đệ Nhị Cộng Hòa 1975, những hình ảnh quê hương của ba miền xứ sở được trình bày trên giấy bạc như: cảnh đẹp của Vịnh Hạ Long ở miền Bắc, bờ biển Phan Thiết miền Trung, quang cảnh gặt hái, cây lúa, mô tả sự ấm no của miền Nam, những vị anh hùng dân tộc, những cây dừa cây chuối thân thương ... nhưng chỉ riêng hình ảnh cổ đô Huế, đất Thần Kinh được trình bày trên nhiều tờ giấy bạc khác nhau.

Bởi vì từ lâu cổ đô Huế đã được mọi người ca tụng: Huế đẹp, Huế thơ, Huế cổ kính trầm lắng, Huế là trái tim của người dân Việt.

Có những người con của xứ Huế đến với muôn phương, ngắm những cảnh đẹp kỳ ảo, đắm mình trong những thú vui xa lạ, nhưng rồi hằng đêm thao thức, không gian lắng xuống thì không gì bù đắp nổi nhớ đã điệt về Huế thướt tha của lòng mình, và trong tiềm thức bỗng nghe văng vẳng câu ca dao muôn thuở :

*"Gió đưa cảnh trúc là đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương"*

Dù ai chưa đến Huế bao giờ nhưng chắc chắn đã một lần trong đời nghe câu ca dao này để mừng tương phần nào về đẹp dịu hiền của cổ đô nước Việt.

Tiếng "là đà" của câu thơ đã nói lên hình ảnh cái đẹp dịu dàng lả lướt của cảnh trúc, êm đềm như tiếng chuông ngân nhẹ. Thật vậy ở đất Thần Kinh đẹp và thơ này cái gì cũng dịu dàng, uể oải mơ màng không có gì quá ồn ào náo nhiệt, quá to lớn. Dòng sông Hương lặng lẽ không sâu, núi Ngự Bình được coi như cái bình phong che cho ngai vàng nhà Nguyễn cũng chỉ là ngọn đồi thấp, cây cỏ không rườm rà to lớn.

Với Huế, sông Hương như một tặng phẩm vô giá của thiên nhiên và đời bỏ con sông ấy đã quản tu tất cả cái gì ưu tú của xứ sở. Có nhiều thi nhân đã ví von về con sông đẹp này như mái tóc buông rũ của người con gái nhẹ êm lay núi đồi làng mạc ... để rồi :

*"Đi mô mình cũng nhớ mình,
nhớ con sông Hương nước biếc..."*

Dòng nước biếc ấy uốn lượn dưới chân Trường Sơn, dòng nước được ướp thơm bằng hương cỏ thạch xương bồ của bao vùng đồi núi, bằng hương bưởi hương cau của những vườn tược Nguyệt Biều, Kim Long ở ven sông, bằng hương sen thơm ngọt của hồ Tịnh Tâm để trọn vẹn cái tên của người đời đặt cho. Trong ánh nắng của mùa hè, dòng sông khi về đến Huế lại được viền sắc đỏ của hoa phượng vĩ. Phượng vĩ rắc



Sông HƯƠNG

Năm 1946, quân Pháp theo chân Đông Minh đổ bộ lại Việt Nam, và cho phép Đông Dương Ngân Hàng phát hành tờ bạc 1 đồng có hình người lái đò trên sông Hương ... Chỉ tiếc là phụ nữ Huế duyên dáng trong chiếc áo dài không được trình bày nơi đây ...

cánh đò dịu hiền xuống dòng sông, xuống những con đò mảnh mai, những chiếc thuyền nan nhẹ và thanh như chiếc lá tre bồng bênh trên mặt nước. Chỉ riêng ở Huế mới có chiếc thuyền với vòng mũi khum khum xinh xắn và cái mũi huốt nhẹ tạo nét đặc thù xứ Huế. Và dường như chỉ có những chiếc đò này mới thích hợp với dòng sông lặng lẽ không sóng gió, thích hợp với tính cách dịu dàng của người Huế. Nếu có dịp dạo chơi trên sông Hương đừng đi thuyền máy mà hãy chọn những con đò thon nhỏ này để đi tới những thôn làng ngoại vi như Vĩ Dạ, Cồn Hến với vườn cây râm mát, chúng ta hãy khởi hành từ bến chợ Đông Ba :

*Bến chợ Đông Ba tiếng gà eo óc,
Bến đò Thọ Lộc tiếng trống sang canh.*

Chúng ta khởi hành từ lúc tiếng gà eo óc buổi ban mai để đón gió trong lành thoảng nhẹ trên mặt sông, thuyền chui dưới cầu Tràng Tiền đã bao lần hưng phấn vì thời cuộc, cây cầu đã đi vào ca dao :

*Cầu Tràng Tiền sáu vài mười hai nhịp
Em qua không kịp tội lỗi anh đi ...*

Để tiến về cầu Bạch Hổ, hướng về phía chùa Thiên Mụ đang âm vang tiếng chuông công phu buổi sớm, tiếng chuông nhắc nhở người đời : đã gần bốn thế kỷ trôi qua với bao nhiêu thăng trầm đổi thay của nhân thế, từ cái cao cả vàng son của thời vua chúa phong kiến đến cái xã hội lai căng theo phương Tây, thời thái bình thịnh trị cũng như chiến tranh tàn phá, xã hội có đổi thay, tiếng chuông từ bi vẫn còn đó ..

Trước năm 1975, các thị thành ở Việt Nam đã chuyển mình theo trào lưu văn minh, nhưng ở Huế nếp sống cổ truyền vẫn còn giữ gìn rõ rệt. Một trong những hình thức cổ xưa đó là chiếc áo dài cổ kính. Tất cả phụ nữ dù người giàu hay dân lao động khi ra đường là mặc chiếc áo dài lụa đẹp thướt tha hoặc chiếc áo dài sơn vai bạc màu. Nhìn những phụ nữ bán hàng rong như bún bò Huế cũng nghiêm chỉnh trong chiếc áo dài, đến cổ lái đồ ngang, đồ dọc cũng vạt áo dài thướt tha theo gió.

Ái đến Huế để sống trong cái cổ kính và trầm lắng đó cũng phải đi thăm mấy nơi : núi Túy Vân, chùa Thiên Mụ, Đại Nội và các lăng tẩm nhà Vua.

Thăm Đại Nội thì phải đến Ngọ môn để sững sốt thán phục những người thợ xưa tài giỏi đã biết chọn màu sắc và đường nét thật hài hòa. Ngọ môn là công chính của Hoàng thành nơi ngày xưa vẫn có bá quan đến đợi ở đó trước khi vào triều kiến nhà Vua. Hãy tưởng tượng quan cảnh Ngọ môn lúc ấy, bắt đầu từ giờ Tý (khoảng 1 giờ sáng) trời còn tối mịt, sương còn nhẹ thổi cảm cảm mà những chiếc lồng đèn nhún nhún ngọn đỉnh liễu đã sáng trưng soi rõ những chiếc kiệu, những xe song mã chạm trổ, những chiếc long xanh, lam, ché các vị đại quan ôm yêu nhỏ nhà trong áo dài trào màu tím, đen, xanh, lam, thêu viền hoa, thú, sóng nước nhiều màu theo phẩm trật. Mỗi kỳ đại triều cũng như những ngày lễ lạc, dân chúng được thấy nét huy hoàng hùng tráng của Ngọ Môn.

Vào khời của Ngọ Môn có một cái hồ sen gọi là hồ Thái Dịch xây đá. Trên hồ bắc cây cầu đá nối liền Ngọ Môn với sân điện Thái Hòa. Cầu đá này tên là Trung Đạo, mỗi đầu cầu có dựng Phương môn với bốn trụ bằng đồng chạm mây nổi quần quanh, trên mặt công trang trí bằng pháp lam ngũ sắc.



Năm 1925, Hình Bắc Phương Môn trên tờ giấy bạc 100 đồng với bộ lư rất nổi tiếng, được dân chúng gọi: "Giấy bộ lư" hoặc "cái đình". Thời bấy giờ giá trị tờ bạc rất cao, nên người dân nghèo hoặc một trẻ nhỏ cầm lo le trong tay tờ bạc bộ lư liền bị cảnh sát bắt điếu tra, vì nghi là ăn cắp của ai...

Nam Phương môn, mặt ngoài đề 4 chữ "Chính Trực Đẳng Bình" mặt trong đề "Cử Nhân Đạo Nghĩa".
Bắc Phương môn, mặt ngoài đề "Cao Minh Du Cửu" mặt trong đề "Trung Hòa Vị Đức".

Qua khỏi Bắc Phương môn đến sân rộng thiết đại triều nghi. Đây là một sân rộng thênh thang trước điện Thái Hòa, nhưng đặc biệt là sân chia làm ba cấp để các quan theo thứ tự cấp bậc cao thấp đứng trên sân, hướng vào điện Thái Hòa to rộng (7 gian bề ngang) chạm trở long ly quý phụng, sơn son thếp vàng. Phía trong cùng đặt một ngai vàng chạm rồng long lẫy trên một bục sơn son. Các vị Vua triều Nguyễn, ngự trên ngai vàng dưới một tầng long gấm lụa uy nghi trong ánh sáng mờ ảo. Hai bên ngai rồng là nơi đứng của Hoàng thân quốc thích. Nhà vua ngồi đó để nghe những lời chúc tụng của bá quan, trong khi các vị này ở ngoài sân lạy

vọng vào. Những vị quan đại thần Nhất, Nhị phẩm còn có thể khể liếc nhìn hình ảnh mờ ảo của Vua phía trong, còn các quan từ Ngũ, Lục phẩm phía xa chỉ bao giờ trông thấy mặt rồng.

Trước đây hai bên sân châu có nhiều đôn lớn để từng cặp lọ cổ to lớn do các sứ thần Trung Hoa v.v... đem tặng. Những lọ cổ quý giá đời nhà Thanh do qua những năm chính chiến đã bị mất mát, đổ vỡ. Cả hai tượng kỳ lân bằng đá chạm trở rất đẹp cũng còn có một con. Và con này được để trong cái lồng sắt có kính. Tượng truyền con kỳ lân này có nhiều lần tác quái chạy rong trong Hoàng thành nên bị nhốt vào cũi sắt có kính như hiện nay.

Trong Đại Nội còn có nhiều cung điện nguy nga lớn nhỏ nào là điện Thái Hòa, điện Cần Chánh, Thái miếu, Thế miếu nơi thờ các vị tiên vương Chúa Nguyễn, gác Hiến Lâm, Bảo Tàng viên, cung tạ của Hoàng thành, ai đã vào viếng Đại Nội cũng



Tượng kỳ lân nơi Điện Thái Hòa được đưa lên tờ giấy bạc 1 đồng của Viện Phát Hành Ba Quốc Gia Liên Kết Việt-Miên-Lào, năm 1952.



"Điện Minh Lâu được in trên giấy bạc 1 đồng, năm 1932- Tờ bạc này được dân chúng gọi: "tờ bạc gánh dưa" vì phía sau có in hình một nông dân miền Nam gánh dưa.

phải trầm trở trước chín cái đình đồng to lớn có khắc chạm hình sông núi, những thắng cảnh được chọn tiêu biểu cho đất nước. Mỗi công trình là một nghệ thuật kiến trúc tinh xảo năm cạnh những cây tùng, cây bách, cây đại sống trên 150 năm như một nét chấm phá trong bức tranh đẹp.

Trước cung của Hoàng thái hậu có hai cây nhân tiên và hai cây mạn góc tọ sân sù phải hai người ôm mới giáp. Bốn cây đã còi xua nhưng vẫn còn âm thầm sống với năm tháng như để nuôi tiếc thời đã qua, cái thuở vàng son của chúng khi Hoàng thái hậu truyền cung nữ hái những chùm nhân tiên hột nhỏ xiu, hoặc vài chùm mạn đỏ hồng để ban cho một vị quan hay công nương nào. Khi được Hoàng thái hậu ban cho thì những trái nhân, trái mạn này được coi như lộc trần quý của vị mẫu nghi ban.

Hoàng thành còn có Kỳ đài cao, nơi ngọn cờ Quân chủ ngày xưa cũng như lá cờ vàng ba sọc đỏ của nền Cộng hòa bay trong gió, tượng trưng quốc gia Việt Nam.

Kỳ đài ở trước chính giữa mặt Nam Hoàng thành được xây bằng gạch từ năm 1809. Năm 1831 có sửa lại cho đẹp hơn. Đài có ba tầng, tầng dưới cao 1 trượng 4 thước 5 tấc (5,60 m), tầng giữa cao 1 trượng 4 thước 5 tấc (5,80 m), nguyệt môn rộng 1 trượng (4 m), tầng trên cao 1 trượng 5 thước (6 m), nguyệt môn rộng 5 thước (2m). Xưa cột cờ có hai tầng, tất cả cao 7 trượng 3 thước 8 tấc (29,52 m). Trên đài xây 8 nhà để súng và 2 điểm canh. Lúc trước mỗi khi triều hạ hoặc tuần hành đều có treo cờ hiệu riêng. Thường ngày có chức quan coi việc lên trên cột cờ dùng ống thiên lý quan sát ngoài bề.

Chu vi kinh thành Huế dài 2487 trượng 3 thước 6 tấc (9.949 m) mặt trước dài 641 trượng (2.564 m) mặt tả dài 608 trượng 9 tấc (2.435,16 m) mặt hữu dài 625 trượng 8 thước 9 tấc (2.503,56 m) mặt sau dài 611 trượng 6 thước 8 tấc (2.446,72 m). Thành cao hơn 1 trượng 5 thước (6 m) và dày 5 trượng (20 m) xây toàn bằng gạch. Chung quanh thành về phía ngoài có hào nước rộng 5 trượng 7 thước (22,80 m) và sâu 1 trượng (4 m).

Kinh thành Huế có 10 cửa chính. Mỗi cửa 3 tầng cao chừng 16m: cửa Chính Bắc của Tây Bắc, cửa Chính Tây, cửa Tây Nam, cửa Chính Nam, cửa Quảng Đức, cửa Thế Nhơn, cửa Đông Nam, cửa Chính Đông và cửa Đông Bắc.

Các Chúa Nguyễn đã lấy nơi đây làm kinh đô một nước, từ cái tên Phú Xuân xa xưa đến tên Huế ngày nay đã trải qua các đời Chúa và 13 đời Vua nên đã gọi vào lòng đất nhiều thân xác, mà các Ngài đã cho xây dựng thành những lăng tẩm nguy nga.

Lăng tẩm ở Huế không như những tòa nhà bằng đá gạch trong đình quan quách Ông Vua mà lăng ở đây là cả 1 tòa thành hùng tráng có cỗ thụ giả, có núi, có suối bao quanh như lăng Thiên Thọ của Vua Gia Long, hoặc u nhà thơ mộng, hòa với thông reo, với hồ sen bất ngắt, khu lăng lớn trải dài cả vùng đồi tên Hiếu Lăng của Vua Minh Mạng, hay Xương Lăng của Vua Thiệu Trị và Khiêm Lăng nổi tiếng thơ mộng hài hòa với cảnh sắc của Vua Tự Đức.

Bốn lăng này tiêu biểu cho các Vua đầu triều Nguyễn đường bệ, thâm nhuận nhò phong nên được xây dựng trong khung cảnh thiên nhiên có gió thổi ngọn cây, suối reo bên đá, nhưng đến lăng của Vua Đồng Khánh và vua Khải Định thì đã có



Từ năm 1942 đến 1945, Nhật Bản chiếm quyền của Pháp tại Đông Dương, có cho Ngân Hàng Đông Dương phát hành nhiều loại giấy bạc, trong đó có tờ 20 đồng với hình kỹ đài và của chính Nam kinh thành Huế. Dân chúng thường gọi những tờ giấy bạc này là tiền Nhật Bản.

pha trộn màu sắc của phương Tây vì lúc này nước ta đã bị Pháp đô hộ, văn hóa Tây phương đã xâm nhập đến tâm hồn nhà Vua nên lăng Đông Khánh đã có kiến trúc mới. Cũng như những tượng văn võ, quan lính, ngựa voi bằng đá những khung cảnh không còn hài hòa với thiên nhiên nữa. Đến lăng Khải Định thì càng mới hơn với những đường nét cầu kỳ và chạm nổi với mảnh thủy tinh, mảnh sứ ...

Đến chiêm bái các lăng Thiên Thọ, Hiếu Lăng, Xương Lăng, Khiêm Lăng ta đi dưới cảnh đồi núi hùng trang, tâm hồn như hướng về Tiên nhân đã có công khai sáng đất nước, những đền viếng lăng Đông Khánh chỉ còn cảm giác như viếng một Bảo Tang.



Hiếu Lăng của Vua Minh Mạng - u nhà thơ mộng.



Lăng Thiên Thọ của vua Gia Long hùng vĩ với non xanh nước biếc.

Chúa thấy chỗ đất ấy có linh khí, bèn dựng chùa đặt tên là Chùa Thiên Mục. Năm Ất Tỵ 1665, Chúa Nguyễn Phúc Tần trùng tu. Năm Canh Dần 1710, Chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc một cái chuông lớn nặng 3285 cân tạ. Chúa thân làm bài khắc vào chuông, Chúa cũng cho tạc một cái bia lớn vào cuối năm 1715 cao 2,60 m, rộng 1,20 m dựng trên con rùa đá lớn bằng cẩm thạch, trên bia có ghi công đức của Chúa trong việc chân hưng đạo Phật và về những kiến trúc của chùa.

Trong chùa tại diên Đại Hùng có thờ rất nhiều tượng Phật và có một khánh đồng do người Bồ Đào Nha Jean de la Croix đúc năm 1774.

Năm Thiệu Trị thứ 4, 1844, Vua cho dựng thêm ngoài cửa nghi môn một cái tháp hình bát giác cao 5 trượng 3 thước 2 tấc (21,24m) đặt tên là tháp Tu nhân, sau đổi là tháp Phúc Duyên. Tháp có 7 tầng, mỗi tầng thờ một đức Phật, kể từ dưới chân lên :

- Tầng thứ 1 thờ Phật QUÁ KHỨ TỖ BÀ THỈ
- Tầng thứ 2 thờ Phật THI KHÍ
- Tầng thứ 3 thờ Phật TỖ XÀ PHỤ
- Tầng thứ 4 thờ Phật CẦU LƯU TÔN
- Tầng thứ 5 thờ Phật CẦU NA HẠN MẪU NI
- Tầng thứ 6 thờ Phật CA ĐIỆP
- Tầng thứ 7 cao nhất thờ Phật THỂ TÔN

Tầng thứ 1 lên tầng thứ 6 bằng những cấp gạch xây vòng khu ốc dưới rộng lên

Đến cố đô Huế để thăm Hoàng thành, Đại nội, Cung chiêm các Lăng tâm mà không đến viếng chùa Thiên Mục là thiếu sót.

Chùa Thiên Mục ở ngoài phía Tây kinh thành Huế, trên một cái đồi thuộc địa phận làng An Ninh. Chùa này xưa nhất ở Huế. Tục truyền rằng : Năm Tân Sửu 1601, Chúa Nguyễn Hoàng đi đến chỗ này thấy trên đất bằng đột khởi lên một cái gò như hình đầu con Rồng ngoảnh lại, trước có sông, sau có hồ, cảnh trí rất tốt đẹp. Nhân hỏi người ở đây thì đáp rằng: Gò ấy rất linh dị, tương truyền lúc xưa có một người ban đêm trông thấy một bà già mặc áo đỏ quần lụa ngồi trên đỉnh gò mà nói: "Rồi đây sẽ có chân Chúa đến lập chùa ở nơi này để tu linh khí mà làm cho bền long mạch". Nói xong bà ấy biến mất. Nhân thế dân chúng mới gọi gò ấy là Núi Thiên Mục (Núi của Bà Già người Trời).



Giấy 100 đồng của Ngân Phát Hành Ba Quốc Gia : Việt - Miên - Lào in hình chân dung Quốc Trưởng Bảo Đại với Bi đĩnh nơi lăng Vua Đông Khánh. Giấy bạc này phát hành năm 1952 - 1954

cao càng hẹp dần. Cấp xây gạch đến tầng thứ 6 là chấm dứt. Tầng 6 lên tầng 7 bằng một chiếc thang gỗ. Trong tầng này trước kia có thờ mây pho tượng Phật bằng vàng thật : Đức DI ĐÀ (AMITHABA) và Đức THÍCH CA với hai đệ tử A NAN CA DIỆP. Do đó lúc bấy giờ chìa khóa tầng 7 do Bộ Lễ của Chính Phủ Nam triều giữ không ai lên được, còn chìa khóa tầng 1 giao cho Chánh Tổng số tại. Ai muốn vào phải xin phép Bộ Lễ. Mặc dù cần thận, mây pho tượng bằng vàng kia không khỏi bị mất vào khoảng năm 1933.

Hiện nay mỗi tầng chỉ thờ một tượng Phật bằng đồng, cách xếp đặt cũng khác xưa.

Chùa Thiên Mu là một thắng cảnh của Cố đô Huế mà danh tiếng được lưu truyền trong những câu ca dao bất hủ :

"Gió đưa cảnh trúc lá dề,
Tiếng chuông Thiên Mu, canh gà Thọ Xương"

hoặc :
"Tiếng chuông Thiên Mu dẫn đờ,
Em đi cảnh vắng dẫn đờ cùng ai".

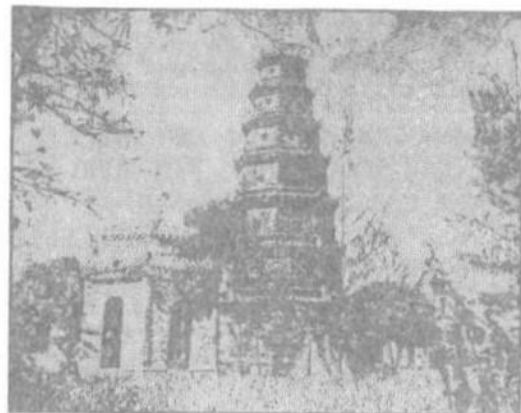
— HẾT —



Chân dung Quốc-Trưởng Bảo Đại, vì vua cuối cùng của triều Nguyễn được in trên tờ giấy bạc 200 đồng năm 1952 - 1954 - tiêu biểu cho nền quân chủ chấm dứt.



Năm 1960, thời Đệ I Cộng Hòa, hình ảnh Tháp Phước Duyên Chùa Thiên Mu được đưa lên tờ giấy bạc 500 đồng. Giấy bạc lúc này vẫn còn giá trị, dân chúng thường gọi "giấy 500 Thiên Mu"



Tháp Phước Duyên trước cổng chùa.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành tri ân :

- Đại Đức Thích Như Điển
 - Quý Thầy
 - Quý vị trong Ban Hộ Trì chùa Viên Giác
 - Quý vị thông gia
 - Cùng thân bằng quyến thuộc gần xa.
- để cầu nguyện, phụng đìêu, đìên chia buồn, giúp đỡ và tiễn đưa linh cữu Chông Cha, Chủ, Ông chúng tôi là :

NGUYỄN VĂN TRÙNG
Pháp danh Tâm Hoàng
Tứ trần ngày 28.10.1987 tức
mồng 6 tháng 9 năm Đinh Mão
Hưởng thọ 69 tuổi

đến nơi an nghỉ cuối cùng.
Trong lúc tang gia bối rối, chắc chắn có nhiều sơ sót, kính xin Đại Đức và quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ.

- Vợ Mai thị Thiên Hùng
- Con Nguyễn Văn Triết vợ và các con
- Nguyễn Văn Trung vợ và các con
- Nguyễn Văn Trúc vợ và các con
- Nguyễn Thị Mai Loan chồng và con
- Nguyễn Thị Huyền
- Cháu Nguyễn Văn Lộc vợ và các con

Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử ủng hộ cúng dường Chùa VIÊN GIÁC như cúng dường Tam Bảo, Tôn tượng Đức Bốn Sư và Quán Thế Âm, ấn tống Kinh, báo Viên Giác v.v... xin gửi tịnh tài vào 1 trong hai trương mục của Chùa như sau:

CONGREGATION DER VEREINIGTEN
1. VIETNAMEISCH - BUDDHISTISCHEN KIRCHE e.V.
Deutsche Bank Hannover
Konto-Nr.: 865 74 70, Bankleitzahl 250 700 70

2. hoặc Pagode VIEN GIAC
Deutsche Bank Hannover
Konto-Nr.: 865 02 28, Bankleitzahl 250 700 70
Riêng việc cúng dường xây Chùa, định kỳ hoặc bất thường, xin Quý vị vui lòng chuyển tịnh tài vào trương mục của Chùa như sau:

CONGREGATION DER VEREINIGTEN
VIETNAMEISCH - BUDDHISTISCHEN KIRCHE e.V.
Deutsche Bank Hannover
Konto-Nr.: 865 7470 01, Bankleitz. 250 700 70

Mọi sự ủng hộ cúng dường của Quý vị đều có thể xin khấu trừ lại thuế vào cuối năm. Vậy Quý Đạo Hữu hoặc Quý Phật Tử nào cần giấy chứng nhận này, xin liên lạc cho Chùa biết bằng thơ hoặc bằng điện thoại để Chùa gửi giấy chứng nhận để Quý vị bổ túc hồ sơ khi làm đơn quân bình thuế.
Xin chân thành cảm tạ Quý vị đã hộ trì Chùa VIÊN GIÁC lâu nay và xin nguyện cầu Chư Phật gia hộ cho Quý vị cùng buổi quyến được vạn sự kiết tường như ý.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Hồi ký

TÔI ĐI HỌC TẬP CÁI TẠO TÍCH CỰC

Tiếp theo

NHỮNG SỰ SỢ HÃI ẨM ẢNH ĐANG SẴN ĐUỐI NHÂN LOẠI. MỘT BÔNG MA CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN.

Hôm nay toàn trai được lệnh chuẩn bị đơn dẹp sạch sẽ doanh trại, dọn lại mấy bãi ca nhất là bãi quốc tế Ca để mừng ngày Cách Mạng tháng 10 của Nga. Không riêng gì cái tạo viên chúng tôi mà toàn dân từ ai Nam Quan đến mũi Cà Mau, những hải đảo xa xôi cũng bị đảng và nhà nước bắt phải tham dự ngày lễ này. Đêm lãnh đạo ở Bắc bộ phủ tổ chức lễ mừng ngày Cách Mạng tháng 10 của Nga rất to lớn và long trọng hơn bất cứ lễ nào trong năm. Vậy cuộc Cách Mạng đó như thế nào mà dám đàn em chủ hầu của Nga làm rầm rộ như vậy ?

Kỳ này Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Gorbachev (1985...) đã tổ chức diễu hành tại công trường đó với những vũ khí cổ điển (1917) và hiện đại trước là để phô trương lực lượng sau mừng Cách Mạng tháng 10 lần thứ 70 (7.11.1917 đến 7.11.1987). Nhân dịp này tôi xin trình bày sơ lược về quá trình hình thành và tiến trình hoạt động của Chủ Nghĩa Cộng Sản để công hiến quý vị.



Hồng quân Nga đang diễu hành tại Petrograd ngày 27.10.1917 (7.11.17) Ngày khai sinh một chế độ đảng trị độc tài và áp bức. Đó là chế độ Cộng Sản.



Vào năm 1848, bản tuyên ngôn Cộng Sản do Karl Marx viết trong lời mở đầu kêu gọi đến sự đấu tranh cho một thế giới mới như là một tiếng kêu đau thương kêu vang trong suốt 140 năm trường, đã đang và sẽ làm đảo lộn tất cả đời sống của chúng ta.

Khi được Liên đoàn Cộng Sản ủy quyền Karl Marx lúc đó 29 tuổi đã thảo bản tuyên ngôn vào tháng 11/1847, không một ai có thể nghĩ đến những tác dụng ảnh hưởng sâu xa đến đời sống của nhân loại như đã từng hưng chiu.

70 năm sau biết bao nhiêu biến cố trọng đại choáng người trên đất nước Nga đến tháng 11/1917 một Chính phủ mới do Cộng Sản lãnh đạo lật đổ chế độ Nga hoàng nó cũng gây ảnh hưởng sâu sắc và bi thảm đến đời sống của hai thế hệ Âu Châu và Mỹ Châu.

CUỘC CÁCH MẠNG NGA 7.11.1917 (đến 7.11.1987 đúng 70 năm).

Ngày 7.11.1917, Bôn-xê-Vích (Bolsheviks) lãnh đạo bởi một số nhóm chủ yếu như Ủy ban Cách Mạng, những quân lính ở thị trấn Petrograd, về binh công nhân do thủy thủ từ Aurora ở căn cứ hải quân Kronstadt bắt đầu cuộc nổi dậy. Họ đánh chiếm hầu hết các cơ quan chính phủ của Thủ tướng Nga Aleksandr Kerensky. Điện Winter bị chiếm đoạt, tất cả nhân viên chính phủ bị bắt giữ, kẻ bị giết, người bị lưu đày đi vùng Tây Bá Lợi Á. Cuộc Cách Mạng mà người Cộng Sản Nga mong đợi đã trở thành sự thất, đó là cuộc Cách Mạng tháng 10 (Xưa kia tất cả các quốc gia Âu Châu kể cả Nga đều sử dụng lịch ju-liêng(Julian) lịch này đã được thay thế bằng lịch Gregorian mà chúng ta hiện đang sử dụng, nhưng Nga vẫn tiếp tục dùng lịch cũ. Ngày 26.1.1918 do một nghị định của Cộng Sản ấn định ngày 1.2.1918 theo lịch ju-liêng là ngày 14.2.1918 theo lịch Gregorian).

Một cuộc hội họp suốt đêm, cuối cùng đại hội biểu quyết lúc 5 giờ 30 sáng trao quyền cho một hội đồng nhân dân, lãnh đạo bởi một người 47 tuổi tên là Vladimir Ilyich Ulyanov với biệt danh là N. Lenin hay Nikolai Lenin.

Sau khi Lenin biến nước Nga thành một nước Cộng Sản, 70 năm sau Cách Mạng tháng 10 đã gây bao nhiêu tang thương đó

nát cho nhân dân Nga, ảnh hưởng sâu đậm hầu như tất cả mọi việc làm và nghĩ của các dân tộc Âu Châu. 140 năm từ khi triết học Marx về Chủ Nghĩa Cộng Sản được viết ra trong bản tuyên ngôn, Lenin lấy đó làm kim chỉ nam để kiến tạo xây dựng một loại Xã Hội mới.

SỰ KHAI SANH CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN.

Vào năm 1847, Karl Marx và công tác viên của ông là Friedrich Engels lúc đó 27 tuổi rời Anh quốc vào lục địa để phát họa và cho ra đời bản tuyên ngôn. Họ là những người trẻ tuổi, nóng giận, hay lý tưởng hóa, mơ mộng không thực tế. Cả hai sống và bị ảnh hưởng sâu xa bởi cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ. Họ nhận thức cái xã hội hiện hữu mà đường lối chính trị, kinh tế thì bất công và áp bức. Họ nghĩ rằng xã hội như thế phải được hủy diệt và thay thế bằng một xã hội tốt hơn. Marx luôn luôn nghĩ về ảnh hưởng của một xã hội kỹ nghệ Anh quốc thời Nữ Hoàng Victoria vào giữa thế kỷ thứ 18. Ông phàn nàn về điều kiện làm việc, lương bổng quá thấp và điều kiện sinh sống của đại đa số công nhân. Ông gọi họ là giai cấp vô sản (proletariat). Chủ La tinh chỉ những người dân nghèo nàn trong xã hội La Mã, giai cấp thấp nhất.

Theo quan niệm của Marx, công nhân ở Âu Châu và Mỹ Châu vào đầu thế kỷ 19 cũng không tốt hơn chút nào. Họ không được hưởng gì cả ngoài sự bán sức lao động, đó mới hồi sơ nước mắt để sản xuất hàng hóa hầu làm giàu cho các nhà tư bản. Marx gọi họ là giai cấp tư sản (bourgeoisie).

MỘT VÀI CÂU HỎI CẦN BÀN.

Làm thế nào thay đổi một xã hội không tốt như vậy bằng một xã hội hoàn chỉnh lý tưởng, Marx tự hỏi? Động cơ nào có thể thay đổi từ cảnh tối tăm khổ cực đến một cuộc sống tốt đẹp hơn? Ai có uy quyền đem đến sự đổi thay như thế? Trong khi Marx cố tìm hiểu thế giới mà ông đang sống thì bất thần hai chủ đề đã lộ trong đầu óc của ông ta ngày càng to lớn ra, đó là KINH TẾ. Lý do cần bàn nhất gây ra sự đau khổ cho công nhân là sự phân chia không đồng đều lợi tức và sự kiểm soát về phương tiện sản xuất, đất đai, máy móc, hàng xưởng, vốn đầu tư v.v... Marx lý luận rằng những nhà tư bản thì giàu, có quyền lực và khai thác; bởi vì họ sở hữu và kiểm soát những phương tiện sản xuất. Còn công nhân thì nghèo nàn, bệnh tật, làm việc như những người nô lệ vì họ không có phương tiện sản xuất trong tay.

Một cách đơn giản, Marx quan niệm người nào có phương tiện sản xuất trong tay thì người đó quyết định được điều kiện xã hội, chính trị và tinh thần của họ. Người ta chỉ cần thay đổi mọi quan hệ của công nhân rồi thì tất cả điều kiện sống đến tối hiện hữu đều được xóa bỏ, một thiên đàng trên mặt đất. Nhưng liệu Marx có thể hiện được ước mơ của ông ta không? Làm thế nào để đem đến sự đổi thay? Marx, Engels và những người Cộng Sản khác, đã nói rằng : những tay chân bộ hạ để thay đổi thì bất cứ chỗ nào cũng tìm thấy được. Họ là những người công nhân bị áp bức, họ phải đoàn kết lại thành một khối, gọi là khối vô sản hay là giai cấp cách mạng.

Tóm lại, những người công nhân thuộc giai cấp vô sản cần phải chiếm đoạt nhà máy, hàng xưởng, phương tiện sản xuất, đất đai và vốn liếng tư trong tay của tư bản. Vì thế Marx đã viết trong bản

tuyên ngôn "Diêm nổi bật của Chủ Nghĩa Cộng Sản là ... sự thủ tiêu, hủy bỏ quyền sở hữu của giai cấp tư sản". Học thuyết của Cộng Sản thì nhiều nhưng chỉ tóm gọn trong một câu giản đơn như trên. Marx tiên đoán thế nào cũng có một sự đấu tranh giành quyền lực xảy ra giữa hai giai cấp, nhưng ông ta tin tưởng rằng giai cấp công nhân, giai cấp vô sản sẽ thắng. Tất cả tư liệu và phương tiện sản

xuất đều được tập trung dưới quyền quản lý của nhà nước; nhưng do nhân dân làm chủ! Do đó mới có câu "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, còn nhân dân thì làm chủ". Nhưng đúng với ham. Vì nhân dân làm chủ, khi sản xuất được bao nhiêu của cải vật-chất thì nhà nước thu hết để nộp lên cho đảng. Rốt cuộc công nhân cũng nghèo nàn, đói khát, tay trắng rồi cũng hoàn lại trắng tay. Còn tệ hại thế thảm hơn trước.

Năm tháng trôi qua, Marx chết năm 1883 mà không nhìn thấy được những gì ông mơ tưởng. Engels sống thêm 12 năm nữa rồi cũng buông xuôi hai tay mà chưa có một xã hội Cộng sản nào xuất hiện trên bất cứ một quốc gia nào.

Tuy nhiên bản tuyên ngôn như là một nền tảng, một động cơ kích thích những con người Cộng Sản trong các cuộc nổi dậy. Năm 1848 là năm bất ổn và nổi dậy ở Âu Châu. Paris bị rung chuyển bởi những cuộc bạo loạn cũng vào năm này.

Mãi đến ngày 7.11.1917, Lê nin và Đám Bôn-xê-Vich mới thực hiện được cuộc Cách Mạng trên lãnh thổ Nga, được gọi là Cách Mạng tháng 10 theo lịch Ju-liêng (Julian).

HY VỌNG TIÊU TAN.

Marx tưởng rằng khi cướp được quyền tư hữu của giai cấp tư sản, tập trung các phương tiện sản xuất, tài sản giao cho một nhóm nhỏ quản lý đó là nhà nước. Bắt buộc công nhân và nông dân trên lý thuyết thì làm chủ; nhưng trên thực tế như những người nô lệ, lao động dưới sự giám sát của cán bộ, đảng viên. Như vậy sẽ thay đổi được bộ mặt của xã hội. Marx đã phạm một lỗi lầm căn bản rất sơ đẳng nhất là ông quên đi quyền tư hữu của con người. Quyền tư hữu như một tấm giấy mờ

rẽ má ăn sâu vào tiềm thức của con người từ khi mới sanh ra; mặc dù của ít những của ta, còn hơn bao la mà của đảng! Chà chúng không ai khóc, độ đó những hợp tác xã, nhà máy, nông trường tập thể đi từ thất bại này đến thất bại khác.

Lenin muốn xây dựng một loại xã hội mới, không có mất thắm, công an, không có cơ quan mật vụ, không có quân đội lớn để đàn áp, kềm kẹp. Ông ta trực tiếp ủng hộ những lực lượng công nhân, những người làm kinh tế. Nhưng cái xã hội không giai cấp mà ông muốn xây dựng như trong ảo ảnh và đi lần đến tử lộ. Bởi những người lãnh đạo, quản lý thiếu tài, kềm đức lại tham quyền cố vị. Họ bóc lột công nhân còn hơn các nhà tư bản trước kia. Do đó mới có những cuộc đấu tranh ngay trong lòng xã hội Cộng sản.

Trước khi Lenin chết, một quân đội chuyên nghiệp lo việc đàn áp và một cơ quan mật vụ chuyên thủ tiêu những người chống đối đã hoạt động đắc lực, và một bộ máy nhà nước quan liêu áp bức cũng được thành hình.

Tuy nhiên không một ai có thể lường trước được sự khiếp đảm, kinh hoàng mà nhân dân Nga đã phải gánh chịu. Lenin chết ngày 21.1.1924, sự lãnh đạo Liên Bang Xô Viết rơi vào tay một nhà độc tài nổi tiếng tên Joseph Stalin (1879-1953). Các thế hệ kế tiếp ông ta cũng như những công sự viên chung quanh ông ta đã khủng bố, đàn áp, thủ tiêu bao nhiêu triệu người Nga, làm khiếp đảm toàn dân tộc của Liên Bang Xô Viết.

Cuộc Cách Mạng tháng 10 của Cộng Sản Nga là một cuộc Cách Mạng đấu tranh giai cấp. Giai cấp vô sản đấu tranh tiêu diệt giai cấp tư sản để cướp quyền sở hữu về phương tiện sản xuất hầu trở thành một giai cấp mới. Một khi có quyền lực trong tay, chúng lại càng độc tài, bóc lột, đàn áp, chà đạp lên quyền làm người, dù đó là quyền làm người của công nhân, nông dân. Với chiêu bài đại diện cho giai cấp công nhân, Cộng Sản đã và đang thiết lập một ách thống trị dã man và tàn bạo cho một giai cấp cường hào mới, đó là giai cấp cán bộ và đảng viên.

Đảng và đảng viên là trên hết, là thành phần ngồi trên ăn trước. Trong thế giới Cộng Sản, nước nào cũng có một đảng

duy nhất. Đó là đảng Cộng Sản và cũng là đảng cầm quyền. Do đó từ độc đảng đến độc tài chỉ cách nhau trong gang tấc. Tự do áp bức, kềm kẹp, thủ tiêu không bị ai chi trích kiểm hãm. Một đảng viên trong Bộ Chính trị khi được làm chủ tịch hoặc thủ tướng thì ông ta sai tay chân hộ hạ rên mọt con bù lon bằng i-nốt siết chặt vào ghế cho thật chắc để ngồi vĩnh viễn đến khi theo châu ông tổ Mác Lê thì thôi. Làm sao nhân dân tin tưởng vào đám lãnh đạo già nua hết xú quách mà vẫn cố bám vào quyền lực để bóc lột và hưởng thụ!

MỘNG BÀNH TRƯỚNG XÂM LĂNG.

Bóc lột công nhân trong nước chưa đủ vội tài nguyên đất nước nằm trong tay của đảng, chúng trở thành một nhóm tư sản khổng lồ. Lấy tiền chế tạo xe tăng, vũ khí nguyên tử, lập những đạo quân xâm lược để bành trướng mộng xâm lăng nhuộm đỏ thế giới. Điện hình là quân đội Nga đang chiếm đóng Áp-ga-nix-tang (Afghan). Quân đội Cộng Sản Việt Nam đang chiếm đóng Campuchia và Lào. Quân đội Cộng Sản Cuba đang chiếm đóng Angola.

Chúng nói để quốc tư bản là con địa hai vòi. Một vòi hút máu nhân dân trong nước, một vòi hút máu nhân dân ngoài nước. Nhưng để quốc Cộng Sản là con địa 5-10 vòi. Một vòi hút máu công nhân, nông dân trong nước. Còn các vòi khác thì thọc sâu vào nội tình các nước ngoài để vấy máu ăn phần.

VIỆT NAM

Sau khi Cộng Sản cướp được chánh quyền, nhuộm đỏ quê hương yêu dấu của chúng ta, phương tiện sản xuất và tài nguyên đất nước rơi vào tay đám lãnh đạo bất tài, quản lý thiếu khả năng, dốt nát bảo thủ, lại tham quyền cố vị như đàn anh Xô Viết; nên đã làm cho người dân từ ngày hai bữa cơm không độn, còn ngày một bữa cơm có độn. Còn đàn bà thì từ cái áo dài nay phải cắt ngắn thành áo bà ba! Làm đầu tắt mắt tối mà chưa đủ ăn. Chúng lại còn dặt ra khẩu hiệu "Ngày làm không đủ, phải tranh thủ làm đêm!" Đã vậy còn bị cán bộ, công an phung, khu vực kềm kẹp, dọa nạt, ăn hồi lộ v.v...

Công nhân và nông dân trong xã hội Cộng Sản đã trải qua bao nhiêu kinh nghiệm thương đau, đã trả một giá quá đắt cho chủ nghĩa phi nhân. Họ không còn mù quáng nghe lời du dỗ đường mật, một xã hội thiên đường không tưởng như trong bản tuyên ngôn của Marx cách nay 140 năm.

Chủ nghĩa Cộng Sản đang trên đà xuống dốc, sắp bị phá sản một cách thể thảm như một cái áo cũ lỗi thời cần phải thay đổi và vứt đi theo luật đào thải.

Bao nhiêu năm trong lao tù cái tao, đêm rét, ngày đói, lao động vất vả, khổ cực hơn những người nô lệ thủa xưa, Cộng Sản đã trang bị cho tôi một kiến thức về Chủ Nghĩa Cộng Sản. Từ độc đảng đến độc tài, từ quản trị quân chúng đến quản lý phương tiện sản xuất và tài nguyên đất nước v.v... để từ đó tôi mới có đôi tương hầu so sánh coi chế độ nào phân dân chủ, đàn áp, người bóc lột người độc tài hơn chế độ nào? Tôi quả quyết rằng nơi nào có áp bức, bóc lột là nơi đó có đấu tranh để đòi quyền sống, quyền làm người, quyền tự do tín ngưỡng, quyền tự do ăn nói, quyền tự do đi lại v.v và v.v... Nơi đó là đâu? Xin thưa là ngay trong thế giới Cộng Sản, sau bức màn tre và bức màn sắt!

(còn tiếp)



Joseph Stalin (1924-1953, người ngồi giữa) một lãnh tụ độc tài tàn bạo khét tiếng, một Tàn Thủy Hoàng của thế kỷ 19, một tên đồ tể đã giết hàng triệu triệu người Nga trong thời gian trị quốc.

Trận Chiến QUỐC CỘNG

(1954 - 1975)

Nguyên tác: EDGAR O'BALLANCE
The Wars in Vietnam
Chuyển ngữ: VŨ NGỌC LONG

Chương 4

SỰ LẤN DẦN CỦA LỰC LƯỢNG GIẢI PHÓNG 1964

"Đó là 2 Việt Nam, một thì đang chiến đấu trên khắp chiến trường, một thì đang tiếc tưng, lẻ lạc mỗi đêm". (Nguyễn Khánh 27.3.1964)

Với sự lật đổ chế độ Diệm, hội đồng quân nhân cách mạng đã thay thế nhiệm vụ vào ngày 6.11.1963 một ủy ban lãnh đạo trung ương gồm 12 tướng lãnh. Tướng Dương văn Minh trở thành chủ tịch nhà nước, rồi sau đó thăng cấp cho tất cả các tướng lãnh có công và vào ngày 15.11.63 Hoa Kỳ trở lại viện trợ cho Nam Việt Nam. Nhưng cũng từ đó người Mỹ đã trở nên bồn khoăn trong các viện trợ quân sự, bản quân sự, cho một chính phủ do những tướng lãnh nắm quyền, sự tranh giành quyền lực qua lại như một sự điên dại trong một trò chơi văn nghệ. Nhưng tất cả những sự việc này đã gây nguy hại cho sự củng cố chính quyền, kinh tế quốc gia và công cuộc chống Cộng Sản. Nhiều tổ chức biểu tình ủng hộ cho tân chính phủ ở Sài Gòn và miền Trung, các tù nhân chính trị thì được tân chính phủ phóng thích.

Màn đầu của sân khấu chính trị tại Nam Việt Nam đã diễn ra vào 30.1.1964 khi tướng Nguyễn Khánh đã làm một cuộc chính lý không đổ máu. Tướng Nguyễn Khánh trở thành Thủ tướng, tướng Dương văn Minh vẫn là Chủ tịch nhà nước, và hội đồng cách mạng Trung ương giải tán. Lý do được tướng Khánh đưa ra là tướng Minh chủ trương trung lập hòa miền Nam theo đề xuất của Tổng Thống De Gaulle, Pháp; ngoài ra tướng Minh đã tỏ ra bất lực trước tình thế đất nước biến chuyển. Đây là lần đầu tiên 7 lần thay đổi chính phủ trong năm 1964 ở Nam Việt Nam.

Sinh hoạt chính trị ở Nam Việt Nam rơi vào tình trạng bất ổn. Năm 1964 cũng là năm được đánh dấu với những vụ bạo loạn khủng bố và những cuộc biểu tình.

Trong tháng 2/64 Trung ương cục tổ chức các cuộc vận động khủng bố nhằm vào người Mỹ; nhiều nhóm đặc công V.C. đã được gởi vào Sài Gòn ám sát người Mỹ không kể quân sự hay dân sự. Trong ngày

7.2.64 bom nổ trong một Bar làm 6 bị thương và trong ngày 9.2. một trái bom khác nổ trong một sân banh giết 2 và 23 lính Mỹ bị thương và ngày 16.2. bom nổ trong một rạp hát chết 3 và bị thương 50 người. Trong ngày 2.5. một tàu chuyên chở của Mỹ đựng thủy lôi trong cảng Sài Gòn và trong ngày kế tiếp bom nổ trong một cơ quan cơ văn Mỹ làm bị thương 8 người. Trong ngày 9.5.64, 3 đặc công V.C. bị bắt khi chúng toan tính ám sát tổng trưởng quốc phòng Mỹ Mac Namara (qua Việt Nam ngày 12.5.64); một trong 3 tên này đã bị án tử hình và bị bắn vào ngày 15.10.64. Các cuộc khủng bố chấm dứt sau đó người ta nghĩ rằng các hoạt động khủng bố của Trung ương cục miền Nam hành động không được sự đồng ý của Cục chính trị ở Bắc Việt Nam.

Trong khi đó khối Phật giáo gia tăng các hoạt động chính trị trong mùa Xuân và mùa Hè vì những sự bất đồng với khối Thiên Chúa giáo. Lực lượng Phật giáo bắt đầu biểu tình trong các thành phố và dần dần có khuynh hướng chống Mỹ. Tháng 8 là tháng đen tối của Sài Gòn, các phe nhóm sinh viên học sinh biểu tình chiếm đài phát thanh và phe Thiên Chúa giáo đốt phá trụ sở của sinh viên Phật tử. Trong tháng 10 phe Phật giáo biểu tình ở Đà Nẵng chống Mỹ, ở nơi đây những Phật tử ghét giáo dân hơn là ghét Cộng Sản. Lực lượng cảnh sát và quân đội đã không can thiệp trong những vụ biến động này. Vào tháng 10 nhiều phụ nữ đã biểu tình ở Cần Thơ và vùng đồng bằng sông Cửu Long đòi quân đội VNCH ngưng sử dụng pháo binh và phi cơ trong các cuộc hành quân đánh V.C với lý do nhiều dân chúng bị tử thương. Và đó cũng là mục tiêu của các vụ biểu tình của Phật tử trong tháng 10 ở Sài Gòn.

Các đảng phái chính trị bắt đầu hoạt động lại, trừ đảng C.S. không được hoạt động công khai, có tới 30 tổ chức hầu hết mang kích thước nhỏ. Đảng Đại Việt quốc dân đảng với 2000 đảng viên có đại diện trong chính phủ, đã bắt đồng chủ trương của chính phủ. Đảng Đại Việt hình thành 1941 là một đảng thuộc cánh hữu đã hợp tác với quân đội chiếm đóng Nhật, Việt Minh và Bảo Đại và đã hoạt động bí mật trong chính phủ Diệm. Đảng này bắt đầu tranh đấu tạo quyền lực căn bản trong quân đội, nhưng đã không thành công trọn vẹn.

Trong tháng 1/64 với những bản báo cáo của các chính quyền địa phương về sự

thất bại của chương trình Ấp chiến lược. Những báo cáo thừa nhận rằng có những hành động áp bức dân chúng vào những Ấp chiến lược, và lừa họ bỏ làng xa như lừa súc vật. Với 45% các Ấp chiến lược được thành hình nhưng đã không được coi sóc và dĩ nhiên các cán bộ V.C. dễ dàng hoạt động. Các Ấp chiến lược trở thành mục tiêu hàng đầu của V.C. vì nó có nhiều vũ khí, quân dụng và thuốc men. Nhiều cuộc tấn công vào Ấp với các cuộc pháo kích, sau đó đã tràn ngập, nhưng nhiều khi các cán bộ V.C. nằm vùng đem mở cửa Ấp để V.C. tràn vào. Lực lượng Dân Vệ phòng thủ Ấp đã tỏ ra thiếu khả năng chiến đấu, nhiều dân về đã đào ngũ mang theo vũ khí đó là lý do sự thất bại của quốc sách Ấp chiến lược.

Có những hy vọng lớn về chương trình Ấp chiến lược vì các sĩ quan cao cấp Việt Mỹ nghĩ rằng, sự thành công của chương trình Ấp chiến lược sẽ phòng ngừa sự tấn công kiểu Đại Hàn xuống miền Nam. Tướng Harkins đã không thấy rõ ràng của chương trình và ông chỉ nghĩ rằng cách tốt nhất là làm sao lực lượng V.C. ra chiến trường và tiêu diệt chúng. Ông ta thì chủ trương chiến thuật thanh toán và chiếm đóng. Mặt khác sự tập trung nông dân trong những Ấp chiến lược đã dễ dàng để C.S. tuyên truyền là những trại tập trung. Trong khi đó yếu tố chính trị thì luôn luôn quan trọng hơn yếu tố quân sự ở Việt Nam. Trong tháng 3 tướng Khánh tuyên bố, chính phủ của ông sẽ cho tập trung các Ấp chiến lược vào những vùng an toàn và từ đó sẽ lan rộng dần theo phương pháp vết dầu loang mà Pháp đã thực hiện trước đây. Ấp chiến lược đã được đổi tên là Ấp tân sinh và sau đó được đổi tên lần nữa là chương trình phát triển Bình Định.

Mac Namara thì vẫn nắm chức Tổng trưởng Quốc phòng dưới chính quyền Johnson và ông ta đã chú tâm đến sự gia tăng cường độ trận chiến ở Nam Việt Nam và được xem như "chiến tranh của Mc Namara" ông ta đã mang những ý nghĩ phân tích, phương pháp và tạo nổ lực chống đối. Trong tháng 2 ông cho thành lập lực lượng đặc nhiệm Mỹ để thực hiện chính sách Mỹ ở VN. Ngày 13.5. Mc Namara tuyên bố với báo chí, chiến tranh Việt Nam sẽ giải quyết trong 5 năm. Trong tháng 4 đã có tái tổ chức bộ chỉ huy quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam, và tổ chức huấn luyện quân đội Nam Việt Nam, cùng cơ quan này chỉ huy tất cả người Mỹ ở chiến trường và kiểm soát tất cả không lực Mỹ dùng ở Nam Việt Nam bao gồm cả những hàng không mẫu hạm Mỹ, dưới quyền chỉ huy của một tướng Mỹ.

Vào 20.6.1964 Tướng William C. Westmoreland được cử làm Tư lệnh cơ quan MACV với quyền hành rộng rãi. Thực sự tướng Westmoreland là một sĩ quan pháo binh, ông biết rất ít về căn bản chiến đấu bộ binh hoặc trận chiến du kích. Ông được tướng Taylor đề cử, vì Taylor muốn một người đồng ý hướng. Để tránh tình trạng như tướng Harkins vì trong vụ lật đổ chính phủ Diệm do CIA và Đại sứ Mỹ quyết định không có sự đồng ý của Harkins. Chúng ta đều biết sự hoạt động hiệu quả của lực lượng Mỹ xanh. Trong 11.5.1961 Tổng Thống Kennedy đã đồng ý các đề nghị mở một trận chiến không quy ước chống Bắc Việt, nó bao gồm các hoạt động tình báo và các phi vụ trinh sát. 400 lính lực lượng đặc biệt với trên 100 cố vấn Mỹ khác đã được gởi tới Nam Việt Nam để điều khiển và tăng cường lực lượng. Trong khi đó quân đội Nam Việt Nam đã tỏ

ra mặt khả năng huy hiệu ngăn ngừa làn sóng bành trướng của V.C. ở khắp mọi nơi. Lực lượng đặc biệt Mũ xanh của Mỹ đã tỏ ra can đảm trong công việc ngăn các lực lượng C.S. Từ 1962 tới mùa Xuân 1965 lực lượng Mũ xanh đã đối đầu với bộ đội V.C. dọc biên giới Nam Việt Nam và vùng cao nguyên Trung phần. Sự lo mò và thiếu tương tin của các tướng lĩnh cao cấp Mỹ, vì họ chỉ biết về một trận chiến quy ước và họ đã bị đẩy tới Nam Việt Nam ngoài sự mong muốn của họ bởi sự quyết định của Tổng thống Kennedy và em ông là chương nghị sĩ Robert Kennedy.

Lực lượng đặc biệt Mũ xanh ở Nam V.N đã nắm trách nhiệm kiểm soát hành lang biên giới để ngăn chặn nguồn tiếp tế qua đường mòn Hồ Chí Minh của C.S. Các đơn vị Mũ xanh đã được huấn luyện ở Nha Trang và tới giữa 1964, 20.000 lính thuộc sắc dân thiểu số ở cao nguyên Trung phần được tuyển vào lực lượng này. Cứ 150 người thuộc một nhóm và thành lập 50 trại chạy dọc biên giới. Mục đích thành công trong công việc ngăn chặn nguồn tiếp liệu của Bắc Việt vào miền Nam của các đơn vị lính Mũ xanh, đã làm cho giới chức Mỹ Việt lạc quan.

Tính hiếu chiến của các tướng lĩnh Nam Việt Nam đã làm chính phủ Mỹ lo ngại. Vào 19.7.65 Tướng Nguyễn Khánh kêu gọi một cuộc tấn công ra Bắc. Một tiếng chuông báo động cho chính phủ Mỹ, họ thì không tin chắc rằng Trung Cộng sẽ không tham dự, nếu vấn đề tấn công ra Bắc được thực hiện. Vào ngày 26.7., trong một cuộc họp báo, tướng Nguyễn Cao Kỳ từ lệnh không quân Nam Việt Nam, đã tuyên bố Nam Việt Nam sẽ gọi những toán chiến đấu ra hoạt động ở Bắc Việt. Các hoạt động ở trên không và dưới, ông ta đã bay ra Bắc biển phá những cầu cùng các hải cảng. Tướng Kỳ cũng yêu cầu Mỹ cung cấp các canh tac cơ loại trung nhưng đã bị từ chối. Ông ta cũng nói rằng ông đã chỉ huy các hoạt động ở Bắc Việt trong thời gian dưới chính phủ Diệm, nhưng đã không được sự đồng ý của người Mỹ. Tất cả những lời tuyên bố trên đã gây khó khăn trong dự luận quốc tế đối với Mỹ. Đài Hà Nội đã lập lại những hoạt động của Nam Việt Nam ở Bắc Việt và ngày 2.7.65 Bắc Việt đã phản đối với Ủy hội Quốc tế về sự việc xảy ra vào ngày 30.6. khi lực lượng hải quân đặc nhiệm của Nam Việt Nam đổ bộ vùng biển Quảng Bình. Trong ngày 23.7 theo tờ New York Time viết thì những hoạt động mà tướng Kỳ nói đã ít thành công, 80% các đặc công đã bị bắt trước khi thực hiện công tác của họ. Vào ngày 31.7. tướng Kỳ tuyên bố 30 phi công của ông đã được huấn luyện lái các phản lực cơ bởi các sĩ quan không lực Mỹ. Sau này được tiết lộ bởi Bộ Quốc phòng Mỹ, đó là phần 3 trong kế hoạch mang tên 34A trong quốc hành quân vào 1.2.64 bao gồm ám sát các cán bộ C.S. ở Bắc Việt, thu lượm tin tức, gọi các toán biệt kích và các đội chiến tranh tâm lý vào lãnh thổ Bắc Việt. Đồng thời các biệt kích xâm nhập từ vùng duyên hải, đánh phá các cảng, cầu, đường tất cả bởi quân đội Nam V.N. và các lính tình nguyện của Trung Hoa Quốc Gia, thêm vào đó còn có các phi vụ trinh sát của phi cơ U2 ở Bắc Việt. Đây là kế hoạch hành quân được điều khiển trực tiếp bởi tướng Harkins. Trong phần 2 của kế hoạch là chiếm các nơi ở Lào. Ở đây có từ 20 tới 40 oanh tac cơ của Không lực Hoàng gia Lào; được lái bởi phi công Mỹ (nhân viên CIA) và các phi công Thái Lan. Phần 3 của kế hoạch là các hoạt động tính báo đánh phá vùng Vinh Bắc Việt.

Không lực Nam V.N. dưới quyền chỉ

huy của tướng Kỳ đã tăng cường nhanh chóng vào cuối 1964, đã có 12.500 người, được tuyển lựa kỹ càng, và có 350 máy bay tấn công, gồm 16 phi đội, kể cả các loại yểm trợ cho quân đội VNCH. Các loại phi cơ bao gồm A.1 Skyraiders và phi đội chiến đấu cơ A.6 và 7/64 Không lực V.N. cũng nhận vài phi cơ F.100S Super Sabres ngoài ra còn 70 chiếc T.28, 32 chiếc C.47 vận tải, 25 chiếc F.84 chiến đấu và một ít trực thăng mà chính là CH.34 (Choc-taws). Vào ngày 29.3.64 Mỹ đã cung cấp loại bom Napalm cho Không quân VNCH nhưng Mỹ tuyên bố rằng họ không chịu trách nhiệm về vấn đề sử dụng loại bom ấy.

Vào ngày 5.4.64 chính phủ VNCH ban bố tình trạng động viên tất cả nam công dân từ 20 tới 45 gia nhập quân đội toàn phần hay bán phần. Tất tổ chức lại 4 vùng chiến thuật; quân đội chính qui của VNCH có 210.000 người tổ chức theo mô hình của Mỹ, chính là bộ binh, vũ khí cơ bản là súng AR.15, 105 ly cùng các thiết bị vận xa M.113, M.114 và 6 tiểu đoàn Dù; 6000 cảnh sát đặc biệt, mà thời Diệm dùng để giữ an ninh Tổng Thống phủ. Lực lượng trừ bị gồm 186.000 người có 83.000 người thuộc lực lượng địa phương quân và 103.000 nghĩa quân. Ngày 27.7.64 Tướng Khánh tuyên bố Mỹ đồng ý tăng cường cố vấn quân sự và dân sự ở Nam Việt Nam. Các cố vấn quân sự cho lực lượng Biệt động quân Nam Việt Nam, lực lượng địa phương quân nghĩa quân và cán bộ sơn thôn cùng các cố vấn dân sự cảnh sát, chính quyền địa phương. Vào cuối năm 1964 đã có 23.300 người Mỹ ở Nam Việt Nam.



Các cố vấn Mỹ bây giờ được phân phối tới cấp đại đội, nhưng chỉ giữ nhiệm vụ cố vấn, họ không có quyền chỉ huy; các sĩ quan Mỹ ở Nam Việt Nam có hạn kỳ là một năm.

Mặt khác lực lượng giải phóng để ra một chính phủ đối nghịch với chính phủ Nam Việt Nam, trong kỳ đại hội lần 2 của V.C. từ ngày 1.1. tới ngày 8.1.64 ở trong vùng giải phóng thuộc tỉnh Tây Ninh. Đài Hà Nội loan tin có 150 đại biểu lực lượng V.C. tuyên bố 5 ngày ngưng bắn trong dịp Tết Nguyên Đán. Cho tới cuối tháng 7/64 Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ của lực lượng VC tuyên bố: tán đồng chủ trương Trung lập hóa Nam Việt Nam, Miền và Lào của Thái tử Sihanouk.

Sau cái chết của Diệm, lực lượng giải phóng đã kiểm soát 1/3 lãnh thổ ở Nam VN và hoạt động quanh vùng Saigon; gồm 6 tiểu đoàn thuộc lực lượng chính qui, được biết như lực lượng giải phóng thủ đô, với các hoạt động dật mìn, cắt đứt các trục lộ giao thông, ám sát, phá hoại v.v...

Trong các vùng "giải phóng" được điều hành bởi Ủy ban lâm thời. Trong các vùng này V.C. cho treo cờ, thu thuế sinh hoạt trao đổi riêng, có các hệ thống hành chính và chính quyền nhân dân.

Tại một vị trí trong vùng tỉnh Tây Ninh là nơi được chọn làm Bộ chỉ huy Trung Ương Cục miền Nam. Trong vùng rừng hoang vu với những đường hầm chằng chịt và được bảo vệ bởi 3 trung đoàn chính qui xuất sắc nhất. Các lính của 3 trung đoàn này là thành phần tinh nguyên được huấn luyện rất kỹ càng, có thể chịu đựng được mọi trạng huống khổ cực như vùi mình trong cát, lặn sâu dưới nước thở bằng mũi hàng giờ để tránh sự quan sát của trực thăng quân đội Nam V.N. Với lối chịu đựng này các du kích C.S. đã thành công trong các cuộc trốn thoát khi quân đội Nam V.N. hành quân lùng địch trong vùng châu thổ sông Cửu Long.

Trong khi đó V.C. chú tâm tới các hoạt động tuyên truyền làm chuyển hướng tư tưởng chống Cộng mạnh mẽ của cán bộ và dân chúng Nam V.N. Trong 1964 người ta ước tính có khoảng 4000 toán hoạt động tuyên truyền dân vận, hầu hết được huấn luyện ở Bắc Việt, các cán bộ này được dạy cả những tiếng địa phương mà họ sẽ tới hoạt động. Song song với các hoạt động tuyên truyền, vũ khí khủng bố cũng được V.C. áp dụng tới đa. Chỉ trong năm 1964 có 436 ấp, xã trưởng bị giết và 131 người bị bắt cóc. Con số trong 10 năm từ 1954 tới 1964 lên tới 10.000 người bị sát hại hoặc bị bắt mạng đi. Hành động khủng bố này đã ảnh hưởng mạnh tới tinh thần phục vụ của các viên chức xã ấp Nam Việt Nam. V.C. đã dùng phương pháp khủng bố dã man như các vụ tham sát, cắt đầu các nhân viên xã, ấp đem đi ở các nơi công cộng trong làng xã hậu cảnh cáo đồng bào. Từ 1962 theo mô thức của Hà Nội V.C. ở Nam Việt Nam tổ chức những đơn vị nhỏ gồm 3 người mang tên toán đặc biệt và toán hành động bí mật. Trong các cuộc ám sát các nhân viên xã ấp, sau khi họ bị giết, trên ngực các nạn nhân thường bị gắn các bản án. Một số các cố vấn Mỹ cũng bị bắt và giết, thi thể thường bị cắt xẻo từng khúc, trước khi đem "triển lãm". Và các lính VNCH bị bắt cũng chịu chung số phận. Mặt khác V.C. áp dụng một chính sách ve vuốt nông dân trong các vùng họ chiếm được. Các hoạt động dân vận, săn sóc, giúp đỡ các nông dân để mua chuộc cảm tình không như các lính VNCH, tư thành phố được gọi xuống các vùng thôn quê, họ ngỡ ngàng cách biệt với nông dân.

Trong những năm này lực lượng chính qui của Nam V.N. mãi mãi giữ ở mức độ 30.000 và lực lượng địa phương quân khoảng 80.000, đồng thời sức mạnh của các đơn vị Dân vận ở thôn xã thì rất nghi ngờ. Số thương vong ngày một tăng cao. Tuy nhiên 1963 Nam V.N. giết được 26.000 bộ đội V.C. và 21.000 trong 1964. Với số hao tổn này trong 1964, 7.400 bộ đội Bắc Việt đã vào Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh. Con số cán binh này không đủ để thay thế cho các đơn vị của V.C. hoạt động ở Nam Việt Nam. Trong 1964 V.C. khởi đầu chương trình bắt lính ở miền Nam. 8400 thanh niên đã bị bắt vào bộ đội dưới hiệu lực lượng giải phóng miền Nam. Trong khi

đó họ tuyên truyền các đơn vị này tình nguyện gia nhập quân đội giải phóng dù chỉ có một số nhỏ còn phần lớn bị ép buộc. Bây giờ V.C. thay đổi chính sách vào kế hoạch đánh dân. Đại phát thanh giải phóng của V.C. thì hàng ngày loan tin họ đã chiến thắng trong vấn đề thu phục nhân dân và kết quả là nhiều dân chúng Nam V.N. đã theo họ. Trong khi phía Hoa Kỳ ước tính chỉ 10% dân chúng hợp tác với V.C.

Với chính sách bắt lính trong 1964 đơn vị bộ đội V.C. tăng lên 50 tiểu đoàn chính qui, 5 trung đoàn tập trung quanh vùng đất Trung Ương Cục của Mặt Trận Giải Phóng Nam Việt Nam. Các đơn vị địa phương cũng tăng với 140 đại đội, nhiều đại đội tới 200 quân. Trong ngày 12.7.1964 Thủ tướng Nguyễn Khánh của Nam V.N. tuyên bố quân đội Nam V.N. đã bắt được một số tù binh là quân đội Bắc Việt xâm nhập. Tuy nhiên cơ quan cơ vấn Mỹ thì không tin và cho rằng đó là các lính Bắc Việt hoạt động ở Lào. Chủ lực đó chưa có lính Bắc Việt ở Nam Việt Nam. Quân trang của du kích V.C. là bộ ba ba đen với dép sandale bằng vỏ xe hơi cũ, bình đựng nước, mũng để ngủ và túi gạo. Các vũ khí còn thô sơ từ chế, hoặc các súng Garand của Mỹ, súng máy 30 ly và súng cối 80 ly họ tịch thu được của quân đội VNCH. Đồng thời một số chiến cụ đã được chuyển vào qua đường mòn Hồ Chí Minh, số chiến cụ này đã trang bị cho các đơn vị chính qui và đơn vị vùng. Nhiều đơn vị vùng thiếu vũ khí, nên đa số các căn cứ V.C. bị bắt đều không có vũ khí chỉ có mã tấu, dao găm ...

Năm 1963 Hồ Chí Minh đã được Sô Viết chọn ký hiệp ước phòng vệ nguyên tử và Hà Nội được tăng cường mức độ viện trợ quân sự của Sô Viết. Sau đó Trung Cộng cũng muốn Hà Nội ký kết một hiệp ước quân sự, nhưng Hồ đã từ chối. Giữa lúc đó mỗi bắt hòa giữa Nga này sinh, nên các viên trợ của Sô Viết chuyển qua Trung Quốc để vào Việt Nam đã bị giám sát. Trong khi đó Trung Cộng gia tăng số lượng viện trợ cho C.S. Bắc Việt. Đây là cơ hội để Hồ tái vũ trang các vũ khí do Trung Quốc sản xuất cho lực lượng quân đội nhân dân của C.S. Bắc Việt. Mặt khác C.S. Bắc Việt cũng gởi các chiến cụ này qua đường mòn Hồ Chí Minh tới cho lực lượng V.C. ở Nam V.N.; vào 12/1963 quân đội Nam V.N. đã khám phá được một số chiến cụ cho lực lượng V.C. chôn giấu ở tỉnh Định Tường do Trung Quốc chế tạo. Vào cuối 1964 nhiều chiến cụ của Trung Cộng đã được V.C. xử dụng ở Nam Việt Nam

Trong tháng 12/64 lực lượng Đặc Biệt đã tịch thu được các vũ khí mới sản xuất ghi hạn kỳ là 7/62 gồm các súng cá nhân tự động, súng cá nhân nhẹ, súng cồng đồng loại 57 ly, 75 ly, lựu đạn, mìn, súng chống tank, súng phòng không, mìn chống tank. Cơ quan cơ vấn quân sự Mỹ ước tính lực lượng V.C. có 130 khẩu 82 ly và trên 300 súng phóng lựu 61 ly. Cả Trung Quốc và Bắc Việt đang muốn có một cuộc thử lửa trắc nghiệm khả năng lực lượng Mỹ.

Với sự phản ứng chậm chạp của các đơn vị quân đội VNCH trong các cuộc hành quân cơ động nhằm vào các vùng V.C. hoạt động, V.C. leo thang các vụ khủng bố đồng thời mở những trận tấn công lớn. CS mở ước một Điện Biên Phủ thứ hai với hoài bão để bẹp lực lượng quân đội VNCH và Mỹ. Một mặt sửa soạn, một mặt áp dụng chiến thuật gặm nhấm chiếm cứ các vùng trọng toàn cõi Nam V.N. cố gắng tạo những điểm mạnh và gia tăng vùng đất kiểm soát.

Cho tới cuối 1964 gần 12.000 dặm đường V.C. đã có thể di chuyển được.

Mặt khác các hoạt động cây người trong các Ấp Tân sinh, để làm nội ứng trong các cuộc tấn công vào các ấp mà chúng thấy cần thiết. Tuy nhiên với chiến thuật nội ứng này chúng đã không thu đạt được những kết quả mong muốn. Các mục tiêu Ấp Tân sinh và các đồn bốt đã được sự canh phòng và cảnh giác của các lực lượng quân sự, dân sự đồn trú. Đồng thời chúng đã xử dụng các toàn thiếu nhi "tiền sát" giả dạng các trẻ mục động làm mặt bảo vệ theo dõi mọi di chuyển của các đơn vị VNCH ở các Ấp Tân sinh và đồn bốt. Các mặt báo viên này đã báo cáo kịp thời cho các đơn vị địa phương của chúng những tin tức gì chúng cần biết.

Chờ đêm xuống hoặc vào những buổi sáng sớm, các du kích vùng đã lặng lẽ tấn công vào những đồn bốt, Ấp Tân sinh. Một vài trái tạc đạn phát nổ làm ám hiệu cuộc tấn công bắt đầu, thường thường chúng dùng các đơn vị chính qui trong các cuộc tấn công. Mục tiêu của các cuộc tấn công này là giết các nhân viên quân sự và hành chánh của VNCH, phóng thích các tù, bắt con tin, lấy chiến cụ, thuốc men và nhanh chóng rút lui vào các vùng hoang dã. Nếu chúng muốn ở lại lâu một địa phương nào, thì ngay sau cuộc tấn công, một đơn vị tiếp ứng được di chuyển tới ngay. Tuy nhiên V.C. đã không hoàn toàn thành công trong các vụ tấn công này. Nhiều đơn vị VNCH đồn trú đã đẩy lui và phản công gây cho lực lượng V.C. nhiều thiệt hại nặng nề.

Mặt khác V.C. đã trở nên là những chuyên viên chế tạo mìn và đặt bẫy. Nhiều loại mìn đã được sản xuất và rải khắp mọi nơi với các bẫy chống băng tre vuốt nhọn có tâm thuốc độc. Các loại này đã làm cho lính Nam V.N. phải e dè trong sự xông vào lục soát những vùng rừng núi tĩnh ngai có các đơn vị V.C. ẩn nấp.

Trung Ương Cục miền Nam thành lập Sơ trung ương nghiên cứu để suy tâm và thấu lược mua bán các tin tức gián điệp, thông tin, phân phối tin tức, học tập chính trị, học các trại học tập cải tạo, tổ chức cơ quan phản gián. Sơ trung ương nghiên cứu này của V.C. đã giải được người vào hầu hết các cơ quan quân sự và hành chánh của chính phủ Nam Việt Nam. Người ta ước tính bất cứ các kế hoạch hành quân nào của quân đội VNCH VC cũng biết trước 8 giờ đồng hồ. Thời gian đủ để các đơn vị V.C. rút lui hoặc chuẩn bị phản kích. Nhưng nhiều khi tin tức tới chậm để báo động cho các đơn vị của chúng, tuy nhiên trường hợp này thường ít xảy ra.

Trong các vùng V.C. đồn trú chúng nguy trạng rất kỹ càng nên tránh được sự quan sát của các phi cơ trinh sát. Và đặc biệt sự phòng vệ rất cẩn thận trong những vùng gọi là "vùng giải phóng". Có 3 lớp phòng thủ, phía ngoài là những hố cá nhân bao quanh khu vực khi bị phi cơ tấn công chúng chui xuống ẩn nấp trong các hầm này, lớp thứ hai là các hầm kín chắc chắn và lớp thứ ba là các chiến hào với những lối thoát.

Cái mà lính V.C. lo sợ nhất là các phi cơ trực thăng của Mỹ vì phi cơ bay thấp xử dụng súng máy và thả xuống các vị trí nghi ngờ loại bom mang tên "Madame Nhu Cocktail" (trộn xăng đặc và than gỗ) nhưng chúng cũng tìm ra cách đề phòng là ẩn kín trong các hố cá nhân và bắn lại trực thăng. Vào giữa 1963 Mỹ xử dụng loại

máy bay trực thăng lớn hơn, trang bị hỏa tiễn và gai liên và có thể bay thấp, đáp xuống dễ dàng hơn loại CH.47S. Những lính V.C. đã dùng và bắn lại với các loại vũ khí chúng có.

Trong khoảng 1962, 1963 các hoạt động chính của quân đội Mỹ là xử dụng không lực.

Mỗi bắt hòa giữa Nam V.N. và Miền gia tăng. Công Sản Bắc Việt đã dùng cảng Sihanouk Ville để tiếp tế vũ khí và các đồ tiếp liệu, và được chuyển vào các vùng hoang vu ở biên giới Việt Miên. Thời gian này con đường tiếp tế được đặt tên đường mòn Sihanouk cùng với con đường mòn Hồ Chí Minh. Một số căn cứ mật khu của V.C. được đặt ở vùng biên giới, ba nơi chính được biết đến là vùng Lưỡi câu một vùng thuộc Miên thọc sâu vào nội địa Nam V.N. ở phía Đông tỉnh Kompong Cham, thủ hai là vùng Mỏ Vet, cũng đâm sâu vào lãnh thổ Việt Nam thuộc tỉnh Tây Ninh gần Saigon, và thứ ba là phân lối ra ở phía Đông và Nam của tỉnh Neak Luong của Miên. Đường mòn Sihanouk tiếp tế chiến cụ cho 3 mật khu này. Trong khi đó bộ đội V.C. ở Miên thì thoải mái di lại trong các làng ấp.

Một sự kiện quan trọng đã xảy ra ngày 19.3.1964 là vụ phi cơ Nam V.N. tấn công làng Chantes, 4 dặm sâu trong nội địa Miên. Súng máy, Rocket và bom Napalm đã được xử dụng giết 16 người, bị thương 14 người. Đây là lần đầu quân đội VNCH tấn công qua Miên. Kể đến ngày 22.3.64 thêm một cuộc tấn công khác nữa. Về phía phi cơ Mỹ thì không bay 3 dặm gần biên giới Miên mà oanh kích con đường mòn Sihanouk và các mật khu chính của V.C. Vào ngày 4.4.64, trong 2 ngày tấn công vào các làng ở biên giới Việt Miên, quân đội VNCH đã giết 45 V.C. và gây bị thương 60 tên. Trong tháng 5/64 chính phủ VNCH phản đối với chính phủ Miên là đã dùng đường cho các bộ đội V.C. đồn trú. Sau đó quân đội VNCH đã tấn công vào sâu 30 dặm trong lãnh thổ Miên. Trong khi đó Thái tử Sihanouk lên tiếng phản đối chính phủ VNCH đã vượt qua biên giới phía trong nội địa Miên và quân đội Nam V.N. đã mở những cuộc truy lùng nhỏ. Bộ đội V.C. đã dùng tới các đơn vị chính qui để bắt đầu mở những cuộc tấn công lớn và chúng đã thu được một vài chiến thắng cũng như thất bại khác. Vào ngày 12.4.64, sau 5 ngày chiến đấu giữa 2 tiểu đoàn chính qui V.C. tràn ngập quân lỵ Kiên Long ở vùng Châu thổ. Quân đội VNCH đã phản công giết 175 tên, về phía VNCH có 55 người chết. Bộ đội V.C. đã rút lui khi phi cơ tới tấn công. Đây là lần thứ nhất lực lượng V.C. đã mở một trận địa chiến. Trước đó chúng luôn luôn rút lui sau một vụ tấn công để tránh phi pháo của VNCH.

Vào đầu tháng 6/64 V.C. đã tấn công một tiểu đoàn VNCH ở vùng Bến Cát. Trong ngày 4.6.64 chúng tấn công một trại lực lượng đặc biệt ở Kontum giết trên 40 lính phòng vệ. Vào ngày 6.6.64 chúng tấn công vào một trại khác cũng của lực lượng đặc biệt, 49 tên bỏ xác, phía lính phòng vệ có 60 người chết gồm một lính Úc (đây là người lính Úc đầu tiên tử thương ở Nam V.N.). Vào ngày 12.7.64, sau 3 ngày chiến

đấu, lính VNCH thất bại tại làng Vĩnh Che thuộc tỉnh Chương Thiện; 5 đại đội Địa phương quân của VNCH tới tiếp viện nhưng đã phải tháo lui. Sau đó 2 tiểu đoàn chính qui của VNCH đã đổ tới chiếm cứ lại làng; V.C. rút lui; phía VNCH mất 100 vũ khí.

Mặt khác trong cuộc hành quân keodai trong 3 ngày bắt đầu 28.7.64 với 4000 quân VNCH bao vây 2 trung đoàn chính qui V.C. ở vùng Bến Cát, với trực thăng đổ bộ 1000 quân, nhưng chỉ thấy dấu vết của lính V.C. bỏ lại. Vào ngày 20.8. một tiểu đoàn VNCH đã bị phục kích tại 45 dặm Tây Nam Saigon trong vùng Châu thổ, 60 chết và 135 mất tích.

Trong ngày 15.9.64 Trung Ương Cục miền Nam mở cuộc tổng tấn công nhằm gia tăng cường độ các cuộc tấn công. Chỉ trong một tuần có tới 975 vụ, sau đó giảm xuống còn 580 vụ trong 2 tuần của tháng 10/64. Quân đội VNCH đã bị hai nãng nề chết 260, bị thương 440, mất tích 225, 545 vũ khí mất bao gồm 30 súng công đồng. Đây được coi là thiệt hại cao nhất trong trận chiến ở V.N. Về phía V.C. có 275 chết, bắt 50 tên và tịch thu 100 vũ khí.

Vào ngày 7.10.64 có 2 Tiểu đoàn chính qui V.C. tấn công một đơn vị VNCH ở 12 dặm Tây Saigon, bắn hạ một trực thăng, giết 33 người. Nhưng vào ngày 11.10.64, với một cuộc tấn công vào một căn cứ VNCH ở 30 dặm Tây Bắc Saigon, V.C. thất bại 55 tên bỏ xác.

Nhìn chung các đơn vị VNCH đã không thể chủ động được các mặt trận trong năm 1964. Chiến thắng duy nhất vào ngày 27.4 /64 khi 5000 quân nhảy dù VNCH tấn công vào Bộ Tư Lệnh một đơn vị Việt Cộng tại mật khu Đố Xá ở Cao nguyên Trung phần giáp ranh giữa 2 tỉnh Quảng Ngãi Kontum. Đây là vùng an toàn của Việt Cộng từ năm 1954. Một chiến thắng khác cũng do một Tiểu đoàn dù tấn công một Tiểu đội V.C. vào 2 ngày 21 và 22.7. tại vùng ĐôngTháp.

Một cuộc tấn công khác của V.C. vào đêm 31.10.64 vào căn cứ không quân Mỹ ở Biên Hòa chỉ 12 dặm cách Saigon. Với cuộc pháo kích bằng súng không giật trong 1/2 giờ: 5 phần lục cơ bị phá hủy, 22 bị hư hại, 4 lính Mỹ bị chết và 72 người bị thương. Vài ngày sau một lực lượng gồm 1000 quân với 115 trực thăng một cuộc trực thăng vận nhảy xuống mật khu Bời Lơi thuộc tỉnh Bình Dương. Trong khi đó với 6000 quân khác bao vây với chiến xa yểm trợ. Nhưng tình báo V.C. đã báo tin kịp thời nên các đơn vị V.C. đã tẩu thoát. Trong mật khu này hệ thống hầm hố tổ ong chằng chịt, 10 lính VNCH bị chết khi lục soát, và 11 người khác tử thương khi một trực thăng bị bắn rơi.

Vào cuối 1964 chiến thắng được ghi nhận cho phía V.C. khi một Trung đoàn chính qui V.C. hơn 1500 tên chiếm đóng một làng di cư Thiên Chúa giáo thuộc xã Bình Giả tỉnh Phước Tuy. Trong ngày 28.12.64 một Tiểu đoàn VNCH được đưa tới tiếp viện, 3 trực thăng bị bắn rơi, và 3 cái bị hư hại do súng phòng không của V.C. bắn lên. Ngày kế tiếp một đại đội Địa phương quân đồn trú gần Bình Giả bị V.C. tấn công tràn ngập, 175 lính chạy tán loạn. Vào ngày 30.12. máy bay lại chở tới 3 Tiểu đoàn, thêm một trực thăng nữa bị bắn rơi, và trong đêm V.C. đã rút lui khỏi làng Bình Giả. Quân đội VNCH chiếm lại, nhưng trận chiến tiếp tục vào ngày 31.12. Qua ngày 1.1.65 hai Tiểu đoàn VNCH khác được trực thăng vận tới nhưng qua trưa, lực lượng V.C. đã cao bay xa chạy.

Đó là lần thứ ba trong 3 tuần lễ lực lượng chính qui V.C. xuất hiện ở Bình Giả và lần thứ nhất chúng ăn mặc đồng phục kaki thay vì "bà ba đen". Chúng đã đứng lại chiến đấu trực diện với quân đội

VNCH.

Hỏa lực của chúng đã tương đương với binh lính Nam Việt Nam. Sau những chiến thắng này V.C. tuyên bố chúng kiểm soát 3/4 lãnh thổ với 8 triệu dân trong số 13 triệu dân lúc bấy giờ. Đó là lý do có sự di chuyển nơi ở của dân chúng. Vào ngày 7.12.64 có 16.000 dân Thiên Chúa giáo di cư đã đổ về Qui Nhơn, khi lực lượng V.C. chiếm một số vùng trong tỉnh Bình Định. Một vấn đề cho chính phủ Saigon. Chỉ trong tháng cuối năm 1964, coi là năm tồi tệ nhất cho phía VNCH, có 900 lính

chết, 2070 bị thương, 980 mất tích và 2050 vũ khí bị mất. Chính phủ Nam Việt Nam công bố thiệt hại về phía V.C. là 1890 bị giết và tịch thu 680 vũ khí. Tổng cộng trong toàn năm 1964 về phía VNCH bị thương, mất tích và chết là 29.500 người phía Mỹ 1.172, phía Việt Cộng 21.000.

(Hết Chương IV)

(Còn tiếp)



Vườn Thơ Viên Giác

Người Làm Vườn

LẠI MỘT MÙA XUÂN

Mùa Xuân đã lấp ló ở Viên Giác số 41 ra tháng 10 vừa qua, khi Tòa Soạn thông báo chủ đề "MÙA XUÂN và NGƯỜI VIỆT ty nạn trên đất khách" cho số 42 kế tiếp ra tháng 12 này, đang ở trong tay quý độc giả. Thời gian trôi qua nhiều lúc tưởng như chậm rì mà thật ra lại nhanh như "bóng câu qua cửa sổ", chẳng chờ đợi ai. Có độc giả nghĩ rằng năm nay báo Viên Giác "ăn Tết" sớm.

Thực ra là người Việt Nam, cũng như các dân tộc Á Đông khác Trung Hoa, Đại Hàn v.v..., chúng ta sử dụng hai thứ lịch: Dương lịch tính theo sự chuyển động của mặt Trời và Âm lịch theo mặt Trăng. Do đó, chúng ta ăn hai thứ Tết: Tết dương lịch

và Tết âm lịch thường gọi là Tết Nguyên Đán.

Chúng ta ăn Tết dương lịch để ghi mốc thời gian, kết toán sổ sách và chia vui với các dân tộc Âu Mỹ, các bạn bè quốc tế. Còn Tết âm lịch hay Tết Nguyên Đán có tính cách thiêng liêng như là của riêng ta, mới thức sự làm xúc động tâm hồn ta tâm hồn những người ty nạn sống lưu vong rải rác khắp các nước tự do trên thế giới mà phần lớn là các nước Âu Mỹ mặc dầu ngoại cảnh không thuận lợi vì các nước chủ nhà chỉ sử dụng một thứ dương lịch và không có Tết Nguyên Đán tính theo âm lịch. Đó là đặc điểm của Văn Hóa Việt Nam. Sống trong xã hội Âu Mỹ, chúng ta

vẫn thấy không thể thiếu một cuốn sách Lịch Tử Vi có đủ ngày tháng âm dương lịch, ngày tốt ngày xấu dù là chỉ để xem chơi cho khỏi quên nếp sống Việt Nam. Ở nước ta, chính quyền Công Sản dưới chiêu bài "đổi sống mới, cải cách, tiến bộ" nhiều lần mưu toan hủy bỏ Tết Nguyên Đán để người dân quên đi những ngày Tết thiêng liêng, no ấm trong gia đình của các chế độ đã qua và bắt đi cho Nhà Nước một gánh nặng quá sức chịu đựng của nền kinh tế Xã Hội Chủ Nghĩa nghèo nàn, ề uột chỉ đủ sức cung phụng cho các lãnh tụ, các cán bộ "cấp cao" các đặc quyền đặc lợi sống vương giả như có 365 ngày Tết trong một năm, nhưng họ đã thất bại vì người dân vẫn hướng về ngày Tết cổ truyền, không chịu ăn Tết "chiếu lệ" theo dương lịch và nếu cưỡng bách, gò bó thì người dân sẽ ăn Tết "chui", như vậy còn tác hại và tổn kém hơn nữa, nên mưu toan trên đã phải bị dẹp bỏ; một lý do khác nữa là hoa thơm, trái ngọt và các phẩm vật để ăn Tết ở nước ta chỉ xuất hiện theo mùa, theo âm lịch nên người dân không thể ăn Tết "trái mùa" được.

Tính theo dương lịch, Tết Nguyên Đán không có ngày cố định mà thay đổi theo mỗi năm. Mồng Một Tết năm nay trùng vào ngày 17.2.1988, tức là Thứ Tư, ngày làm việc. Tập thể Việt Nam nào muốn tổ chức Tết thì sớm nhất cũng là vào ngày Thứ Bảy kế tiếp. Tết nhất hoặc lễ lạc dời lại vào ngày cuối tuần đã trở thành chuyện tự nhiên của người Việt tỵ nạn. Có nơi vì hoàn cảnh, đồng bào ta còn tổ chức ăn Tết lại rải cả một, hai tháng sau. Có thể nói, người Việt chúng ta đi đến đâu thì mang theo Tết cổ truyền đến đó, không thể "bỏ qua" được!

Năm 1987 sắp nhường chỗ cho năm 1988. Chúng ta sắp tiễn đưa con Mèo của năm Đinh Mão và chào đón con Rồng của năm Mậu Thìn. Trong năm Rồng này, đã có tín hiệu tốt đẹp cho các con Rồng cháu Tiên như chúng ta có thể trở về chiếm lại đất Thăng Long (Rồng Lên là tên cũ của cố đô Hà Nội): Việt Công bước lòng sẽ phải rút khỏi Cam-pu-chia, đánh dấu sự sụp đổ một nửa của bao quyền Hà Nội và sẽ chăm ngòi cho nhiều biến động dây chuyền khác dẫn đến sự tan rã toàn bộ và tất yếu của một chính quyền phi dân tộc như mọi chính quyền phản dân hại nước khác mà dân tộc ta đã chối bỏ trong lịch sử. Lần này sẽ không còn là mưu ma, chước quỷ của Việt Công để lừa bịp ai như

Chợt nhớ nắng Xuân

Ngồi nhìn từng cánh tuyết rơi
Chạnh lòng nhớ nắng xuân tươi ánh vàng
Xa cách đã mấy tuần trăng
Ngoảnh nhìn ngun ngút giá băng quê tỉnh.

Xuân quạnh

Nhìn ra ngoài ngõ vắng teo
Ngõ hồn chợt thả bay theo gió sầu
Nhớ quê hương biết tìm đâu
Bóng dưng giọt lệ chìm sâu đáy hồn.

■ DAN HÀ



mọi người thường nghi kỵ mà là lệnh của Liên Xô, một thứ lệnh không phải là của dân anh mà là lệnh của quan thầy với lý do rất thực tế là Liên Xô không muốn rơi vào tử lộ. Việt Công đã trở thành nước "anh em" ăn hai nhất trong khối Công Sản, là cái máy ngôn bạc của Liên Xô mà vẫn đối rạch vì gặp phải sự bất hợp tác phá hoại ngấm ngấm của 60 triệu người dân công với sự lãnh đạo ngu xuẩn và thiên căn về kinh tế. Khi báo Viên Giác sắp lên khuôn thì Hun Sen, Thủ tướng Cam-pu-chia bù nhìn của Việt Công đã phải thân chinh sang Pháp gõ cửa tư thất của ông Hoàng Si-Ha-Nưc, lãnh tụ kháng chiến Cam-pu-chia để răn ni đàm phán về việc xây dựng một nước Cam-pu-chia mới! Chúng ta cảnh giác nhưng không hoài nghi, sáng suốt đáng giá đúng mức các biến chuyển đang diễn ra và có đủ lý do để lạc quan và tin tưởng rằng tất cả mọi lực lượng phi dân tộc sớm muộn đều phải đi ra khỏi đất nước Việt Nam và bán đảo Đông Dương.

Các biến động chính trị tại quê hương đương nhiên tác động mạnh vào tâm hồn chúng ta, những người tỵ nạn chính trị, nhất là những người làm văn nghệ.

Sau số 42 này, chắc hẳn các thi hữu và độc giả xa gần sẽ được đón đọc số 43, mới thực sự là số Xuân và Tết Mậu Thìn. Người Làm Vườn hy vọng sẽ nhận được các vần thơ mới nhất của các thi hữu và độc giả bốn phương tô điểm cho "Vườn Thơ Viên Giác" muôn màu, muôn vẻ, đem lại

sắc hương và sưởi ấm lòng người tỵ nạn trong những ngày Xuân mới. Bên cạnh "Nỗi Buồn Viễn Xứ..." của văn hữu Vũ Ngọc Long (tác phẩm mới phát hành), chúng ta còn có thêm Niềm Vui Lớn là đang tiến tới ngày trở lại Quê hương được giải phóng và như một truyện thần kỳ, đất nước ta và các nước láng giềng Cam-pu-chia, Lào sẽ lại ra khỏi quỹ đạo của Công Sản giống như những lần dân tộc ta đã đánh thắng nhiều lực lượng tưởng chừng như vô địch trong lịch sử.

Ước mong nhận được từ các thi hữu các vần thơ mới, các thi hứng mới nhân buổi đầu Xuân, nói lên các sự vui buồn của người tỵ nạn cùng với niềm tin tưởng và lòng quyết tâm của những kẻ không bao giờ chịu để mất quê hương.

Bên thêm Năm Mới, Người Làm Vườn xin kính chúc quý Thi hữu cùng gia quyến mọi điều tốt lành và tintướng với sự công tác của các Thi hữu, Vườn Thơ Viên Giác sẽ là nơi họp mặt thường xuyên, là Thi đàn của những tâm hồn có những rung cảm sâu sắc đối với tiền đồ của Quê hương, Đạo pháp và Dân tộc.

Xin hẹn tái ngộ cùng quý vị vào số 43, đón mừng Xuân và Tết Mậu Thìn.



LTS: - Trong chiều hướng phát huy văn hóa của Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo tại CHLB Đức, báo Viên Giác sẽ chọn đăng những sáng tác văn nghệ (truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, tạp ghi...) của qui độc giả bốn phương có nội dung lành mạnh hướng về Quê Hương, Dân Tộc, Đạo Pháp.

Bài gởi về báo Viên Giác- tối đa 2 trang đánh máy hoặc 4 trang viết tay- ngoài bút hiệu, xin qui vi ghi rõ họ tên, địa chỉ và đề mục "VAN NGHỆ SANG TÁC" để Tòa Soạn gửi tiền nhuận bút khuyến khích là 50,- Đức Mã khi bài được chọn đăng.



Lúc chốc trên chiếc giường tre nhỏ, tôi ngáp ngong chờ Linh -đứa con trai duy nhất còn ở lại Việt Nam với tôi- từ ngày này qua ngày khác. Cho đến một hôm tôi được cái tin sét đánh Linh bị bắt đi học tập một nơi xa thật xa. Thế là hết ! Biên cô 30.4. là thảm cảnh chung cho đất nước, nhưng với riêng tôi -một người đàn bà già cả, mù lòa, không nơi nương tựa, suốt ngày chỉ biết quàng trong bóng đèn vô tận, thì đau đớn biết dường nào ! Tôi còn nhớ trước ngày các con tôi đi tản, đứa con trai út của tôi hỏi :"- Mẹ có đi không mẹ ?" Tôi dẫn lòng trả lời : "Không, mẹ ở lại!" Thật điếng người khi bước phải nói câu này vì tôi muốn các con tôi an tâm ra đi, sẽ gây khó khăn nếu có tôi; hơn nữa tôi muốn ở lại chờ Linh. Có ngờ đâu hoàn cảnh lại éo le như thế này.

Rồi tôi được một người cháu thương tình đem về nuôi. Suốt mấy ngày đầu tôi nằm miên man không buồn ăn uống gì hết, nước mắt tôi hầu như khô cạn vì nghĩ đến những bất hạnh liên tiếp trong chiến tranh chồng mất, mù lòa.

Hy vọng cuối cùng

Nhờ sự tận tình dò hỏi của cháu tôi, dần dần tôi cũng biết được chỗ Linh bị giam cầm. Tôi đã nhờ người ta mua thực này món nọ để đi thăm nuôi Linh. Quốc sông của tôi trở nên có ý nghĩa, vì ít ra tôi cũng là điểm tựa duy nhất của Linh.

Mọi sự tài trợ từ ngoại quốc gửi về cho tôi (tôi thường gọi đây là "Lộc Phật" tôi đều dành dụm để mua quà cho Linh. Rồi một ngày kia tôi được lệnh xuất ngoại để chữa mắt. Tôi nửa mừng, nửa tủi. Mừng vì sẽ gặp các con tôi và may ra mắt tôi hy vọng chữa được. Tủi vì phải xa Linh và vĩnh viễn xa đất mẹ.

Ngày lên đường, hành trang của tôi thật đơn giản : Một bộ áo quần, một tượng Đức Quan Thế Âm, và một chuỗi hạt thướng tôi dùng khi niệm Phật. Tôi cũng không còn nhớ rõ lúc bấy giờ là ngày hay đêm, tôi cũng chẳng thiết gì vì ngày hay đêm đối với tôi đều vô nghĩa.

Người ta đưa tôi lên máy bay, tiếng khóc nghẹn ngào của những người đưa tiễn nhỏ dần lại đằng sau. Tôi cẩn thận xét lại ba mảnh giấy trong túi và xem chúng như bùa hộ mệnh mà cháu tôi đã cẩn thận viết bằng Quốc Ngữ và Ngoại Ngữ : Từ thứ nhất : "Tôi bị mù, xin làm ơn giúp cho tôi dùng phòng vệ sinh". Từ thứ hai : "Tôi bị mù, khi đến phi trường cho tôi một chiếc xe lăn và giúp cho tôi gặp được người nhà". Từ thứ ba ghi địa chỉ con gái tôi cùng với số điện thoại v.v.. Tôi đã làm dấu kỹ lưỡng và suốt cuộc hành trình tôi đã dùng giấy thứ nhất rất nhiều lần !

● Bích Du

MIAMI SPRINGS (Hoa Kỳ)

Tiếng động cơ máy bay đều đều làm cho tôi thiu thiu ngủ sau khi đã cố niệm Phật thật nhiều : Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát. Cuốn phim di vãng hiện ra rất rõ trong trí tôi. Những cảnh vật tôi đã được thấy, những bông hoa muôn màu, núi non hùng vĩ, biển cả mênh mông ... đẹp đẹp tuyệt trần, nhưng lúc đến nơi nhìn con tôi, tôi không thấy mặt nó; tôi thét lên "Trời ơi, đôi mắt!" Tôi giạt mình vì người chiêu đãi viên đã cầm lấy tay tôi, đưa cho tôi một chiếc khăn ấm và ly cà phê. Đây không phải là lần đầu, tôi đã từng mơ những giấc mơ như thế.

Tiếng bánh phi cơ chạm đất. Tôi bàng hoàng, giờ đây trên đất khách quê người liệu tôi có gặp ngay được con gái tôi không và liệu nó có nhìn ra tâm thần tiêu tụy đã bọc lấy xương của tôi không? Bỗng tôi mừng rú lên khi nghe "Mẹ, Nguyên đây mẹ!", qua thật tiếng con gái tôi vẫn không thay đổi. Tôi đưa mắt nhìn về phía bên trái, trong khi con tôi và một vài người bạn lại đứng bên phải thì ra không thấy thật khi Nguyễn Ôm chăm lấy tôi và tôi ôm con tôi như không bao giờ muốn buông ra nữa. Tôi sợ mắt con gái tôi như tôi đã mất Linh. Mẹ con tôi ôm nhau như thế lâu lắm. Tôi để mặc cho nước mắt mình thấm ướt vai áo con tôi. Sự gặp gỡ của chúng tôi thật là huyền diệu : Một bà mẹ mù từ Việt Nam gặp một người con gái từ Mỹ qua Paris đón; tôi thường xem đó là ân huệ của Phật đã dành cho tôi. Sau thời gian làm thủ tục tôi được đưa về Mỹ. Ở đây tôi đã gặp được các con, cháu và được dẫn đi đây đi đó, ăn món này món nọ; những hình ảnh Linh vẫn luôn luôn trong tâm trí tôi, nhất là về đêm :

Linh ơi mẹ đã mỏi mòn,
Đêm đêm thao thức nhớ con khóc hoài.

"Lộc Phật" tôi vẫn tiếp tục gửi cho Linh qua đứa cháu tôi còn ở Việt Nam với hy vọng có ngày Linh ra trại và có điều kiện vượt biển để đoàn tụ gia đình. Mặt tôi không thể chứa được nữa theo lời của bác sĩ tôi vẫn cam lòng miễn sao cho tôi có ngày ôm ấp được Linh -đứa con xâu sỏ của tôi.

Lạy Phật cho tôi gặp con tôi,
Dù mai đây tôi sẽ qua đời

...

“TAM HỮU” HÓA LONG

Trần Phong Lưu

* RIÊNG TẶNG NHỮNG NGƯỜI TUỔI THÌN *

Khi Đông về, hoa cỏ héo tàn, cây cối đã rụng lá từ độ cuối Thu, chỉ còn lại Tùng và Trúc vẫn xanh, thêm Mai tới buổi giao mùa Đông Xuân lại đâm nư ra hoa. Ví thể các thi nhân văn ca ngợi Tùng, Trúc, Mai là "Tam hữu của mùa Đông". Tùng, Trúc, Mai còn được tôn trọng như trong các loại cây cảnh như vẽ đẹp riêng và nét thi vị đặc biệt: Loại Tùng hùng vĩ, loại Mai thanh kỳ, loại Trúc phong nhã thường được các tao nhân mặc khách vinh hoa trong thi ca và vẽ nhiều trong hội họa.

Cho nên một vườn hoa Đông phương không thể thiếu mất "Tam hữu của mùa Đông". Mà nghệ thuật viên cảnh có lẽ là bộ môn nghệ thuật đem lại cho con người nhiều mỹ cảm đầy đủ nhất: Người ta có thể ngắm cảnh thiên nhiên hoang dã trong một lâm viên, thưởng thức hương vị của hoa thơm, cỏ lạ trong một khu vườn cảnh, dạo mát với trí kỷ qua công viên, và lắng nghe khúc nhạc thiên nhiên qua tiếng chim hót buổi sáng sớm mùa xuân, tiếng gió thổi trưa hè, tiếng ngòi lạch chiểu thu lắng lẽ trôi... Vườn hoa là sự thể hiện cảnh "sơn thủy hữu tình trong một không gian giới hạn".

Nhiều môn nghệ thuật chỉ phục vụ được một số người hiểu biết, chỉ đáp ứng nhu cầu của một ít tầng lớp có đủ điều kiện, phương tiện. Nghệ thuật viên cảnh có khả năng phục vụ được đa số quần chúng. Một vườn hoa đầy đủ, một công viên qui mô còn là nơi tập trung những tác phẩm điêu khắc, các công trình kiến trúc và nhiều sắc thái trang trí trong khung cảnh thiên nhiên.

Triết lý Đạo Thiên quan niệm thiên nhiên dưới nhiều sắc thái: Từ chiếc lá ngọn cỏ đến loại tùng cổ kính, từ cành cây khô héo cho đến một khóm hoa tươi, tầng đá u tĩnh cho đến ngọn cao hùng vĩ, thiên nhiên trong sơn thủy gió trăng, trong tiếng chim hót, ve sầu, tiếng côn trùng ra rít, tiếng nước chảy, mưa rơi.

Con người, như là dân thành thị, sống trong những nhà cửa chật hẹp, trọ trong những chung cư đông đúc, lại thường làm việc trong các cơ xưởng ồn ào hay trong những tiệm buôn, của hàng thiếu thoáng khí nên rất cần một vườn cảnh để giải trí, hoặc được ngắm một cành hoa, một bụi kiếng xanh tươi để bồi bổ sức khoẻ, để tưới mát tinh thần sau những giờ làm việc mệt nhọc. Bởi thế, xây xong

một ngôi nhà, người ta thường trồng thêm cây cảnh để tạo linh hoạt cho những khối gạch ngói, vôi hồ. Hoàn tất một gian phòng, người ta thường trang trí tranh, tượng, đặt thêm bình hoa, chậu kiếng để phòng đỡ trống vắng và thêm tươi vui.

Thiên nhiên đã đem màu sắc sinh động đến các công trình nhân tạo, nghệ thuật đã điem tô nét đẹp cho Kiến trúc.

Những cây cảnh có thú thanh tao có thú tâm thượng, tranh tượng có thú nhà có thú tục. Gây một giồng kiếng thanh kỳ chọn được một tranh, tượng đẹp, để đặt thích hợp vào một góc vườn, hay trang trí hài hòa một khoảng không gian kiến trúc, cũng đã góp phần công hiến cho mỹ thuật.

Trong số hàng vạn loài cây, các danh sĩ Đông phương chỉ tìm gặp vẻ đẹp của một vài loại qua tư thế, hoặc trong những đường nét hợp với thú pháp. Các thi nhân nghệ sĩ đã đem mỗi tình cảm riêng để thưởng ngoạn cái phong vân đặc biệt của từng loại cây cảnh.

Tùng giữ một địa vị đặc biệt chính nhờ vẻ đẹp cổ kính. Nó như người cao sĩ ở ẩn, mang hình thái tiên phong đao cốt nhân du trong núi. Cây Tùng càng già càng đẹp vì càng hùng vĩ; càng có nhiều khúc mắc trên thân, càng có nhiều vết hằn nhăn nếp cằn cỗi trên vỏ, càng chứng tỏ vẻ từng trải phong sương, kinh nghiệm. Trong những bức cổ họa, ta thường gặp hình ảnh một cội tùng già mọc cheo leo giữa trời mây, trên sườn núi đã dựng, hay bên ghềnh thác, với thân uốn khúc, vạm mĩnh, với nhánh lá tung ra theo thế vừa tản vừa thủ như đang chống chọi với gió núi mưa ngàn. Hội họa đã phối hợp Tùng với đá vị theo ý nghĩa nghệ thuật, Tùng tiêu biểu cho thái độ ẩn dật, u tĩnh, cứng như đá khối trầm tĩnh vô ngôn, Tùng yên lặng nhìn xuống thế gian tựa như đá từng trải cảnh tang thương, tựa như đá từng chống đỡ mọi uy vũ khuất phục, trong một vẻ vừa vĩ đại vừa thân bí.

TÙNG HÓA LONG

Không biết đã có ai từng tìm thấy trong thiên nhiên một cây Tùng biến thể, mang dáng dấp hình rồng? Nhưng trong nghệ thuật uốn sửa cây cảnh, người ta có thể cắt tỉa chăm sóc qua nhiều năm tháng để biến một cây tùng non trở nên một cội "Tùng hóa Long". Thời gian gần đây, không còn mấy người đủ lòng say mê gây giồng, uốn sửa các giồng kiếng, đầu chỉ kiến nhẫn chăm sóc, cắt tỉa các cành cây cảnh nên chúng ta ít được gặp những châu kiếng "Hóa Long". Tuy nhiên, cung đình triều Nguyễn còn để lại đến nay mấy bức phù



TÙNG HÓA LONG

điều chạm gỗ hình "Tùng hóa Long". Thân Tùng cũng được chạm uốn khúc vạm mĩnh theo hình Rồng mà đầu Rồng là gốc Tùng với những lỗ bóng làm mắt, miệng; nhưng u, những mắc gỗ làm thành mũi, trán, mây sợi rẽ mọc tua tủa thành vi, ngang dưới cổ, mây miệng vô bắt ra làm thành bờm sau gáy. Râu Rồng là hai nhánh hai bên đã được tỉa hết lá. Sừng Rồng là nhánh to ngắn mọc từ gốc, trên mang mây nhúm lá. Các nhánh khác được uốn tỉa chừa dọc theo thân Tùng làm thành bốn chân đang bò trước với những nhúm lá làm móng vuốt. Cuối cùng ngọn Tùng được cắt sửa thành đầu Rồng.

Tác phẩm đã được hoàn thành một cách rất tự nhiên không để lộ một chút gắng

sức nào của người nghệ sĩ. Hơn nữa bức phụ điêu "Tùng hóa Long" đôi khi còn được kết hợp với khung chữ Thọ hình thành tượng ý "Long thọ" dùng để tiến cung chúc thọ nhà vua.

Trúc, trúc tâm, ruột thẳng được ví với người quân tử, được yêu vì cảnh lá mảnh mai. Những cành trúc vươn thẳng lên trời, những ngọn trúc quăn cong trong gió, những chiếc lá thanh mảnh thộn dài, điểm những nét chấm phá trên mây nhánh thưa đủ gợi niềm hoài hương, nhắc lại một khung trời kỷ niệm, tạo một không khí đông què thân mật gia đình. Mang một dáng vẻ như tuổi vui ôn hòa, Trúc càng gầy, càng mảnh, càng thưa càng đẹp. Nên Trúc chỉ trồng vài ba gốc, vài ba cành. Vẻ Trúc cũng nên vẽ thêm một tảng đá ở bên vì Trúc cũng phối hợp đặc biệt với đá.

Trúc còn mang đặc tính "uy vũ bất năng khuất". Thân Trúc mềm mai thanh mảnh, nhưng giống to, bảo lớn chỉ tam thời dễ rạp được Trúc trong chốc lát, khi cơn giông bão qua đi, những cành Trúc lại bật dậy hiên ngang reo với gió. Trong lúc nhiều cây to, tảng lớn đã gãy đổ, bất gốc nằm ngổn ngang.

thứ triều Nguyên hãy còn bảo tồn được một cội Trúc hóa Long tuy lúc đó không còn là cây cảnh sống nữa nhưng hãy còn là một tác phẩm điêu khắc tồn nhiều thời gian và mất nhiều công phu nhứt.

MAI HÓA LONG

Hoàn thành một chậu "Mai hóa Long" cũng tốn nhiều công phu và mất nhiều thời gian như vậy.

Thêm được một điều là mỗi năm Xuân về Tết đến, Mai lại đâm nụ ra hoa thêm hương sắc cho chậu kiếng. Và vì Mai nở ngay những ngày đầu năm trước tất cả các loài hoa khác nên được các thi nhân Trung Quốc tôn là hoa khôi, nhưng lại xếp chung Mai với Tùng để tượng trưng cho sự ăn dật. Trong khi người Việt tin hoa Mai đem lại điều may mắn do cùng là tiếng đồng âm. Nên mỗi lần Tết đến, người ta tranh nhau mua hoa Mai theo đúng thành ngữ "mua may bán đất".

Loài Mai khá ái ở về lãng mạn và hướng thơm nhưng Mai lại tượng trưng cho sự cao khiết và vẻ phong vân u tĩnh. Vẻ Mai chỉ nên vẽ một cành, "Nhất chi Mai". Hương Mai đặc biệt càng lạnh càng thơm, nên được gọi là "lạnh hương". Vẻ đẹp của Mai được hình dung đầy đủ qua bảy chữ :

"Âm hưởng phù đông, ảnh hoành tà"
(Chập chờn hưởng thoảng, bóng cảnh xiêng ngang)

Hình thức "Hóa Long" thực ra chỉ là biến thể tượng ý hình Rồng mà các nghệ nhân xưa kia đã khéo léo sáng tạo chệch khỏi phạm luật vua phép nước, khi Rồng còn là biểu tượng của nhà Vua. Chỉ cung điện Hoàng-Đế mới được trang trí tượng ý "Lưỡng Long Triều Nguyệt", chỉ đồ ngự dụng mới được chạm vẽ hình Rồng.

Tượng ý "Hóa Long" được diễn đạt qua thiên hình vạn trạng, mới đầu chỉ hiện diện nơi rèm gỗ chạm lõng hình Phật thủ hóa long trên khám thờ trong đình chùa miếu mạo, rồi bước qua các vương phủ hoàng thân trên các liên đăng khắc hình vầng mây hóa Rồng, những tủ trà khám hình cúc, mẫu đơn hóa long và lan rộng ra các dinh thự quan lại trên những bức hoành, phủ điêu chạm trổ hình tượng Tùng Mai Trúc hóa long, sau cùng vào tận đến nhà dân gian trên những song cửa chạm hồi văn hóa long, những rèm trướng thêu hình các dây hoa lá hóa long.

Đời sống cây cảnh cũng có giới hạn, mà sự chăm sóc những cội Tùng, những gốc Mai lại đòi hỏi một chỉ kiên nhẫn liên tục qua hàng chục năm dài, sự uốn sửa những cành trúc, cắt tỉa những nhánh mẫu đơn lại cần đến công phu khéo léo và lòng say mê. Nên nghệ thuật cây cảnh đến nay không còn lưu truyền được nhiều. Và lại các đời sau tiếp tục chơi kiếng mỗi thời một khác và mỗi nơi một biến thể. Điều khắc và hội họa đã giữ vai trò chạm vẽ lại những hình tượng của bộ môn nghệ thuật hạn định này qua nhiều hình thức tùy óc sáng tạo của từng nghệ nhân, tùy tài thể hiện của từng họa sĩ.

Thêm một cách xử dụng tượng ý hình Rồng mà không lo phạm luật vua là chọn loại rồng nhỏ không chân, không sừng mang tên gọi con Giao, con Cù như thể loại rắn hóa Rồng. Loại Cù lại còn không râu, không bờn, thường được chạm khắc trên các xà nhà nên được gọi là xà cù, đặc biệt thường được chạm trên gối tựa bằng gỗ hay nơi đầu thành tựa tay trên ngai thờ các nữ thần.

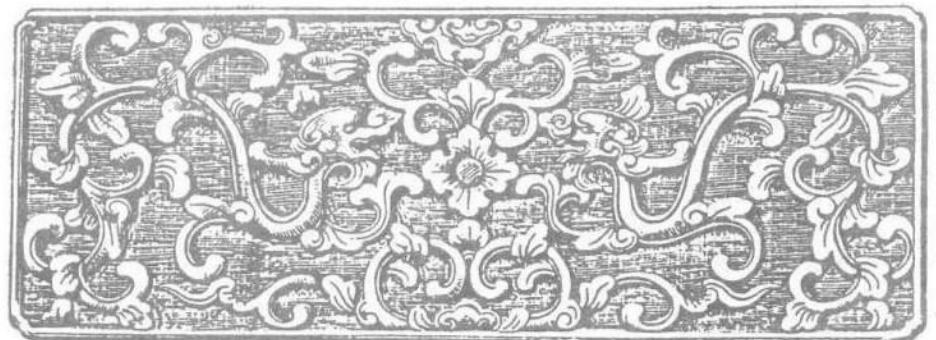
Năm hết Tết đến, người Việt thường chúc phúc nhau theo một ý nghĩa tượng trưng đặc biệt. Giữa những bạn bè mới hay trong thân hữu, họ thích tặng nhau những bức tranh khảm hình Giao Long hóa thể từ một nhánh hoa, hay một bức hoành chạm nổi hình một kết tràng hoa lá hóa Giao Long để mượn hình tượng "Giao Hoa" diễn ý cầu mong mỗi GIAO hảo giữa bằng hữu ngày càng thăng HOA.

11.1987



MAI HÓA LONG

Những bức tranh chạm gỗ, những bức hoành nếu chạm nổi thân trúc làm khung và bốn góc lại khuyết cong vào được gọi là trúc đăng. Khi bức trúc đăng lại chạm trổ hình tượng Trúc hóa Long thì trở nên Trúc đăng hóa Long. Mà bức trúc đăng không những chỉ chạm Trúc Mai Tùng mà còn khắc tượng ý Mẫu Đơn, Cúc hóa Long ... nữa.



TƯỢNG Ý "GIAO HOA"

TRÚC HÓA LONG

Các cụ xưa thường chọn những gốc tre già, nhứt là loại tre tàu lấm vằn nhiều mốc khúc khuỷu, quanh co, nhiều rễ phụ mọc tua tủa phía trên gốc, chiết cả gốc lẫn thân đem về vô chậu chăm sóc cẩn thận ngày ngày cắt tỉa những cành thưa, dưỡng nuôi những chồi mới, có lúc chỉ tưới vài giọt nước, có hôm chỉ phun sương, uốn đi sửa lại qua nhiều năm tháng, kéo dài hàng chục năm mới hoàn thành chậu kiếng "Trúc hóa Long". Tại Huế cách nay hai ba mươi năm, nơi biệt thự một cựu quan Thượng



MÙA XUÂN TRONG TRUYỆN KIỀU

● Bảo Vân

Mùa Xuân là mùa đầu tiên trong một năm, bắt đầu từ tháng Giêng cho tới hết tháng ba âm lịch. Cảnh vật xanh tươi trở lại sau một mùa Đông ủ rũ, buồn rầu, cây cối trơ trụi, cho nên nói đến Xuân là ta thấy ngay một cái gì vui tươi, xinh đẹp. Và cũng vì thế nên thi hào Nguyễn Du đã dùng từ Xuân rất nhiều lần (53 lần) trong tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh. Xin theo thứ tự các câu thơ mà kể lại 19 câu, trong đó từ Xuân đã được dùng theo nghĩa đen của nó :

Câu thứ :

- 46 Chị em sắm sửa bộ hành chơi Xuân
- 162 Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai
- 176 Giọt sương gieo nặng cảnh Xuân lađà
- 338 Ngày Xuân đã để tình cờ mấy khi !
- 368 Tin Xuân đầu để đi về cho nắng
- 370 Thưa hồng, râm lục đã chứng Xuân qua
- 440 Còn ngờ giấc mộng đêm Xuân mơ màng
- 620 Liệu đem tác cớ quyết đến ba Xuân
- 849 Đêm Xuân một giấc mơ màng
- 1262 Cảnh Xuân đã bẻ cho người chuyêntay
- 1284 Ngày Xuân càng gió, càng mưa, càng nồng
- 1286 Đêm Xuân ai dễ cầm lòng được chẳng?
- 1294 Ngày Xuân lăm lức đi về với Xuân
- 1327 Chúa Xuân đành đã có nơi
- 1703 Tiếc hoa nhúng ngậm ngùi Xuân
- 1796 Sầu dài, ngày ngắn đông đã sang Xuân
- 1946 Chúa Xuân để tội một mình cho hoa
- 2061 Cửa chiên vừa cú cuối Xuân
- 3171 Chưng Xuân tơ liễu còn xanh
- 3240 Vườn Xuân một cửa để bia muôn đời

Từ Xuân còn được dùng theo nghĩa bóng để chỉ thời tuổi trẻ hương sắc tươi đẹp, mặn mà của người thiếu nữ trong

Câu thứ :

- 66 Nửa chừng Xuân thoát gãy cành thiên hương
- 156 Một nền Đông tước khóa Xuân haiKiêu
- 345 Lương Xuân đầu quyết hẹp hòi
- 713 Thủy Vân chợt tỉnh giấc Xuân
- 731 Ngày Xuân em hãy còn dài
- 1006 Hoa Xuân đương nhị, ngày Xuân còn dài
- 1010 Khóa buồng Xuân để đời ngày đào non
- 1033 Trước lầu Ngưng Bích khóa Xuân
- 2842 Trai tài, gái sắc, Xuân đương vửa thứ

- 2877 Phòng Xuân trướng rủ hoa đào
- 3026 Mười phần Xuân có gầy ba bốn phần
- 3142 Dưới đèn tỏ rạng, má đào thêm Xuân

Từ Xuân còn được dùng theo nghĩa bóng khác để chỉ tình yêu đắm thắm giữa đôi lứa gái trai, cũng đã thấy ở trong các câu :

Câu thứ :

- 424 Lòng Xuân phơi phới, chén Xuân tăng tăng
- 1240 Nhưng mình nào biết có Xuân là gì
- 2288 Chử tình ngày lại thêm Xuân một ngày

Ngoài ra từ Xuân lại được dùng trong những từ kép như Xuân đình để chỉ cảnh vui vẻ như ở :

Câu thứ

- 1500 Xuân đình thoát đã đổi ra Cao đình
- Từ Xuân sơn là núi mùa Xuân xanh biếc nên được cụ Tiên Điền dùng để tả đôi lông mày của Thủy Kiều trong :

Câu thứ

- 25 Làn thu thủy, nét Xuân sơn
- Tình của mùa Xuân phơi phới, tình của tuổi Xuân nồng nàn đã được ghi ở :

Câu thứ

- 3201 Khúc đầu êm ái Xuân tỉnh
- Rồi thay vì nói là một năm, thi hào đã dùng từ Xuân thu trong :

Câu thứ

- 2858 Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần
- Tuổi trẻ tươi đẹp không khác gì cảnh vật xanh tươi của mùa Xuân cho nên từ Xuân xanh lại được dùng ở :

Câu thứ

- 344 Cứng liều bỏ quá Xuân xanh một đời
- 1950 Cát lêm ngọc trắng thiết đời Xuân xanh
- 36 Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê

Cây Xuân (thuộc loại cây soan) thân to, gỗ cứng vẫn được dùng để vì tuổi thọ của cha già trong :

Câu thứ

- 673 Cội Xuân tuổi hạc càng cao
- 2237 Xót thay huyền cội, Xuân già
- 3010 Xuân già còn khoẻ, huyền già còn tươi

Nhà có trồng cây Xuân để chỉ người cha nên từ Xuân đường đã được dùng ở

Câu thứ

- 534 Xuân đường kịp gọi sinh về hộ tang
- 1292 Lại vửa gặp khoáng Xuân đường lại quê
- 1388 Gối yên đã thấy Xuân đường tới nơi
- 1497 Rạng ra gửi đến Xuân đường

Từ Xuân huyền được dùng để chỉ cả cha và mẹ trong

Câu thứ

- 759 Xuân huyền chợt tỉnh giấc nồng
- 2837 Xuân huyền lo sợ xiết bao

Tóm lại, trong toàn tập Đoạn Trường Tân Thanh cụ Nguyễn Du đã dùng tất cả 53 từ Xuân kể cả đơn lẫn kép mà chúng tôi đã trích sẵn ra đây để mua vui cùng đọc giả trong dịp đầu Xuân. Có thể là chúng tôi còn bỏ sót một vài từ Xuân nữa chẳng mong được các vị ư Kiều, thích Kiều, mê Kiều vui lòng chỉ giáo chúng tôi cảm tạ vô cùng. ■

MÙA XUÂN BẠN VỀ :

Sắc đẹp và Phái yếu

8 rước hết xin phép quý vị đọc giả được tự giới thiệu. Người viết không phải là một họa sĩ cũng lại không là một nhiếp ảnh gia chuyên môn về các bức họa, truyền thần, tranh ảnh của phái mà từ xưa đến nay mọi người đều gọi là phái đẹp, và cũng không phải là một bác sĩ chuyên khoa giải phẫu thẩm mỹ, hoặc một người có chân trong đạo binh hùng hậu của những ai sống về ngành bảo vệ, sửa soạn, tăng cường vẻ đẹp của quý bà quý cô từ ...7 tuổi cho đến ...100 ngoài.

Xin khiêm tốn thú thật người viết chỉ là một người trung bình, có hai con mắt để nhìn vạn vật, hai con mắt mà giáo lý Đạo Phật gọi là "nhục nhãn" (xin đừng lầm với "nhãn nhục") vì đó là mắt thịt của người phàm, và cũng do đó, không đứng vững được trước vẻ đẹp của vũ trụ nói chung và của phụ nữ nói riêng.

Vậy với cặp mắt của một người phàm trung bình - chỉ thêm đôi kính - xin mạo muội bàn về một vấn đề vô cùng tế nhị và quan trọng : vấn đề sắc đẹp.

Đề bất đầu, xin định nghĩa danh từ. Chắc quý vị đọc giả đã có dịp đọc định nghĩa hai chữ "sắc đẹp" trong các từ điển với nhiều lời giải thích về mọi khía cạnh. Người viết chỉ xin nhắc lại câu của hành giả tên Ngọc, nhân vật chính trong cuốn "Tĩnh Đồi Nghĩa Đạo" (trang 81) của Đại Đức Thích Như Điện. Ngọc đã định nghĩa như sau :

"Sắc đẹp là ... là trời đã cho người đàn bà để trang điểm cho đời mình một khí giới ngoại diện, nhằm khuyến dụ người đàn ông say đắm và còn nhiều nữa ..."

Thoạt tiên, định nghĩa kẻ trên có vẻ thiếu tính chất cụ thể và được màu triết lý hơn là các điểm khách quan của khoa học. Sau khi suy ngẫm lại, mới nhận ra có lẽ định nghĩa trên, mặc dầu vồn vện trọng vài ba hàng chữ, mà đã bao hàm cả vấn đề.

Nhưng trước khi đạt đến kết luận này xin phép quý vị đọc giả thứ bản về mọi mặt.

Trước hết, sắc đẹp đây là sắc đẹp của mặt hay của toàn thân ?

Đối với nhiều dân tộc cổ truyền không ai đã động đến thân hình của phụ nữ thường che phủ bằng y phục kín đáo thì sắc đẹp là vẻ đẹp của mặt, và thể đủ rồi. Tuy rằng, một người mặt nhan sắc mà rùi ro chân tay có tất ... thì nhan sắc cũng giảm đi. Cũng may là trường hợp này rất hiếm. Trái lại, nhiều khi những nét kiêu diễm trên mặt giai nhân lại đi đôi với một thân hình tuyệt mỹ, làm cho người ta có cảm tưởng là tạo hóa đã huy động hết cả khả năng để thành hình một mỹ phẩm tuyệt đối với mục đích đã phá các thành trì đạo đức thiếu kiên cố của các đấng nam nhi.

Sau mấy nhận xét trên, xin đi vào chi tiết.

Trong Kinh Phật, ông Nan Đà, lúc gần bị lôi cuốn vào đường sắc dục thì đã được Đức Phật cứu thoát. Bằng cách nào ? Bằng lý luận phân tách nguyên do của mọi sự vật, trong cõi vô thường này, đi đến kết luận sắc đẹp là giả tạo. Nhưng điều này chỉ có các vị tu hành mới chấp nhận được.

Đối với phần đông chúng ta thì sắc đẹp có thật. Vậy ở đâu? Ở những nét, hình dáng các thành phần trên mặt : mắt, mũi, miệng, trán, ... v.v. và màu tóc, màu da v.v....

Trong trường hợp một người đẹp thì các nét, màu sắc kẻ trên hòa hợp với nhau như một bức tranh. Điều này đã được chứng tỏ bằng cuộc thí nghiệm của một nhóm sinh viên Đại học Mỹ thuật Âu Tây. Họ phân công như sau : một người chuyên vẽ mắt rồi vẽ ra con mắt đẹp lý tưởng, người thứ hai chuyên vẽ mũi để vẽ sống mũi lý tưởng, và tiếp tục như thế. Sau đầu đầu, cả bọn vẽ chung diện mạo của một thiếu nữ với con mắt đẹp lý tưởng, đôi môi lý tưởng v.v... Kết quả, ôi thôi, đã ngược hẳn với ước vọng, vì bộ mặt kia, với toàn các phần tử đẹp lý tưởng, lại hóa ra và vuu, không coi được. Vậy, sắc đẹp chỉ do sự phối hợp của một số nét hợp lại thành - có thể mỗi nét, để riêng thì không đẹp, mà khi hợp chung thì toàn phần lại đẹp. Cho nên, cũng là một vài nét, đẹp trên mặt cô A, khi đem qua mặt cô B chưa chắc đã đẹp. Xưa kia nàng Tây Thi mỗi khi dăm bụng nhăn nhó thì vẻ đẹp tăng bội phần làm cho vài cung nữ bắt chước nhăn nhó !

Sắc đẹp cũng do nơi con mắt của người nhìn. Chúng ta đã nhiều lần chứng kiến một bà hoặc một cô được khen là đẹp mà có người lại chê xấu. Kể ra đây là luật công bình của tạo hóa. Vì nếu tất cả thanh niên mà cùng một loạt chăm sắc đẹp như nhau thì sẽ có một sự tranh dành khốc liệt để đoạt các thiếu nữ mà họ cho là nhan sắc, còn các cô không vừa mắt họ thì ế ẩm !

Chúng ta cũng đã biết quan niệm về sắc đẹp thay đổi theo thời gian, theo "mốt", và theo dân tộc. Phụ nữ Âu Tây nhiều khi chịu đủ cực hình để giữ một thân thể thon trẻ, trong khi tại vài quốc gia Phi Châu hoặc ở trên vài đảo Thái Bình Dương các hóa hậu phải nặng cân, có khi tới 150 kí. Cũng như trước kia, tại miền Bắc Việt Nam, các cô yếm thắm đến nay cười nói bật nhò hàm răng nhuộm đen huyền như hạt n (trái măng cầu ta) đã làm cho các nhà văn thơ mơ mộng.

Và phần cuối, cũng lại là phần quan trọng nhất, sắc đẹp tùy thuộc trạng thái tinh thần và thể chất của người thưởng thức - nói chung của người đối phương, trong trường hợp người này chỉ nhìn với một con mắt đứng đưng. Nói một cách khác sắc đẹp có gợi cảm được hay không, còn tùy người đối diện. Đọc đến đây chắc quý vị đọc giả, nhất là phụ nữ, ngạc nhiên và cũng hơi bất bình : vậy ra sắc đẹp

không phải là "của đương sự" mà lại "của đối phương".

Xin trả lời với các điều nhận xét thông thường sau đây.

Như Ôn Như Hầu đã viết trong Cung Oán Ngâm Khúc :

"Kìa điều thú là loài vạn vật,
Đầu vô tri cũng bắt đeo bông,
Cổ âm dương, có vợ chồng,
Đầu tư thiên địa cũng vong phu thê".

Vậy cái gọi cảm, lôi cuốn và làm say đắm không phải do sắc đẹp mà do luật Âm Dương của vũ trụ nơi các sinh vật cũng như trong phạm vi Khoa Hóa Lý, mà điện từ dường bị thu hút bởi điện từ âm. Chúng ta có khi nào nói các đơn vị điện tử dường đã thấy các đơn vị điện tử âm có nhan sắc không? Quý vị đọc giả chắc có một nụ cười tha thú cho câu hỏi vô văn, gạn bắt sách này, và đã nghĩ: "Ồ nhiên là không vì các đơn vị điện tử vô tri vô giác, làm sao mà biết nghĩ". Rất đúng. Con người hơn vạn vật vì biết suy nghĩ.

Nhưng chính vì biết suy nghĩ nên mới gán một lý do rất chủ quan cho các cảm giác của mình. Nói một cách khác, vì tạo hóa đã xếp đặt, nên chàng Adam - tượng trưng cho phái nam, đã thấy nàng Eva - tượng trưng cho phái nữ, có nhiều vẻ đẹp ... Chỉ nếu lấy con mắt vô tri của các nhà chuyên môn khoa Thẩm mỹ (Esthétique) mà xét để chấm điểm phái nam và phái nữ, phái nào là phái đẹp, thì câu trả lời là : "Phái nam là phái đẹp".

Chúng ta hãy ngắm các pho tượng Hy Lạp và La Mã để lại xưa kia, các công trình điêu khắc có tên tuổi như "Le Discobole", "Apollon" cho phái nam - và "Venus", "Minerve" cho phái nữ, thì các vẻ đẹp, oai nghi, hùng mạnh được thấy trên các pho tượng nam với những nét ở mắt, con mắt, râu, tóc, và bao nhiêu nét gân guốc trên thân thể và chân tay, cân đối nở nang. Trong khi các tượng nữ thì có những nét thùy mị, những thân hình tròn trĩnh với những đường cong uyển chuyển. Những nét này quá đủ để làm cho phái nam say đắm, nhưng không thể gọi đó là những nét thẩm mỹ.

Xin quý vị nữ đọc giả đừng vội phân nộ với kẻ cầm bút này, vì câu trên không phải của cả nhân tôi mà đã được viết do một tác giả Pháp, một người thuộc dân tộc có danh khắp nơi là "ga lăng" và nịnh đầm.

Theo Tây phương, con người là vua của muôn loài, không những vì có óc thông minh mà cả về cơ thể. Khoa Sinh vật, tổng quát đã viết: Loài có vú có cơ thể phát triển, tinh vi nhất trên các loài, và trong Loài có vú thì loài người đứng đầu. Đứng đầu nhưng không phải thoát khỏi luật lệ chung. Luật lệ chung là gì?

Chúng ta nhìn chung quanh thì thấy các nét, các điểm đặc biệt, màu mè... đều thuộc về ĐUỜNG chứ không phải ẬM :
- chỉ có các sự tử ông mới có bươm,
- chỉ có các chàng hươu mới có sừng v.v

và cả trong các loài chim, cá, bướm, thì ai cũng thấy

- chú gà trống lông cánh rực rỡ hơn cô gà mái, lại thêm biết gáy, và riêng
- cậu cá thia thia màu sắc biến chuyển trong khi cô thia thia toàn một màu đen sẫm.

Vạn vật đều vậy, tại sao trong xã hội loài người, chúng ta lại tuyên bố phụ nữ là phải đẹp?

Xin nhắc lại định nghĩa sắc đẹp của hành giả Ngọc đã ghi ở đoạn đầu. Hành giả Ngọc đã không nói sắc đẹp vì đâu mà chỉ nhắc đến mục tiêu của sắc đẹp "nhằm khuyên dụ người đàn ông say đắm".

Vì say đắm nên cho là đẹp.
Nếu không say đắm thì sẽ chẳng thấy đẹp ở đâu. Chúng có là các cậu bé còn trong cái tuổi ham bắt dế, đứng đứng với vẻ đẹp các cô. Và có trường hợp những người đàn ông trưởng thành, vì mắc bệnh háu ăn, rất lợi lạc với phụ nữ (đây là một căn bệnh, tiếng Pháp gọi là "boulimie", người phải bệnh này không những ăn rất nhiều, mà lúc nào cũng chỉ nghĩ đến ăn). Còn nhà văn Voltaire đã thẳng thắn viết rằng: "Nếu tôi là cậu cóc, thì tôi sẽ thấy cô cóc nhan sắc nhất đời".

Chúng ta đã dùng hai chữ "sắc đẹp" theo con mắt chủ quan để cắt nghĩa một định luật của tạo hóa, một định luật mà ít ai cưỡng lại được.

Quý vị đọc giả sau khi đọc các đoạn trên, đã thấy sắc đẹp không căn cứ vào nét nào cụ thể, mà do sự hòa hợp của một số nét, sắc đẹp tùy theo người nhìn và sự ước lượng sắc đẹp thay đổi theo cá nhân, theo trạng thái tinh thần và thể chất của người này, theo thời gian, theo "mốt", theo dân tộc. Tóm lại, sắc đẹp không có một căn bản cụ thể.

Để chứng tỏ điều này, xin ghi thêm hai nhận xét sau đây.

Một đôi khi chúng ta đã thấy một người đẹp có một vẻ đẹp biến đổi, không phải vì trải qua thời gian, mà lý do biến đổi là trạng thái tinh thần. Cũng vẫn là bấy nhiêu nét yêu kiều, mà lúc, lo âu, sợ sệt hoặc tức giận thì khác, đến khi được một tin vui mừng, phấn khởi, thì chỉ trong một khoảnh khắc, một phần của một giây, sắc đẹp sáng lan như một tia sáng thái dương, như người Pháp thường nói: "Beau comme un rayon de soleil".

Một nhận xét nữa là, khi tả chân một người đàn bà đẹp, như nàng Kiều hoặc như người cung phi trong Cung Cấn Ngâm Khúc, thì sĩ xưa đã không viết ra những nét cụ thể mà chỉ dùng những câu văn bóng bẩy như:

"Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Chỉ vì sắc đẹp không có một căn bản cụ thể thì làm sao nói lên được. Chả thế mà trong cuốn tự điển Huệ Ký - một dân tộc vẫn có tiếng là thực tế - khi định nghĩa danh từ "beauty" (sắc đẹp) tác giả đã dùng hai chữ "unspecifiable property" (xin tạm

địch là "có tính chất không thể xác định rõ ràng") (Theo cuốn "The American Heritage Dictionary of the English Language. W. Morris Edit 1980)

Trong phạm vi đạo Phật, chúng ta không quên được chữ NGHIỆP.

Lịch sử nhân loại đã ghi nhiều cuộc nhân duyên cho chúng ta thấy sắc đẹp không phải là lý do duy nhất gắn bó nam nữ. Nguyên do chính là cái duyên Ông Tô Hồng đã se, còn giáo lý đạo Phật thì gọi là cái NGHIỆP. Vì trong các "mối tình lịch sử" - đã ảnh hưởng xã hội không phải là ít - trong các mối tình này, giai nhân có một địa vị và một nhan sắc rất trung bình, không có gì là "nghiêng nước nghiêng thành".

Xin ghi hai thí dụ sau đây:
Tại Pháp đó là mối tình giữa vua Louis 14 với bà Maintenon, cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18.

Vua Louis 14 là một nhà vua oai hùng của nước Pháp, đã tự xưng là "Vua Thái Dương" (Le Roi Soleil). Còn bà Maintenon thì đã chào đời trong khâm (cha phải tử vì tội thiếu nợ), bà ta lúc bé ở nhà quê chân nông, và đã có một đời chồng, vậy mà vua Louis 14 đã say đắm, cả đến khi bà ta ngoài 70 tuổi. Và như các nhà viết sử Pháp nói lên, vì bị ảnh hưởng của bà Maintenon mà vua Louis 14 đã có những quyết định tai hại về chính trị và tôn giáo - về chính trị, vì là niềm mong của cuộc Cách mạng 1789 với bao nhiêu hậu quả tại Pháp và Âu Châu, - về tôn giáo, vì đã làm cho cả bao nhiêu trăm ngàn người Pháp gọi là "Huguenots" theo đạo Tin Lành, phải bỏ xứ số mà đi lập nghiệp khắp nơi: Hòa Lan, Đức, Mỹ... Số người Huguenots Pháp qua nước Phổ (Preußen) đã giúp vua chúa Xứ này về kỹ nghệ, quân đội rất đặc lực, hiện nay còn nhiều di tích, thí dụ tại Berlin. Và rất có thể là con cháu của họ đã có mặt trong các đạo quân Đức mấy lần xâm nhập nước Pháp.

Tại nước Áo (Österreich), vào cuối thế kỷ 19, đó là cuộc tình duyên giữa Đông cung Thái tử Archiduc Rodolphe và cô Marie Vetsera. Chắc nhiều đọc giả đã có dịp xem cuốn phim "Le Mystère de Mayerling" (Vụ bí mật rừng Mayerling), một phim thật là bi ai. Mayerling là tên của một khu rừng đầy thơ mộng như bao nhiêu rừng khác tại vùng Vienne, kinh đô nước Áo. Tai đây Rodolphe và Marie đã cùng nhau đi vào cõi chết bằng súng lục. Lý do hiện nay vẫn chưa được khám phá ra. Những hậu quả của cái chết này rất lớn đối với lịch sử hiện đại. Vì nếu Rodolphe không chết, thì đã nối ngôi cho giòng họ Habsburg đã cầm quyền non một ngàn năm, và giòng lịch sử tại Âu Châu và cả thế giới từ đầu thế kỷ này, có thể đã khác. Vì lễ Archiduc Rodolphe lúc còn sống không ưa gì vua Wilhem II của nước Đức, và cũng không thích Nga. Và nhiều sự gia công nhân là một nước Áo lớn mạnh như là nước Áo xưa kia bao nhiêu thế kỷ mãi cho đến năm 1918 bị chia thành nhiều mảnh, một nước Áo lớn như vậy mới can được sự bành trướng của Nga về phía Tây Âu.

Hai tình sử vừa kể cho thấy duyên nghiệp là thế.

Đến đây xin bàn qua về vấn đề "phái yếu". Quý vị đọc giả nam và nữ chắc đã hỏi: Đâu để ghi "Sắc đẹp và Phái yếu" là làm sao? Từ trước đến nay giới nữ lưu vẫn được nhắc đến dưới hai danh từ "phái đẹp" hoặc "phái yếu". Nay người viết đã vừa trình bày phái đẹp chính là phái nam. Vậy phái yếu là ai? Xin thưa cũng là

phái nam.

Nay đến lượt quý vị nam đọc giả phân nộ. Người viết chỉ xin nói đó là luật bù trừ của tạo hóa, khi được cái này thì mất đi cái kia. Và tác giả người Pháp kể trên (người viết quên tên vì đã đọc bài báo quá lâu), cũng đã viết: "Phái nữ" chính là phái khỏe và phái nam là phái yếu". Tác giả đã dẫn chứng bằng những kết luận của khoa thống kê toán cầu

Các bà sống lâu hơn các ông
Các bà góa chồng tương đối sống lâu hơn các ông góa vợ.

Trong những thời buổi khó khăn, nghịch cảnh như thời chiến, các năm đói kém, những lúc có bệnh truyền nhiễm lan tràn, hoặc khó khăn kinh tế... số tỷ lệ phụ nữ thuộc các loại tuổi, mà phải trở về với cát bụi, ít hơn hẳn khi đem so sánh với tỷ lệ trong phái nam.

Kể ra phụ nữ không khỏe hơn nam nhi vì hình vóc nhỏ bé hơn, nhưng dai sức, bền bỉ hơn, chịu đựng được hơn, và khi ngoại cảnh biến đổi và kém thuận lợi, thì hóa hợp mau hơn với nếp sống mới, cho nên mới sống còn. Đây cũng vì tạo hóa đã trao cho phụ nữ trọng trách mang nặng đẻ đau để truyền giũ giống nòi, nên cũng đã dành cho phụ nữ bao nhiêu đặc tính kể trên.

Để kết luận, người viết xin nói lên vì đâu lại có bài này. Nguyên là trong khóa Giáo Lý III tháng 8 vừa qua, sau một cuộc đàm đạo trà dư, nhưng vì dưới mái chùa thanh tịnh nên không có tuồng hát, các bạn trẻ đề nghị đem vấn đề này lên giấy trắng mực đen, vì vấn đề có vài chi tiết khác thường. Các ban cũng đã dẫn trước, làm sao để phòng trần mưa bão các thơ phản kháng của phái yếu - à quên, của phái khỏe theo khoa Thống kê.

Mặc dầu tất cả sự kiện kể trên do một tác giả Pháp viết ra, căn cứ trên tài liệu khoa học nhưng không khỏi có vẻ quái gở. Dám trình bày lại nơi đây thật là cả gan.

Vậy nên viết hay không nên viết? Sau sự suy nghĩ đến bài "Lục Hòa" (Khóa Giáo Lý II năm 1986) đã khuyến chúng ta khi học hỏi hay biết được thêm một điều gì thì nên chia sẻ với mọi người chung quanh, nên người viết mới mạnh bạo cầm bút, xin quý vị đọc giả thông cảm và tha thứ cho. Tất cả Phật Tử chúng ta đều biết sự cần thiết của sự "phá chấp", gạt bỏ những thành kiến.

Trên mấy trang giấy, người viết đã cố mở một góc tâm tâm cùng quý vị, nhưng thật tình không có hy vọng thuyết phục được một ai, nhất là quý vị nữ độc giả, với cái thuyết gì mà ngược đời khó thường. Nhưng có một điều mong được quý vị chấp nhận cho:

"Sắc đẹp" tùy thuộc ở nhận thức, do đó thuộc về Không, Vô thường, Vô ngã. Vậy chúng ta đã trở về với bốn chữ "Sắc sắc không không" của nhà Phật, bốn chữ có khi bị hiểu lầm là "Không có sắc".

● THIÊN NGHIÃ
Ngày 6.11.1987



LÁ THƯ THIẾU NHI

Đông về, tuyết trắng phủ ngập lối đi mây mù giăng khắp bầu trời. Tuyết. Lạnh. Nỗi sợ sệt của kẻ tha hương, của người lớn tuổi. Nén thành cục, ném nhau, trượt tuyết lại là trò chơi các em vui thích, chờ đợi từ lâu. Các em vô tư hồn nhiên chơi đùa trong mùa lạnh, bên cạnh những hàng cây trơ vơ xơ xác trong mùa đông buốt giá! Nỗi buồn người Việt tha hương lại băng bạc trở về, khi nhà nhà đã khép kín để tránh cái lạnh từ bên ngoài tràn vào, và đợi chờ một mùa Xuân sẽ đến.

Trang Thiếu Nhi thân chúc các em có một mùa Tuyết chơi đùa vui vẻ.

Thân ái

Trang Thiếu nhi

nhá hiền hòa, tiếng gà gáy ó o ban sáng, những đàn gà kêu chiu chít, hàng cây vú sữa trước cổng nhà ngoại, những cây cầu lắc lư thường nhớ, những nông phu gieo, gặt, đập lúa sáng sớm ra đồng, những buổi tắm sông và tắm mưa thỏa thích.

Những lần đắm giấc vào dịp hè là chỉ em tôi được má dẫn về quê. Những kỷ niệm đơn sơ giản dị đó những đời với tôi nó khó quên làm sao! Bên này với mùa tuyết rơi trắng cả lối đi, những lần hí húp đạp xe đến trường làm tôi càng nhớ nắng ấm quê hương hơn. Sân trường Trần Hưng Đạo buổi trắng tung bay với con đường thơ mộng tuổi học trò cùng những bông hoa và đám cỏ xanh mướt.

Ước gì tôi được trở lại Việt Nam trở lại với đất nước yêu thương, với đôi mắt đắm lệ để bù đắp lại bao năm xa cách cùng bà con, hàng xóm trò chuyện bằng ngôn ngữ của quê hương mình. Quê hương hòa bình, hòa bình theo thật ý nghĩa của nó. Hai tiếng hòa bình nghe êm ái làm sao, nhưng làm lại hòa bình đó mới là một công trình đồ sộ, bao công sức cùng nhau được xây dựng. Ôi quê hương, chỉ những lúc xa, gần như vĩnh biệt ta mới biết tưởng tượng, nhớ lại những đợt mưa tầm tã buồn, những tiếng kêu róc rách trên mái tôn như ru ta vào một giấc ngủ mơ màng. Mùi khói tỏa của những ngôi nhà, mùi cỏ dại ... và ta mới thấy cái đơn giản chất phát, cái bình thường nhất là điều bù ngùi nhất trên khói sông hoàng hôn. Không có nơi nào đẹp bằng quê hương ta.

■ LÊ THỊ THANH TRANG
Nordhorn 19.6.1987

● NGUYỄN TỬ VĂN phụ trách

NIỀM TIN CỦA BÉ

Sài Gòn huy hoàng nơi tôi được sanh ra và lớn lên trong 13 năm trời. Đến khi tôi chấp chững biết đi thì ngày 30.4. đã đến. Thế rồi tôi được cấp sách đến trường dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Là trẻ con nên tôi không biết so sánh gì về chế độ ấy mà chỉ biết tìm và nhận được niềm vui ở bạn bè, thầy cô và sách vở.

Tôi còn nhớ mãi những lúc chúng tôi nô đùa, nhẩy dây trên sân trường dưới bóng cây phượng, những tiếng ê a của học trò, những tiếng đập thước của thầy cô... Ngày 20.11. ngày "Hiên Chương các nhà giáo" chúng tôi được đốt lửa trại và ngủ lại trong trường. Bạn con gái chúng tôi phải làm vệ sinh và nấu chè để Ban Giám khảo chấm điểm. Lớp tôi thường được điểm cao nhất trong các phong trào. Đôi lúc cũng mệt mỏi nhưng vui cũng không ít. Rồi đến khi năm học kết thúc với tiếng ve sầu kêu êm ái và cùng là khi những quyển "Lưu Bút ngày xanh" với những con bướm được

ráp lại từ những lá phượng được chuyển tay nhau, để ghi lại một chút ít niềm vui, kỷ niệm của một năm học đã qua. Còn ngồi trên ghế nhà trường nên chưa hề dùng chàm với cuộc sống hàng ngày chật vật hay khó khăn hàng ngày một cách sâu sắc. Cái đầu óc non nớt của tôi làm sao hiểu nổi mặt trái, chiều sâu của xã hội.

Năm tôi lên lớp 8 thì tôi và gia đình sang Tây Đức, xa rời thành phố, bà con mất mở giã biệt. Hơn 2 năm rồi tôi đã xa nơi chôn nhau cắt rún: Sài Gòn, quê hương yêu dấu nhưng cũng như bao nhiều người hải ngoại khác tôi vẫn nhớ mãi nó một cách thiết tha nồng nàn. Mặt trời thấp sáng ước mơ, ánh trăng soi rõ, kỷ niệm của mỗi vỉa hè, con đường cùng ngồi trường Trần Hưng Đạo và những thắng cảnh Việt Nam đã in sâu vào ký ức của tôi. Nó được lắng đọng lại nhưng những khi chợt nhớ làm lòng tôi lưu luyến, xót xa như mới cách xa Sài Gòn hôm nào.

Quê ngoại với giòng sông Cửu Long, những hàng cây dọc theo hai hàng bờ sông xanh mướt, những cảnh lá dừa trên mặt nước bình yên, những cô gái lái đò, bờ sông với những cô gái giặt chiếu... với nụ cười thanh

**LÝ NAM ĐẾ
(544 - 548)**

và

**Nhà Tiên LÝ
(544 - 602)**

(Tiếp theo)

Năm 548, Lý Nam Đế ở trong Khuất Liêu bị bệnh rồi mất; năm sau, Triệu Quang Phục ở Dạ Trạch được tin ấy bèn xưng là Triệu Việt Vương (549). Bấy giờ, quân của Việt Vương đã sắp hết lương thực mà mãi không đánh phá quân Tàu. May nhờ năm 550, bên Tàu có loạn Hậu Cảnh, vua nhà Lương phải triệu Trần Bá Tiên về - Trần Bá Tiên đem đại quân rút về Tàu rồi cướp ngôi nhà Lương lập ra nhà Trần - Trần Bá Tiên chỉ để lại một tí tướng là Dương Sàn ở lại nước ta. Việt Vương thừa thế đem quân ra đánh phá quân Tàu và lấy lại thành Long Biên, giành lại quyền độc lập cho nước nhà.

Khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Liêu, thì người anh họ là Lý Thiên Bảo cùng với Lý Phật Tử đem quân chạy vào quân Cửu Chân, rồi bị quân nhà Lương đuổi đánh chạy sang Lào, đến đóng ở đông Dã Năng, xưng là Đào Lang vương, quốc hiệu là Dã Năng.

Năm 555, Lý Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về cả Lý Phật Tử. Năm 557, Lý Phật Tử đem quân về chống với Triệu Việt vương. Đánh nhau mấy trận không được, Lý Phật Tử xin giảng hòa. Nghi tính họ Lý, Triệu Việt Vương chia đất cho y và gả con gái cho y để giữ tình hòa hiếu.

Lý Phật Tử đóng ở Ô Biên (nay ở làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm tỉnh Hà Đông). Triệu Việt Vương đóng ở Long Biên, lấy bãi Quán Thân (làng Thượng Cát huyện Từ Liêm) làm giới hạn. Nghe Lý Phật Tử vẫn có ý thôn tính Long Biên, năm 571, Lý Phật Tử đem quân đánh úp Triệu Việt Vương; Triệu Việt Vương thua chạy đến sông Đại Nha (huyện Đại An tỉnh Nam Định) nhảy xuống sông tự vẫn. Người ở đây thường tiếc Triệu Việt Vương mới lập đền thờ ở sông Nha (làng Đại Bộ huyện Đại An).

Lý Phật Tử lấy được thành Long Biên rồi xưng là Hậu Lý Nam Đế (571

-602), đóng đô ở Phong Châu (huyện Bạch Hạc tỉnh Vĩnh Yên), sai Lý Đại Quyền giữ Long Biên và Lý Phó Đình giữ Ô Diên.

Năm 589, nhà Tùy diệt nhà Trần, thống nhất nước Tàu. Năm 602, vua nhà Tùy sai tướng Lưu Phương đem quân 27 doanh sang đánh Nam Việt.

Lưu Phương sai người lấy điều hoa phúc dụ Lý Phật Tử về hàng. Hậu Lý Nam Đế sợ thế địch bèn xin về hàng nhà Tùy. Nước ta lại bị người Tàu cai trị lần thứ ba trong 33 năm (603-939).

Nói về Hậu Lý Nam Đế, Đại Nam Quốc Sử diễn ca có chép như sau :

... Lý xưa còn có một cảnh
Tên là Thiên Bảo, náu mình Ai Lao
Chiêu binh lên ở Đông Đào
Họ là Phật Tử cùng vào hội minh
Đào Lang lại đổi quốc danh
Cũng toan thu phục cựu kinh

nước nhà
Cảnh dâu may tọa bóng tà
Bấy giờ Phật Tử mới ra nổi dòng
Rừng xanh phát ngọn cờ hồng
Đề binh kéo xuống bên sông tung

hoành
Triệu Vương giáp trận Thái Bình
Lý thua rồi lại lui binh xin hòa
Triệu về Long Đỗ Nhị Hà
Lý về Hạ Mỗ ấy là Ô Diên
Hai nhà lại kết nhân duyên
Nhà Lang sánh với gái hiền Cao

Nường

Có người Hồng, Hát họ Trương
Vũ biên nhưng cũng biết đường
cơ mưu

Rằng : Xưa Trọng Thủy Mỹ Châu
Hôn nhân là giả, khẩu thù là chân
Mảnh gương vàng sự còn gần
Lại toan đặt mối Châu Trần sao

nên

Trăng già sao nở xe duyên
Đề cho Hậu Lý gây nên nổi công
Tình con rẻ nghĩa vợ chồng
Tin nhau ai biết ra lòng lừa

nhau

Lân la mới ngộ tính dầu
Nhà Lang trộm lấy đầu mâu đối

liên

Trở về già trước vẫn yên
Giáp binh đầu đã băng miền kéo

sang

Triệu Vương đến bước vôi vàng
Tình riêng còn chưa dứt đường
cho qua

Đem con chạy đến Đại Nha
Than thân bách chiến hóa ra

đường cùng

Từ khi Phật Tử xưng hùng
Hiệu là Nam Đế nổi dòng Lý Vương
Phong Châu mới mở triều đường
Ô Diên, Long Đỗ giữ giảng hai

kinh

Tùy sai đại tướng tông binh
Lưu Phương là chức Quan hành

Giao Châu

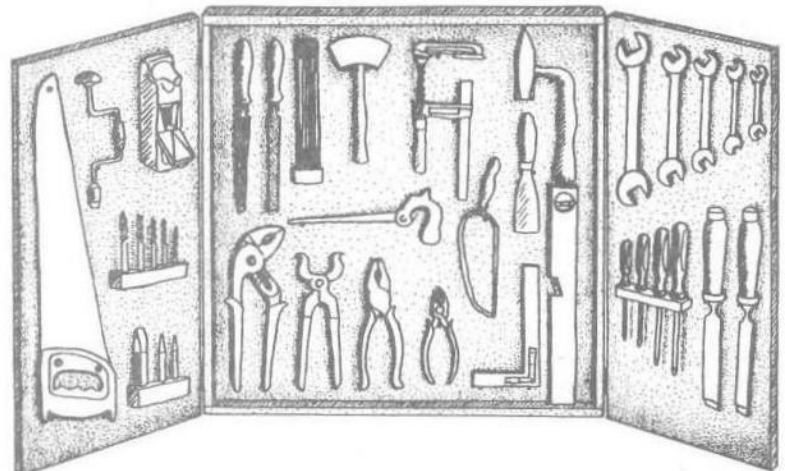
Đồ Long một trận giáp nhau
Xin hàng Lý phải sang châu Tấn

vướng ...

Đồ vui

Các Em được Cha Mẹ tặng cho một thùng đồ nghề, nhưng trong đó có 6 vật không dùng được. Các Em hãy nhìn từng món đồ cho thật kỹ và sẽ khám phá ra khuyết điểm của nó.

Chúc các Em thành công.



Ông Đồ Bề

Ngay xưa ngày xưa, ở miền duyên hải xa xôi, tại miền Trung nước Việt, có một làng chài lưới nằm cạnh biển. Dân làng rất hiền hòa; hàng ngày người lớn đi đánh cá trẻ nhỏ ở nhà đi học chữ nho do một thầy đồ dạy. Ông đồ tên là Bề rất hiền lành, hòa nhã; dân làng rất quý mến Ông.

Số ông rất lận đận vì khoa thi nào ông cũng vác lều chống đi thi, mà kỳ nào cũng xôi hỏng bồng không; đi không lại về rồi, dân làng ai cũng tội nghiệp cho ông. Một hôm, có người láng giềng tới chơi mới này ông, nên sắm sửa lễ vật ra miếu thờ thần mà lễ cầu xin, vì làng ông có thờ ông Thần rất linh thiêng, ai có việc gì khó khăn, mà mang lễ vật ra miếu lễ thần thì ông Thần sẽ nhận lễ vật và giúp đỡ cho. Nghe ông láng giềng nói, ông đồ Bề bảo :

- Tôi là thầy đồ nghèo làm gì có tiền mua lễ vật để lễ thần. Người bạn lại nói :

- Thì bác làm con gà và đĩa xôi, ra mà cúng được rồi. Ông đồ Bề trả lời :

- Cả nhà tôi có một con gà trống sáng nó gây cho tôi biết mà thức dậy lo công việc, nay giết nó đi thì sáng ai đánh thức tôi. Lại nữa, vì công danh của tôi mà hại mang nó tôi không nỡ; cảm ơn bác đã có lòng chỉ bảo. Nếu ông Thần có linh thì độ cho tôi đi, chữ phải có lễ mới phù hộ thì ông Thần cũng đâu phải là thần mình.

Thế rồi vua lại mở khoa thi; ông đồ Bề cũng lại lều chống đi thi. Dân làng thương ông đồ nghèo, kẻ quan tiên, người đầu gạo góp vào tặng ông đồ lên đường vào kinh ứng thí. Ngày ông đi thi, người láng giềng lại tiên ông lên đường. Khi đi qua miếu thờ thần linh, người láng giềng của ông đồ Bề với vàng ngựa nón cúi đầu, còn ông cứ thẳng thắn mà đi, không bỏ nón cũng chẳng cúi đầu. Người bạn của ông bảo :

- Ấy chết, sao đi qua miếu thần linh mà bác không giớ nón cúi đầu, ông Thần sẽ vật chết đó! Bác nên

vào lễ tạ tội đi. Ông đồ Bề cười nói :

- Sao Bác nhát quá vậy! Đã đọc chữ thánh hiền và không làm điều gì trái với lương tâm và đạo lý thì đâu có gì phải sợ. Vả lại trước Cửa Miếu có cái bảng đá khắc 2 chữ HẠ MÃ, mà hã mã có nghĩa là xuống ngựa tôi có đi ngựa đâu mà phải xuống. Thôi Bác đi về đi, cảm ơn Bác đã tiễn tôi.



Những lời đối đáp của ông đồ Bề và ông bạn đã làm ông Thần ở trong miếu nghe hết, nên ông Thần tức lắm Ông cố tìm ra một lỗi lầm của ông đồ Bề để vật chết ông ấy. Ông Thần liền biến ra một anh học trò cũng đi thi cùng đường. Ông Thần làm quen với ông đồ Bề, ông Thần nói :

- Này Bác, tôi nghe ở đầu làng này có cái miếu thờ thần linh lắm, câu gì được này, Bác có biết miếu ở đâu bác chỉ cho tôi và cả tôi cùng Bác sẽ vào mà lễ cầu xin, nếu đi thi mà đậu, trở về, ta sẽ mua lễ vật tạ thần. Ông đồ Bề trả lời :

- Tôi nghĩ là người dân quê chất phác mới không hiểu, chữ như

Bác, đã học chữ thánh hiền mà còn mê tín dị đoan như vậy! Làm con người phải tự tin vào tài học của mình trước đã, rồi mới tính chuyện đi thi. Thì dù bây giờ một chữ như Bác không biết liệu Bác cầu thần linh có độ cho Bác được không? Mà nếu ông Thần độ giúp cho Bác đậu được thì ông Thần đã làm việc gian dối; mà người đời gian dối còn bị chê trách nữa huống gì là một ông Thần được sắc phong. Làm Thần mà còn ăn lễ thì tôi không phục. Tôi thấy tâm tôi không làm gì trái tôi không sợ ông Thần, và nếu tôi học giỏi thì tôi thi đậu, còn tôi học dở thì tôi trượt; tội gì phải lễ lạy cho mất công. Mình không ăn gian nói dối thì có gì phải thắc mắc.

Thế rồi ông cụ thủng thủng mà đi. Ông Thần tức lắm mới làm cho trời nắng gắt. Hai bên đường cây cối không có, càng đi càng nóng, mồ hôi nhễ nhại nhỏ xuống hai bên thái dương ướt đầm; khát khô cả cổ mà không có hàng quán nào cả. Ông Thần liền hóa ra một ruộng dưa hấu, trái nào trái nấy lớn bằng cái nồi đất thổi xôi. Đang khát mà thấy ruộng dưa, ông đồ Bề đứng lại ngắm. Ông Thần khắp khối mình thầm là phen này sẽ hai được ông đồ Bề, ông liền bảo :

- Này Bác, ta đang khát quá, mà lại có ruộng dưa hấu đã chín đây, và quá nhiều; tôi và Bác xuống lấy một trái ăn cho đã khát, quanh đây không nhà cửa gì, chắc chủ vườn ở xa, mà mình có hái cả gánh cũng chả ai biết. Ông đồ Bề nói :

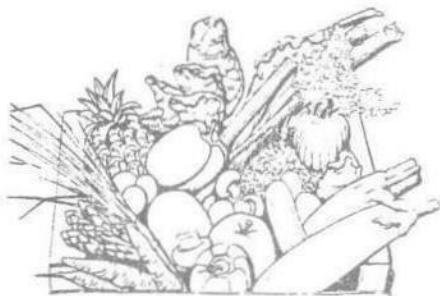
- Người ta trồng công khó nhọc, vun bón cả bao lâu dưa mới lớn mà mình không hái mua và tự xuống hái ăn như vậy là mình đã làm điều không phải rồi. Mà đã làm điều không phải thì tự lương tâm mình cũng xấu hổ (mặc cỡ). Tôi biết, Bác biết, trời đất biết là quá đủ rồi, cần gì phải ai biết nữa! Khát thì đành chịu chứ tôi không làm điều xằng bậy.

(còn tiếp)

■ HOÀI HÀ (Hannover)



Gia Chánh Chay



Lần này món "Chả đậu hũ, hay còn gọi là Chả ố" do một Phật Tử chùa Viên Giác ghi lại. Mục gia chánh chay xin hoan hỷ giới thiệu đến tất cả độc giả Viên Giác.

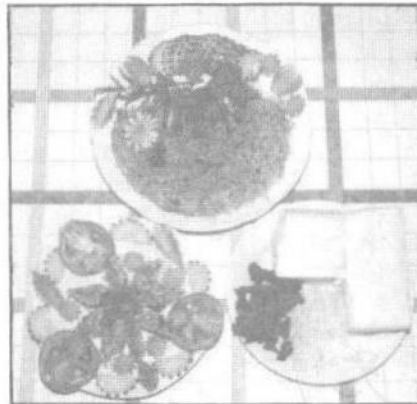
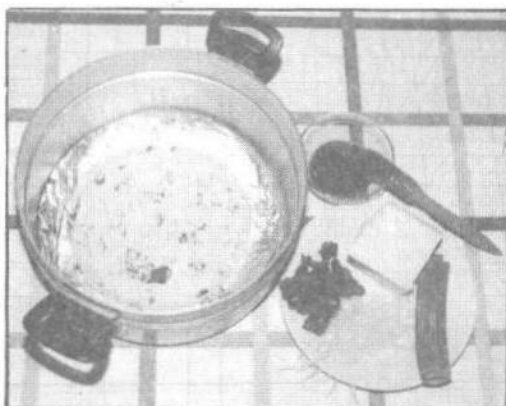
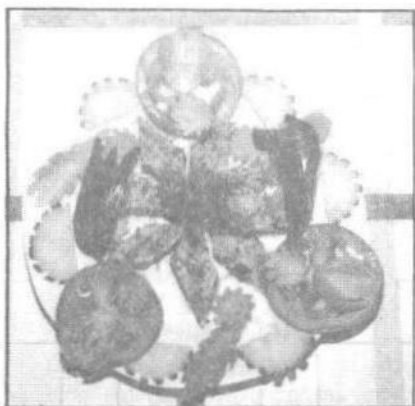
■ THIÊN HẠNH

CHẢ Ồ

hay CHẢ ĐẬU HŨ

Vật liệu :

- 1 miếng đậu hũ (khoảng 400 gr.)
- 1 gr. nấm mèo, thêm nấm đông cô lại càng tuyệt hơn.
- 2 gr. bún tàu
- 1 muỗng cà phê muối
- 1 muỗng cà phê bột ngọt
- 2 muỗng cà phê đường



- 2 muỗng dầu ăn, dầu khế Porré (muỗng canh)
- 1 muỗng cà phê bột khoai tây
- một ít tiêu, Porré.

Cách làm :

Nấm ngâm rửa sạch cắt con nhỏ, dài (bê ngang cỡ đầu đũa).

Bún cắt khoảng độ 2 phân rửa trước để mềm (không ngâm nước!).

Miếng đậu chia tư, đem luộc với ít muối, để sôi độ 5 phút, lấy ra để nguội. Dùng vải the lọc và vắt ráo rồi trộn muối, bột ngọt, đường, tiêu Porré cho vào đậu xay nhuyễn.

Sau đó dùng nấm, bún tàu, bột, bỏ vô trộn đều. Cuối cùng trộn dầu phi Porré vào là xong.

Đậu được trải trên giấy bạc cho đều và để, vuông hoặc tròn tùy ý thích; bề dày không nên hơn 2 lóng tay. Đem hấp độ 20 phút, trên mặt thoa màu gạch hoặc cà cho đẹp.

Hấp xong lấy ra rắc ngò lên mặt chả. Lấy đĩa tròn lót đĩa chung quanh và nếu để thêm củ cải đỏ cắt bông lại càng đẹp; chả cắt hình thoi bày ở giữa. Món này trông rất đẹp mắt, ăn rất ngon và tốt da mặt vô cùng vì có dưa leo !!!

Mù đi xem vòi xem vòi

Ấn Độ xưa có sáu ông
Điểm sinh thích học cho thông sự đời
Cùng đi xem xét loài voi
Sáu ông sáu cặp mắt lồi thông minh
Mỗi ông thí nghiệm một mình
Sao cho thóa óc thông minh kéo mà.

Đầu tiên ông Cả rõ ràng
Dung vào lườn bụng vòi la lên rằng
Vách đầu vững chãi cho bằng
Thênh thang 1 bức chắc rằng vòi tôi
Chẳng qua như bức tường thôi
Giới cao phủ hộ cho tôi biết mà.

Ông Hai mò đến sờ ngà
Sờ đi sờ lại rồi la lên rằng
Còn gì nhẵn nhụi cho bằng
Mình tròn đầu nhọn chắc rằng voi tôi
Hình như một lưỡi gươm thôi
Ngài đừng lý sự xa xôi quá mà.

Ông Ba mò đến vòi ta
Thấy vòi lũng lảng liền la lên rằng
Thuồng luồng đầu cứng không bằng
Quần quèo từng lớp chắc rằng voi tôi
Hình như con rắn to thôi
Hai ngài lý luận không trôi đầu mà.

Ông Tư rõ ngón tai ra
Om choàng lấy căng rồi la lên rằng
Rành rành trên mặt đất bằng
Mọc lên một khối chắc rằng voi tôi
Hình như cái gốc cây thôi
Ba ngài đừng trách rằng tôi ồm ờ.

Ông Năm may mắn được sờ
Tai voi nên mới phát phơ tán rằng
Lạ chi mà nói nhi nhăng
Vua Đuôi cũng nhận thấy rằng voi tôi
Hình như cái quạt mo thôi
Không tin thì cãi lại tôi ngay giờ.

Sau cùng ông Sáu đến sờ
Thấy đuôi ve vẩy ngâm thơ bảo rằng
Loãn xoắn dăm sợi xích thẳng
Ông Tô bện lại chắc rằng voi tôi
Hình như một mẩu thừng thôi
Đề voi ông buộc vào đuôi voi bà.

Thế là sáu Cụ Ấn ta
Bàn đi bàn lại nói ra nói vào
Thí nhau lý luận ồn ào
Ông nào cũng cứng ông nào cũng gân
Mỗi ông đứng một hai phân
Nhưng đo sự thực mười phân sai mười

Mới hay triết lý nhiều người
Thi nhau bút chiến mực cười lấm thay
Thuyết mình ngu bảo rằng hay
Thuyết người không để trình bày hần
hoi

Khác chi câu chuyện con voi
Không trông thấy cũng học đôi ngoại
ngôn.

■ Đào Trọng Đủ dịch bản nguyên
văn tiếng Anh "The blind men and
the elephant" tác giả John Godfrey
Saxe. Trích trong cuốn "The thousand
poems beloved by the English speak-
ing people".

Trò Chơi

GIUẬT KHĂN

Chỗ : ngoài sân rộng.
Số người : từ 8 trở lên.
Vật dụng : 1 khăn tay.

Vẽ 2 lần mức cách nhau khoảng
4 thước, ở giữa để 1 chiếc khăn tay
Chia các em thành 2 nhóm số bằng
nhau, mỗi người được danh số. Xong
2 nhóm trở về đứng sau 2 lần mức đã
gạch sẵn.

Khi người quan trò (người điều
khiển trò chơi) gọi số nào thì số
ấy ra cướp khăn, hoặc giữ làm sao
cho người nhóm kia không cướp khăn
được; cố làm sao cho người cùng số
ở nhóm khác đừng đánh trúng khi
cướp được khăn và chạy về vạch phe
mình. Nếu bị đánh trúng thì thua 1,
nếu cướp được mà không bị đánh
trúng thì thắng 1 điểm.

Thời gian có thể giới hạn, để
xem phe nào thắng.

Có thể gọi một lần 2, 3 cặp số.
Số nào giữ cặp số ấy.

NHẢY BAO

Chỗ : ngoài sân.
Số người : từ 4 trở lên.
Vật dụng : 2 cái bao lơn.

Chia số người làm 2 đội. Cách 2
vạch cách nhau khoảng 15 mét. Còi
thổi, em đứng ở đầu hàng đội mình
vào bao nhảy đến vạch đối diện rồi
trở về, trao bao cho người kế. Đội
nào về trước là thắng.

NIỀM TIN CỦA BÉ

Truớc khi con tham gia khóa học
giáo lý tại chùa Viên Giác con
cũng đã biết chút đỉnh về giáo lý
Phật giáo từ cha mẹ và các băng
thuyết pháp của các chú Thầy.

Sau khóa giáo lý tại chùa, thì
con cảm thấy trình độ hiểu biết
giáo pháp của con tăng tiến trên
rất nhiều phương diện. Đời sống
trong chùa, nghi lễ, giáo lý và nhất
là niềm tin của con được tăng trưởng
và vững chắc vì nghe được các lời
vàng, lời ngọc của Phật do các Thầy
giảng dạy sau các giờ giáo lý hữu
ích. Con tin rằng niềm tin của con
đối với Phật giáo rất là vững chắc,
vì con không bị một sự ép buộc gì
hết. Bây giờ con chưa quy y nhưng
con tin rằng con sẽ là một Phật tử
chân chánh vì niềm tin vững chắc
sáng suốt không vì sự ép buộc nào
hết khó lay động vĩnh cửu và bền
vững nhất.

■ LÊ MINH CẦN



Truớc đây con có về chùa vào
những dịp Tết Nguyên Đán có
truyền đề, nhớ lại cảnh Tết ở quê
hương đất nước Việt Nam yêu dấu
mình. Sau những lần nghe Thầy tru
trí giảng kinh pháp con mới bắt đầu
tin vào Phật giáo nhiều hơn, muốn
đi tìm hiểu sâu vào giáo lý nhiệm
mầu trong đạo Phật.

Chúng ta là con Phật trước hết
phải biết ch quốc gia, ch cha mẹ,
ch thầy tổ và ch chúng sanh; phải
có một niềm tin vững chắc về đạo,
bởi vì đạo Phật là một đạo của dân
tộc. Ở nhà chúng ta nên ăn chay,
niêm Phật, tụng kinh để nhớ lời dạy
của đức Phật, tôn kính. Phật đã có
dạy chúng sanh ai ai cũng đều có
Phật tánh, đều ham sống và sợ chết
cho nên vì tôn trọng sự sống của
mọi loài chúng ta đừng nên sát sanh
nên ăn chay mỗi tháng ít nhất là 2
ngày, để cho tâm hồn được thanh
tĩnh và tránh bớt sự nóng giận. Ăn
chay cũng có lợi ích cho chúng ta
là nước da được hồng hào, ít bị bệnh

và tránh sự ham muốn giết hại người
tốt nhất chúng ta nên quy y Tam Bảo
và thọ trì ngũ giới cấm của đức Phật
đã chế ra, vì muốn cho chúng sanh
thoát khỏi sanh tử luân hồi nên
Phật mới chế ra 5 giới cấm đó. Là
người con Phật chúng ta nên quy y
theo lời Phật dạy. Như trong hằng
ngày những cảnh chùa chiền, những
lời kinh, bài kệ, những bài pháp
thật là làm nơi cho tâm hồn thanh
tĩnh, làm nơi cho chúng sanh bớt
khổ đau, làm nơi đưa con người đến
một cuộc sống tinh thần trong sạch.
Chúng ta hãy dựa theo những nguyên
nhân đó mà tu theo.

Đạo Phật đã trải qua nhiều giai
đoạn thăng trầm, nhiều lần hưng
thịnh và suy vi, cho đến nay đạo
Phật còn bị bọn Cộng Sản đàn áp
nhân dân ta, đã đàn áp Phật pháp,
muốn tiêu diệt Phật giáo ta, cho
nên chúng ta là người con Phật phải
làm gì để khỏi phụ lòng đức Phật
tôn kính; để xây dựng và phát triển
Phật giáo ngày nay ở hải ngoại này?
Nam Mô A Di Đà Phật

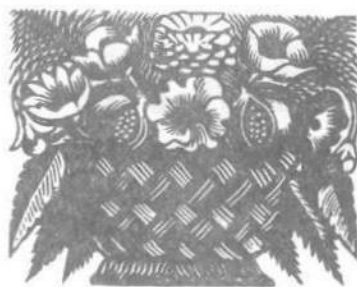
■ Thiên Huê LÝ CẨM LAN



Đạo Phật là đạo vô thân, không
tin thần linh. Đức Phật là một
bậc đại giác ngộ hoàn toàn và là
cha lành của chúng sanh. Đạo Phật
khi phát triển không đàn áp đạo
khác, mà cũng mong các đạo khác
phát triển, do đó đạo Phật cũng là
một đạo Từ Bi. Khi nhỏ con được cha
mẹ dẫn đến chùa lễ Phật, tụng kinh
hay nghe thuyết giảng do đó là một
thói quen. Đến chùa con được quý
Hòa Thượng xoa đầu, quý Thầy Cô cho
trái cây và nhận con làm đệ tử, cho
nên mỗi tháng mong đến ngày đến
chùa lễ Phật và trò chuyện với
quý Thầy Cô. Nhờ ba má con đi nhiều
chùa, nên cũng mang con theo, do đó
con được hiểu biết thêm về chùa
chiền. Ở nhà ông bà, cha mẹ của con
là đạo Phật nên con cũng tin theo
đạo Phật. Nghe qua lịch sử Phật giáo
Việt Nam, khi ba má con nói chuyện
với nhau con biết được Phật giáo đi
vào lòng dân tộc không bằng sự ép
buộc. Đạo Phật là một đạo của dân
tộc. Con càng có đức tin đạo Phật
hơn, khi đến chùa được thấy quý
Thầy Cô khoác chiếc áo màu vàng
hiền từ và khác hẳn với người
thường. Quý Thầy Cô đã vào chùa tu,
nhiệm vụ chỉ tu học và làm Phật sự.
Nhưng so với các tôn giáo khác,

người tu vĩ du không cao dầy, đi nhay múa và uống rượu như người thường, do nguyên nhân đó mà con cũng cảm mến đạo Phật. Khi nhỏ ba má con đã lập bàn thờ Phật và ông bà, mỗi tối và sáng con phải lạy Phật và ông bà trước khi đi học cũng như đi ngủ. Ba má con cũng dạy con, khi gặp khó khăn thì niệm danh của Phật Bà Quan Âm vị ngài có hạnh nguyện cứu khổ tất cả chúng sanh. Khi thấy lòng tin đức Phật của con đã vững chắc, ba má con cho con quy y với Thầy Thích Quảng Thạc và ba má con cũng luôn luôn nhắc nhở con phải biết tên của Bốn Sĩ mình và chuyên trì ngũ giới. Từ đó con rất hãnh diện mình là một người con Phật, có một pháp danh. Hồi nhỏ đi tụng kinh Pháp Hoa tại chùa Già Lam trong đạo tràng chỉ có 2 chị em con là còn nhỏ, do đó quý Thầy Cô rất thương và nói chuyện với ba má con, nên cho con vào Gia Đình Phật Tử. Càng ngày càng lớn con đã tự học hiểu và hòa hợp với Gia Đình Phật Tử do Sư Cô Thích Trí Hải hướng dẫn Sư Cô cũng có tổ chức những dịp thi đỗ em về giáo lý và lịch sử của đức Phật Thích Ca và tạo cho con một niềm tin bất hoại. Đạo Phật cũng đem đến cho dân tộc một nghi lễ hòa hợp và phong phú. Lúc 10 tuổi đó con được học kinh kệ do quý Thầy ra bài và đến ngày 15 hay 30 mỗi tháng con phải đến trả bài, do đó con cũng cố gắng học. Sự hiểu biết thêm về đức Phật Thích Ca, đã chứng minh cho con biết, đạo Phật là đạo chân thật, vì đức Phật cũng có cha mẹ, anh em, sống trong cung vàng điện ngọc mà ngài đã vì chúng sanh mà bỏ cung son, vợ đẹp con ngoan để tìm đường giải thoát chính mình và chúng sanh để thoát khỏi luân hồi sanh tử. Niềm sung sướng nhất của con là khi qua ngoại quốc mà cũng có chùa và quý Thầy Cô hướng dẫn cho niềm tin của con được tồn tại.

■ TỪ VĨ HỒ THI NGỌC DUNG



NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Kính bạch Thầy Cô, con nhớ lại hồi gia đình con còn ở Việt Nam, con thấy ba má ngày nào cũng đi chùa. Lúc đó con mới 7 tuổi không biết gì cả. Một hôm ba má con cho đến chùa để quy y Tam Bảo và thọ trì 5 giới. Khi đến chùa con thấy gì cũng lạ và cứ hỏi quý Thầy quý Cô hoài. Từ ngày đó ngày nào con cũng đi đến chùa nghe thuyết pháp và học giáo lý. Lúc con 9 tuổi thì ba má con cho đến chùa Vạn Hạnh để tập ngồi thiền. Lúc đầu con cảm thấy ngồi thiền mệt mỏi muốn chán nhưng nhờ quý Thầy nhắc nhở và giảng ý nghĩa thiền có lợi gì v.v... thì con cố gắng học. Lúc 10 tuổi quý Cô hỏi con có thích vô Gia Đình Phật Tử không? Con thì không biết chọn sao. Ba má con khuyên con nên đến Gia Đình Phật Tử Con cũng muốn thử ra sao. Khi đến đó con được học thêm cách đánh chuông mõ, Thọ Bát Quan Trai và tập sống tự mình. Khi 10 tuổi con đã rời Việt Nam và qua Tây Đức. Con tưởng rằng không bao giờ có những hình ảnh tu học như ở bên Việt Nam. Khi đến Đức ba má con được đọc tờ báo Viên Giác của chú con tặng và mới biết tại Tây Đức có ngôi chùa Viên Giác xa khoảng 500km. Gia đình con rất sung sướng bằng mọi cách tìm đường về chùa. Khi đến chùa gia đình con được gặp chư Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức, Tăng Ni và các vị thân hữu Phật Tử Việt Nam vẫn đồng về dự Đại lễ Phật Đản 2528. Gia đình con ăn chay mỗi tháng 6 lần. Hàng năm gia đình con về chùa Viên Giác dự Đại lễ Phật Đản, Vu Lan, An Cư Kiết Hạ và Thọ Bát Quan Trai. Mùa An Cư năm nay con về học khóa giáo lý này để cố gắng sửa đổi tâm tánh mình cũng như thân từ xấu thành tốt. Năm nay chúng con có nhân duyên lớn được quý Thầy từ Mỹ và Hòa Thượng từ Úc giảng dạy giáo lý.

Con không biết viết gì hơn nữa là cố gắng tu học để nhớ công của quý Thầy Cô.

■ ĐỨC LẬP HỒ THÀNH

Em qua Đức năm lên tám, em vào học lớp một chung với các bạn Đức. Em học được mấy tháng thì Ba em đến.

- Ba nghe nói ở trường học mỗi tuần có một giờ dạy Giáo Lý về Chúa cho học sinh Đức, vậy giờ đó con xin học môn khác hoặc có thể xin ra ngoài chơi.

Em ngạc nhiên.

- Sao vậy Ba?

Ba em giải thích.

- Gia đình mình theo đạo Phật con ạ. Ông Bà Nội con ngày xưa tôn sùng đức Phật lắm.

- Còn Ông Bà Ngoại? Em hỏi Ba.

- Ông Bà Ngoại con cũng đạo Phật đi chùa.

Em đang suy nghĩ và thắc mắc.

- À Ba đi! nếu Ông Bà Nội đạo Phật mà Ông Bà Ngoại khác đạo thì con theo đạo gì?

Ba em không trả lời mà lại hỏi em.

- Ý con muốn hỏi nếu Ba Mẹ không cùng chung một đạo thì sao?

Em gật đầu. Ba em giải thích.

- Thường thì trai gái nên tìm người cùng đạo mà kết hôn với nhau tốt hơn, còn trường hợp không thể tránh được mà hai người không cùng một đạo phải kết hôn với nhau thì đạo ai nấy giữ, sau này con cái muốn theo đạo cha hoặc đạo mẹ tùy ý. Nhưng đó là theo lý thuyết thôi, còn thực tế thì cũng khó lắm con ạ. Đạo Phật rất dễ dãi không bắt buộc người vợ hoặc chồng theo đạo của mình nhưng có một vài đạo khác, họ bắt buộc vợ hay chồng phải theo đạo của họ. À mà Ông Bà Nội của con ngày xưa khó lắm, nếu mẹ con khác đạo thì Ông Bà không cho Ba cưới Mẹ đâu.

Em nói:

- Và không có mẹ làm sao có con phải không Ba?

Ba cười:

- Một với thằng nhóc này quá!

Sau đó vài tuần Ba em nói với em:

- Sắp tới ngày lễ Phật Đản rồi, Ba phải về chùa làm công quả.

Em hỏi Ba:

- Phật Đản là gì hả Ba?

Ba giải thích:

- Phật Đản là ngày sinh của Đức Phật.

Em thắc mắc.

- Sao không gọi là ngày sinh nhật như hôm trước mẹ làm sinh nhật cho con đó.

- Minh là người thường nên ngày sanh gọi là sinh nhật. Còn Đức Phật

là đáng thiêng liêng tối thượng sáng lập ra Đạo Phật nên phải gọi là ngày Phật Đản hay Phật-Đản Sinh.

Lần ấy đi chùa về Ba tặng cho chúng em mỗi đứa một sợi dây chuyền có hình Đức Phật.

- Ở đâu Ba có vậy Ba? Em hỏi?

- Ba thỉnh ở Chùa con a.

Em ngạc nhiên:

- "Thỉnh" là gì Ba? Sao Ba không mua?

Ba giải thích:

- Tướng Phật Ba mua nhưng mình tôn trọng nên nói tránh đi là "thỉnh" giống như hồi ở nhà mình có vòi nước máy mình bán cho người ta mà mình không nói "bán nước" mà nói cho người ta "đổi nước" con có hiểu không?

Hôm nay học ở trường có giờ thể dục, em thay áo, có một thằng bạn Đút cùng lớp đứng gần em, nó hỏi:

- Máy đeo hình gì vậy?

- Tao đeo hình Đức Phật, em trả lời.

Nó cầm lên ngắm nghía.

- Đạo của mày là ông trong hình này hả? Nó hỏi em?

- Ủ! gia đình tao thờ ông này giống như mày thờ Chúa vậy.

- Thật là "kỳ cục". Thằng bạn em nói.

- Cái gì mà "kỳ cục"? Em hỏi nó.

Nó nói:

- Tao thấy gia đình mày không giống ai hết, ở đây đứa nào cũng đạo Chúa, đạo Tin Lành chỉ có mày và con nhỏ bạn của mày là đạo này thôi, không kỳ cục sao được?

Em giải thích cho nó nghe:

- Tao nghe Ba tao nói những người tu ở Chùa đều cao trượt đầu và an chay trường nữa.

- Sao lại cao trượt đầu, người của xứ tao ham tóc gần chết mà người của nước mày đi tu lại cao trượt đầu?

Em nói:

- Tao cũng thắc mắc như mày vậy nhưng Ba tao các nghĩa "Con người đẹp nhờ có hóm răng và mái tóc, nhưng người đi tu không cần đẹp vì họ nghĩ tóc là phiền não, dứt bỏ mái tóc là hết ưu phiền để có thể tĩnh tâm tu học. Họ cũng không ăn thịt, không sát sanh, mà chỉ ăn đậu, mè, rau, quả để sống thôi. Nghe qua thằng bạn em nó kể quá, bây giờ nó không còn miã mai, chóc gheo hoặc chế riều đến em nữa mà đôi khi nó hỏi em "chùng nào mày đi chùa về nhớ kể chuyện cho tao nghe với".

Một hôm em ngủ, mơ thấy nhà em như có ngày hội lớn người ta ngồi chật trên phòng khách, rồi bỗng từ trên mây hiện ra một vị thầy tu bay

vào nhà em, tất cả mọi người đều đứng lên, một lòng thành kính. Mẹ em lại bảo em thay quần áo cho sạch sẽ để lên phòng khách ngồi nghe thầy thuyết pháp. Đến lúc em tỉnh giấc mới biết đó là em ngủ nằm mơ, em cũng có nhiều thắc mắc mà em không dám hỏi Ba hỏi Mẹ.

Mãi đến một hôm Ba em bảo Mẹ em

- Thứ sáu này Thầy xuống Lingen, em nhớ chuẩn bị nấu cơm chay cho Thầy.

Em giật mình, không lẽ giấc mơ em thấy hôm trước là sự thật sao? Ba còn dặn anh Khanh chị Diễm và em

- Các con nhớ dọn dẹp nhà cửa và ăn mặc sạch sẽ một chút. Thứ sáu này có Thầy Đại Đức tới thêm Phật Tử vùng này.

Em hỏi Ba:

- Ngày đó Ba đi làm hay ở nhà?

- Ba vẫn đi làm, chưa biết Thầy xuống lúc nào. Nếu Ba Mẹ chưa về thì các con thay Ba Mẹ đón Thầy.

Ngày thứ sáu tới thật là nhanh, em sơ diếng người, nhớ Ba Mẹ chưa về mà có một mình em chắc chết.

Em hỏi chị Diễm:

- Chị Diễm ơi! Thầy xuống em thưa làm sao? Có "Guten Tag" được không? Hay là tay em phải làm như thế nào?

Chị Diễm bày em cách thưa, hai tay chấp lại và chỉ còn nói:

- Chùng nào Thầy tới bấm chuông, em ra mở cửa nhé. Em giật mình, lòng em lo lắng vô cùng, em hỏi nhỏ chị:

- Thầy có "biết tay" không?

Chị Diễm không trả lời mà lại cười ngất, làm em tức tối vô cùng.

Lúc ấy thời may Ba Mẹ em cũng đi làm về, chị Diễm báo cáo trước:

- Ba ơi! Bé Tư hỏi "Thầy có biết tay không?".

Ba em không cười mà cũng không rầy em. Ba giải thích cho em nghe:

- Thầy là người chứ có phải tiên thánh gì đâu mà biết tay. Sở dĩ được mọi người tôn kính Thầy là vì Thầy đã bỏ hết cuộc đời trần tục để đi tu theo con đường Đức Phật đã đi, thực hành những điều Đức Phật đã dạy, sống cho chúng sanh và vì chúng sanh.

Chiều hôm đó Ba em ra nhà ga đón Thầy tới. Theo lời Mẹ dặn, em ra chào Thầy, về mặt vui tươi và hiền từ của Thầy làm cho em an tâm không còn sợ sệt nữa.

Từ lúc Ba em có xe thì anh chị, em được theo Ba Mẹ về Chùa vào các ngày lễ lớn như lễ Phật-Đản, Vu Lan và các anh chị, em vào trong chánh điện lễ Phật. Mẹ dặn em "Con khẩn nguyện với Đức Phật cho Bà Ngoại

được khỏi bệnh và con học giỏi nhen!"

Có một lần vào ngày vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Gia đình em và rất đông người vào quỉ làm lễ, trước mặt mọi người đều có một cái kê nhỏ trên đế cuốn Kinh và trên mặt thềm có lót một cái mền, em cũng được quỉ trên một cái mền. Thấy đang kể sự tích của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và 12 điều nguyện của Ngài. Quỉ lâu quá nhiều người bị tê chân nên ra ngoài, em nhìn trước ngó sau chỉ còn lại một số người lớn tuổi. Ba nói nhỏ với em:

- Nếu con tê chân thì ra ngoài một chút rồi trở về. Em cũng muốn chạy ra ngoài nhưng em nói thầm với chính em:

- Thôi rắng đi, lâu lâu mình mới có dịp về Chùa nghe thuyết pháp. Thế là đức tin chợt đến với em. Em quỉ đến tan lễ.

Trên đường về, Ba nói với em "Bé Tư quỉ đến tan lễ hả con?".

Em trả lời:

- Lâu lâu mình mới về lễ Phật một lần nên con rắng.

Ba nói:

- Vậy là giỏi đó, con còn nhỏ mà biết nghĩ vậy Ba rất mừng.

Đã tám năm trời sống trên xứ lạnh lẽo này, gia đình em không có bà con thân nhân ruột thịt ở đây nhưng Ba em thường nói "Lúc nào rảnh rồi mình nên về Chùa. Lời kinh tiếng mõ, nghe Thầy thuyết pháp làm cho tinh thần nhẹ nhàng, thanh thản!"

Em cũng nghĩ như vậy và trong tâm trí em như có sẵn một niềm tin tuyệt diệu đối với Phật pháp vô biên.

■ Bé Tư PHẠM LƯƠNG KHANH
Lingen/Ems



DIỄN ĐÀN ĐỘC GIÀ

Lời Tòa Soạn: Mục Diễn Đàn Độc Già dành đăng những bài vở liên quan đến tình hình sinh hoạt cộng đồng hải rộng đường dư luận. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về bài viết của mình.

Trong VIÊN GIÁC số 39, chúng tôi được bạn TRẦN TRUNG CHÁNH hứa sẽ có bài về "ÂM MƯU CS TRONG VẤN ĐỀ GIA NHẬP QUỐC TỊCH ĐỨC". Cho đến số này Bút Hữu mới có đủ tài liệu dẫn chứng. Tòa Soạn kính mong Quý độc giả niềm tình hỷ thú cho sự chậm trễ này và kính mời Quý Vị theo dõi mục "Diễn Đàn Độc Già" kỳ này về vấn đề trên.

ÂM MƯU CỦA CSVN TRONG VẤN ĐỀ NHẬP TỊCH ĐỨC

Trong thời gian qua, cái gọi là những đường dây, hệ thống kinh tài của CSVN gồm có các mục: du lịch VN, giới hàng và tiền qua trung gian các cơ sở thường mại tay sai VC, cho thân nhân từ trong nước đi "du lịch hải ngoại", ... Ai trong chúng ta cũng thừa biết rằng qua những kế hoạch này CS muốn một lúc thực hiện nhiều mục tiêu như:

- tìm ngoại tệ tiếp hơi nuôi dưỡng chế độ CSVN,
- xúi người tỵ nạn làm chuyện phi-pháp, hầu móc nối họ cho những "công tác" có lợi cho VC, gây xáo trộn cộng đồng người Việt tỵ nạn ở Hải Ngoại,
- phá thể chính nghĩa Tỵ Nạn Chính Trị,
- rập theo đường lối "cởi mở" hóa mù của đàn anh Nga Sô để tìm ngoại tệ, bang giao với Tây Âu cũng có Xã Hội Chủ Nghĩa,
- gây khó khăn và làm xáo trộn trật tự an ninh Xã Hội xư người.

...
Tiêu biểu lượt kê ở trên cho thấy tựu chung những kế hoạch gọi là kinh tài của CS không ngoài chiến thuật chính trị ngoại vận nhằm đến khối người Việt tỵ nạn ở Hải Ngoại và khối Tự Do không CS. Còn ngoại tệ thì dù có kiếm được cũng chẳng lấp được vào đầu cho cái túi phá sản không đáy của chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, trên mọi mặt.

Trở lại vấn đề, gần đây CSVN, qua các trung gian thường mại tay sai, làm tiền những người Việt tỵ nạn muốn gia nhập quốc tịch Đức (xem bản chụp nhỏ quảng cáo bằng tiếng Đức của cơ sở Saratours của CS ở Hannover - hình số 1). Vậy CS âm mưu gì trong vấn đề này? Người viết xin trình bày một số dữ kiện liên quan, chắc hẳn sẽ còn rất nhiều thiếu sót. Mong quý độc giả Viên Giác bổ túc thêm trong mục "Diễn Đàn Độc Già" ở những số tới.

VẤN ĐỀ NHẬP TỊCH

Theo chỗ người viết biết là một người ngoại quốc cư ngụ sinh sống và đi làm tại nước Tây Đức, thỏa được những điều kiện nhập tịch do chính quyền Tây Đức ban hành, sẽ được nhập tịch Đức. Riêng đối với những người tỵ nạn có một vài quy luật đặc biệt hơn như thay vì phải sống ở Đức 10 năm, một người tỵ nạn chỉ cần có 7 năm v.v... (Mọi chi tiết về vấn đề nhập tịch, theo như người viết được biết, quý đồng hương tỵ nạn có thể liên lạc thẳng với Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội FGWN tại Tây Đức địa chỉ qua chùa Viên Giác để nhận đầy đủ tài liệu và hướng dẫn rõ ràng hơn. (Tất cả đều miễn phí).

Trên nguyên tắc, sau khi thỏa được những điều kiện qui định về việc nhập tịch, đường sự sẽ được cấp 1 tờ giấy "bảo đảm nhập tịch" (Einbürgerungszusicherung - hình 2) để nộp cho Sĩ quan của đường sự xin thời quốc tịch cũ.

Việc cuối xét cho đường sự nhập

tịch Đức, sau khi thỏa điều kiện, của các cơ quan hành chính địa phương không có gì trắc trở. Trái lại việc xin "từ bỏ quốc tịch VN" mới là vấn đề đặt ra ở đây, và người viết muốn lam bàn đến những âm mưu của CS trong vụ này.

Trên thực tế, vấn đề khó khăn nhất trong việc xin nhập quốc tịch Đức là phải có giấy chứng nhận "từ bỏ quốc tịch VN" do Tòa Đại Sứ VC ở Bonn cấp (Entlassung der vietnamesischen Staatsangehörigkeit). Muốn có giấy này, đường sự - người tỵ nạn - bị bắt buộc phải liên lạc với cơ quan thẩm quyền của chính phủ VC thêm vào đó họ còn phải khai các chi tiết về họ hàng thân nhân còn trong nước trong đơn xin từ bỏ quốc tịch VN. Việc này sẽ đưa đến nguy

EINBÜRGERUNG: **SARA TOURS**
Postfach 5205, D-3000 Hannover
Tel. 0511/282553 Telex 83126

1 - Generell müssen ledige Personen 10 Jahre in der Bundesrepublik Deutschland leben bevor sie eine Einbürgerung beantragen können.

2 - Hat der/die Ehepartner/in in der BRD einen deutschen Pass, so gilt für den/die Antragsteller/in, daß er/sie 3 Jahre in der BRD gelebt haben und 3 Jahre verheiratet gewesen sein muß oder 5 Jahre in der BRD gelebt haben und 2 Jahre verheiratet gewesen sein muß.

3 - Haben beide Ehepartner einen ausländischen Pass, muß eine Person 10 Jahre, die andere 5 Jahre in der Bundesrepublik Deutschland gelebt haben.

4 - Asylbewerber müssen 7 Jahre in der BRD gelebt haben. Sind sie mit einem/einer Deutschen/r verheiratet, so reduziert sich die Zeit auf 3,5 Jahre.

5 - Weitere Bedingungen sind eine ausreichende Kenntnis der deutschen Sprache z.B. ein Zeugnis aus einem Deutsch-Sprachkurs mit guter oder ausreichender Bewertung, ansonsten werden mündliche und schriftliche Prüfungen durchgeführt.

6 - Weiterhin muß das Einkommen aus einer beruflichen Tätigkeit genügend sein/dazu zählt keine Arbeitslosenhilfe oder -unterstützung etc.), bei dem Stand der Ehe ist nur einer der beiden Personen verpflichtet zu arbeiten.
- Ausnahme: Asylbewerber benötigen ausschließlich Unterstützung vom Staat.
Für alle Antragsteller gilt: Keine Vorbestrafung innerhalb der letzten 5 Jahre.

* Wichtig! Da Jeder Antrag von Fall zu Fall unterschiedlich behandelt wird, können Sie sich gern bei uns informieren, wenn Sie die Einbürgerung über uns laufen lassen.

** Einbürgerungsservice von Sara Tours: Inklusivpreis 600,- DM (einschließlich Reisehaltpreis für Übersetzungsarbeiten und Rechtsanwaltskosten) (ab 2 Personen pro Antrag: 400,- DM)
Sara Tours GmbH, Postfach 5205, 3000 Hannover 1, Tel.: 0511/282553

Hình 1

hiểm tính mạng và đời sống của thân nhân trong nước. Ngoài ra, nếu đường sự còn của cái, bất động sản ở trong nước phải giao cho nhà nước VC để họ dễ dàng cấp giấy "từ bỏ quốc tịch". Để sớm được nhận giấy "từ bỏ quốc tịch" này, người tỵ nạn buộc gần như phải làm những lý do tỵ nạn chính trị để trở thành tỵ nạn kinh tế. Việc này gây cho họ những nguy hại khác là họ sẽ mất quyền tỵ nạn chính trị chiếu theo công ước Genève tại quốc gia họ đang tỵ nạn.

Các cơ quan chính quyền Đức cũng không chấp nhận việc mang nhiều

quốc tịch ngay cả khi người tỵ nạn có chồng hay vợ Đức hoặc trên lý do nhân đạo. Bởi vì việc nhập tịch đặt trên luật lệ hiện hành cũng như đặt trên quyền lợi quốc gia. Nhưng vấn đề khó khăn tiếp theo là thủ tục nhập tịch thường kéo dài cả hàng năm và phải trả lệ phí cao.

Ngoài tờ "bảo đảm nhập tịch" (Einbürgerungszusicherung) người được chính quyền Đức cho nhập tịch còn nhận thêm một văn thư của cơ quan liên hệ cho biết "giấy chứng nhận nhập tịch" (Einbürgerungsurkunde) sẽ được cấp cho người đứng đơn khi có giấy chứng nhận "từ bỏ quốc tịch VN" vì chiếu theo điều 78/79 đạo luật về quốc tịch của VN(?) việc mất quốc tịch VN chỉ có hiệu lực khi có giấy chứng nhận từ bỏ quốc tịch (Entlassung) VN. Đơn xin phải gửi về Sở quán VC ở Bonn. Trong khi đó, trong tờ "bảo đảm nhập tịch" có ghi thời hạn giá trị của giấy này là hai năm, kể từ lúc được chấp thuận nhập tịch Đức. Trong thời hạn này, người đứng đơn "may mắn" được Sở quán VC cấp giấy "từ bỏ quốc tịch" thì không sao? Còn nếu trong 2 năm mà không được thì chính quyền Đức sẽ gia hạn tiếp tục giấy "bảo đảm nhập tịch", nhưng đòi hỏi là phải có bằng chứng là trong 2 năm đó người đứng đơn đã nỗ lực hết mình để xin từ bỏ quốc tịch, nghĩa là gửi cho giới thẩm quyền Đức một "cọc" bản sao thư từ về việc hỏi thúc Sở quán VC trả lời và cấp giấy "từ bỏ quốc tịch".

CỘNG SẢN LÀM TIỀN TRONG VIỆC "TỪ BỎ QUỐC TỊCH"

Trước năm 1986, tại Tây Đức đã có nhiều người tỵ nạn xin nhập tịch Đức. Họ được cấp giấy "chứng nhận nhập tịch" và cấp thông hành Đức ngay, khi đủ điều kiện. Chứ việc xin "từ bỏ quốc tịch VN" chưa đặt đến.

Trong những năm đó cũng có một số Cộng sản xin nhập tịch Đức để trốn VC, cũng như dùng cái nhân tịch Đức để để bề làm ăn, đi dùng nội ngoại gián và tuyên truyền cho CSVN. Đồng thời VC nghe phong phanh bà con tỵ nạn ở Hải Ngoại rục rịch nhập tịch quốc gia họ tỵ nạn, cũng để mánh mung cho vụ "du lịch VN", VC mới thấy việc xin "từ bỏ quốc tịch" và thời gian cho phép "trong 2 năm" là miếng mồi thơm ngon béo bở nên bèn dùng hai thủ thuật này làm đòn.

Trước hết Sở quán VC gửi văn thư cho Bộ Ngoại Giao, dùng những

The image shows a form titled "Einbürgerungszusicherung". It contains several fields: "Familienname, ggf. Geburtsname, Vorname(n)", "geboren am" and "in (Geburtsort und -land)", and "wohaft in". Below these fields is a statement: "wird die Einbürgerung für den Fall zugesagt, daß der Verlust der vietnamesischen Staatsangehörigkeit nachgewiesen wird." There is a section for "Bis zum" with a date and a note: "gilt diese Einbürgerungszusicherung. Sie wird unter dem Vorbehalt erteilt, daß sich die für die Einbürgerung maßgebliche Sach- und Rechtslage, insbesondere die persönlichen Verhältnisse des Einbürgerungsbewerbers, bis zur Einbürgerung nicht ändern." At the bottom left, it says "Hannover, den" and "BEZIRKSREGIERUNG Hannover". To the right is a circular stamp with a horse and the text "BEZIRKSREGIERUNG HANNOVER".

Hình 2

qui định pháp luật làm áp lực, nghĩa là những ai muốn nhập tịch Đức phải làm đơn "từ bỏ quốc tịch VN" gửi qua Sở quán VC. Song song đó Sở quán VC ra loại văn thư về việc xin từ bỏ quốc tịch VN cũng như đơn xin từ bỏ quốc tịch VN và bản khai lý lịch cá nhân theo mẫu qui định (xem hình chụp nhỏ số 3,4,5). Mặt khác Bộ Nội Vụ Đức chỉ thị cho các cơ quan thẩm quyền địa phương thì hành văn kiện của Bộ Ngoại Giao mà Sở quán VC đã thủ thuật.

Đồng thời thư trả lời của Sở quán VC cho những người đã liên lạc với họ, để làm đơn theo những mẫu của họ cấp là thủ tục "từ bỏ quốc tịch" kéo dài từ 1 đến 2 năm (xem hình số 6). Vậy mà có những kẻ đã được Sở quán VC cấp giấy "từ bỏ quốc tịch" trong một thời gian ngắn thì quý vị thử xét những hạng đó là ai? Còn lại thì 100 người gửi đơn xin "từ bỏ quốc tịch VN", gửi theo lối bảo đảm (Einschreiben), 100 người cũng chẳng được trả lời. Có người gửi thư thúc mãi trong 2 năm qua cũng không được phúc đáp là Sở quán VC có nhận đơn chưa - chứ chưa nói đến việc họ chấp nhận.

Cũng vì VC dùng 2 thủ thuật này mà trong thời gian qua một số người đã nhập tịch Đức cách đây khá lâu cũng bị cơ quan thẩm quyền địa phương đòi phải có giấy "từ bỏ quốc tịch" (xem thêm phần tin tức về vấn đề này ở trang Sinh Hoạt Cộng Đồng số này).

Cách đây không lâu, cơ sở Saratours của VC ở Hannover này có tờ quảng cáo sẵn sàng giúp về vấn đề nhập tịch và tiền công là 600 Đức Mã, kể từ 2 người trở lên cho một đơn là 400 Đức Mã. Chúng ăn tiền đó là tiền gì và chỉ một lần hay còn

ăn dài dài? Theo chỗ người viết được những người nhập tịch Đức cho biết, cho đến khi nhận được tờ "bảo đảm nhập tịch" họ chỉ tra cơ quan thẩm quyền địa phương một số tiền nhỏ khoảng 50 đến 70 Đức Mã về việc bút chỉ văn phòng và cũng chẳng cần phải nhớ luật sư gì cả, còn ngoài ra chưa nghe nói thêm gì nữa.

Như thế, bên cạnh những vụ làm tiền người tỵ nạn qua vụ "du lịch VN", gửi tiền gửi hàng, cho người trong nước đi du lịch nước ngoài,.. nay còn thêm vụ làm tiền trong việc xin từ bỏ quốc tịch VN.

ÂM MÙI CHÍNH TRI CỦA CỘNG SẢN TRONG VẤN ĐỀ NHẬP TỊCH

Gác chuyện làm tiền qua một bên chúng ta đi đến một vấn đề có tầm mức hơn mà không thể bỏ qua được là CS âm mưu gì trong vấn đề nhập tịch? Người viết xin lạm bàn và đưa ra một số thiên ý sau:

1. Nắm toàn bộ lý lịch, hoạt động, sinh sống

Trong bản khai lý lịch để xin từ bỏ quốc tịch VN (hình chụp số 4) của Sở quán VC định mẫu đã ghi rõ rành rành. Chúng ta là những người tỵ nạn CS, đã từ chối chế độ CS nghĩa là không có bị lệ thuộc vào bất cứ một điều luật nào của VC đưa ra cả. Hề khai vào tờ đó nghĩa là tự buộc trông vào cô, không những cho chính mình mà còn cho tất cả thân bằng quyến thuộc ở trong nước lẫn ở nước ngoài nữa.

2. Làm áp lực móc nối "công tác" cho CSVN ở Hải Ngoại

Tưởng cũng nên nhắc lại, sau khi đất nước VN bị phân chia năm 1954, CS cũng đã dùng nhiều thủ thuật để


BOTSCHAFT
 DER DEUTSCHEN REPUBLIK VIETNAM
 Konstantinstr. 37
 1000 Hanoi - Vietnam

L.A. 07/1

VỀ VIỆC: Xin thôi quốc tịch Việt Nam.

Kính gửi:

Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức đã nhận được thư của Ông/ Bà về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam. Chúng tôi xin trả lời như sau:

Theo quy định của Nhà nước Việt Nam, thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam gồm phải có những hồ sơ sau đây:

- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định
- Bản khai lý lịch cá nhân kèm theo
- Bản sao chụp giấy khai sinh
- Bản sao chụp hộ chiếu hoặc thông tin hiện sử dụng
- Bản sao chụp giấy công nhận kết hôn (nếu đã lập gia đình)
- Những giấy tờ kèm theo khác, ví dụ: giấy khai sinh của các con cũng xin thôi quốc tịch, giấy dẫn báo cho nhập quốc tịch của nước sẽ xin nhập quốc tịch.

Tất cả những hồ sơ kể trên đều làm bằng tiếng Việt, mỗi tờ 5 bản. Nếu số như văn bản bằng tiếng nước ngoài thì cần kèm theo bản dịch ra tiếng Việt. Sau khi nhận được hồ sơ, Đại sứ quán sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết rồi chuyển về Chính phủ Việt Nam xem xét giải quyết.

Xin chào Ông/ Bà

Bí thư Thứ 1
Nguyễn Trung Thành
Nguyễn Trung Thành.

Hình 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
(qua Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức)

Tôi tên là _____
 Sinh ngày _____ tháng _____ năm _____ tại _____
 Nghề nghiệp _____
 Hiện ở tại _____

viết đơn này kính xin Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam: _____
 Muốn xin vào quốc tịch nước: _____

Cùng xin thôi quốc tịch Việt Nam với tôi có những con của tôi chun đến tuổi trưởng thành (sum đủ 18 tuổi) sau đây

| STT | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chức vụ |
|-----|--------|-----------|----------|---------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Ý kiến của vợ hoặc chồng: _____

Kèm theo đơn này tôi xin gửi: _____
 - Bản khai lý lịch _____ Ngày tháng năm 19 _____
 - Giấy khai sinh (hoặc bản sao) _____ Người khai ký tên _____
 - Bản sao giấy công nhận kết hôn _____
 - Bản sao hộ chiếu hoặc thông tin hiện sử dụng _____
 - Các giấy tờ khác: _____

Hình 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(để xin thôi quốc tịch Việt Nam)

Họ và tên thường dùng: _____
 Tên riêng: _____
 Ngày, tháng, năm sinh: _____
 Nơi sinh: _____
 Dân tộc: _____ Tôn giáo: _____
 Nguyên quán: _____
 Trú quán: _____
 Trình độ văn hóa, chuyên môn: _____
 Nghề nghiệp chính: _____
 Hiện nay làm gì, chức vụ, ở đâu? _____

Đã bị coi tù hoặc tước quyền làm công dân, ở đâu, bao giờ, vì sao? _____

Đã từng quân phục, bao giờ, cấp bậc, đơn vị _____
 Có tham gia đoàn thể chính trị, xã hội, tôn giáo nào không, làm chức vụ gì, ở đâu? _____

Thời gian đi ở Việt Nam bao lâu? _____
 Ngày ra nước ngoài, trong hoàn cảnh nào, giấy tờ do ai cấp? _____

Họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp, chỗ ở hiện tại của cha mẹ: _____

Họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp, chỗ ở hiện tại của vợ (hoặc chồng): _____

Có bà con thân thích ở nước ngoài và ở Việt Nam không? (nếu có họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp, chỗ ở hiện tại từng người) _____

Hình 5.1

2.

Tôi sẵn (bất động sản, động sản kể cả tiền gửi) có những gì ở Việt Nam và ở nước ngoài? _____

Hộ chiếu hoặc thông tin hiện đang dùng, loại: _____
 Số: _____ Ngày cấp: _____ Giá trị đến: _____
 Cơ quan cấp: _____

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Làm tại: _____ ngày tháng năm 19 _____
 Người khai ký tên _____

Hình 5.2

móc nối người trong Nam cũng như từ Bắc vào Nam làm "nội tuyến" cho họ ở miền Nam VN.

Nay trở này cũng đang diễn ra trong vấn đề nhập tịch. Không phải lập nội tuyến trong nước mà ngay ở xứ người. Đó là hệ thống gián điệp không lồ của Đông Âu ở các xứ Tự Do và CSVN là một thành phần trong đó.

Những người đã được CSVN giúp dễ dàng cho việc nhập tịch Đức sẽ là những tay sai đắc lực người Đức (gốc Việt) cho CS quốc tế trên mọi mặt tại xứ Đức này. Và hệ đưng đến những người đó họ cứ trình thông hành ra là người Đức, mà họ làm lợi cho CSVN và quốc tế, thì chúng ta cũng chịu thua vì mình là "người

dùng nước lá"!

3. "Quốc tịch đôi"
 Như ở trên đã trình bày, VC dùng 2 thủ thuật: việc xin "từ bỏ quốc tịch VN" và "thời hạn 2 năm" để tạo khó khăn cho chính quyền Đức trong thủ tục nhập tịch. Đã đến lúc các chính quyền tiểu bang phải đi đến



người "du lịch VN" (lần từng trình của Bộ Nội Vụ Liên Bang về vấn đề Tỵ nạn của người Việt trong năm 86). Câu hỏi đặt ra ở đây là làm sao họ biết được? Vì trên thông hành của những người "du lịch VN" đó không có chứng tích gì để chứng minh họ đã đi "du lịch VN". Có phải là Sĩ quán VC tung tin cho Bộ Nội Vụ biết hay không? để chờ đòn chính trị với chính quyền Đức là những người Việt tỵ nạn không phải là Tỵ nạn Chính trị mà chỉ là Tỵ nạn Kinh tế, vì đã có người về VN thăm nhà an toàn, chúng tôi (VC) có bắt bớ ai đâu. VC thật thâm độc!

Ở trên người viết chỉ trình bày vắn vắn có 4 âm mưu của VC trong việc nhập tịch, chắc hẳn quý độc giả Viên Giác còn thấy nhiều hơn. Kính mong quý vị viết trong mục "Diễn đàn độc giả" trên Viên Giác cho bà con biết thêm.

KẾT LUẬN

Chúng ta là người Việt tỵ nạn CS nghĩa là Tỵ nạn Chính trị, không chấp nhận Chủ nghĩa nhà nước CS, vì thế không chịu tuân hành một luật lệ nào do nhà nước VC đưa ra. Vấn đề nhập tịch Đức là quyền lợi riêng của người đó và của dân tộc người đó muốn nhập tịch. Vì thế vấn đề là giải quyết với chính quyền Đức chứ không phải là năn nỉ lòn cúi, làm tay sai cho VC để hưởng lợi riêng. Lợi riêng đâu không thấy, mà hệ có liên lạc và làm theo những thủ tục của Sĩ quán VC đưa ra thì chỉ có nước "tán gia, bại sản" không những chỉ bị một mình mà còn lôi kéo thân bằng quyến thuộc vào vòng đồng thời còn gián tiếp phá hoại chính nghĩa Tỵ nạn Chính trị của hơn một triệu người đang sống ở Hải Ngoại và làm khó khăn cho sự định cư ở nước thứ 3 của trên trăm ngàn người đang sống trên đảo.

Người viết tin chắc rằng trong nay mai Chính quyền Đức sẽ can thiệp trực tiếp và giúp đỡ những ai muốn làm công dân nước họ, để VC không còn mùa riu qua mắt thợ và Chính quyền Đức không thể tiếp tục nuôi "ong tay áo, nuôi khi dòm nhà" nữa.

● TRẦN TRUNG CHÁNH

việc đặt lại vấn đề nhập tịch: một là không cần tờ "từ chối quốc tịch VN" nữa, vì trước hết họ là người tỵ nạn và đã cố gắng cho việc này mà Sĩ quán VC không giải quyết, nên vấn đề đương nhiên được nhập tịch; hai là đưa ra vấn đề "quốc tịch đôi" (Doppelstaatsangehörigkeit). Nghĩa là vừa Đức vừa Việt nên ngoài việc phải tuân theo luật pháp Đức, vì họ là người Đức, mà VC vẫn có quyền hành đối với những người này. Vì họ vẫn còn là người Việt.

VC "giả cam, giả diếc, giả lơ" trong việc xin "từ bỏ quốc tịch VN" và cố tình tạo khó khăn cho chính quyền Đức trong thủ tục nhập tịch là mục đích ở điểm 2. Như thế VC sẽ đạt được âm mưu 2 như trở bàn tay.

Hiện nay, theo chỗ người viết được biết, đã có một vài tổ chức Việt tỵ nạn can thiệp vấn đề này là không thể nào có việc "quốc tịch đôi" được. Có thể ứng dụng cho những người ngoại quốc khác không tỵ nạn chính trị, chứ không thể áp dụng cho người Việt tỵ nạn được. Đặt trường hợp có "quốc tịch đôi" thì tôi chỉ là người Việt tỵ nạn không CS chứ không thể chịu theo "luật rừng" của CSVN, và chỉ chịu tuân hành pháp luật của một chính quyền VN không CS. Lý do, chúng tôi là người Việt tỵ nạn Chính Trị chứ không phải là hạng người Việt "chung chung". Như thế âm mưu "quốc tịch đôi" của VC khó thành trong tương lai.

4. Tạo nghị ky giữa Chính quyền và những người Đức gốc Việt

Trường hợp có "quốc tịch đôi", họ có thể đi về VN và trong thời gian qua VC cũng thổi phồng vụ này lên là có quốc tịch Đức thì đi về VN "danh chính ngôn thuận" hơn, nhưng trên thực tế, đây là đòn ly gián của VC chiêu cố đến chính quyền Đức và những người Đức gốc Việt. Khi những người này muốn về VN, Sĩ quán VC cấp cho họ một tờ giấy phụ để nhập nội. Như thế trong thông hành của họ sẽ không có vết tích gì chứng tỏ họ đã đi về VN. Trường hợp này cũng giống như việc cấp giấy phụ cho những người mang danh Tỵ nạn mà lại về thăm VN vậy! Đến khi VC muốn "dùng" những người này, VC sẽ làm áp lực: bạn mà không làm việc này như vậy cho chúng tôi thì bạn sẽ bị tố cáo với chính quyền Đức là bạn đã về VN. Chúng tôi có bằng chứng rõ ràng, bạn sao cấp giấy cho bạn nhập nội ngày, tháng v.v.. Bạn không chối cái gì được!!! Thế là họ tạo nên sự nghi ngờ cho chính quyền Đức về những người công dân Đức gốc Việt ấy, và như thế VC nhờ tay chính quyền Đức "dồn người" cho họ.

Đồng thời, những người Đức gốc Việt này có về VN và bị nhà nước VC làm khó dễ, bắt bớ v.v.. ở VN thì Chính phủ Đức cũng không thể nào can thiệp được cho người công dân Đức gốc Việt ấy. Vì thế luân điệu của VC về việc nhập tịch Đức để về VN thăm nhà là một thủ thuật dụ người vào vòng.

Cho đến nay Chính quyền Liên Bang cho biết họ biết rõ con số



VIỆT NAM

* CỘNG SẢN TRONG THẾ ĐƯỜNG CÙNG.

* TIN VỀ KHÁNG CHIẾN QUÂN CHỐNG CSVN Ở NAM LÀO.

Một năm đã sắp trôi qua kể từ ngày thay Đáo đổi kép ở Hà Nội. Đám về bình giả của đảng CSVN cố đấm ăn xôi, đang chạy vòng vòng như bầy kiến chạy quanh miếng chén. Mong tìm một lối thoát để tháo gỡ cho tình trạng suy đồi có cơ tan vỡ tất cả những gì mà tập đoàn CS Hà Nội xây đắp bằng xương máu dân chúng VN trên 5 thập kỷ qua.

Tháng 12 năm ngoài đời hội Cộng đảng kỷ 6 được nhóm họp ở Hà Nội, những tay đồ tể khát máu, từng giết hàng triệu dân Việt đã phải tặc tước gạt lê ra đi, từ bỏ ngôi báu. Trưởng Chinh mất chức chủ tịch nhà nước, Phạm văn Đồng rời ghế thủ tướng lâu nhất thế giới 40 năm, Lê Đức Thọ lý thuyết gia và ủy viên tổ chức của đảng cũng phải rút vào hậu trường. Chỉ 12 năm sau ngày CS toàn chiếm 2 vùng Nam Bắc, chính tập đoàn lãnh Đáo Hà Nội đã xô đẩy 62 triệu dân 2 miền Nam Bắc Việt Nam vào con đường đen tối và bần cùng nhất từ

trước tới nay. Trong khi đó chính ngay trong hàng ngũ cán bộ đảng viên CS, sau khi đặt chân vào vùng đất miền Nam, thì đã nhân ra những giá đổi, lừa phỉnh của đảng và nhà nước quá trắng trợn và bỉ ổi. Đó là nguyên do đưa tới tình trạng tham nhũng, hối lộ, lộng hành ở khắp các cấp. Mọi dây trong áp lực của Sô Việt, một vài con đẻ tể thần đã bị đem ra tòa về tội tham nhũng. Vào đầu tháng 9/87 tại tòa án quân sự Hà Nội, thiếu tướng Nguyễn Trường Xuân chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự ở Hải Phòng và ủy viên thường vụ thành ủy, đã lãnh 20 năm tù, còn bị phạt 400.000 đồng VN. Ngoài ra còn 20 bị can khác từ cấp bậc đại tá trở xuống. Các vụ thanh lọc hàng ngũ cán bộ đảng viên, đã đưa tới tình trạng một số cơ sở, xí nghiệp bị đốt để phi tang, như kho chứa hàng ở cảng Hải Phòng và mới đây Đài truyền hình Sài Gòn cũng bị đốt cháy. Trong khi đó giá cả hàng hóa tăng vọt từng ngày, mức lạm phát ở mức độ trên 1000%. Theo một số đồng bào mới từ VN qua theo diện đoàn tụ, thì tại Sài Gòn giá 1kg gạo loại xấu lên tới 120\$ VN, thịt 1300\$/kg, hộp vịt 50\$/cái, vàng tới 49.000\$/lchi, trong khi đó lương công nhân viên chức mỗi tháng từ 1500\$ đến 2500\$. Cuộc sống ngày khó khăn, nên nạn ăn cướp, ăn trộm xảy ra khắp nơi; nạn mại dâm, nghiện hút cũng gia tăng ở mức độ khủng khiếp. Tháng 5/87, Nguyễn văn Linh cầm đầu phái đoàn đi Liên Sô cầu

viên. Nhưng khác với những năm trước đây bây giờ Liên Sô ngày một kém lép hơn và muốn chi phối chi Đáo tất cả các lãnh vực từ chính trị, quân sự và bây giờ tới kinh tế. Liên Sô đặt ra hình thức viện trợ mới mang mỹ danh là phân công lao động quốc tế, hợp tác sản xuất và liên doanh liên kết. Nghĩa là các cố vấn chuyên viên Nga cùng nắm tổ chức quản lý làm ăn chia lợi, đầu tư vốn, tổ chức quản lý và tìm thị trường tiêu thụ. Với sự chi phối của Liên Sô ngày một gay gắt ta thấy rằng ngày nay chủ quyền VN đã hoàn toàn không còn nữa. VN đã biến thành 1 tỉnh huyện của Liên Sô. Tập đoàn lãnh Đáo đảng CSVN như những tên bù nhìn giữ dùi, được các lãnh tụ Điện Cẩm Linh, giặt dây, tuyên bố, múa may lung tung.

Trong khi đó vấn đề Kampuchea là cực xướng mắc cổ của CSVN. Nếu CSVN dúi muốn thực sự rút 160.000 quân ra khỏi đất Miền cũng lo ngại. Chính quyền Heng Samrin chắc chắn chỉ một sớm một chiều sẽ bị phe kháng chiến Khmer đỏ bẹp, rồi thừa thắng xông lên, Đám Khmer đỏ được Trung Cộng giết dây chắc chắn sẽ quấy phá vào lãnh thổ VN. Chiến trường sẽ được kéo vào nội địa VN chứ không còn ở đất Miền nữa. Nhưng nếu CSVN ừ lì không rút quân ra khỏi Miền thì bị các xứ Âu Mỹ và 6 nước Asean tẩy chay, bao vây kinh tế. Mặt khác Sô Việt muốn bộ đội CSVN phải ở lại Miền và CSVN phải nắm 2 xứ Miền Lào, để 3 xứ Đông Dương là bàn đạp cho thế bành trướng của Liên Sô ở Á Châu và Thái Bình Dương. Sự hiếu chiến và ngông cuồng sau khi chiếm miền Nam, xé bỏ hiệp định Paris, coi công pháp quốc tế như không có, xua quân xâm lăng Miền Lào, nay Đám lãnh Đáo đảng CSVN mới thăm thía cái sai lầm chiến lược này. Mặt khác thái độ quay lại hất cẳng Tàu để ôm giày Liên Sô CSVN ngỡ rằng đi nước cờ cao, không ngờ là một sự lầm lẫn tai hại. Cho tới nay tất cả mọi việc đã như vãn đồng thuyền. Chỉ 12 năm sau ngày toàn chiếm hai miền, tập đoàn lãnh Đáo CS đã phá tan hoang đất nước, kéo lui một sóng của người dân về 3, 4 thập kỷ trước, ta đã thấy những bần hàn nghèo đói của dân Việt trên cả 2 miền không giấy bút nào diễn tả hết. Người đã kéo cây, bừa, thay trâu bò máy móc, xe cộ trở lại chạy bằng than, củi. Những đám trẻ nhỏ thiếu ăn xanh xao vàng vọt, giành giụa để ăn dư trong các tiệm ăn của khách. VN bây giờ dưới tay những người mệnh danh danh chính danh cao trí tuệ của loài người, là một thiên bị trường kịch nào nê, thâm đậm đầy nước mắt và hận thù ...

Trở lại vấn đề tập đoàn lãnh Đáo Hà Nội đang vùng vẫy để cứu gỡ nền kinh tế chết chìm, vào ngày 16.11.87 Võ văn Kiệt phó thủ tướng dẫn một phái đoàn qua Nam Dương van nài xứ này giúp đỡ và giới trợ ga gam là CSVN mới ban hành bộ luật đầu tư mới dành ưu tiên cho các tư bản ngoại quốc muốn làm ăn buôn bán với VN. Trong 6 ngày lưu lại thủ đô Jakarta, Kiệt đã chạy đôn, chạy đảo với hai mục đích, trước hết mong tìm sự giúp đỡ kinh tế của Nam Dương, thứ 2 muốn chúng tỏ CSVN thân thiện với Nam Dương hầu gây chia rẽ 6 nước trong khối Asean.

Về vấn đề Kampuchea, ông Hoàng Sihanouk đã đồng ý gặp Hun Sen, thủ tướng chính phủ bù nhìn Nam Vang. Trước đó Sihanouk đã từ chối nhận thư mời gặp của Hun Sen, khi thư mới ký tên kèm chức vụ Thủ tướng. Sau đó Hun Sen phải viết thư khác chỉ đề tên. Theo tạp chí Kinh Tế Viễn Đông số ra cuối tháng 11/87 thì Hun Sen đã gặp Thái tử Sihanouk, Tổng thống của chính phủ 3 thành phần Khmer, ở Paris vào ngày 2.12.87. Trong buổi gặp gỡ này có Ligachev nhân vật đứng hàng thứ 2 trong bộ chính trị của Xô Viết, cũng như một số viên chức cao cấp của Trung Quốc và CSVN. Tất cả với tư cách quan sát viên trong buổi gặp gỡ Sihanouk - Hun Sen.

Mặt khác vào trung tuần tháng 11, nhiều hãng thông tấn và báo chí thế giới loan đi một tin làm xôn xao dư luận khối người Việt tự nạn tại hải ngoại. Tin tức về kháng chiến quân Việt Nam hoạt động ở vùng hạ Lào.

Tạp chí Kinh Tế Viễn Đông số ra ngày 19.11.87 đã dành nguyên một trang với hình chụp một đơn vị kháng chiến quân VN ở vùng Nam Lào. Tạp chí này ghi lại bản tin do đài phát thanh Lào loan đi vào ngày 27.10.87, nói rằng được ghi nhận như sau: Vào cuối tháng 7 và đầu tháng 8/87, gồm 200 kháng chiến quân VN đã tập công vào 2 tỉnh lỵ của Lào. Lần thứ nhất vào tháng 12/86 vào tỉnh Champassak nằm sát biên giới Thái Lan, phía Tây Nam tỉnh Pakse một thị trấn lớn nằm sát sông Mekong ở Nam Lào, và lần thứ 2 vào 12.7.87 một đơn vị kháng chiến quân VN đồng phục, trang bị vũ khí tối tân, từ Thái Lan tiến qua. Với kế hoạch tiến ngang 2 tỉnh Saravane và Sekong của Lào hầu tấn công vào tỉnh Quảng Nam và thị xã Đà Nẵng.

Tất cả các đơn vị này được sự dẫn đường của các người Lào theo đi tự nạn. Tờ báo này viết tiếp, theo đài phát thanh Lào thì nhóm này thuộc 1 tổ chức mang tên "Quê hương chúng ta", nhưng theo những tin tức mà tạp chí F.E.E.R thu lượm được thì những kháng chiến quân này tự nhận là thuộc Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng VN. Bài báo cũng nhắc tới lời tuyên bố của kháng chiến quân thuộc MTCQ TNGPVN là họ được sự ủng hộ tích cực của người Việt ở vùng duyên hải miền Tây Hoa Kỳ và ở Nhật. Mặt khác phóng viên của F.E.E.R ở Vũng Các viết theo bản tin của đài phát thanh Lào, là 104 kháng chiến quân bị giết, 65 bị bắt và 23 chạy thoát trong số bị chết có người lãnh đạo của lực lượng kháng chiến quân, là thiếu tướng Houang Qu Vinh, nhưng theo tạp chí F.E.E.R thì nguồn tin thu được, chính là đề đốc Hoàng Cơ Minh chủ tịch của MTCQIN GPVN, người đã từng chỉ huy 1 đơn vị quân đội VNCH ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cho tới ngày 30.4.75 khi CS chiếm miền Nam. Báo này viết về tướng Minh, là ông đã qua Phi khi Sài Gòn thất thủ sau đó qua Mỹ. Tại Hoa Kỳ ông đã liên hệ được với 1 số sĩ quan bộ quốc phòng Mỹ, mà ông đã quen biết trong thời chiến tranh VN. Cũng theo phóng viên Paisal của F.E.E.R thì sự thúc về cái chết của tướng Minh cũng không được rõ ràng lắm. Theo phóng viên này thì một người từng đã nhiều năm ở gần tướng Minh thì hồi tháng 1/87 còn gặp ông ta. Cũng theo tin phát thanh Lào thì một số người bị giết và bắt mang quốc tịch Mỹ, Úc, nhưng tin của F.E.E.R thì cho rằng vấn đề này không thể kiểm chứng được. Trong khi đó tòa đại sứ Mỹ ở Bangkok thì tuyên bố không hề hay biết gì về nhóm kháng chiến quân VN này cả. Phía Thái Lan cũng đưa ra lời tuyên bố tương tự.

Mặt khác tờ The Sun Herald loan tin do thông tin viên Bill Mellor từ Bangkok gửi về đại ý được tóm gọn như sau "Nhiều người mang quốc tịch Úc đã bị giết và bắt sau 1 cuộc đụng độ đẫm máu giữa đơn vị quân đội chính phủ CS Lào và lực lượng du kích quân. Một lực lượng du kích khác do 200 người chống CSVN họ mang quốc tịch Mỹ, Úc và Pháp. Một số lớn đã bị thương sau khi vượt sông Mekong từ Thái Lan xâm nhập vào đất Lào. Đám du kích quân mang quốc tịch Úc thì mặc đồng phục quân đội Lào và mang thẻ căn cước Lào, họ dự tính vượt qua Lào để tấn công hai cảng Đà Nẵng cách đó 270km, nhưng mới chỉ tiến được 20km, thì bị quân đội Lào do CSVN huấn luyện chặn đánh.

Sau đó tờ báo này ghi tiếp nguồn tin từ đài phát thanh Lào là có 104 người chết, 65 người bị thương, nhưng tin tình báo từ Bangkok, thì chỉ có 80 chết và 48 bị thương. Trong số kháng chiến quân chết có tướng Hoàng Cơ Minh. Trở lại bản tin của tạp chí F.E.E.R thì cho rằng với cuộc tấn công nhỏ này thì không gây lo ngại gì cho chính quyền CSVN. Nhưng sở dĩ tin tức được phía CS loan ra nhằm đánh vào dư luận quốc tế, để CSVN có lý do trì hoãn rút quân khỏi Campuchia.

Trong khi đó phía tổng vụ hải ngoại của MTCQIN GPVN đã đưa ra lời cải chính về các nguồn tin trên và cho rằng tướng Hoàng Cơ Minh vẫn còn sống và đang tiếp tục lãnh đạo lực lượng kháng chiến chống CSVN. Mặt khác tại thủ đô Paris của Pháp vào tháng 12/87 Ủy ban Quốc tế Trần Văn Bả đứng ra tổ chức buổi hội thảo quốc tế về VN tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế. Trong buổi hội thảo này có nhiều nhân vật tên tuổi Việt, Mỹ, Pháp, nhưng người đã từng có ít nhiều liên hệ tới trận chiến Quốc Cộng ở VN trong thời gian qua. Theo ban tổ chức thì đây là lần đầu tiên sau 12 năm chiến tranh VN chấm dứt, có sự qui tụ của nhiều nhân vật tên tuổi bàn thảo trở lại vấn đề VN.

HOA KỲ

* HIỆP CHỮNG QUỐC BỐC CHÁY !

Ngày 7.12.87 cuộc gặp gỡ lịch sử giữa 2 trùm Tư bản và Công sản tại thủ đô Mỹ Washington. Tổng thống Mỹ Reagan và Tổng bí thư Đảng CS Xô Viết Gorbachev sẽ cùng nhau ký kết một hiệp ước tài giám binh bị. Các hòa tiền, phi đàn của Mỹ và Nga ở Tây Âu và Đông Âu lần lượt được tháo gỡ. Sau nhiều năm cù cưa, mặc cả, cuối cùng 2 siêu cường đã đi tới sự đồng ý, ở mặt bề ngoài 2 nước sẽ rút một số hòa tiền tầm trung và ngắn có đầu đạn nguyên tử. Nhưng còn những mua bán, dôi chất ở mặt trong giữa Nga và Mỹ thì chưa rõ, sẽ còn có những gì nữa. Trước đây Xô Viết nhất định kháng kháng chi chấp thuận ký kết hiệp ước tài binh khi Hoa Kỳ hủy bỏ chương trình phòng thủ không gian hay "Star wars" hay chậm lại. Nhưng phía Mỹ nhất định không chịu. Rồi cuộc đi lại giữa ngoại trưởng 2 nước, bản qua tính lại những gì chẳng ai biết, và sau đó phía Mac Tu Khoa chính thức tuyên bố ngày Gorbachev tới Hoa Thịnh Đốn gặp Reagan. Rồi bắt gặp thì trưởng chúng khoán ở New York sụt giá ào ào, đồng dollar Mỹ cũng theo nhịp mất giá theo.



Gorbachev đang bắt tay T.T. Mỹ Reagan trước tòa Bạch Ốc.

Các viên chức chính phủ của Tổng thống Reagan chạy đôn chạy đáo, rồi Tổng thống Reagan lên Thượng viện Mỹ tuyên bố ông và chính phủ của ông không hề có ý định tạo scandal về vụ mất giá ở thị trường chứng khoán. Rồi Reagan gặp các lãnh tụ quốc hội Mỹ bàn thảo kế hoạch giữ giá đồng dollar, phương thức được đề ra là làm sao giảm bớt mục thâm thủng ngân sách quốc gia Mỹ ở 210 tỷ càng nhiều càng tốt. Phương cách đề ra là cắt giảm ngân sách quốc gia Mỹ. Việc cắt giảm ngân sách đầu tiên được đề ý tới là ngân sách quốc phòng. Cắt giảm quốc phòng, là chương trình phòng thủ không gian (Star wars) sẽ phải chậm lại, và đó là sự những bộ của Mỹ trước Liên Xô, để Gorbachev tới Hoa Thịnh Đốn gặp Reagan. Chi còn một năm nữa là chấm dứt 2 nhiệm kỳ nhưng Reagan không muốn lịch sử Mỹ ghi tên là 1 trong những tổng thống Mỹ thất bại trong thế kỷ 20 như những người tiền nhiệm của ông. Lịch sử Mỹ trong 24 năm qua với Kennedy bị bắn chết, khi làm Tổng Thống chưa hết 1 nhiệm kỳ; kế đến L.B. Johnson với gút mắc của trận chiến VN đã tuyên bố không ra tái tranh cử. Rồi đến Nixon đã đầu gối rồi ghé Tổng thống khi nhiệm kỳ 2 chưa hết vì vụ Watergate; sau đó là Ford, rồi Jimmy Carter, một tổng thống đương nhiên ra tái tranh cử mà thất bại nặng nề trước đối thủ. Hình ảnh những người tiền nhiệm thiếu may mắn, chắc luôn ám ảnh Reagan. Nên trước khi rời chức ông cố để lại một chứng tích lịch sử đó là Hiệp Ước ký kết tài giám binh bị với Xô Viết. Báo chí thế giới cũng tiên đoán rằng sau khi các hòa tiền được Mỹ tháo gỡ ở Tây Âu, kế đến là các chủ G.I. cũng sẽ lần lượt rút khỏi Tây Âu trong số 230.000 lính Mỹ hiện có mặt ở lục địa này. (Mới đây tờ Sunday Times ở Luân Đôn loan tin Xô Viết sẽ đề nghị rút 4 sư đoàn thiết kỵ với 60.000 hồng quân ra khỏi Đông Đức và Tiệp Khắc cùng 1200 chiến xa. Được biết Xô Viết hiện có 535.000 quân ở Đông Âu và 15.000 chiến xa). Xô Viết rút quân khỏi Đông Âu, lẽ đương nhiên Hoa Kỳ cũng sẽ có hành động tương tự. Những điều chắc giữa Mỹ và Liên Xô đã làm các xứ Đông Minh của Mỹ ở Tây Âu lo ngại. Tây Đức và Pháp vội vàng ký kết hiệp ước liên minh quân sự. Áo cũng nhanh nhẩu xin gia nhập khối thị trường trước khi xin vào Nato ... và đặc biệt là Thụy Sĩ, một xứ vốn trung lập từ lâu cũng vội vàng xuất 1 số tiền khổng lồ mua 35 xe tăng Leopard 87 của Tây Đức và bắt thanh niên từ 20 tuổi phải đi quân dịch đồng thời một lộ nguyên tử đã chuẩn bị để chế tạo bom ngưng được hoàn thành.

Trong khi đó nội tình Mỹ trong những tháng cuối năm với rất nhiều biến cố, từ

vu từ chức của Tổng trưởng Quốc phòng Caspar Weinberger với lý do về nhà sản sóc vợ bị bệnh. Trong buổi lễ bàn giao giữa Weinberger và người kế vị ông là Frank Carlucci, Weinberger đã đâm lẹ nói những lời cuối trước khi ra đi. Được biết Weinberger là người chủ trương Hoa Kỳ phải nhanh chóng thiết lập hệ thống phòng thủ không gian (Star wars) và ông khuyến răn không nên cắt 1 xu nào của ngân sách quốc phòng.



Tân Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Frank Carlucci

Cổ vấn an ninh quốc gia của Tổng thđ Reagan cũng được thay đổi, trung tướng Colin Powell 50 tuổi người Mỹ gốc Jamaica chỉ huy quân đoàn 5 Mỹ ở Tây-Đức được gọi về thay thế F. Carlucci. Trong khi đó Thẩm phán Anthony Kennedy người thứ 3 được Tổng thống Reagan đề cử vào chức thẩm phán tối cao Pháp viện. Người thứ nhất là Robert Bork bị quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm, người thứ 2 là Douglas Ginsburg bị báo chí phanh phui trước đây nghiên ngập chưa biết Anthony Kennedy có trót lọt không khi quốc hội đã số là do đang đối lập Dân Chủ năm.

Mặt khác Bộ Ngoại Giao Mỹ tuyên bố đồng ý với chính phủ CS Cuba trục xuất 2500 thuyền nhân tỵ nạn Cuba với lý do phạm pháp và mắc bệnh thần kinh tại nhà tù ở Atlanta thủ phủ của tiểu bang Georgia miền Đông Mỹ nơi giam giữ 1392 phạm nhân Cuba cùng 200 người phạm pháp khác. Vào ngày 23.11. sau khi hay tin bị trở về Cuba số người này đã nổi loạn đốt cháy nhà tù bắt 75 nhân viên coi tù làm con tin. Sơ khởi 1 chết, 11 bị thương, lực lượng cảnh sát liên bang đã được huy động tới. (Cho tới lúc chúng tôi viết tin này nổi vụ chưa ngã ngũ). Được biết thái độ cứng rắn của Mỹ về việc trả những người Cuba tỵ nạn chính trị (tướng tự tình trạng tỵ nạn của người VN về nước đã làm cho những người tỵ nạn VN ở các nơi cũng "giao động"). Có phải chăng Mỹ mở đầu chương trình trao hoàn những phần tử bất hảo mang danh tỵ nạn chính trị về xứ họ không? Và sau Mỹ sẽ đến các xứ nào nữa?

Trở lại vấn đề cắt giảm ngân sách để giảm bớt sự thâm thủng ngân sách ngày gia tăng. Vào ha tuần tháng 11/87 phía hành pháp và các lãnh tụ lập pháp Mỹ đã đi tới quyết định cắt 30 tỷ \$US ngân sách của 1988 trong đó quốc phòng chiếm nhiều nhất 5 tỷ \$US và năm 1989 là 46 tỷ \$US (quốc phòng 8 tỷ 2). Dù tuyên bố thất lũng buộc bụng giảm thiểu chi tiêu, những đồng dollar vẫn từ từ xuống giá tiếp vào cuối tháng 11/87 1\$US chỉ còn 1,65 DM, 1,67 DM

của Tây Đức. Nhiều xí nghiệp Mỹ thua lỗ đồng của, sa thải công nhân. Chỉ riêng hãng xe hơi Chrysler đót đầu 2900 công nhân mất việc hẳn, và 10.200 tạm thời nghỉ để chờ quyết định sau. Hãng băng nhạc CBS đã phải bán lại cho giới tài phiệt Nhật với giá 2 tỷ \$US (hãng Sony mua lại). Hãng CBS từng thu tiếng hát của các danh ca Mỹ như Frank Sinatra với Stormy Weather, Michael Jackson với Thriller ...

Cho tới cuối tháng 11, giá cả đồng dollar lên xuống so với đồng Mark của Tây Đức và Yen của Nhật ở mức độ thấp nhất trong nhiều thập kỷ qua. Người ta hy vọng rằng sau khi Mỹ và Sô Việt ký kết xong hiệp ước tài giảm binh bị và quốc hội lưỡng viện Mỹ thông qua đề nghị cắt giảm ngân sách của Tổng thống Reagan chuyển qua, đồng dollar có cơ phục hồi hơi sức lại chút ít so với đồng Mark và Yen.

Hơn 200 năm lập quốc và hơn nửa thế kỷ qua Hoa Kỳ đứng đầu thế giới về kinh tế. Cũng như tự cho mình có vai trò cảnh sát quốc tế, cho tới nay Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ đã dần dần suy yếu về mọi mặt. Chế độ dân chủ thái quá được biểu trưng qua bản hiến pháp được ban hành cách nay 250 năm, nay đã thấy có nhiều kẻ hở, dù đã có nhiều tu chính án ra đời (nguyên thủy Hiến Pháp Mỹ 4440 chữ nay là 7567 chữ). Chính sách ngoại giao tiền hậu bất nhất của Mỹ, làm mất sự tin tưởng của các Đồng Minh. Cho tới nay Mỹ đã mất dần thế ưu việt để cầm đầu khối tư bản. Các trung tâm quyền lực thế giới đã vươn lên ngày một mạnh, Tây Đức và Nhật Bản đã trở thành đối thủ cạnh tranh kinh tế sống còn của Mỹ. Có lẽ những thập niên vàng son của Mỹ dần dần mờ nhạt, và nó được ghi nhận với câu phát biểu của 1 chủ G.I có vợ Đức được tờ Bild ở Tây-Đức ghi lại "Cảm ơn Chúa! nếu vợ tôi không cợ lượng khá, thì chúng tôi không thể nào sống nổi".

NICARAGUA

* TRẬN CHIẾN MUÔN MẶT.

Ở vào năm thứ 8 của lực lượng kháng chiến Contra với sự yểm trợ tích cực của Mỹ, kháng chiến quân Contra trong năm qua đã đẩy mạnh những hoạt động quân sự của họ và tạo những chiến thắng trước lực lượng quân đội của chính phủ Marxít. Nicaragua do Daniel Ortega lãnh đạo. Cho tới nay lực lượng Contra có 12.000 tay súng. Năm qua Mỹ đã viện trợ cho Contra loại phi đạn Redeye nên đã hạ hơn 20 trực thăng của quân đội chính phủ và chiếm cứ một số vùng trên toàn cõi Nicaragua. Cho tới nay lực lượng Contra đang đẩy mạnh các hoạt động vào các tỉnh phía Bắc và tiến tới uy hiếp thủ đô Managua. Tuy nhiên mọi sức mạnh Contra có được còn tùy thuộc vào nguồn viện trợ từ Mỹ. Như chúng ta biết vì quyết tâm yểm trợ cho lực lượng Contra, chính quyền Reagan năm qua đã rung rinh khi nội vụ Mỹ bán vũ khí cho Iran để lấy tiền giúp Contra bị đổ bể. Quốc hội Mỹ mà phe đa số là do đảng đối lập Dân Chủ quyết ngăn cấm không cho chính phủ Reagan yểm trợ cho Contra. Trong khi đó mọi đấng Tổng thống Oscar Arias Sanchez của Costa Rica đã đưa ra kế hoạch hòa bình với sự gặp gỡ 5

tin văn

■ Chính phủ Thái Lan đã quyết định mua thêm 6 phần lục cơ tối tân loại F.16 của Mỹ, sau 1 thời gian dài thương lượng giá cả. Nay giá cả đã ngã ngũ Thái Lan sẽ mua tiếp thêm 6 phi cơ nữa vào 1989.

■ Sau khi 3 người Mỹ bị quân khủng bố bắn chết gần căn cứ không quân Clark ở Phi. Bộ Quốc Phòng Mỹ gọi 1 toán chuyên viên đặc biệt tới Manila với nhiệm vụ phòng khủng bố. Các chuyên viên này bao gồm cả những tay cảnh sát thiện nghệ từng làm việc ở New York.

■ Tổng trưởng Quốc phòng Singapore tuyên bố, một học viện quân sự sẽ được thành lập trong 1 diện tích 40 Hecta ở Singapore theo mô thức West Point của Mỹ để huấn luyện thanh niên có 1 khả năng quân sự và lãnh đạo cho thời gian sắp tới. Người ta không biết kinh phí là bao nhiêu.

■ Nhật Bản dự trữ một ngân khoản trị giá từ 110 triệu \$US tới 150 triệu để viện trợ tái thiết cho 3 xứ Đông Dương. Ngoại trưởng Nam Dương Mochtar tuyên bố 6 nước trong hiệp hội quốc gia Á Châu đồng ý chương trình viện trợ này của Nhật, nhưng khi vấn đề Kampuchea được giải quyết.

■ Tổng thống Seyni Kountche 56 tuổi của xứ Niger Phi Châu đã qua đời ở Paris sau nhiều tháng bệnh hoạn. Mới đây tờ Washington Times ở Mỹ loan tin Kountche đã chết vì bệnh AIDS.

■ Tổ chức hàng không dân sự thế giới mới đây đã đưa ra bản sắp hạng, các hãng hàng không thế giới về an toàn, tiếp đãi lịch sự và thoải mái ... SWISSair của Thụy Sĩ đứng hàng đầu, kế tiếp là Singapore Air Lines, thứ 3 là Lufthansa của Tây Đức. Air Công Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam bị xếp dưới tiêu chuẩn quốc tế an định về luật chuyên chở công cộng. Hành khách "sống chết mặc bay".

■ Svetlana Allilujewa Peters (61 tuổi) ái nữ của bao chúa Stalin mới đây tuyên bố với báo chí, Gorbachev sẽ nhận chịu một bất hạnh như Dubcek của Tiệp Khắc khi thực hiện chính sách cải cách 1969 và bị các phần tử bảo thủ hạ bệ.

■ Chỉ trong 4 năm qua 177.000 đảng viên đảng CS Trung Quốc đã bị khai trừ khỏi đảng vì những tội hồng hách, tham nhũng và thiếu trình độ văn hóa tối thiểu ...

■ Thủ tướng Áo Vranizky mới đây thăm Tây Đức trong cuộc gặp gỡ với Thủ tướng Kohl, Vranizky tuyên bố Áo muốn gia nhập khối thị trường chung Âu Châu. Được biết hồi 3/87 Thổ Nhĩ Kỳ cũng chính thức nộp đơn xin gia nhập khối thị trường chung chưa kết quả.

■ Bức tranh mang tên Irisbluten của Van Gogh nhà danh họa người Hòa Lan về cách nay 98 năm với kích thước 71 x 81cm đã được bán đấu giá với 53 triệu \$US. Đây là họa phẩm đắt tới giá cao nhất từ trước tới nay. Cách nay 8 tháng bức "hướng dương" cũng của Van Gogh đã được 1 thương gia Nhật mua với giá 39 triệu \$

tin văn

tổng thống của 5 xứ Trung Mỹ bao gồm một đề nghị ngưng bắn vào 5.11.87 giữa quân đội chính phủ Nicaragua và phía Contra. Tuy nhiên cho tới nay kế hoạch Hòa Bình của Arias đã thất bại, phía Mỹ vẫn đòi hỏi vấn đề Nicaragua phải được giải quyết trực tiếp giữa chính phủ Marxist Nicaragua và phe Contra. Hai phía phải tiến vào bàn hội nghị để thảo luận những vấn đề của nhau. Trong khi đó phía chính phủ Nicaragua thì từ chối cuộc gặp gỡ với phe Contra.



T.T. Ortega của nước Nicaragua, một chính thể độc tài Mácxít.

Mới đây do lời mời của chủ tịch Hạ viện Mỹ, T.T. Ortega của Nicaragua đã mở cuộc viếng thăm Mỹ. Tuy nhiên chỉ có cuộc thảo luận giữa chủ tịch Hạ viện Mỹ Jim Wright và Ortega, phía hành pháp Mỹ đã không có cuộc gặp gỡ nào. Sau khi cuộc gặp gỡ Wright - Ortega chấm dứt, ngoại trưởng Mỹ Shultz cùng lãnh tụ phía Contra tới gặp Jim Wright. Về phía T.T. Nicaragua Ortega đã gặp Miguel Cardinal Y. Bravo một đại diện hội nhà thờ Nicaragua. Trong cuộc thảo luận với Bravo, Ortega đưa ra 11 điểm trong đề nghị ngưng bắn mà Ortega gọi là kế hoạch ngưng bắn 1 tháng bắt đầu từ 5.12.87 và lực lượng Contra sẽ thực hiện lệnh ngưng bắn 1 trong 3 vùng diện tích 4200 dặm vuông. Mọi sự vấn chuyện chiến cụ phải giới hạn, nhưng các công việc tiếp tế quân trang, lương thực được sự giám sát của 1 tổ chức quốc tế trung lập. Những kháng chiến quân Contra nào buông súng trở về với chính phủ Marxist đều được đón nhận. Về phía chính phủ đã đưa ra lời tuyên bố không hề hay biết gì về kế hoạch gặp gỡ của Wright và Ortega và đang theo dõi những gì sẽ xảy ra tiếp. Mặt khác Ortega tuyên bố với tờ New York Times rằng nếu Tổng thống Mỹ Reagan mời thì Ortega sẵn sàng gặp và có cả sự hiện diện của phía Contra nữa. Sau lời tuyên bố này, đây là lần đầu tiên phía chính phủ Nicaragua chấp nhận một sự đối thoại với phe Contra.

Sau đây chúng tôi xin ghi vài nét về Nicaragua kể từ ngày chính quyền Marxist thân Nga lên nắm quyền vào 1979. Sau khi lật đổ chế độ độc tài của Anastasio Somoza. Như cuộc thăm dò của 1 cơ quan độc lập thì ngay đầu lên nắm quyền chế độ Marxist do Ortega lãnh đạo được từ 80% đến 90% dân chúng ủng hộ nay chỉ còn khoảng 40%. Về kinh tế mức lạm phát 1500% mọi người đã thấy quá mệt mỏi và muốn có một sự thay đổi đó là lời tuyên bố

của 1 thanh niên 20 tuổi. Cuộc sống của dân Nicaragua ngày một đói nghèo, lương thực và nhiên liệu được phân phối theo tiêu chuẩn và số lượng ngày một giảm. Số gạo bán 1 tháng chỉ đủ ăn cho 1 gia đình ít người trong 1 ngày. Mức xuất cảng của Nicaragua từ 636 triệu \$US trong năm 1977 nay chỉ còn 230 triệu \$US. Trong khi mức nhập cảng lên tới 750 triệu \$US vào 1979 Nicaragua thiếu nợ ngoại quốc 1 tỷ \$US nay lên 6 tỷ \$US.

Dân chúng Nicaragua ngày một lầm than đói khổ, trong khi đó súng đạn của Nga Mỹ ngày đêm vẫn đổ vào để chính dân chúng Nicaragua bắn giết nhau. Cho tới nay vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy nền hòa bình của Nicaragua được tái lập vì mọi quyết định không do dân chúng Nicaragua mà do Nga Mỹ.

TÂY ÂU

* MỸ SỞ BẤT TAY, TÂY ÂU LO NGẠI

Năm 1945, thế chiến thứ 2 chấm dứt với cuộc đổ bộ của trên 2 triệu quân Đồng Minh lên Normandy để giải phóng nước Pháp và 2 trái bom nguyên tử nổ trên đất Nhật. Phe Trục gồm Đức Nhật Ý đã đầu hàng vô điều kiện phe Đồng Minh.

Toàn thế giới đã thở phào qua 1 cơn kinh hoàng cùng cực. Nhưng niềm vui của mọi người chưa trọn. Một hình thức chiến tranh mới mang tính cách ý thức hệ giữa phe tư bản do Mỹ lãnh đạo và phe CS do Xô Viết cầm đầu đã nảy sinh. Hai siêu cường Nga Mỹ đã chạy đua tài võ trang, những loại vũ khí giết người cực kỳ tinh vi đã được hai xứ này sản xuất, hầu mong chiếm được thế thượng phong, khi một trận chiến xảy ra.

Trong khi đó tại Âu Châu, bản đồ thế giới đã thay đổi sau khi phe Trục bại trận. Nước Đức bị chia cắt làm 2: Tây Đức do Đồng Minh chiếm đóng, Đông Đức do Nga cai quản.

Để phục hưng kinh tế Âu Châu sau những tàn phá khủng khiếp của chiến tranh, cùng như bảo vệ phần đất này không bị Cộng Sản hóa, Hoa Kỳ đã thực hiện kế hoạch Marshall: nhiều tỷ dollars đã được ném vào các chương trình phục hưng Tây Âu. Chỉ sau 4 thập kỷ Tây Âu ngày nay đã phát triển cực tốc trong lãnh vực kinh tế. Trong khi đó về lãnh vực quân sự Hoa Kỳ vẫn nắm phần chủ chốt bảo vệ an ninh cho Tây Âu. Cho tới nay khả năng kinh tế của Hoa Kỳ ngày một yếu kém, cũng như với sự phát triển kinh tế, dân chúng Tây Âu chỉ lo hưởng thụ, đồng thời nảy sinh khuynh hướng bài Mỹ. Trước những thay đổi này, Mỹ đang có ý định trao trả lại trách nhiệm bảo vệ an ninh ngân lãn sông Đơ cho dân chúng Tây Âu. Mặt khác giới lãnh đạo mới ở miền Cận Linh đang chủ trương một cuộc cải cách kinh tế trong các xứ CS để nâng cao đời sống của dân chúng hầu bắt kịp mức sống của dân chúng Tây phương. Chính quyền Nga đã tỏ ra hòa hoãn với Mỹ để rảnh rang phục hưng kinh tế. Trong khi đó sau mấy thập kỷ Mỹ đứng ra tự đảm nhận vai trò "cảnh sát quốc tế" làm Mỹ ngày một đuối sức. Mức độ thâm thủng ngân sách quốc gia ngày một gia tăng, kinh tế Mỹ đã bị cạnh tranh ráo riết bởi khối Tây Âu và Nhật Bản. Mỹ đành chấp nhận một sự hòa hoãn với Nga. Cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Nga Mỹ

\$US. Được biết lúc còn sinh thời 1 bức tranh của Van Gogh chỉ bán được chừng 80 \$US. Ông đã chết trong nghèo nàn túng quẩn.

■ Hội bảo vệ sức vật ở Mỹ đã phản đối việc Thủy quân lục chiến Mỹ đã dùng những con cá heo để dò thủy lôi do Iran thả xuống vùng biển ở Trung Đông. Mặt khác sau những kết quả do cá heo làm được, mặc dù có 1 số con bị nổ tan thây bởi thủy lôi, Thủy quân lục chiến Mỹ đang huấn luyện cả hải cẩu trong công việc dò kiếm thủy lôi nữa.

■ Bắt đầu 1990 dân chúng Tây Đức sẽ được dùng điện thoại truyền hình giá cao khoảng từ 2000 đến 3000 DM mỗi cái. Được biết Nhật là quốc gia đầu tiên phát minh ra loại máy này trong những năm trước đây.

■ Cho tới nay mỗi năm 160.000 dân Tây Đức chết vì bệnh ung thư. Căn bệnh này đứng đầu về số tử vong, vì cho tới nay ngành y khoa vẫn chưa tìm ra loại thuốc để trị.

■ Trung tâm sản xuất phim ảnh lớn nhất thế giới ở Hollywood Mỹ cho biết năm 1987, số dân Mỹ thường thức nghệ thuật thứ 7 nay gia tăng 8,5% so với năm ngoài tức từ 113,9 triệu người lên 123 triệu 6 người. Phim có số thu cao nhất trong 1 tuần là The Running Man với 5 triệu 76 \$US, đứng hàng thứ 2 là phim Cinderella do cơ xưởng Walt Disney sản xuất là 5 triệu 1 \$US và thứ 3 là phim Flowers in the Attic số thu 5 triệu \$US.

■ Chính phủ Anh vừa lên tiếng phản đối việc Libya gọi 4 tàu chiến viện trợ cho quân đội Cộng Hòa Ải Nhĩ Lan để tổ chức những cuộc tấn công quân đội Anh.

■ Lực lượng phiến Cộng ở Phi đã chính thức xác nhận họ là thủ phạm giết 3 lính Mỹ vào ngày 28.10. ở gần căn cứ không quân Clark.

■ Ông Hoàng lưu vong Norodom Sihanouk của Miên đã gặp Thủ tướng Hun Sen của chính phủ bù nhìn Kampuchea tại 1 tỉnh vùng Paris theo dự tính là vào 2.12.87. Đây được coi như là cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa phe kháng chiến Miên và phía chính quyền do CSVN đặt lên ở Nam Vang kể từ 1979 khi Hà Nội xua quân xâm lăng Kampuchea.

■ Năm nay tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc vấn đề kêu gọi CSVN phải tức khắc rút quân khỏi Miên đã đạt được số phiếu kỷ lục 117/21. Đây là số phiếu cao nhất có được kể từ khi CSVN xâm lăng Miên và vấn đề này được đem ra thảo luận ở Liên Hiệp Quốc. Trước khi bỏ phiếu các xứ Asean đã lo ngại số phiếu sẽ bị mất nhiều vì Sihanouk đã không tới tham dự với lý do từ chức khỏi chính phủ liên minh 3 lực lượng và tuyên bố sẽ gặp phía Heng Samrin để thảo luận.

■ Chính phủ Thái đã lên tiếng phản đối CSVN trong vụ hải quân CSVN tấn công các thuyền đánh cá Thái làm 1 người chết và nhiều người bị thương vào ngày 7.11.87.

vào thường tuần tháng 12/87 để ký kết hiệp ước tài giám binh bị, Hoa Kỳ sẽ rút các hệ thống hỏa tiễn và phi đạn phòng thủ cho Âu Châu về nước. Sự xích lại gần nhau giữa Mỹ-Nga đã làm cho các xứ Tây Âu lo ngại. Tây Đức và Pháp là 2 xứ chịu áp lực nặng nề về quân sự của Nga và khối Đông Âu. Để có thể tự đảm nhận lấy trách nhiệm bảo vệ an ninh cho lãnh thổ, nếu khi có một trận chiến do phía Cộng Sản chủ mưu, hai nhà lãnh đạo Tây Đức và Pháp đã gặp gỡ nhau bàn về một thể liên minh quân sự, kinh tế hỗ trợ hai nước. Mới đây Tổng thống Mitterrand của Pháp đã viếng thăm Tây Đức, cuộc gặp gỡ Mitterrand và Kohl đã diễn ra trong tinh thần cởi mở. Sau 2 ngày gặp gỡ, một tổ chức mới mang tên "hội đồng kinh tế tài chánh Pháp Đức" ra đời. Nhưng một điểm quan trọng khác là Pháp và Đức đồng ý một chương trình cạnh tân hóa quân đội với ngân khoản 3 tỷ \$US. Hai nước sẽ hợp tác sản xuất loại trực thăng PAH 2 chống chiến xa. Đây là 1 ngân khoản quốc phòng lớn nhất của Tây Âu trong 2 thập niên qua. Ngoài ra 1 hội đồng quốc phòng Pháp Đức đã đứng ra thực hiện 1 cuộc thao diễn quân sự tại vùng Nam Đức. Hai chính phủ Pháp-Đức cũng có chương trình sản xuất các loại vũ khí nguyên tử có tầm hoạt động ngắn để như cảnh cáo một sự phiêu lưu của Xô Viết và khối Cộng Đông Âu.

Trong khi phía dân chúng Pháp tán đồng chương trình hùng mạnh hóa lực lượng quân đội thì phía dân chúng Tây Đức lại trái ngược và tin tưởng rằng Nga dưới sự lãnh đạo của Gorbachev sẽ không có chiến tranh xảy ra.

Mối liên minh hỗ trợ giữa Pháp Đức gần đây ngày một thối yếu làm cho giới quan sát chính trị hơi ngạc nhiên vì trong thời gian 117 năm qua 2 dân tộc Pháp-Đức từng 3 lần quân thảo nhau trên chiến trường và dân 2 xứ có nhiều những khác biệt. Nhưng mỗi lo ngại vào 1 ngày không xa, sau khi Mỹ thỏa thuận với Nga rút các hỏa tiễn phi đạn rồi đến số quân đội Mỹ cũng sẽ triệt thoái khỏi Âu Châu, nên ngay từ bây giờ 2 nước phải quên những thù cũ, đoàn kết để chống đỡ kẻ thù nguy hiểm là Xô Viết và khối Đông Âu đó là lý do rõ ràng nhất cho mối quan hệ thân thiện Pháp-Đức mới đây.

HỒNG KÔNG

* ĐÓN CHỜ BẤT ỔN.

Theo như sự ký kết giữa chính phủ Anh và Trung Cộng là vào năm 1997 Anh sẽ phải trao trả Hồng Kông lại cho Trung Cộng. Sau đó xứ này được hưởng một quyền đặc biệt về hành chánh tiếp tục trong 50 năm nữa. Một số quyền tự do vẫn được tồn trong dưới sự trông coi của một cơ quan gồm sự phối hợp giữa Anh và Trung Cộng. Và Hồng Kông đối với chính quốc mang tên vùng Hành Chánh Đặc Biệt Hồng Kông. Tuy nhiên về phía Trung Cộng đòi vẫn đề bảo vệ an ninh của Hồng Kông sẽ do các đơn vị quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc đảm nhận. Nghĩa là Trung Cộng sẽ gởi 1 số quân tới Hồng Kông. Vấn đề này đã làm Anh lo ngại, rồi đây Trung Quốc với lực lượng quân đội mạnh trong tay chắc chắn sẽ gây khó khăn cho chính phủ chuyên tiếp ở Hồng Kông. Mới đây trong cuộc gặp gỡ lần thứ 8 giữa 2 phía Anh và Trung Quốc đã đi tới một thỏa thuận: Ủy

ban hành chánh đặc biệt Hồng Kông chịu trách nhiệm trước chính quyền Bắc Kinh trong công việc điều hành guồng máy hành chánh ở Hồng Kông. Lực lượng quân đội nhân dân Trung Quốc sẽ không xen vào công việc nội bộ của Ủy ban hành chánh. Đặc biệt Hồng Kông. Nhóm hỗn hợp Anh - Trung Quốc trong lần gặp gỡ này, Trung Quốc đã đồng ý cho lực lượng cảnh sát Hồng Kông sẽ thay thế nhiệm vụ của lực lượng quân đội Anh hiện nay ở Hồng Kông là làm các công việc không có tính cách quân sự như kiểm soát các cửa khẩu biên giới. Sau đó từ 1992-1993 lực lượng công an nhân dân Trung Quốc sẽ bắt đầu nắm nhiệm vụ này, tức là trước hạn kỳ 1997. Ngoài ra Nhóm hỗn hợp Anh-Trung Quốc cũng thảo luận vấn đề triệt thoái các quân đội Anh hiện đóng ở Hồng Kông. Hiện nay tại Hồng Kông có 8000 lính Anh, 3000 dân sự và 6000 các nhân viên quân sự mang quốc tịch Anh. Giới chính quyền Bắc Kinh thì cho rằng sự triệt hồi các lính Anh là dấu hiệu chứng tỏ việc thực thi các điều cam kết giữa Anh và Trung Quốc. Mới đây một ủy ban dự thảo luật căn bản cho Hồng Kông đã được bầu ra. Bản văn này sẽ được coi như là 1 bản hiến pháp nhờ để Ủy ban hành chánh đặc biệt Hồng Kông đưa vào đó làm việc.

Trong khi đó về phía dân chúng Hồng Kông, hầu hết các tay có máu mắt đã tìm đường ra đi nước ngoài. Canada, Úc và Mỹ là 3 nơi các tay tài phiệt từ bản Hồng Kông chọn làm đất dung thân. Mặt khác mới đây, do kỳ đại hội 13 của Đảng CS Trung Quốc, Đảng đã rút vào hậu trường, phe bảo thủ vẫn còn mạnh mẽ trong guồng máy đảng và nhà nước Trung Quốc. Nhất là sau khi Li Peng được coi là cầm đầu phe bảo thủ được chọn nắm chức thủ tướng làm dân chúng Hồng Kông thêm lo ngại, Hồng Kông sau năm 1997 sẽ khó có được thoả mái, như điều Trung Quốc đã cam kết với Anh.

TRUNG QUỐC

* QUÂN BÌNH QUYỀN LỰC GIỮA CÁI CÁCH VÀ BẢO THỦ.

38 năm sau ngày Mao Trạch Đông toàn chiếm lục địa Trung Hoa, khai tử chế độ Cộng Hòa của Tưởng Giới Thạch trên lãnh thổ mệnh mông của lục địa Trung Quốc, cũng kể từ ngày đó một chế độ Cộng Sản đã được hình thành và trôi nổi theo thời gian. Lịch sử Trung Hoa dưới tay người Cộng Sản đã ghi đậm nét những bi thương, thống khổ và hãi hùng. Hàng chục triệu người đã nằm xuống để lấy máu nhuộm thắm đầm thêm màu cờ của Đảng CS Trung Quốc. Cho tới nay với dân số đứng đầu thế giới hơn 1000 triệu người, hơn 8 năm qua Trung Quốc đã trở mình, hay nói đúng hơn đảng CS Trung Quốc dưới quyền điều khiển của Đặng Tiểu Bình đã dần dần thay hình đổi dạng. Khi chính những người CS trung kiên với lý thuyết Marx Lenine này nhận ra rằng chủ nghĩa CS chỉ có khả năng đẩy đưa dân chúng và làm Trung Quốc ngày thêm lạc hậu khó thể nào ngóc đầu lên để trở thành một siêu cường đích thực.

Vào thường tuần tháng 11/87 với 1936 đại biểu trong số 46 triệu đảng viên từ khắp nơi trên lãnh thổ Trung Quốc tụ về đại sảnh đường Nhân Dân tại Bắc Kinh để khai mạc đại hội kỷ thứ 13 của Đảng CS Trung Quốc.

tin văn

■ Thêm Đảng đối lập tại Đài Loan ra đời 1.11.87 mang tên Lao Động Đài Loan do Wang Yi Hsiung lãnh đạo. Wang trước đây là đảng viên của Đảng Dân Chủ Nhân Dân cũng là đảng đối lập của T.T. Tưởng Kinh Quốc.

■ Lực lượng kháng chiến chống Khomeini ở Iran đã tuyên bố thắng lớn giết 1700 và gây thương tích hằng trăm lính của Khomeini. Lực lượng kháng chiến này mang tên "People's Holy Warriors".

■ Mới đây nhật báo Le Figaro phát hành ở Paris tung ra tin, không phải chỉ Tổng thống Reagan của Mỹ bán vũ khí cho Iran mà cả Tổng thống Mitterrand của Pháp trong khoảng thời gian 1983-1986 đã bán 500.000 đạn pháo binh cho Iran trị giá trên 120 triệu \$US.

■ Mới đây sau vụ phanh phui Pháp bán vũ khí cho Iran dự luận nghĩ rằng sẽ ảnh hưởng tới cuộc bầu cử Tổng Thống vào mùa Xuân này cho đảng xã hội của Tổng Thống Mitterrand. Nhưng cơ quan thăm dò Sofres vừa đưa ra con số 52% ưu tri cánh hữu bù phiếu cho cả ứng cử viên của phe họ ở vòng đầu. Qua vòng hai Mitterrand sẽ chiến thắng đánh bại ứng cử viên phe hữu là Chirac hoặc Raymond Barre.

■ Tuy là xứ Trung lập nhưng Thụy Sĩ đã chuẩn bị cho chiến tranh 1 lực lượng dân quân chiến đấu 625.000 người. Mặt khác hệ thống hầm hố phòng khi chiến tranh xảy ra đã được chính phủ Thụy Sĩ lo lắng chu đáo cho dân. Mới đây 1 cuộc thực tập cho dân chúng xuống núp ở dưới 1 đường hầm dài 1600m chạy ngầm dưới đáy hồ ở Canton Lucerne. Thường nhật đường hầm này có 32.000 xe hơi chạy qua. Khi chiến tranh bùng nổ nó có thể biến thành bệnh viện với 330 giường và 20.700 chỗ núp an toàn cũng như các bếp nấu ăn, hệ thống nước ngọt v.v... cho 1/3 dân của thành phố. Đặc biệt 4 cánh cửa hầm nặng 35 tấn, có thể chịu được sức công phá 1 megaton chất nổ cách xa 1 dặm không hề hấn gì.

■ Chiếc xe hơi do Ý sản xuất vào 1931 mang tên Bugatti Royale vừa mới được bán đấu giá ở Luân Đôn, chỉ trong 2 phút giá khởi đầu là 3 triệu 6 đã tăng lên 9 triệu 8 \$US. Đây là chiếc xe hơi đắt nhất từ xưa tới nay.

■ Vào 14.11.87 Thủ tướng Giovanni Goria đã tuyên bố từ chức sau 109 ngày nắm quyền. Đây là chính phủ thứ 46 của Ý kể từ thế chiến thứ 2 chấm dứt. Goria đại diện cho đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo đứng ra lập chính phủ cùng với 5 đảng liên minh. Sau hơn 3 tháng nắm quyền cơ sở bất đồng giữa các đảng trong vấn đề cắt giảm ngân sách, chống lạm phát... khiến chính phủ Goria phải ra đi. Cho tới nay đảng Dân Chủ Thiên Chúa Giáo ở Ý là đảng lớn nhất tuy nhiên qua các cuộc bầu cử đảng này đã không chiếm được đa số phiếu tuyệt đối nên phải liên minh với các đảng nhỏ để lập chính phủ. Đảng CS Ý đứng hàng thứ 2 và được coi là đảng CS mạnh nhất ở Tây Âu.



Đặng Tiểu Bình cùng với các đồng chí lợi trong giòng Bohai, năm 1987.

Đặng Tiểu Bình 83 tuổi nhân vật quyền thế nhất Trung Quốc trong những năm vừa qua và cũng là người đã khởi xướng và đặt nền móng cho 1 cuộc cách mạng mới ở Trung Quốc đã ra đi sau khi ông phân thân vai trò của mình tới đây là đủ, cũng như các người kế vị ông chắc chắn sẽ làm theo những gì ông đã vạch ra.

Triều Tử Dương đã được chọn là người kế vị họ Đặng trong vai trò lãnh đạo đảng. Mặt khác một nửa ủy viên bộ chính trị cơ quan đầu não của đảng, cũng như một nửa ủy viên trong ủy ban Trung ương đảng cũng đã từ chức. Giòng máy lãnh đạo đảng CS Trung Quốc đã được trẻ trung hóa và phe cải cách đã thắng thế loại các nhân vật trong phe bảo thủ ra khỏi các chức vụ lãnh đạo. Triều Tử Dương người thân tín của Đặng trong thời gian qua nắm chức Tổng bí thư Đảng và Li Peng thay thế Triệu trong chức vụ thủ tướng, Qiao Shi, Hu Qili và Yao Yilin trong ban bí thư. Qiao Shi được bầu là bí thư thứ nhất thay thế Chen Yun nhân vật bảo thủ. Ban bí thư từ 10 người giảm xuống còn 4 người và trực thuộc Bộ Chính Trị.

Sau khi được bầu vào chức tổng bí thư Đảng, Triều Tử Dương đã mở cuộc họp báo liên sau đó và tuyên bố giữa 2 cánh cấp tiến và bảo thủ sẽ cùng nhau lãnh đạo đảng nhà nước và Triều cũng nhấn mạnh rằng chắc chắn sẽ có những sự kính trọng giữa 2 phe và Triều cho rằng đó là những sai lầm cần khắc phục. Mặt khác Triều cũng tuyên bố sẽ có những cải cách trong đảng, nhưng không có những đảo lộn trong hệ thống điều hành đảng; sẽ có những sự tách biệt giữa phân vụ của đảng và quốc gia. Bộ chính trị giảm từ 20 xuống còn 17 ủy viên, tuổi trung bình là 65 có 5 năm trẻ hơn trong số ủy viên trước kia. Theo giới quan sát thì Triệu Tử Dương và Hu Qili là 2 người mạnh mẽ chủ trương cải cách, trong khi Li Peng và Yao Yilin thì hay còn dè dặt. Duy Qiao Shi, người nắm vị trí tổ chức đảng và an ninh thì chưa rõ thuộc cánh nào. Nhưng 4 tay "trùm" bảo thủ là Chen Yun, Li Peng, Hu Qiao Mu và Đặng Liqun đều ra đi, những người này 10 năm qua từng sát cánh với Đặng Tiểu Bình trong công việc lãnh đạo đảng và nhà nước. Và họ

đều là nạn nhân trong cuộc cách mạng văn hóa của Mao. Tuy nhiên 4 người này chịu trách nhiệm. Hu Qiao Mu, 1 lý thuyết gia của đảng, còn Đặng Liqun đặc trách tuyên truyền.

Đại hội kỳ 13 của đảng CS Trung Quốc đã kết thúc với sự quân bình giữa 2 phe cải cách và bảo thủ trong guồng máy lãnh đạo đảng nhà nước Trung Quốc, tuy phe cải cách có phần trội hơn, nhưng lực lượng của phe bảo thủ vẫn còn mạnh, vì đó chính sách cải cách của Triều Tử Dương và cũng là điều mơ ước của Đặng Tiểu Bình trước khi ra đi sẽ tiến chậm từng bước.

Sau đây là con số các ủy viên trong các ủy ban do đại hội 13 của đảng CS Trung Quốc bầu ra.

Ủy ban trung ương gồm có 175 người chính thức, 110 dự khuyết. Bộ chính trị gồm có 17 người chính thức, 1 dự khuyết. 5 ủy viên thường trực của bộ chính trị gồm: Tổng bí thư, Triều Tử Dương. Bí thư, Hu Qili. 3 phó thủ tướng, Li Peng - Yao Yilin - Qiao Shi. Chủ tịch quân ủy trung ương, Đặng Tiểu Bình. Chủ tịch ủy ban cố vấn, Chen Yun. Chủ tịch ủy ban thanh tra, Qiao Shi.

Sau đại hội, theo 1 số quan sát viên quốc tế, vai trò của Đặng vẫn còn quan trọng ở phía sau hậu trường chính trị của Trung Quốc. Đặng sẽ tiếp tục hỗ trợ cho Triều Tử Dương vì phe bảo thủ vẫn còn đe dọa chương trình cải cách của Đặng vạch ra và thực hiện gần 1 thập niên qua. Trong khi dân chúng Trung Hoa đã số đều mong muốn cải cách cả 2 lãnh vực kinh tế và chính trị. Mỗi đây có quan thăm dò China Social Survey System làm 1 cuộc phỏng vấn dân chúng ở nhiều thành phố dọc Trung Quốc đã có tới 93,8% tin tưởng đã đến lúc Trung Quốc cần sự sửa đổi chính trị ...

PHI LUẬT TÀN

* BẤT ỔN GIA TĂNG

Gần 2 năm nắm quyền với 5 cuộc đảo chánh toan tính lật đổ chế độ. Nữ Tổng Thống Phi Copy Aquino đã cố gắng leo lên con thuyền quốc gia qua những cơn bão táp. Liệu bà có thể đứng cự nổi những phong ba đang đổ tới cho bà và 54 triệu dân Phi không ?

Sau hơn 18 năm nắm quyền chế độ độc tài tham nhũng Marcos đã làm Phi kiệt quệ, mọi tiềm năng quốc gia, đồng thời những bất công thối nát của xã hội đã là môi trường tốt cho lực lượng du kích CS ngày một lớn mạnh. Cho tới nay du kích quân CS đã trở thành mối lo ngại lớn cho sự tồn vong của nền Cộng Hòa Phi. Những áp lực quân sự do du kích quân CS ngày một siết chặt quanh thủ đô Manila, các hệ thống đường xá, cầu cống bị phá hủy. Những vụ khủng bố giữa phe tả và phe hữu xảy ra khắp nơi. Trong khi đó chính phủ của bà Aquino vẫn lập lũng trong thế đi dây giữa phe hữu và phe tả. Ngay từ khi lên nắm quyền với sự ngưỡng mộ của toàn dân Phi, Aquino muốn áp dụng một chế độ lưỡng mềm dẻo với phe phiến Cộng để mong tìm một giải pháp chính trị hầu chấm dứt tran chiến Quốc-Cộng. Nhưng hành động to thiên chí với phe du kích CS như thả một số lãnh tụ CS Phi bị cầm tù cũng như đón phương thực hiện lệnh ngưng bắn hầu mong muốn phía du kích sẽ vào bàn

tin văn

■ Ulla Weigerstorfer 20 tuổi người Áo đã được bầu làm hoa hậu thế giới 87. Nhưng 14 ngày sau 2 tạp chí ở Áo đã tung tin Ulla đã chụp hình khỏa thân trước đây, cảnh sát Áo đã tới nhà khám nếu sự này có thật Ulla sẽ bị mất chức hoa hậu thế giới. Vì nội quy cho các ứng cử viên là chưa từng "lãng xê" thân thể không quần áo. Khi khám nhà cảnh sát chỉ kiếm được 1 số hình Ulla mặc Bikini 2 mảnh. Hai tạp chí trên loan tin dựa vào lời tố cáo của 1 bạn gái cùng trường với Ulla.

■ Tại xứ CS Ethiopien ở vùng Đông Bắc Phi Châu trong miền Bắc xứ này hiện có 5 triệu 2 dân đang trong tình trạng chết đói khủng khiếp.

■ Báo lốc và sóng thần đã kéo trôi 90% nhà cửa tại đảo chính của tỉnh Luzon, Phi Luật Tân làm 209 người chết và rất nhiều người mất tích.

■ Cứ 10% dân Mỹ chết vì bệnh AIDS đã làm giãy khai tư giả để tránh tiếng. Một số bác sĩ kiểm án khả trong dịch vụ này.

■ Năm nay ở Tây Đức có 351 người chán đời, dùng thuốc quyền sinh, con số đã nhiều hơn năm ngoái là 3 người. Đa số vì tình.

■ Chỉ trong 9 tháng trong khối thị trường chung Âu Châu có 7762 người mắc bệnh AIDS. Năm nay 1 ngân quỹ 29 triệu \$US của EG sẽ dành cho vấn đề chống AIDS.

■ Tín đồ Hồi Giáo ngày một gia tăng mạnh mẽ khắp trên thế giới từ Morocco Bắc Phi tới xứ Nam Dương ở Đông Nam Á Châu. Cho tới nay trên toàn thế giới có 800 triệu tín đồ Hồi Giáo. Đây là tôn giáo có số gia tăng tín đồ nhanh nhất trong thế kỷ này. Nước có tín đồ lớn nhất là Nam Dương 152 triệu. Tại Sô Viết 50% trẻ em sinh ra cha mẹ theo Hồi Giáo.

■ Trong năm nay tính tới tháng 11 có 70.000 dân chúng Đông Âu từ bỏ thiên đảng xã hội chủ nghĩa chạy qua Tây Đức lánh nạn. Trong đó có 15.000 từ Sô Viết, 16.000 từ Ba Lan, số còn lại là các xứ Đông Âu khác.

■ Steffi Graf 18 tuổi nữ cầu thủ quần vợt lừng danh của Tây Đức đã trở thành vô địch nữ của thế giới của bộ môn này. Ngôi vị này đã được Martina Navratilova người Mỹ gốc Tiệp Khắc giữ trong 8 năm qua.

■ Nam danh ca da đen lừng danh thế giới Michael Jackson, 29 tuổi, của Mỹ đã chính thức tuyên bố lấy vợ vào tháng 12/87 này, vợ là ca sĩ Siedah Garrett, 24t. Cha mẹ Jackson nói rằng: Jackson có vợ sẽ không còn trở đồng tình luyến ái nữa.

■ 5 nhóc con người Pháp trong số 10 em đã bị chết vì cánh cửa tự động của 1 garage ập xuống, làm các em vỡ sọ, vỡ ngực nhanh chóng.

hội nghị. Mặt khác bà Aquino cũng cố gắng cải tiến xã hội, giải quyết nạn thất nghiệp, ban hành chương trình người cây có ruộng, cũng thực hiện những cuộc trưng cầu dân ý 1 bản tấn hiến pháp cho Phi. Nhưng tình hình chính trị tại Phi cũng không sáng sủa thêm mà ngày thêm u tối. Sự nhượng bộ phe CS đã làm phe khuynh hướng bất mãn, cũng như sự nhẹ lòng tin tưởng người CS có thiện chí hòa bình. Bà Aquino đã quên rằng chỉ nói chuyện với CS bằng súng đạn mới có kết quả, còn mọi cuộc thương thảo khi chính phủ của bà chưa thực sự mạnh thì chỉ tạo cơ hội tuyên truyền cho lực lượng-CS mà thôi. Trong khi đó bà đã mất đi sự ủng hộ mạnh mẽ của phe hữu, nhưng người đã giúp bà lên nắm quyền. Mặt khác 2 căn cứ Mỹ Clark và Subic bay ở Phi đã gây những khó khăn về chính trị cho bà không ít. Đám du kích CS đã quấy động tinh thần quốc gia của dân Phi rằng chính phủ Aquino là tay sai của đế quốc Mỹ. Như mới đây cựu tổng trưởng quốc phòng Juan Ponce Enrile bây giờ là nghị sĩ đối lập đã lập lại lời nói của phía du kích quân CS "chúng tôi chỉ chiến đấu chống đế quốc Mỹ, tại sao chính phủ Phi lại bắt chúng tôi". Mọi dây vắn đề căn cứ Mỹ hiện diện ở Phi lại thêm rắc rối khi chỉ trong 30 phút 2 lính Mỹ tại chức và 1 giải ngũ đã bị du kích quân CS bắn chết gần căn cứ không quân Clark, và 1 người Phi tới cứu 3 người Mỹ này cũng bị bắn chết. Hai lính Mỹ cấp bậc trung sĩ, 1 binh nhất, đã bị bắn chết khi ra ngoài mua sắm. Cũng cùng thời gian đó một đại úy không quân Mỹ đã thoát chết khi ông ta đang lái xe thì du kích CS nã súng vào xe ông, nhưng may mắn ông ta đã chạy kịp. Được biết có 9600 lính Mỹ ở căn cứ Clark và 16.400 dân mang quốc tịch Mỹ làm việc liên quan

thủ đô Manila đã có 50 vụ ám sát của đặc công CS nhắm vào các sĩ quan, viên chức chính phủ Phi. Vụ tấn công lính Mỹ xảy ra ngay sau khi phó ngoại trưởng Mỹ Michael Armacost viếng thăm Phi và tuyên bố viện trợ cho chính phủ Aquino 75 triệu \$US. Mọi dây quân đội chính phủ đã bắt được 1 lãnh tụ CS đứng hàng thứ 2 trong đảng CS Phi ở 100km Bắc Manila.

Trong khi đó vào các ngày 14,15,16 tháng 12/87 cuộc hội nghị của 6 nước trong khối Asean tại Manila phía du kích CS đã nỗ lực gây tiếng vang, tấn công các cơ sở của chính phủ ngay tại thủ đô Manila, cũng như tấn công vào phía người Mỹ. Nhiều cuộc truy lùng phiến công ngay trên đường phố và những khu ngoại ô Manila đã diễn ra. Mọi dây cơ quan tối cao pháp viện Phi nói chỉ từ tháng 3/87 tới tháng 11/87 có trên 2000 người bị bắt giết và đưa ra tòa vì liên quan tới các vụ khủng bố, phá hoại.

Tình hình chính trị quân sự Phi ngày thêm đen tối, trong khi chính sách của Mỹ lập lũng và đang có chiều hướng cuốn gói ra đi khỏi Phi, đây Nhật-Trung Quốc và khối Asean đàm nhận công việc ngăn ngừa sự bành trướng của Xô Viết ở Nam Á và Thái Bình Dương ...

LỖ MA NI

* 20.000 DÂN CHÚNG BIỂU TÌNH CHỐNG CHÍNH PHỦ. ĐÒI GIẾT TỔNG BÍ THƯ ĐẢNG CS LỖ.

Đầu năm rồi Nicolae Ceausescu tổng bí thư đảng CS Lô Ma Ni đã tuyên bố "Ông Gorbachev đang tuyên truyền chống chủ nghĩa Cộng Sản". Mặc dù to về chống đối chính sách cải cách và nói lòng của Tổng bí thư đảng CS Liên Xô, nhưng Ceausescu bắt buộc phải tuân hành những mệnh lệnh từ điện Cẩm Linh. Đó là nhiệm vụ của tất cả các đảng CS chủ hầu của Liên Xô, nếu các chính phủ này không muốn bị lật đổ. Trong chiều hướng áp dụng chính sách cải cách kinh tế, các chính quyền Đông Âu phải thực thi việc quân bình giữa cung và cầu cũng như ấn định lại giá cả đích thực của các sản phẩm. Vì từ lâu các chính quyền CS đã bao thầu tất cả cung cầu ấn định giá cả thị trường. Nhưng các hàng hóa thường có giá rẻ hơn giá thành nên chính phủ phải bù đắp vào các khoản tiền lỗ đó. Nay trong chính sách nói lòng, dân chúng được một vài quyền tự do buôn bán, nông dân cũng được đem một số nông phẩm do họ làm ra, bán tại thị trường với giá không do nhà nước ấn định.

Giá cả tự do đã tăng vọt trên thị trường tự do; giới dân thành phố và công nhân bị ảnh hưởng trực tiếp nặng nề. Đó là nguyên nhân đưa tới vụ đình công chống đối của dân chúng Lô mỗi đây. Theo báo chí Tây Phương ghi lại, qua lối thuật của các du khách ngoại quốc và những dân Lô mỗi từ bỏ thiên đường CS qua các xứ Tây Âu kể lại là vào ngày 15.11.87 tại thành phố Brasov (350.000 dân) có khoảng 20.000 công nhân trong các hãng xưởng của thành phố đã tuần hành hô những khẩu hiệu: "Chúng tôi cần bánh mì-Đã đảo Ceausescu - giết Ceausescu". Đoàn biểu tình đã diễn hành trên nhiều đường phố trước khi tiến vào trụ sở trung ương của Đảng CS ở thành phố. Cảnh sát đã được gọi tới, cuộc xô xát đã xảy ra và 1 cảnh sát bị giết. Nhiều chiến sĩ đã được gọi

tin văn

■ Viện nghiên cứu Max Plank vừa cho biết, khi chúng ta đặt giường ngủ theo hướng Đông Tây, thì giấc mơ sẽ đến nhanh 7% hơn, khi ta đặt theo hướng Bắc Nam.

■ Quân đội Ấn đóng ở Tích Lan thực hiện cuộc ngưng bắn 48 giờ để du kích quân Tamil buông súng qui hàng. Trong khi đó chính lính Ấn được du kích quân phóng thích ở miền Bắc Tích Lan.

■ Phó ngoại trưởng Lào mở cuộc viếng thăm Trung Quốc trong nhiều ngày. Đây là một giới chức cao nhất của Lào thăm Trung Cộng kể từ 1978 có mối liên hệ Lào-Trung Cộng. Năm ngoái phó ngoại trưởng Trung Cộng đã thăm Lào, nhưng mối giao hảo bị bế tắc vì Lào chịu lệ thuộc mạnh mẽ CSVN.

■ Chính phủ Mỹ viện trợ nhân đạo cho 2 phe kháng chiến Miền 5 triệu \$US cho tài khóa 1988. Năm 1986, 1987 chỉ có 3 triệu 5 \$US. Số tiền viện trợ được tính bằng thực phẩm, thuốc men, các dịch vụ huấn luyện, giáo dục v.v... Hiện nay hai phe Sihanouk và Son Sann kiểm soát 250.000 dân trong các trại tỵ nạn ở Thái.

■ Sau 14 năm săn lùng, cảnh sát Nhật đã bắt được thủ lĩnh của nhóm khủng bố quân đội đỏ (RED ARMY).

■ Bắc Hàn đã nổ súng tại trạm kiểm soát Bàn Môn Điếm nơi chia cắt xứ Đại Hàn làm 1 lãnh Nam Hàn bị thường.

■ Nobel Hòa Bình năm nay được trao cho T.T. Arias Sanchez của xứ Costa Rica (Trung Mỹ); về Văn Chương nhà thơ người Nga gốc Do Thái Joseph Brodsky hiện sống ở Mỹ; Kinh Tế về tay R.M.Solow người Mỹ; Y Khoa về Tonegawa (Nhật); Hóa Học về tay 3 người D.J.Cram (Mỹ), Pedersen (Na Uy) và Lehn (Pháp); về Vật Lý trao cho 2 người G.Bednorz (Tây Đức) và K.A.Müller (Thụy Sĩ).

tới, cuộc đàn áp dân chúng đậm máu đã diễn ra. Hàng ngàn công an chìm đã được tung ra khắp nơi. Cuộc khủng bố, bắt bớ bắt đầu mạnh tay.

N. Ceausescu nắm quyền cách nay 22 năm, chế độ CS ở Lô có một nét đặc biệt tương tự như một chế độ quân chủ phong kiến, kiểu cha truyền con nối. Về của Ceausescu là một trong những nhân vật quan trọng của đảng, kiêm phó thủ tướng và chủ tịch hội đồng khoa học kỹ thuật quốc gia. Con trai nắm chủ tịch đoàn thanh niên, và quyền hành cao hơn bí thư thứ nhất của đảng và được chuẩn bị để nắm quyền thay thế cha. Trong những năm trước đây Lô là nước duy nhất ở Đông Âu lại có thái độ thân Trung Quốc khi cuộc xung đột giữa 2 nước CS dân an xảy ra. Và 1968 Ceausescu đã công khai phản đối Xô Viết đã xua quân tràn vào Tiệp Khắc.



Sau khi nắm chính quyền kể từ tháng 2.1986, Nữ T.T. Phi Copy Aquino đã đứng vững qua 5 cuộc đảo chánh chống Bà.

tới vấn đề hành chánh, phòng thủ; 2/3 số người này thì sống ngoài căn cứ.

Sau vụ khủng bố này, phía lính Mỹ đã được lệnh cảnh giác, các trạm kiểm soát được thành lập thêm, một uỷ ban an ninh hỗn hợp Mỹ Phi ra đời. Như chúng ta biết trong thời gian gần đây chỉ trong vùng

Từ 1948 đảng CS lên nắm quyền ở Lô-bi-ên-xu-nây thành 1 trong những xứ nghèo đói nhất Âu Châu. Được biết trước thế chiến thứ 2, Lô là 1 xứ sản xuất dầu có hạng ở Âu Châu, và còn được coi là giỏ bánh mì của Âu Châu. Nhưng kể từ ngày đảng CS lên nắm quyền 23 triệu dân Lô sống trong nghèo nàn thối nát. Tháng 11/87 mới đây chính quyền ban hành chính sách tiết giảm năng lượng cắt bớt 30% số xăng dầu dân chúng được mua. Mỗi gia đình 1 tháng chỉ được xài 35 Kwatt điện. Các thành phố đèn điện bị cắt bỏ, khi màn đêm đổ xuống; nên các thị trấn là 1 bóng tối hải hùng. Tại thủ đô Bucharest các xe Bus chỉ chạy vài giờ buổi sáng và chiều. Nước cũng giới hạn chảy ít giờ trong 1 ngày. Chương trình TV kéo dài 2 giờ trong một ngày mà thôi.

Cho tới nay theo giới quan sát chính trị thế giới về Đông Âu đều đưa ra nhận xét, giá phải trả át cao cho các xứ CS khi họ muốn cải cách kinh tế và nâng mức sống của dân chúng. Những xác trôn sẽ còn tiếp tục xảy ra khi sự cùng cực của dân chúng Đông Âu đã tới mức độ họ không thể chịu đựng được nhiều hơn nữa.



Chữ ký lịch sử: Gorbatschev và Reagan đang ký tên vào thỏa ước tháo gỡ một số các phi đạn hóa tiến của 2 cường quốc. Sau khi ký tên, hai vị đã trao đổi cây bút để lưu niệm. Vỏ kịch đã mở màn, tình tiết là vấn đề khác.

SỞ VIẾT

* TRỪ ĐỒ GORBATCHEV QUA MỸ.

* PHÁ TAN THẾ ĐỒNG MINH MỸ - TÂY ÂU.

Vào 4g1030 chiều 7.12.1987 tổng bí thư đảng CS Sở Viết Gorbatschev và vợ Raisa đã lần đầu tiên đặt chân xuống nước Mỹ. Trong 4 ngày lưu lại Mỹ có 5 cuộc gặp gỡ riêng với Tổng thống Mỹ Reagan, 1 cuộc gặp gỡ các lãnh tụ quốc hội lưỡng viện cùng 1 cuộc thảo luận với phó tổng thống George Bush. Khác với 13 tháng trước cuộc gặp gỡ ở thường đình ở Reykjavik (Băng Đảo), nhiều vấn đề bất đồng giữa Nga Mỹ. Nhưng lần này các khác biệt giữa Nga Mỹ đã được 2 ngoại trưởng Shultz của Mỹ và Shevardnadze của Nga giải quyết ở Genève nhiều tuần qua. Và vấn đề 2 bên đồng ý tháo gỡ các hoà tiến phi đạn tầm trung từ 300 dặm tới 3400 dặm Gorbatschev và Reagan gặp gỡ nhau chỉ mang hình thức ký nhận những việc mà 2 ngoại trưởng của họ đã làm. Nhưng một vài quan sát viên cho rằng có thể 2 lãnh tụ Nga Mỹ sẽ thảo luận về vấn đề tài giám các vũ khí chiến lược, cắt nửa số hoà tiến phi đạn tầm xa của cả 2 nước. Vấn đề này đã gặp khó khăn về phía Sở Viết ở hội nghị Băng Đảo, khi Gorbatschev nhất định đòi Mỹ phải chấm dứt chương trình Star wars. Và cho tới nay với sự cắt giảm ngân sách quốc phòng của Mỹ có lẽ Reagan muốn thỏa đáp đề nghị của phía Sở Viết là ngưng hoặc làm chậm lại chương trình Star wars. Đề 2 bên Nga Mỹ tiếp tục nói chuyện cho vấn đề hủy bỏ các hoà tiến tầm xa. Theo số quan sát viên thì vào năm tới Reagan sẽ qua Nga và sẽ ký kết với Gorbatschev hiệp ước (START) cắt giảm 1/2 số hoà tiến tầm xa giữa 2 nước.

Trong tuần lễ trước ngày sang Mỹ gặp Reagan, vấn đề A Phú Hãn đã có những thay đổi. Sau khi kháng chiến quân A Phú Hãn tiến vào vùng ngoại ô bao vây thủ đô Kabul của chính phủ bù nhìn thân Nga ở đây. Mới đây chính phủ Kabul đã tuyên bố ban hành tân hiến pháp, Hội Giáo được coi là quốc giáo cho dân chúng A Phú Hãn.

Các đảng đối lập được cử người ra tham dự chính quyền. Với thay đổi này, báo chí thế giới tiên đoán rằng có thể Gorbatschev sẽ tuyên bố rút 1 số trong 115.000 quân hiện đóng ở A Phú Hãn. Và mới đây 1 nhật báo ở Anh quốc loan tin, trong cuộc gặp gỡ Reagan - Gorbatschev này, phía Sở Viết sẽ đề nghị rút bớt 1 số quân mà 2 xứ Nga Mỹ đang đóng ở Đông và Tây Âu. Cho tới nay nhiều dấu hiệu cho thấy Mỹ và Nga đã có những trở mua bán đối chác trên đầu trên cổ các xứ Đông Minh của họ. Sự tháo gỡ các hoà tiến tầm ngắn, rồi tầm xa và kế đó là rút quân Mỹ khỏi Tây Âu, đã được các lãnh tụ Tây Âu tiên đoán nên mới đây đã có hội nghị để thành lập 1 liên minh quân sự gồm Anh, Pháp, Tây Đức, Ý, Bỉ, Hòa Lan và Lục Xâm Bảo. Đây được coi là liên minh quân sự quan trọng nhất từ trước tới nay ở Âu Châu trong thời gian gần đây. Mất khác sự lo sợ của Tây Đức và Pháp đã khiến 2 nước này ký kết 1 hiệp ước quân sự riêng.

Cho tới nay sau khi Gorbatschev đặt chân tới đất Mỹ, sau 2 năm nắm quyền ở Nga, Gorbatschev đã làm tan vỡ tình đồng minh giữa Mỹ và các xứ Tây Âu. Người ta chưa tiên đoán được những gì Reagan và Gorbatschev sẽ đối chác nhau, trong 5 lần gặp gỡ riêng và kín chỉ có 2 người làm biên bản và 2 thông dịch viên hiện diện.

Tình hình thế giới sẽ chắc chắn còn nhiều biến đổi vào những năm tháng tới, khi cả 2 siêu cường Nga Mỹ cùng lo sợ một đối thủ chung đó là lực lượng Hội Giáo đang trên đà phát triển và đầy hiệu ứng luôn luôn coi cả tư bản và Cộng Sản đều là kẻ thù bất cộng đày thiên.

tháng 12.1987

hạ long

Tạp ghi

nỗi buồn viễn xứ
ai buồn hơn ai...



- * Với "NỖI BUỒN VIỄN XỨ...", HẠ LONG, tức VŨ NGỌC LONG, nghĩ thật, thấy thật, nói thật và viết thật.
- * Vì viết thật, nên sẽ "mất lòng trước, được lòng sau"!
- * Đọc "NỖI BUỒN VIỄN XỨ...", để cảm thông được nỗi buồn của HẠ LONG. Biết đâu nỗi buồn ấy cũng chính là của mình!

Mua sách xin liên lạc qua Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội, địa chỉ Chùa VIỄN GIÁC hay qua địa chỉ của tác giả: VŨ NGỌC LONG, Riedstr.10, 7414 Lichtenstein, West Germany.



TIN PHẬT SỰ THẾ - GIỚI

THÁI LAN

Trong thời gian qua Hòa Thượng Thích Phước Huệ Viện chủ Viện Hoàng Đạo GHFGVNIN tại Úc Châu, Đại Đức Thích Quảng Ba, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên, Úc Châu, Đại Đức Thích Phước Bôn Viện chủ chùa Phước Huệ tại Hoa Kỳ đã đến thăm viếng và cử trợ đồng bào tỵ nạn trong các trại tại Thái Lan, qua sự giúp đỡ hướng dẫn của Cô Tu Nữ Tử Ngọc và Thượng Tọa Kittivuttho, Viện Trưởng Viện Đại Học Phật Giáo Thái Lan; nên Hòa Thượng và quý Đại Đức đã vào thăm, ủy lạo trại Site II Dongrek (biên giới Thái-Miên) trại Phanat Nikhom Processing Center và 5 phòng tù tại Bộ Di Trú Bangkok. Sau đây là bản tường thuật chuyện cử trợ vừa qua của Cô Tu Nữ Tử Ngọc hiện ở Thái Lan.

Được sự ủy nhiệm của chư tôn HT TT, ĐĐ, và quý Tổng Hội Sinh Viên, và được sự tận tình giúp đỡ rất nhiều qua uy tín, phương tiện và nhất là nhân sự rất phong phú của Thượng Tọa Kittivuttho, Viện Trưởng, Đại Đức Vuttiya Tổng Thư ký Viện Cao Đẳng Phật Học Djittabhawan tại Pattaya thuộc tỉnh Chonburi chúng tôi đã tổ chức hoàn mãn cuộc cử trợ và ủy lạo cho đồng bào tỵ nạn Việt Miên lần thứ 3 tại trại Site II Dongrek (11.11.87), trại Phanat Nikhom (11.11.87) và 5 phòng tù tại Bộ Di Trú trong Bangkok (22.11.87). Sau đây là lược thuật :

A.- Tài, vật nhân được :

- 1) HT.Thích Phước Huệ 35.560 bath
- 2) TT.Thích Phước Bôn 35.000 bath
- 3) ĐĐ.Thích Quảng Ba 3.580 bath
- 4) Tổng Hội SV/Mel - 45.032 bath bourne
- 5) Chùa Paknam Ek. 16 thùng y, bát, khăn, chiếu, gối.
- 6) Phật Tử Thái Việt tại Ek. 15

TIN TỨC

thùng quần áo cũ.

- 7) Cô Lan, Pattaya tiền xăng dầu đi trại biên giới (5.000 bath)
- 8) Sư Cô Thích Nữ Trung Chính 1thẻ Fromage.
- 9) Hắc Lê Thanh Đam Australia một ít sách báo.

B.- Phương tiện đã nhờ được miễn phí của Viện Trưởng Djittabhawan :

- 1) 1 chiếc xe Minibus từ ngày 8-11/11/87.
- 2) 1 chiếc xe vận tải lớn (loại 20 tấn ngày 10.11.87 đi biên giới)
- 3) 1 chiếc xe Pick Up từ ngày 10-11/11/87.

- Kho chứa đồ, phòng ở cho phái đoàn và rất nhiều công sức lao động, vô bị, di chuyển, đưa đón của rất nhiều tăng sinh, ni sinh, nhân viên tài xế thuộc Viện Djittabhawan.

- Và qua sự uy tín và sự can thiệp của Thượng Tọa Kittivuttho đã có cấp thẩm quyền Thái cho xe cảnh sát công lộ (Highway police) đưa đường và bảo vệ an ninh cho đoàn xe của phái đoàn trên quãng đường từ Pattaya đi Site II Dongrek và về (hơn 700 km) trong suốt 18 tiếng đồng hồ (6 am - 12 pm) ngày 11.11.87.

C.- Phái đoàn ủy lạo :

- 1) Hòa Thượng Thích Phước Huệ (Sydney-Australia).
- 2) Thượng Tọa Kittivuttho (Pattaya, Thailand).
- 3) Thợ Tọa Thích Phước Bôn (Los Angeles, USA)
- 4) Đại Đức Thích Quảng Ba (Canberra-Australia).
- 5) Đại Đức Vuttiyano (Pattaya-Thailand).
- 6) Tu Nữ Tử Ngọc (Metta Hoàng thi Hạnh) Bangkok.
- 7) Cô Diệu Nhân (Los Angeles, USA).
- 8) Cô Tâm (Bangkok, Thailand).
- 9) Phật Tử, tài xế, nhiếp ảnh viên, nhân viên của viện Djittabhawan.

D.- Tài vật, phẩm vật đã ủy lạo :

a) Trại biên giới Site II Dongrek (đường bộ). Có khoảng 4500 đồng bào VN, và 160.000 người Kampuchea, bị coi là phạm nhân xâm nhập biên giới không nằm trong quy chế tỵ nạn của UNHCR rất thiếu thốn và không đủ an ninh.

| | | |
|--|------------------------|----------|
| - Gạo | 4.000 kg | 28.000 B |
| - Muối | 3.000 kg | 2.400 B |
| - Nước mắm | 800 ch. | 3.600 B |
| - Dép | 800 đôi | 9.600 B |
| - Mền | 800 cái | 32.000 B |
| - Áo Tshirt | 800 cái | 16.000 B |
| - Sách báo | 1 túi nhỏ Hắc L.Th.Đam | |
| - Fromage | 1 thẻ Sư Cô Trg. Chính | |
| - 3 thùng Phật, 3 bộ lư đèn chuông mõ, vải ... | | 6.580 B |

Chuông mõ 2 bộ Thầy Phước Bôn mua dâng không tính tiền cho (3 chùa VN 16 vị Sư VN và Việt gốc Miên, 3 chùa Miên có khoảng 700 vị Sư Miên).

- Quần áo cũ 12 thùng (Phật Tử Thái)
- Các chi phí bên lề
- Tem gói thư giúp cho đồng bào trong trại khi về ... 1.000 B
- Chuyên chở áo quần cũ xin tại Bangkok ... 500 B



Quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Việt Thái cùng Phật tử chụp hình lưu niệm nhân chuyến ủy lạo đồng bào tỵ nạn Việt Miên lần thứ 3 tại Thái Lan.

(Ảnh của Tu Nữ Tử NGỌC)

- Bao bì đựng muối 400 B
- Xăng dầu cho 3 chiếc xe 5.000 B (8.11.87)

Ứng hộ đón kiểm soát quân sự Thái đã tiếp đón, đãi cơm trưa phái đoàn và vị trưởng đồn đã lái xe đưa 4 xe của phái đoàn và cảnh sát vào tận biên giới trại Site II... 1.500 B

Cơm nước và ứng hộ tài xế và nhân viên ... 1.300 B

Riêng các món quà chính gạo, muối, nước mắm, dép, mền, áo T-Shirt quần áo cũ, chiếu gối v.v... theo sự đề nghị của chủ tặng và ông chỉ huy trưởng trại Site II là Thiếu tá Phoc Peng Chan chúng tôi đã chia theo tỷ lệ 37% cho trại Miên (160.000) và 63% cho trại Việt (4.000).

b) Trại chuyển tiếp và tỵ nạn Phanrat Nikhom trại này chỉ cách Pattaya (Viện Djittabhawan) chưa tới 50 km. Vì lệnh cấm nghiêm ngặt của Bộ Nội Vụ nên không thể đem quà tặng bằng phẩm vật tới nhiều. Tuy nhiên phái đoàn đã đến và xin gặp được 1 số đại diện cho chùa Phật Giáo và cho đồng bào trong trại.

- tặng phẩm đã mua 3.223 B
- tiền gửi vào trại 2.200 B
- thuốc men 1.000 B

c) Cúng dường và ứng hộ cho Viện Djittabhawan 10.605 B

Ngày 22.11.87 :

Chúng tôi đã đưa Thượng Tọa Thích Phước Đôn, Đại Đức Thích Quang Ba đi thăm 5 phòng tù tại Bộ Di Trú trong Bangkok. Trong 5 phòng tù có tất cả 573 người có đủ mọi thứ da có nhiều nước có gần 50 người Việt cả nam nữ và trẻ con đặc biệt có 2 tu nữ 1 Lào 1 Miên, sự sống ở đây quá chật hẹp, thiếu không khí, chúng tôi đã bị ngạt xỉu khi ra khỏi tù, thấy kiếp sống của loài người quá ư đau khổ.

Số tiền còn lại tại 2 trại tỵ nạn chúng tôi đã mua thuốc, sửa, khăn lông, Mi lo, mũ gói, bánh mì, xà phòng, bì thư Air Mail, viết, bánh qui, dèm ăn bánh mì, bạng vệ sinh cho đàn bà v.v... tiền của quý thiếu chúng tôi hùn góp thêm cho đủ.

Để có thể tiếp tục cứu giúp nỗi khổ đau của đồng bào ruột thịt, chúng tôi mong được sự ứng hộ của quý vị để được viếng thăm và ứng hộ cho trại Dongrek Site II năm tới.

Xin liên lạc với chúng tôi với tất cả chi tiết :

Sister Metta Hoàng thị Hạnh
Wat Paknam Bhasicheroen
Khana Analai 1 Room 305
Bangkok 6 10160 THAILAND

Or VAN HANH Buddhist temple
C/o Ven. Thích Quang Ba
GPO Box 1593
ACT 2601 AUSTRALIA

Chân thành cảm tạ toàn thể quý vị ... vạn sự cát tường như ý xin hằng phát sanh đến quý vị.

**TIN PHẬT SỰ
tại TÂY ĐỨC**

■ Từ 23 đến 25 tháng 10 năm 1987, Đại Đức Thích Như Điển đã có mặt tại Marseille, dự lễ cầu an tại chùa Phở Đà Ni Tự dưới sự chủ trì của Ni Sư Thích Nữ Như Thuận và viếng thăm Hòa Thượng Thích Thiên Định, viện chủ chùa Pháp Hoa.

Trong thời pháp ngày 24 tháng 10 tại chùa Phở Đà, Đại Đức đã giảng về ý nghĩa của việc tu và học của người Phật Tử tại gia. Buổi lễ hôm ấy, có khoảng 50 Phật Tử tham dự.

■ Năm nay tổ chức Phật Giáo Đức đã đại hội tại Wachendorf, cách Bonn chừng 30km trong 3 ngày 6, 7 và 8 tháng 11 năm 1987.

Chương trình đại hội gồm có : tường trình những sinh hoạt của tổ chức ERG trong những năm qua, báo cáo sự hoạt động của hội cũng như tài chính. Sau đó có những đề tài thuyết trình về "Người Phật Tử và Thiên Chúa Giáo", "trách nhiệm về xã hội" (Soziale Verantwortung) v.v... Có những buổi họp thảo luận riêng từng đề tài và có những giờ thiền của Đại Thừa và Tiểu Thừa. Đại Hội qui tụ khoảng 23 Hội Đoàn Phật Giáo hội viên và một số đông dự thỉnh viên. Số người tham dự tổng cộng 50 người.

Đại Đức Thích Như Điển đại diện Chi Bộ PGVNIN tại Đức và Đạo Huấn Thị Minh Văn Công Trâm, hội phó ngoại vụ Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại Tây Đức cũng đã đến tham dự Đại Hội này với tư cách là dự thỉnh viên.

■ Vào lúc 3 giờ chiều ngày 14 tháng 11 năm 1987 vừa qua, tại Bremen, Chi Hội Phật Tử tại đây đã tổ chức buổi lễ Phật định kỳ hàng năm và nghe thuyết giảng.

Đại Đức Chi Bộ Trưởng đã cùng Đạo Huấn Hội Trưởng Hội Phật Tử về

đây dự lễ và trao ân tín cho Ban chấp hành của Chi Hội để về liên lạc tại địa phương.

Buổi lễ được cử hành một cách trang nghiêm. Sau phần nghe giảng về ý nghĩa của việc tụng kinh, niệm Phật, ngồi Thiền là phần trà đàm và dùng bánh ngọt. Những thức ăn này do chính các Phật Tử mang lại, khiến cho cuộc họp mặt ngày hôm ấy thêm đầm ấm hơn.

■ Ngày 28 tháng 11 năm 1987, Hội Người Việt tỵ nạn tại Köln và đồng bào Phật Tử đã hợp lực tổ chức một buổi lễ Phật cho đồng bào Phật Tử quanh vùng.

Đây là lần đầu tiên tại Köln tổ chức buổi lễ Phật tại địa phương này. Có nhiều Phật Tử về tham dự.

■ Cứ 3 tháng một lần, tại trại tam cư Norddeich có tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ; nên vào ngày 5 tháng 12 năm 1987 Đại Đức Thích Như Điển đã về đây làm lễ và thuyết pháp.

Tại địa phương này vừa thành lập được gia đình Phật Tử Minh Hải, qui tụ hầu hết các anh em thanh thiếu niên Phật Tử trong trại. Nên buổi lễ Phật lần này trong số người tham dự buổi lễ, thấy giới trẻ nhiều hơn.

■ Ngày 12 và 13 tháng 12 năm 1987 vừa qua tại địa phương Pálinh có tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ và một lễ Thọ Bát Quan Trai Giới. Tại đây cứ mỗi năm 3 lần, đồng bào Phật Tử được thọ bát quan trai và 3 lần nghe giảng, do Đại Đức Thích Như Điển chủ lễ. Ngoài ra tại Niệm Phật Đường Linh Thuê dưới sự chủ trì của Sư Cô Thích Nữ Như Hân cũng đã tổ chức lễ Phật hằng tháng và sám hối để đồng bào Phật Tử trong vùng có cơ hội về chùa sinh hoạt chung với nhau.

■ Ngày 19 tháng 12 năm 1987 tại địa phương Paderborn đã tổ chức một buổi lễ Phật cho đồng bào quanh vùng. Đây là lần đầu tiên tổ chức; nhưng đã có khá đông Phật Tử tham dự.

Có nhiều Phật Tử tại địa phương nhiệt tâm vì Đạo, thấy trong thời gian qua có nhiều việc tang tế cần phải có sự tham dự, chia sẻ của nhiều người; nhưng đồng bào tại địa phương Paderborn vẫn còn lạc lõng. Do đó quý vị này mới đề nghị lên Hội Phật Tử và Chi Bộ có những buổi lễ Phật định kỳ hằng năm như thế này để sau đó tiến dần đến việc thành lập một Chi Hội Phật Tử tại đây, để việc liên lạc được chắc chắn hơn.

TIN SINH HOẠT HỘI PHẬT TỬ

■ Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại Tây Đức đã được thành lập từ năm 1978 đến nay, sau những năm tháng dài hoạt động, Hội đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Bằng chứng là Hội đã có thêm nhiều Chi Hội Phật Tử tại các địa phương như: Berlin, Hamburg, Hannover, Bremen, Munster, Frankfurt, Wiesbaden, Aachen, Stuttgart, München, Firth+Erlangen+Nürnberg v.v.. Tại những địa phương này các Chi Hội lại lần lượt tổ chức các gia đình Phật Tử để con em của chúng ta có cơ hội học hỏi giáo lý, học tiếng Việt và sinh hoạt chuyên môn của Gia Đình. Đây là những thành quả thu thập được và những việc làm này cần phải được khuyến khích, giúp đỡ của các bậc phụ huynh cũng như của Chi Hội địa phương mình.

■ Trên chiều hướng sinh hoạt đó, vào ngày 14 tháng 11 năm 87 vừa qua, Đạo Hữu Thị Tâm Ngô văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại Tây Đức đã trao ân tín cho Chi Hội Phật Tử VNIN tại Bremen qua Đạo Hữu Trần Thành pháp danh Thiện Đạo và Ban chấp hành của Chi Hội. Hy vọng trong tương lai sẽ có nhiều Chi Hội được thành lập ở nhiều địa phương hơn nữa để ngồi lại bên nhau sinh hoạt tìm lợi ích chung cho cộng đồng Phật Tử của chúng ta tại xứ này.

■ Chi Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại 3 vùng Erlangen + Firth và Nürnberg đã được thành lập hơn 1 năm nay. Chi Hội vẫn sinh hoạt đều đặn hàng tháng dưới sự hướng dẫn của Đ.H. Chi Hội Trưởng Đức Hương Hồ Thanh cũng như Ban chấp hành của Chi Hội. Thánh thiêng Chi Hội thỉnh quý Thầy hoặc quý Cô về chủ lễ và thuyết pháp.

Ngày 5 và 6 tháng 12 năm 87 vừa qua Chi Hội cũng đã sung thỉnh Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm trụ trì Tịnh Thất Bảo Quang tại Hamburg và Firth chủ lễ Sám Hối và chủ trì lễ Thọ Bát Quan Trai của các Phật Tử. Đây là tinh thần tiên tại câu học của Chi Hội Phật Tử, rất được tán dương và khích lệ.

■ Ban chấp hành Hội Phật Tử VN tỵ nạn tại Tây Đức đã có văn thư gửi đến các Ban chấp hành các Chi Hội, Ban Đại Diện Phật Tử địa phương để mời cử đại diện với tư cách quan

sát viên về tham dự kỳ thi khóa đội Chúng Trưởng của 2 Gia Đình Phật Tử Minh Hải và Tâm Minh tại chùa Viên Giác Hannover vào 2 ngày 2 và 3 thg Giêng 1988. Việc tham dự của đại diện các Chi Hội tạo điều kiện thuận tiện cho việc gặp gỡ và trao đổi những kinh nghiệm sinh hoạt Phật sự tại địa phương cũng như tìm hiểu thêm về những nguyên tắc, hình thức và nội dung của một GDPT, cũng cơ cấu tổ chức của Phật Giáo VN tại Tây Đức; ngõ hầu khi trở lại địa phương mình sẽ góp phần không nhỏ trong việc củng cố và phát triển cơ sở của Chi Hội cũng như xúc tiến việc thành lập các GDPT trong tương lai.

TIN SINH HOẠT TRUNG TÂM VĂN HÓA XÃ HỘI PHẬT GIÁO VN tại Tây Đức

■ Trước đây Hội Phật Tử VN tỵ nạn tại Tây Đức đã giúp đỡ người đồng hương xa gần về vấn đề xã hội, an sinh và văn phòng làm việc đặt tại chùa Viên Giác, do Đạo Hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đảm trách. Nhưng



Đ.h. Thị Chơn đang đàm đạo cùng Mục sư Rehling.



Các Thanh Thiếu niên Đức đang thưởng thức những món ăn VN do Đ.h. Thiện Hạnh ra công.

nay việc này được giao lại cho Trung Tâm Văn Hóa đảm nhiệm. Cũng vì lý do đó mà trong thời gian qua Trung Tâm Văn Hóa đã chính thức đổi tên là TRUNG TÂM VĂN HÓA XÃ HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM tại TÂY ĐỨC. Người điều hành trung tâm này vẫn là Đ.H. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp cùng sự công tác của quý Bác và Anh Chị Đạo Hữu khắp nơi. Bên cạnh công tác Văn Hóa hiện nay Trung Tâm còn giúp đỡ và giải quyết thêm những vấn đề xã hội nữa.

Ngay từ sau khi đổi tên, kể từ báo Viên Giác số 41 vừa qua, Trung Tâm đã nhận được rất nhiều thư từ cũng như điện thoại của quý vị đồng hương xa gần để nhờ giúp đỡ về những vấn đề liên quan đến luật pháp, tìm nhà, dọn nhà về Hannover ở gần chùa hướng dẫn việc xin gia nhập quốc tịch Đức, cách làm đơn xin đoàn tụ với thân nhân đang sống ở bên đảo, thông dịch giấy tờ v.v... Đó chỉ là một phần nhỏ trong dịch vụ xã hội, an sinh.

Riêng về công tác Văn Hóa, Trung Tâm tiếp tục thực hiện những buổi nói chuyện, thuyết trình về đề tài Việt Nam cho quần chúng, các tổ chức và trường học Đức cũng như giới thiếu nghệ thuật nấu ăn của Việt Nam.

Trong chiều hướng trên, vào ngày 21.11.1987, theo lời mời của ông Träger, nhân viên Bộ Xã hội tại quận Seelze tỉnh Hannover, Đ.H. Thiện Hạnh Nguyễn thị Hiền, Đ.H. Thiện Tấn Vũ Quang Tú và Đ.H. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đã đến thăm đoàn Thanh Thiếu Niên Thánh Thể (Advent Jugend für Christi) của Hội Thánh Advent (Advent gemeinde) để cùng sinh hoạt và nói chuyện về vấn đề Tỵ Nạn và đề tài Việt Nam cũng như trình chiếu những phim ảnh về Cap Anamur, hình ảnh văn hóa quê hương Việt Nam.



Đ.h. Thiện Tấn đang chiếu phim Dias về Cap Anamur và Quê Hương Việt Nam. Người ngồi phía tay mặt là ông Träger thuộc bộ XH.

Chương trình kéo dài từ 16 giờ đến 21 giờ cùng ngày.

Sau đó những câu hỏi đặt ra đã được giải thích và trả lời thỏa đáng tạo được nhiều cảm tình sâu đậm. Ngoài ra các thanh thiếu của đoàn cũng được thưởng thức những hương vị Việt Nam qua những thức ăn do ĐH Thiện Hạnh ra công.



Một bạn Đức đang tập cảm đũa qua sự chỉ dẫn của Đ.h. Thiện Hạnh.

(Ảnh của T.Chơn)

Trong thâm tình ấy, Mục sư Reling của Hội Thánh và ông Träger đã gợi ý mời Trung Tâm liên lạc thường xuyên để trao đổi những sinh hoạt tương hũ cũng như những chỉ nhánh của Hội Thánh khắp nơi trên nước Đức.

Trong tương lai sẽ mời Trung Tâm có những buổi sinh hoạt tương tự như trên cho các đoàn sinh cũng như thân hũ của họ. Bắt đầu năm Mậu Thìn, Hội Thánh và Trung Tâm sẽ có những buổi gặp gỡ thường xuyên để hoạch định chương trình phối hợp tương trợ chung trên mọi bình diện, nhất là vấn đề thanh thiếu nhi.

■

Trong thời gian qua, Trung Tâm đã công tác và yểm trợ Hội Phật Tử trong mọi sinh hoạt Phật sự chung dưới sự cố vấn và hướng dẫn của Chi Bộ. Bên cạnh công tác này, hiện nay Trung Tâm còn giúp đỡ tận tình các Gia Đình Phật Tử trong giai đoạn đầu. Những công tác trên thuộc phần nội vi.

Kể từ năm tới, sau khi đã thành ý và được sự chỉ dạy của Đại Đức Chi Bộ Trưởng, Trung Tâm sẽ thực hiện những công tác ngoại vi như việc mở lớp gia chánh chay, lớp thiền, lớp Việt ngữ, và hằng tháng sẽ mở những buổi hội thảo về những vấn đề liên quan đến Tôn giáo và con người cho người đồng hương cũng như những thân hũ tại chùa Viên Giác Hannover. Ngày giờ và chương

trình chi tiết của những sinh hoạt ngoại vi trên sẽ được Trung Tâm thông báo trên báo Viên Giác cũng như được các cơ quan ngôn luận, báo chí Đức tại địa phương sẽ đăng tải.

Trung Tâm thành thật cảm tạ quý thân hũ trong thời gian qua đã giúp đỡ Trung Tâm những tài liệu và hình ảnh cho những sinh hoạt hũ ích chung. Xin chân thành cảm tạ quý vị.

TIN SINH HOẠT GIA ĐÌNH PTVN tại Tây Đức

■ Ban Huỳnh Trưởng GDPT Tâm Minh đã về Norddeich ngày 7 và 8 tháng 11 năm 1987 vừa qua để thăm Ban Huỳnh Trưởng GDPT Minh Hải và sinh hoạt chung với Gia Đình Minh Hải trong những ngày trên.

Đây là lần đầu tiên có sự trao đổi kinh nghiệm giữa 2 Gia Đình Phật Tử để học hỏi chuẩn bị cho kỳ thi chuyên môn và giáo lý cấp Sơ Thiện và Hướng Thiện cho các Huỳnh Trưởng đặc cách các Đới, Chúng Trưởng. Khóa thi này sẽ được tổ chức vào ngày 2 và 3 tháng 1 năm 88 tại chùa Viên Giác Hannover.

■ Gia Đình Phật Tử Minh Hải tại Norddeich vẫn sinh hoạt đều đặn hằng tuần tại trại tạm cư Nazareth, gồm có lễ Phật, học giáo lý, học tập chuyên môn và sinh hoạt gia đình. Ở đây được cái may là có các anh cựu Huỳnh Trưởng như anh Thi Lộc Võ văn Mai và anh Hoàng hướng dẫn các em Đoàn Sinh về chuyên môn. Nhưng ngược lại, Thầy cố vấn giáo hạnh lại ở xa, nên những giờ giáo lý không có Thầy hướng dẫn, và các anh chỉ trưởng phải dùng ra tự lo liệu cho các em Đoàn Sinh.

Còn Gia Đình Phật Tử Tâm Minh thì có Thầy cố vấn giáo hạnh hướng dẫn giáo lý trực tiếp; nhưng chuyên

môn thì các anh em Phật Tử tại đây không bằng GDPT Minh Hải được. Vì thế, sự trao đổi kinh nghiệm giữa các GDPT với nhau là điều rất cần thiết.

■ KHAI GIẢNG LỚP HỌC VIỆT NGỮ

Trong mục đích khuyến khích việc trau dồi tiếng Việt cho các em Nam Nữ thiếu niên và Canh vũ thuộc Gia Đình Phật tử Tâm Minh. Lúc 13 giờ ngày 1.11.87 buổi lễ khai giảng lớp Việt Ngữ đầu tiên được tổ chức tại chùa Viên Giác dưới sự chứng minh của Thầy cố vấn giáo hạnh trú trì chùa Viên Giác, ngoài ra cùng có sự tham dự của Bác Thị Tâm Hội Trưởng Hội Phật Tử VN ty nạn tại Tây Đức, Anh Thị Chơn Ngọc Diệp đại diện Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo, Ban Hộ Trì chùa Viên Giác, Anh Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử tại Hannover và đông đảo các bậc phụ huynh.

Tất cả các em đã được nghe giáo tử của Thầy cố vấn giáo hạnh cũng như lời khuyên nhủ của Bác Hội Trưởng Hội Phật Tử. Đạt được thành quả này là nhờ sự lưu tâm của Thầy cố vấn giáo hạnh và Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo giúp đỡ, cùng sự góp sức của các bậc phụ huynh con em và Ban Huỳnh Trưởng GDPT Tâm Minh.

Chương trình dạy Việt Ngữ được chia ra làm 3 lớp :

- Mẫu giáo : Các em từ 5-8 tuổi : tập làm thủ công, vẽ và nghe kể chuyện nhi đồng Việt Nam.
- Mẫu giáo cấp tốc : Các em từ 9-12 tuổi học đánh vần, tập đọc, tập viết.
- Lớp bổ túc văn hóa : Các em từ 13 tuổi trở lên học về Sử Địa Việt Nam.

Tổng cộng tất cả 40 em. Các lớp học này do các anh chị Huỳnh Trưởng trong gia đình Phật Tử Tâm Minh đảm trách giảng dạy.

Buổi khai giảng chấm dứt trong ngày đầy niềm hân hoan và thâm tình Đạo vi.



Lễ khai giảng
lớp Việt ngữ
cho GDPT Tâm Minh
tại Chùa
VIÊN GIÁC Hannover.



**Các Thiếu Nam Nữ,
Oanh vũ và Ấu
của GDPT Tâm Minh
trong buổi lễ
khai giảng lớp
Việt ngữ cho GD
ngày 1.11.1987
tại Chùa VIÊN GIÁC
Hannover**

(Ảnh của Diệu Căn)

TIN SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

■ TUYÊN CÁO CỦA CÁC HỘI ĐOÀN, TỔ CHỨC QUỐC GIA TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC VỀ ÂM MƯU KINH TÀI CỦA VIỆT CỘNG

- 1/ Xét rằng trong 12 năm qua, bạo quyền Việt Cộng đã áp đặt một chính sách cai trị độc tài và dã man, cam tâm đưa đất nước vào vòng nô lệ của đế quốc Nga Sô.
- 2/ Xét rằng chính sách cai trị này đã gặp phản ứng chống đối muôn mặt của đồng bào trong nước, và luôn bị đồng bào tỵ nạn ở hải ngoại tố giác trước các diễn đàn quốc tế, nên chế độ Việt Cộng đã bị lung lay ở trong nước, và bị cô lập trên các diễn đàn ngoại giao quốc tế.
- 3/ Xét rằng trước nguy cơ sụp đổ, bạo quyền Việt Cộng đang tung ra những âm mưu hiểm độc nhằm cứu vãn chế độ chứ không phải thực tâm vì hạnh phúc của toàn dân, vì hòa bình của đất nước.
- 4/ Xét rằng cái gọi là "chính sách mới đối với Việt Kiều ở hải ngoại" thực sự chỉ là chiến dịch kinh tài của bạo quyền Việt Cộng, nhằm bòn rút tiền bạc của người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại hải ngoại qua những hình thức gởi tiền, gởi hàng, hợp

tác kinh doanh hay du lịch ... cũng như làm mất ý nghĩa tỵ nạn chính trị của cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

5/ Xét rằng người Việt tỵ nạn Cộng Sản đã chịu nhiều đau khổ vì Việt Cộng, đã có nhiều kinh nghiệm đau thương với bạo quyền Việt Cộng, chắc chắn không mắc mưu Việt Cộng để làm hại chính mình, gia đình mình và đồng bào trong nước.

6/ Xét rằng cộng đồng người Việt tỵ nạn Cộng Sản ở hải ngoại là một bộ phận của đại thể dân tộc, có nhiệm vụ và cương quyết hoàn thành nhiệm vụ góp phần cùng đồng bào trong nước vào công cuộc đấu tranh giải phóng Tổ Quốc.

Chúng tôi, những hội đoàn, tổ chức quốc gia tại Cộng Hòa Liên Bang Đức có tên dưới đây, trân trọng tuyên cáo :

THỨ NHẤT : Cương quyết vạch trần những âm mưu thâm độc của bạo quyền Việt Cộng trong cái gọi là "chính sách mới đối với Việt kiều ở hải ngoại" của chúng.

THỨ HAI : Kêu gọi đồng bào tỵ nạn Cộng Sản ở khắp nơi trên thế giới đề cao cảnh giác, không để mắc mưu của bọn Việt Cộng vô tình làm hại mình, gia đình mình và đồng bào trong nước.

THỨ BA : Cùng vận động đồng bào mọi nơi tẩy chay hàng hóa của Việt Cộng không gói tiền, gói hàng, vật liệu sản xuất, du lịch hay cộng tác kinh doanh với Việt Cộng.

THỨ TƯ : Kêu gọi đồng bào tỵ nạn ở khắp nơi thường xuyên theo dõi và tố cáo những hành động phi pháp của hệ thống kinh tài của Việt Cộng ở hải ngoại, vạch mặt những người vì tư lợi mà cam tâm hợp tác với kẻ thù.

THỨ NĂM : Lên án và tẩy chay những công ty Việt Nam hay ngoại quốc hợp tác kinh doanh với bạo quyền Việt Cộng.

THỨ SÁU : Kêu gọi dư luận quần chúng, chính giới và giới truyền thông quốc tế hỗ trợ cho công cuộc đấu tranh cho Độc Lập, Tự Do và Nhân Quyền của dân tộc Việt Nam bằng cách vạch trần và ngăn chặn những mưu toan vận động trao đổi kinh tế hay viện trợ cho bạo quyền Việt Cộng.

THỨ BẢY : Xác định lập trường chỉ có giải pháp lật đổ bạo quyền Việt Cộng mới đem lại tự do, độc lập và hòa bình đích thực cho dân tộc Việt Nam.

Làm tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, ngày 10 tháng 10 năm 1987.

Tổ chức Việt Nam Tự Do, Liên Hội Người Việt tỵ nạn tại CHLB Đức, Tổ chức Sinh Hoạt Người Việt tỵ nạn tại CHLB Đức, Nhóm Hướng Việt, Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại CHLB Đức, Hội Phụ Nữ Việt Nam tỵ nạn tại Berlin, Kết hợp các Hội Đoàn Dorsten - Dortmund - Duisburg - Essen - Herne - Krefeld - Köln - Mönchengladbach - Neuss - Oberhausen, Hội Người Việt tỵ nạn chính trị tại Wiesbaden, Hội Sinh Viên Việt Nam tỵ nạn tại Bochum, Hội Người Việt Nam tỵ nạn tại Aachen, Hội Người Việt tỵ nạn tại Bremen, Ủy ban Tranh Đấu cho Tự Do và Nhân

Quyền tại Việt Nam, Hội Người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại Frankfurt và Vùng phụ cận, Cơ Sở Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam tại CHLB Đức.

■ **ĐẠI HỘI CAP ANAMUR THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP**

Vào ngày 21.11.1987 một Đại hội Cap Anamur được tổ chức tại Bürgerhaus của thành phố Troisdorf đã kết thúc tốt đẹp. Đại hội bắt đầu từ 10 giờ sáng và chấm dứt khoảng 24 giờ cùng ngày. Một chương trình Văn Nghệ đặc sắc do các nghệ sĩ Thành Đức, Phượng Mai, Trần Văn Trạch, Mai Thị các Đoàn Văn Nghệ địa phương và biểu diễn Vovinam đóng góp thiện chí không thù lao đã kết thúc Đại hội này. Được biết có khoảng 3000 người Việt TN tham dự và trong buổi chiều cùng ngày cuộn phim "Chúng tôi muốn sống" đã được chiếu.

■ **THƯ NGÀY 27.11.87 CỦA KOMITEE CAP ANAMUR**

Trang 1, mục 1. Cap Anamur III - "930 người Việt được vớt. Và bây giờ đến Việt Nam?... Chúng tôi có thêm vài dự định trong năm 1988 Bà Leni Fischer (Nghị viên của đảng CDU) đã làm trước chúng tôi : Trong cuộc viếng thăm Bangkok Bà đã làm 1 chuyến đi chớp nháng đến VN. Bà đã cho tôi biết rằng người ta phải giúp đỡ VN nhân đạo nhiều hơn nữa, vì ở đó thật sự chẳng có gì cả. Dự định của chúng tôi rõ ràng : chúng tôi muốn giúp đỡ người VN trên biên và người VN trong nước.

Hiện nay, nước Việt Nam đã mở ngõ, đã đến lúc chúng tôi trang bị cho những việc làm nhằm giúp đỡ VN trên bình diện y tế. Chúng tôi đã nhắm đến một chiếc tàu sẽ chở những kiện hàng cứu trợ và thực phẩm về VN. Chiếc tàu này là một chiếc thương thuyền có trang bị cần trục, không nhất thiết mang cờ Đức, có lẽ là cờ Na Uy.

Một nước, phải chịu hàng thế kỷ chiến tranh và sự tàn phá của Dioxin cho tới tận trong đặc tính di truyền của trẻ con, cần sự giúp đỡ của chúng ta." Đó là chủ trương của Tiến Sĩ Neudeck trong hiện tại.

■ **BUỔI THUYẾT TRÌNH CỦA TIẾN SĨ BERNHARD DAHM**

Trong ngày thứ sáu 4.12.1987, lúc 20 giờ, tiến sĩ Bernhard Dahm, giáo sư khoa trưởng Đông Nam Á Học



Màn Dân Ca của Chi Hội PTVNTN tại Hamburg đóng góp trong đêm Văn Nghệ đại hội Cap Anamur 87 tại Troisdorf ngày 21.11.1987

(Ảnh của N.Hòa)



Một em gái đang tặng hoa cho Tiến Sĩ Neudeck

thuộc Viện đại học Passau đã thuyết trình đề tài "Truyền thống Văn Hóa và di sản tiên Chính Trị tại VN tới thời thuộc địa" tại Trung Tâm Độc Lập, Reinburgstr.56, 7000 Stuttgart 1.

■ **ĐOÀN THANH NIÊN THIÊN CHÍ XƯƠNG ĐƯỜNG BAO VÂY CƠ SỞ KINH TÀI CÔNG SẢN TẠI MÜNCHEN**

Trong cái lạnh cắt da dưới 0° C của mùa đông xứ Đức, vào 2 ngày 26, 27.11.87 tại thành phố München, trước một cơ sở kinh tài của CSVN được ngay danh là một cửa hàng bán thực phẩm Á Đông, có trên 30 anh em thuộc Đoàn Thanh niên thiên chí Tây Đức đã phát hàng trăm truyền đơn bằng tiếng Việt kêu gọi đồng bào tây chạy không liên hệ với cơ sở CSVN này. Cũng như các truyền đơn bằng Đức ngữ vạch trần âm mưu thâm độc của bao quyền CSVN, với chương trình bòn rút tiền bạc của đồng bào Việt tỵ nạn cho đồng bào địa phương biết.

Trước khí thế đấu tranh quyết liệt của anh em, đám Công con của cơ sở kinh tài CSVN này đã nhờ cảnh sát Đức tới can thiệp. Nhưng trong tinh thần tranh đấu bất bạo động cùng những lời giải thích về trở ngại gạt đồng bào của các cơ sở kinh tài CSVN, cảnh sát Đức đã tỏ ra thông cảm và nói sẽ mở cuộc điều

tra về các việc làm phi pháp như chuyển tiền, du dỗ đồng bào vi phạm luật tỵ nạn khi tham gia chương trình du lịch Việt Nam ...

Được biết Đoàn Thanh niên thiên chí Tây Đức vừa ra mắt cách nay - hơn 4 tháng tại thành phố Frankfurt. Cuộc xuống đường chống kinh tài CSVN tại Tây Đức của TNC là hành động tích cực, cụ thể đầu tiên của các Hội Đoàn ở Tây Đức trong việc chống những âm mưu kinh tài của Việt Cộng. (Chinh Phương ghi)

■ **NGƯỜI VIỆT TỴ NAN TẠI BREMEN VÀ VÙNG PHỤ CẬN BIỂU TÌNH VÔ HIỆU HOÁ ÂM MÙU CỦA VIỆT CỘNG TẠI BREMEN**

Vào 2 ngày thứ sáu 27.11.87 từ 19 đến 21 giờ và thứ bảy 28.11.87 từ 14 đến 17 giờ, người Việt tỵ nạn tại Bremen và VPC như Hamburg, Wilhelmshaven, Lübeck cũng như các Hội Đoàn vùng Rhein-Ruhr đã biểu tình trước nhà sứ St. Stephani tại Bremen nơi Phong trào Phụ Nữ Hòa Bình Tây Đức (PTPNHBĐ, Westdeutsche Frauenfriedensbewegung) phối hợp với Sĩ quân VC, với cái gọi là Hội Hữu Nghị Việt Đức (VC) và các Tổ chức thiên tả để bán hàng Basar nhân dịp Giáng Sinh, để tuyên truyền Chánh trị và kiếm tiền. Trong buổi này VC cho Mục sư Lương Hồng Khanh, một thành phần thân Cộng trước cũng như sau 1975, cố vô việc viện trợ cho Chánh quyền VC. Gần đây Mục sư Lương Hồng Khanh đã có những bài viết có lợi và tuyên truyền cho VC hậu ý phá thế chính nghĩa của người Việt tỵ nạn.

Dù trời đông lạnh nhưng người Việt tỵ nạn đã tham dự đông đảo cuộc biểu tình trong tinh thần kỷ luật và ý chí phấn đấu cao độ. Đặc biệt có 2 thanh niên trẻ tình nguyện mặc áo tu đen và áo cà sa vàng, tay đeo cùm xích để tượng

trung cho sự bất bớ giam cầm các vị lãnh đạo tôn giáo ở Việt Nam. Cho dù VC và tay sai dùng mọi mưu kế, nhưng với tinh thần kỷ luật cao, cảnh sát Đức đã thông cảm và không có phản ứng gì, trái lại bọn VC và tay sai thất bại chửa chày, lỗ lã trong kỳ Basar này.

Người Việt tỵ nạn tại Bremen đã khẳng định rằng sẽ đấu tranh cho đến ngày nào sự bất bớ, kềm kẹp đàn áp, những bất công tại VN không còn nữa. Đây là một thắng lợi to lớn cho người Việt tỵ nạn tại Bremen.

(V. Tâm ghi)

■ NGÀY NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ 10.12.

Tổ Chức Nhân Quyền VN và Hội Người Việt tỵ nạn tại Münster đã phối hợp tổ chức chung ngày đấu tranh cho Nhân Quyền tại VN vào ngày thứ bảy 5.12.1987 lúc 16 giờ tại Trụ sở Hội Người Việt tỵ nạn Münster. Chương trình gồm có hội thảo và đêm thơ nhạc chủ đề cũng như sinh hoạt văn nghệ bộc phát.

■ ỦY BAN CHỐNG KINH TÀI VC TẠI TÂY ĐỨC

Để tiến tới việc thành hình một UBCKITVC tại CHLB Đức và đề ra những kế hoạch cụ thể cho Ủy Ban này, 4 tổ chức Liên Hội Người Việt tại CHLB Đức, Tổ chức Sinh Hoạt của Người Việt tỵ nạn CS tại CHLB Đức, Nhóm Thiện Chí Hướng Việt và Cơ Sở MTCQINGPVN tại CHLB Đức đã ra thư ngỏ đến các Tổ Chức và Hội Đoàn Người Việt tỵ nạn tại Tây Đức mời tham dự buổi họp cho mục đích trên vào lúc 15 giờ ngày thứ bảy 12.12.1987 tại Hardenbergstr.9, 6000 Frankfurt a.M.1. Sau đây là địa chỉ liên lạc của 4 Tổ chức trên.

- Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn tại CHLB Đức, C/o Nguyễn Hữu Dũng, Hüttenstr.26, 4320 Hattingen. ĐT.: 02324-51546.

- Tổ Chức Sinh Hoạt Người Việt Tỵ Nạn tại CHLB Đức, C/o Phạm Công Hoàng, Breitenweg 1A, 2800 Bremen 1 ĐT.: 0421-15764.

- Nhóm Thiện Chí Hướng Việt, C/o Dương Văn Thành, Dommerstr.91, 6200 Nordenstadt-Wiesbaden.

- MTCQINGPVN/Cơ sở Đức, C/o Võ Lanh Wiesbadener Str.6, 4100 Duisburg. ĐT.: 0203-423092.

■ ỦY BAN CHỐNG ẨM MƯU KINH TÀI VC TẠI BỈ

Văn thư ngày 8 tháng 11.1987 của UBCKAMITVC tại Bỉ cho biết để có

12 Tổ chức và Hội đoàn tại Bỉ ra thư ngỏ trên trong kêu gọi toàn thể người Việt tỵ nạn tích cực tham gia trong chiến dịch tố cáo và chống đối ẨM MƯU XIN XỎ NGOẠI GIAO của VC với khối thị trường chung Âu Châu. Đồng thời kêu gọi đồng bào tham gia đồng đảo cuộc biểu tình được ấn định vào ngày 19.12.1987 tại Bruxelles, thủ đô chính trị của Âu Châu để bày tỏ sự chống đối của Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại Âu Châu trước dư luận thế giới. Địa chỉ liên lạc UBCKAMITVC tại Bỉ : Mr. Nguyễn, 26 Rue de Namur, 4000 Liège, Belgique. ĐT.: 41.526416 tại Bỉ từ 21 giờ đến 23 giờ.

■ HỘI THẢO QUỐC TẾ VỀ VIỆT NAM

Ủy Ban Quốc Tế Trần Văn Bá đã tổ chức Hội Thảo Quốc Tế về Việt Nam trong 2 ngày 3 và 4 tháng 12.1987 tại Trung Tâm Hội Thảo Quốc Tế, 19 đường Kléber, Paris quận 16. Trong ngày nay đời sống của người Việt trong "Thiên Đàng Cộng Sản" đã được trình bày và mô tả những lý do lịch sử của cuộc thất bại năm 1975 để rút tĩa bài học xây dựng một thế quốc khởi phản công. Địa chỉ liên lạc : Hội Người Việt hỗ trợ Ủy Ban Quốc Tế Trần Văn Bá, 5A Rue Camille Des Moulins, 94230 Cachan - France.

■ CANADA - MONTREAL TỔNG XƯỚNG ĐƯỜNG

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy Ban Vận Động Chống Kinh Tài Việt Cộng tại Montréal, vào lúc 11g sáng ngày thứ bảy 10 tháng 10 năm 1987, hơn 100 đồng bào tỵ nạn Cộng Sản đến từ các vùng Toronto, Ottawa và Montréal đã kéo đến bao vây cơ sở kinh tài của Việt Cộng tại đường Beaudry. Được biết cùng ngày hôm nay trên toàn thế giới các Ủy Ban Chống Kinh Tài Việt Cộng đồng mở cuộc "Tổng xướng đường" để bao vây các cơ sở kinh tài của Việt Cộng.

Buổi "Tổng xướng đường" được chấm dứt vào lúc 15 giờ cùng ngày.

Ủy Ban Vận Động Chống Kinh Tài Việt Cộng tại Montréal

● TIN VỀ VIỆC GIA NHẬP QUỐC TỊCH ĐỨC

Trước đây những người Việt xin gia nhập quốc tịch Đức khi thỏa điều kiện của Chính phủ đặt ra thì được chấp thuận ngay, không cần đến việc phải có giấy chứng nhận xin từ bỏ quốc tịch VN do tòa Đại sứ CSVN cấp. Nhưng cách khoảng một năm, trước khi được cấp thông hành Đức cho những người đủ điều kiện để gia nhập quốc tịch Đức, đương sự phải nỗ lực trong việc có giấy chứng nhận cho từ bỏ quốc tịch VN. Chính quyền Đức chỉ cấp giấy bảo đảm chứng nhận tạm thời (Einbürgerungszusicherung) để nộp cho việc xin từ bỏ quốc tịch VN. (Xin xem mục Diễn Đàn Độc Giả về Ẩm mưu của CS trong vấn đề gia nhập quốc tịch Đức đăng trong số này). Vì thế trong thời gian qua, một số người đã được vào quốc tịch Đức và đã có thông hành Đức cũng bị buộc phải làm đơn xin từ bỏ quốc tịch VN. Dù có biên thư làm đơn nhiều lần đi nữa thì cũng không bao giờ được tòa Đại sứ VC trả lời. Trường hợp này Bộ Nội Vụ tiểu bang Niedersachsen hiện đang điều tra và cứu xét cho những người đã là công dân Đức trong tương lai có cần thiết và theo cách nào trong nỗ lực xin từ bỏ quốc tịch VN của đường sự.

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trưởng mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 865/470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

THÔNG BÁO

gắng với khả năng của mình sẽ tận tình giúp đỡ quý vị. Những dịch vụ trên hoàn toàn miễn phí.

● Lễ đón Giao Thừa mừng Xuân Di Lạc Mậu Thìn sẽ được cử hành tại chùa Viên Giác lúc 24 giờ ngày 16 tháng 2 năm 1988 (thứ 3) sau khi đã làm lễ Sám Hối và tất niên vào lúc 20 giờ tối cùng ngày. Tết năm nay nhằm vào ngày trong tuần; nhưng hy vọng đồng bào Phật Tử sẽ về chùa đón giao thừa, hái lộc, xin xăm đồng đúc như mọi năm. Lễ sẽ kéo dài cho đến ngày 20 tháng 2 năm 88 (thứ 7). Vào lúc 11 giờ trưa ngày 20.2.88 sẽ có tổ chức xô số xây chùa Viên Giác, sau đó dùng trưa và buổi chiều có đồ vui để học cùng phụ diễn văn nghệ của GĐPT Tâm Minh, và phát giải thưởng cho các em trúng giải thi sáng tác do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội PGVN tại Tây Đức đề xướng.

● Trong thời gian qua quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đã cố gắng phát hành dùm vé số cho chùa. Xin quý vị gởi cùi và vé số cộn lại về chùa vào đầu tháng 2 năm 88 để kiểm số. Xin thành thật cảm ơn quý vị trước.

Chương trình chi tiết về Tết Nguyên Đán, xô số và rằm tháng Giêng chúng tôi sẽ gởi thư đến quý vị vào đầu năm 1988.

● Lễ Phật Đản 2532-1988 của chùa Viên Giác sẽ được tổ chức vào ngày 10 đến 12 tháng 6 năm 1988 (tức 26-27-28 tháng tư âm lịch) và Vu Lan sẽ được tổ chức vào ngày 26-28 tháng 8 năm 1988 (tức 15-17 tháng bảy âm lịch). Xin thông báo trước để quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đi làm chuẩn bị lấy ngày nghỉ để về chùa dự lễ.

● Năm 88 sẽ tổ chức 4 khóa Giáo Lý cho 4 cấp I, II, III, IV vào tháng 7 và tháng 8 năm 1988. Thời gian nhất định sẽ thông báo trên Viên Giác số tới.

GIỚI THIỆU

● Lịch treo tường và lịch tử vi (năm Mậu Thìn 1988) đã có tại chùa. Quý vị nào muốn có những lịch trên xin liên lạc về chùa Viên Giác Hannover.

Lịch treo tường :Thỉnh tại chùa 22DM
Gởi đến tận nhà 25 DM.

Lịch tử vi : Thỉnh tại chùa 25 DM.
Gởi đến tận nhà 26 DM.

● Ngoài ra chùa cũng cho phát hành 4 loại thiệp chúc Tết quê hương như trong Viên Giác số 41, trang 85 đã giới thiệu. Mỗi thiệp kể cả bì thư giá 1 DM. Tiến cước sẽ tính chung vào tùy theo số lượng mua nhiều hay ít của quý vị.

● Những băng kinh cần thiết trong các lễ cầu an, cầu siêu, cúng kỵ, sám hối, làm tuần v.v... đều có sẵn tại chùa cũng như các băng thuyết giảng. Quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa để có băng. Giá mỗi cuốn 10 DM + với tiền cước phí. Muốn rõ từng loại, xin xem mục giới thiệu Kinh, sách trong Viên Giác số 41 trang 85.

● HỘI NGƯỜI VIỆT TY NAN TẠI REUTLINGEN và VÙNG PHỤ CẬN

Thông báo thành phần Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1987-1988 gồm những vị sau :
Chủ tịch Nguyễn Văn Bé, Phó Chủ tịch

Ngoại vụ Trần Quốc Doanh, Phó Chủ tịch Nội vụ Vũ Văn Cường, Thủ quỹ Trần Thành Công, Thủ ký Mai Hữu Nghĩa. Ngoài ra còn có các Ban Văn Hóa, Âm Thực, Văn Nghệ, Thể Thao và Liên Lạc.

Địa chỉ liên lạc : Hội Người Việt Ty Nan tại Reutlingen và Vùng phụ cận C/0 Nguyễn Văn Bé, Beim Rathaus 22, 7430 Metzingen, Tel.:07123-14684.

THIỆP TRANH QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM

Do Trung Tâm Nhân Quyền phát hành, Gồm 10 mẫu thiệp do họa sĩ Loan Nguyễn Sơn vẽ; tranh màu in trên giấy láng : Ru con, Thiều nữ hái sen, Cảnh hàng ra chợ, Quạt nông, Gieo mạ, Buổi sáng trên sông, Các em mua lán, Hương quê, Làng tôi, Thiều nữ đi chùa.

Giá bán lẻ mỗi thiệp là 2 DM (cùng với bao thờ). Nếu mua tối thiểu 50 thiệp giá mỗi thiệp cùng bao thờ là 1,50 DM. Địa chỉ đặt mua tại Trung Tâm Nhân Quyền Am Listholze 29, 3000 Hannover 1. Hoặc qua điện thoại 0511-445946 (Loan Nguyễn Sơn).

NHẮN TIN

● Gia đình NGUYỄN THỊ TUYẾT LỘC (có 2 người anh là Nguyễn Văn Hai và Nguyễn Văn Thạch, trước 1975 là Khoa Trưởng và Giáo Sư Đại học Khoa Học Huế), nếu có ty nạn ra ngoại quốc hãy liên lạc về địa chỉ sau đây :

PHAN DUY DINH, Hans Böckler Str.50,
6200 Wiesbaden Dotzheim-West Germany

CẢM ƠN

Chúng tôi xin thành tâm tri ân và cảm tạ :

-Đại Đức Chí Hộ Trưởng, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức.

- Su Huỳnh Hải Đầu Đổng và Ban Đại Diện Cộng Đoàn Công Giáo Người Việt Nam tại Minster.

- Chi Hội Phật Tử WVIN tại Minster.

- Hội Người Việt Ty Nan tại Minster.

- Quý thân bằng quyến thuộc, thân hữu, bạn

hữu đã đến giúp đỡ, chia buồn, cầu nguyện

phúng điếu và tham dự tang lễ của chúng, cha, nội, ngoại chúng tôi là

Ông TRƯỜNG VĂN NGHI

Pháp danh Thiệu Quang

Hưởng thọ 70 tuổi

tại nghĩa trang Zentralfriedhof Minster vào ngày 30.11.1987

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ sót, xin quý vị niệm tình hỷ thí cho.

Vợ : Bà quê phụ Trường Văn Nghi

nhũ danh Châu Á Hằng

Các con : Trường Giang, vợ và các con

Trường Thiệu Trăn, chồng và các con (Hoa Kỳ)

Trường Huệ, chồng Lâm Chí Trung

Trường Kim Lan, chồng và các con (Hoa Lan)

Trường Kim Cúc, chồng Diệp Năng Hòa

(Hoa Kỳ)

Trường Kim Huệ, chồng và con.

(Số tiền phúng điếu của quý thân, bằng hữu xa gần gia đình chúng tôi xin dâng đến chùa Viên Giác và các Niệm Phật - Đường tại Tây Đức để hồi hướng cho hương linh người quá vãng sớm có Đàng Phật Quốc).

● Việc xây dựng chùa vẫn tiến hành đều đặn. Số đóng góp định kỳ hàng tháng cho đến nay đã được 743 gia đình và cá nhân ủng hộ. Số tiền ủng hộ hàng tháng xây chùa Viên Giác đã lên được 10.660 DM nhưng vẫn chưa đạt đến số 20.000 DM như chùa dự tính. Kính mong quý vị đến ngân hàng của mình để làm đơn chuyển tiền tài cúng dường xây chùa theo lối : Dauerauftrag vào trường mục của chùa như sau : Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche e.V. Deutsche Bank Hannover, Konto Nr. 865 74 70 01, Bankleitzahl 250 700 70. Tất cả mọi sự cúng dường của quý vị đều được khấu trừ khi làm đơn xin quân binh thuế lợi tức hằng năm. Quý vị nào cần giấy chứng nhận tình tài cúng dường cho việc khai thuế bằng tiếng Đức, xin liên lạc về chùa để chúng tôi gởi đến quý vị.

● Trước khi cấp giấy phép chính thức xét đơn xin xây chùa chính quyền Bezi rkgregierung Hannover đòi số tiền lần đầu để xét đơn là 46.000 DM và sau đó 15.000 DM. Tổng cộng là 61.000 DM. Trong tháng 11 và 12 này chùa cũng phải trả số tiền tính Statik của Hãng ông Bauer là 43.000 DM cộng với những chi phí văn phòng v.v... Như vậy, chùa phải trả trong đợt đầu này là 89.000 DM và sau đó 15.000 DM cộng với các chi tiêu phụ. Số tiền ấy đã lên trên 100.000 DM chỉ cho công việc giấy tờ. Chùa sẽ từ từ tiến hành từng giai đoạn cho đến khi khởi công. Kính mong quý Đạo Hữu và quý Phật Tử thông cảm cho hệ thống giấy tờ quá phức tạp của xứ Đức này, khiến bà con Phật Tử phải trông đợi hoài; nhưng chúa thầy xây cất. Như quý vị thấy đồ - chùa một mặt lo vận động chính quyền Đức các hãng xưởng cũng như tư nhân Đức. Ngoài ra sự đóng góp của đồng bào Phật Tử Việt Nam chúng ta cũng không kém phần quan trọng. Điều quan trọng hơn cả là làm sao chúng ta phải có sẵn một số tiền tài để khi nào khởi công là chúng ta có tiền để trả cho nhà thầu và thợ v.v... Kính mong quý vị hỗ trợ cho.

● Thư viếng của Trung Tâm Văn Hóa vẫn cho đồng bào trong nước Đức mượn các sách Đạo, Đời, như văn hóa, lịch sử, tiêu thuyết v.v... Quý vị nào muốn mượn, xin liên lạc về chùa để có thư mục và biết cách làm thế thư viện.

● Quý vị thay đổi địa chỉ, xin nhờ ghi cả địa chỉ cũ lẫn địa chỉ mới và tên họ gởi về chùa, để văn phòng điều chỉnh cho dễ dàng, và mong rằng trước hoặc sau khi thay đổi địa chỉ mới, quý vị ra bưu điện nơi mình ở, xin một mẫu đơn, điền vào và yêu cầu các thư gởi đến địa chỉ cũ của quý vị sẽ được tiếp tục chuyển về địa chỉ mới trong vòng 6 tháng, không tính thêm tiền cước, mà việc thư từ khỏi bị thất lạc. Trong thời gian 6 tháng đó, quý vị có thể thông báo kịp thời địa chỉ mới của mình đến những nơi liên hệ thì thư hoặc báo khỏi bị trả về người gởi. Mong quý vị cộng tác cho.

● Mọi thắc mắc về những vấn đề liên quan đến xã hội, an sinh, xin gia nhập quốc tịch Đức v.v... Xin quý đồng hương xa gần liên lạc bằng thư hoặc qua điện thoại với Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức, thuộc chùa Viên Giác Hannover. Trung Tâm có

Phương danh quý Đạo hữu Phật Tử ủng hộ định kỳ hàng tháng xây Chùa Viên Giác

(Tính đến ngày 10 tháng 12 năm 1987)

Số tính tài ủng hộ định kỳ của Quý vị qua ngân hàng bằng lối chuyên Dauerauftrag hoặc Lastschrift cũng như tiền mặt, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để Quý vị dễ theo dõi. Đồng thời để đơn giản hóa vấn đề giấy tờ, chúng tôi xin phép chỉ đăng tên một lần của Quý vị trong suốt thời gian hỗ trợ định kỳ xây Chùa. Vậy kính mong Quý vị thông cảm cho.

(Tiếp theo kỳ trước)

| Số T.T. | Phường Danh | Địa Phường | Định Kỳ Hàng Tháng | từ...đến |
|---------|--------------------------|---------------|--------------------|-------------|
| 656 | ĐH Phạm Thị Mai | Moschheim | 200M | 10/87-10/88 |
| | ĐH Trương Quang Bình | | | |
| 657 | ĐH Hồ Thị Ngọc Hân | | 100M | 10/87-10/88 |
| 658 | ĐH Nguyễn Thị D. Trưởng | Đan Mạch | 40Kr | 10/87 |
| 659 | ĐH Ích Quang | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 660 | ĐH Đào Văn Môn | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 661 | ĐH Nguyễn Đăng Bút | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 662 | ĐH Nguyễn Ngọc Hưng | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 663 | ĐH Nguyễn Thị Lệ Hồng | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 664 | ĐH Phạm Minh Mẫn | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 665 | ĐH Tô Đình Huyền | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 666 | ĐH Nguyễn Đăng Dũng | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 667 | ĐH Nguyễn Ngọc Thạch | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 668 | ĐH Lâm Hồng Kiên | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 669 | ĐH Nguyễn Thị Liên Tuyết | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 670 | ĐH Nguyễn T. Mông Hường | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 671 | ĐH Cao Xuân Liễu | Thụy Sĩ | 10FS | 10/87 |
| 672 | ĐH Nguyễn Văn Tân | | 200M | 10/87 |
| 673 | ĐH Nguyễn Thị Kiều Thu | München | 100M | 10/87 |
| 674 | ĐH Trần Học/Mã Huệ | | 100M | 10/87 |
| 675 | ĐH Đặng Quốc | | 200M | 10/87 |
| 676 | ĐH Nguyễn Thị Tri | | 150M | 10/87 |
| 677 | ĐH Châu Ngọc Lan | Braunschweig | 100M | 10/87-10/88 |
| 678 | ĐH Nguyễn Hồng Khanh | | 100M | 10/87 |
| 679 | ĐH Nguyễn Thị Mai | | 100M | 10/87 |
| 680 | ĐH Dương Thượng Hưng | Wuppertal | 100M | 10/87-11/88 |
| 681 | ĐH Nguyễn Long Phi | | | |
| | ĐH Trần Nguyễn H. Đan | Berlin | 200M | 11/87-12/89 |
| | ĐH Phan Văn Dũng | | 100M | 10/87 |
| 682 | ĐH Lý Văn Vân | | 100M | 10/87 |
| 683 | ĐH Trương Nam Kim | Gomaringen | 200M | 10/87 |
| 684 | ĐH Lý Hoa | | 100M | 10/87 |
| 685 | ĐH Bùi Thị Thao | | 200M | 10/87 |
| 686 | ĐH Nguyễn Thị Cẩm Vân | Mannheim | 100M | 10/87-10/88 |
| 687 | ĐH Trương Thị Sư | Mainashaff | 250M | 09/87 |
| 688 | ĐH Đào Thị Sơn | Ludwigsburg | 100M | 11/87-10/88 |
| 689 | ĐH Lê Thị Liễu | Aschaffenburg | 200M | 10/87 |
| 690 | ĐH Mai Thị Huệ | Hamm | 100M | 11/87-11/88 |
| 691 | ĐH Trần Chí Lý | Emmendingen | 100M | 07/87-06/88 |
| 692 | ĐH Nguyễn Roang | Lünen | 200M | 11/87-10/88 |
| 693 | ĐH Nguyễn Thị Kim Chi | München | 100M | 11/87 |
| 694 | ĐH Huỳnh Công Chánh | | 100M | 11/87 |
| 695 | ĐH Nguyễn Kiều Thu | | 100M | 11/87 |
| 696 | ĐH Nguyễn Tấn Thắng | Hannover | 200M | 11/87 |
| 697 | ĐH Phạm Văn Thịnh | | 100M | 11/87 |
| 698 | ĐH Trương Quý Hoàng Nhân | Kriftel | 100M | 11/87-11/88 |
| 699 | ĐH Nguyễn Thị Phương | Berlin | 200M | 11/87-11/88 |
| 700 | ĐH Văn Thị Bay | Baden Baden | 200M | 11/87 |
| 701 | ĐH Trần Thị Đa | München | 100M | 11/87 |
| 702 | ĐH Nguyễn Văn Quang | Neustadt | 100M | 11/87 |
| 703 | ĐH Vũ Thị Ngọc Hoat | Thụy Sĩ | 10FS | 11/87 |
| 704 | ĐH Vũ Việt Hoà | USA | 10FS | 11/87 |
| 705 | ĐH Đoàn Thị Thuận | Thụy Sĩ | 10FS | 11/87 |
| 706 | ĐH Ân danh | Bremen | 100M | 11/87 |
| 707 | ĐH Lâm Bung Hoàng | | 100M | 11/87 |

| Số T.T. | Phường Danh | Địa Phường | Định Kỳ Hàng Tháng | từ...đến |
|---------|-------------------------|----------------|--------------------|-------------|
| 709 | ĐH Từ Ngọc Phong | Hamburg | 100M | 11/87 |
| 710 | ĐH Phạm Văn Đức | | 100M | 11/87 |
| 711 | ĐH Cao Hữu Đức | Haren/Ems | 500M | 11/87 |
| 712 | ĐH Lê Chánh | Düsseldorf | 100M | 11/87 |
| 713 | ĐH Võ Thanh Nhung | Ibbenbüren | 200M | 11/87 |
| 714 | ĐH Lê Văn Tiết | Köln | 200M | 11/87-12/88 |
| 715 | ĐH Lê Văn Tiệp | Köln | 200M | 12/87-12/88 |
| 716 | ĐH Trần Văn Côn | Thụy Sĩ | 100M | 01/88 |
| 717 | ĐH Tạ Thị Xuân | Düsseldorf | 100M | 07/87 |
| 718 | ĐH Trần Tú Oanh | Bayruth | 100M | 10/87-10/88 |
| 719 | ĐH Lê Hồng Ngân | Künzensau | 100M | 12/87 |
| 720 | ĐH Vương Thị Hằng | Münster | 100M | 12/87-11/89 |
| 721 | ĐH Dương Văn Phương | Essen | 100M | 06/87- |
| 722 | ĐH Nguyễn Đức Lương | Düsseldorf | 100M | 12/87 |
| 723 | ĐH Nguyễn Thị Nguyệt | Mannheim | 100M | 12/87 |
| 724 | ĐH Nguyễn Hùng Cường | Oberhausen | 100M | 12/87 |
| 725 | ĐH Võ Thị Mộng Hoa | | 100M | 12/87 |
| 726 | ĐH Trần Thị Huỳnh Mai | Pforzheim | 150M | 12/87 |
| 727 | ĐH Dung Tú | | 100M | 12/87 |
| 728 | ĐH Nguyễn Thị Phụng | | 100M | 12/87 |
| 729 | ĐH Nguyễn Thị T. Thủy | Duisburg | 100M | 01/88-12/88 |
| 730 | ĐH Hoàng Quốc Lâm | | 200M | 12/87 |
| 731 | ĐH Hồ Đức Anh Dũng | | 100M | 12/87 |
| 732 | ĐH Võ Hữu Vinh | Münster | 100M | 12/87 |
| 733 | ĐH Peters, Schi K. Hạnh | | 100M | 12/87 |
| 734 | ĐH Trần Thị Mậu Đôn | Đan Mạch | 50Kr. | 12/87 |
| 735 | ĐH Văn Bê | | | |
| | ĐH Vương Thị Giao Tr. | Berg, Gladbach | 200M | 11/87 |
| 736 | ĐH Nguyễn Xuân Phúc | | 100M | 12/87 |
| 737 | ĐH Phạm Văn Thông | | 300M | 12/87 |
| 738 | ĐH Giang Mạnh Hùng | München | 300M | 12/87 |
| 739 | ĐH Lê Thị Huỳnh | Erding | 100M | 12/87 |
| 740 | ĐH Dương Thị Quy | Essen | 100M | 11/87 |
| 741 | ĐH Nguyễn Văn Đê | Freiburg | 100M | 11/87 |
| 742 | ĐH Trần Tú Trinh | | 100M | 11/87 |
| 743 | ĐH Nguyễn Văn Mỹ | Pforzheim | 300M | 11/87 |

Cho đến ngày 10 tháng 12 năm 1987 chùa Viên Giác đã nhận thêm được 1.1600M tiền định kỳ hàng tháng của Quý Đạo Hữu và Quý PT. đồng góp định kỳ xây chùa Viên Giác. Lần trước được 655 cá nhân và gia đình đồng góp. Lần này thêm được 88 gia đình và cá nhân. Tổng số lên đến 743 Gia Đình và cá nhân và số tiền hỗ trợ hàng tháng cho đến nay tổng cộng lên được 10.6600M. Để đạt đến 20000 DM hàng tháng số ấy vẫn còn xa; nên chúng tôi xin thành tâm kêu gọi Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử cố gắng thêm nhiều bạn hữu, tín-hữu đồng góp tiếp tục để chúng ta sớm thấy được ngôi chùa Viên Giác thành hình. Mọi sự đồng góp cho việc xây chùa xin quý vị vui lòng ra ngân hàng của mình gửi theo lối Dauerauftrag. Số ủng hộ tùy hỷ và quý vị có thể nói với ngân hàng của mình tự động chấm dứt lúc nào nếu quý vị muốn. Đây là số Konto: Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen - Kirche e.V. Konto Nr. 865 7470 01, BLZ 250 700 70, Deutsche Bank Hannover.

Về tin tức xây chùa, xin quý vị đọc trong phần "Thông Báo" trong số này.

Mọi sự cúng dường, ủng hộ cho chùa Viên Giác quý vị đều có thể xin lại thuế cuối năm từ chính phủ. Vậy Quý vị nào cần biên nhận bằng tiếng Đức, chúng tôi sẽ gửi đến quý vị theo sự yêu cầu bằng thư hoặc bằng điện thoại. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

ĐH Thiện An Nguyễn Văn Trung Trúc (Bremerhaven) trong thời gian qua đã cho chùa mượn số tiền 6.000,000M không lấy lãi trong vòng 16 năm. Xin cảm ơn Đạo Hữu và xin tiếp tục kêu gọi quý Đạo Hữu cũng như Quý Phật Tử; nếu có thể xin cho chùa mượn Hội Thiện không lãi để chùa lo vấn đề xây cất trong thời gian tới. Có nhiều vị lớn tuổi muốn lúc trăm tuổi già nương nhờ nơi cảnh Phật để nghe kinh tụng giải thoát; nên cũng đã có nhiều ý cho chùa mượn số phần Hội Thiện để sau này chùa lo nhang khói cũng như tuổi thất cho chính mình. Vì con cháu ở xa chùa hoặc phải bận lo sinh kế; nên chùa sẽ lo giúp đỡ trong khi tang khố. Để cũng là một việc đáng làm vậy. Vì cuộc đời vốn vô thường. Ai hiểu được khi nào chúng ta sẽ ra đi? Vậy nên chuẩn bị trước vẫn hơn vậy. Cũng vì thế mà trong thời gian qua, có nhiều vị cho chùa mượn số phần Hội Thiện rồi cúng lại chùa gọi là "mua hậu". Mua hậu nghĩa là lo cho việc tế tự sau khi mất phần. Xin cảm ơn Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử đã góp phần và cũng xin kêu gọi Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử khác tiếp tục hỗ trợ cho.

Ngôi chùa có thành tựu được hay không vẫn lệ thuộc vào sự cảm thông, hỗ trợ, đồng góp của Quý Vị Đạo Hữu cũng như quý Phật Tử xa gần. Vì thế Chùa luôn luôn đón nghe mọi ý kiến xây dựng của quý vị cũng như những đóng góp thiết thực cho công tác xây dựng này.

NAM MÔ HOAN HỖ TẠNG BỒ TÁT MA HA TÁT.

TRẠI CÙI HUẾ TRẠI MŨ SAIGÒN

Chùa Viên Giác(Hannover) 100US.Tỉnh Thất Bào Quang(Hamburg)50US.Chủ Thiện Phước(Hannover)100DM.Chủ Thiện Tín(")50DM.Cô Diệu - Niên(Hannover)100DM.ĐH Diệu Thái(Gießen)20 DM.ĐH Nguyễn Trí+ĐH Nguyễn Tđ(Usingen)50DM Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử tại Berlin 350M.

Chùa Viên Giác; Tỉnh Thất Bào Quang cũng như những chùa và Niệm Phật Đường tại Tây Đức hằng năm vẫn gửi về các chùa Việt Nam giúp đỡ quý Thầy và quý cô tại Việt Nam, nhằm cô phụng tiền để tu trì và giữ gìn giáo pháp trong cơn phấp nạt này. Ngoài ra số tịnh tài của các Đạo Hữu và các Phật Tử đã nêu trên đã được Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm lo gửi về Việt Nam và đã được các chùa tại Việt Nam cũng như trại cũi gửi biên lai đã nhận số tịnh tài trên. Quý Thầy, quý cô trong nước rất cảm động khi nhận được những tặng vật ấy và xin gửi lời cảm ơn đến quý chùa, Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xưa nay đã đóng góp cho các chùa tại Việt Nam. Tại Tây Đức mọi sự cúng dường cho các chùa hoặc trại cũi tại Việt Nam, xin liên lạc về Ni Sư TN. Diệu Tâm trụ trì Tỉnh Thất Bào Quang Kreuz. burgerstr.18,2000 Hamburg 70.

Tất cả mọi sự hy cúng của quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần về chùa Viên Giác; Quý vị đều có thể khai thuế cuối năm để lấy lại thuế từ chính phủ. Vậy quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ cấp giấy khai thuế bằng tiếng Đức và gửi đến quý vị.

Quý vị cũng đường xây chùa Viên Giác, xin gửi về số Konto như sau: Congr.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche.e.V Konto Nr.865 7470 01.BLZ 250 700 70 Deutsche Bank Hannover.

Quý Vị cúng dường vào những Phật sự khác như Rằm Tháng giêng, Phật Đản, Vu Lan, ủng hộ báo Viên Giác, bất thường v.v...xin gửi về một trong 2 số Konto sau đây:

Congr.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche e.V Konto Nr.865 74 70 BLZ 250 700 70 Deutsche Bank Hannover

Hoặc Chùa-Pagode Viên Giác Konto Nr.865 0228.BLZ 250 700 70 Deutsche Bank Hannover.

Xin thành thật cảm ơn quý vị và cầu nguyện báu quyền quý vị được số cầu như nguyện.

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính thưa Quý bút giả và độc giả Viên Giác, chủ đề báo Viên Giác số 43 sẽ là:

XUÂN MẬU THÌN VÀ MƯỜI BA NĂM BIỆT XU

Tòa Soạn

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của quý vị và tổ chức hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi Huấn gửi về, chúng tôi đã chuyển đến ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và mong đón nhận thêm những sáng tác mới.

H.V.HOA(Heidenheim), L.T.BACH NGA(Canada Cơ sở MTOGTINGPWV tại CHLB Đức, UBCAMKTVC tại Montreal, L.H.QUANG(Australia), BICH DU LÊ(Miami), N.ANG CA(Bi), T.V.NHIỆM (Albstadt), V.N.LONG(Lichtenstein), Trung Tâm ĐỘC LẬP(Stuttgart), Hoa sĩ PHẠM THẮNG BICH XE ĐỨC QUỐC(POING), Bản Thông tin VIDI số X/5(Dortmund), T.N.PHONG(Hamburg) Sư Huynh HÀ ĐẬU ĐÔNG(Münster), Đ.T.HIEU (Karlsruhe), Faszination-Göbelhoff(Hanno-ver), Đ.D.DUNG(München), H.L.HÙNG(Ober-teuringen), Deutsches Rotes Kreuz Landes-verband Berlin, Abteilung HA I/6, T.H. PHÚC(Stuttgart), N.V.BE(Metzingen), Bản tin CAP ANAMUR tháng 11.87(Köln), V.V. MAI(Norddeich), N.HÒA(Hamburg), N.ANG CA (Bi), T.NGHINH(Viersen), N.Đ.HAI(Bi), Ủy Ban Chống Âm Mưu Kinh Tội Việt Cộng tại Bi, Trung Tâm NHÂN QUYỀN(Hannover), Tổ Chức Tranh Đấu Đòi Nhân Quyền tại VN của Người Việt ở Hải Ngoại(OMVA), T.THI CHU (Pforzheim), T.PHONG LƯU(Saarburg), Komitee CAP ANAMUR(Troisdorf), VITRI(Tây Đức) ZbS-Norddeich, Komitee Cap Anamur-Deutsche Not Ärzte e.V.(Troisdorf), P.D.DINH (Wiesbaden), Đ.Q.HÙNG(Duisburg), VŨ NAM (Gomaringen), ĐOAN NGUYỄN(Frankfurt), T. B.KIẾT(Erkrath), P.H.SAU(Lingen-Ems).

Ngoài ra trong thời gian qua chùa Viên Giác đã nhận được những kinh, sách, báo chí của các chùa, các tổ chức, các hội đoàn khắp nơi gửi về biếu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin trân trọng giới thiệu đến các độc giả xa gần.

TÂY ĐỨC : Đuốc Việt số 15, Đuốc Lập số 10 +11, Vượt Sông số 3, Tịnh Tâm số 3, Nghiệp Quyền số 14, Woche im Bundestag số 14+15 +16+17, Điện Báo số 4(9/87), Afghanistan Tribune số 1/87, Das Beste 11+12/87, Development and Cooperation số 5/87, Tây Đức Kiều Báo số 172, Bản Tin Cap Anamur số 10+11/87, Thủy Triều-Thu 87, Thông Tin VIDI số 10/87, Entwicklung und Zusammenarbeit số 11, Politik-Info aus Bonn số 5+6/87, Cầm Thông số 27, Tập San Thi Ca Tập 6, Dân Chúa Âu Châu số 65, Flüchtlinge số 11/87, Diễn Đàn Thanh Niên số ra mắt tháng 10/87, Développement et Coopération số 5.87, Tập san Cao Đài giáo lý số 5, Măng Non số 29, Fernost Information tháng 11.87. **PHÁP** : Kháng Chiến số 68+69, Quê Mẹ số 86, Làng Hồng, Ái Hữu số 64. **BI** : Vượt Sông số 59, Tuổi Giác số 8. **HOA KỶ** : Nguồn Sống số 11, Nguồn Đạo số 15, Tự Do Nhân Bản số 22+23, Chấn Hè 87, Chấn Newsletter số 62, Nhà xuất bản Oanh Vũ - số ra mắt. **CANADA** : Bulletin số 4, Liên Hoa số 11.87, Pháp Âm số 15, Liên Hội số 20+21, Từ Ân số 16. **ÚC** : Phát Giáo Việt Nam - Bộ mới số 2. **ĐÀI LOAN** : Trung Ngoại số 376+377, Hiện Đại Phật Giáo số 77+78. **TỊCH LẠN** : Newsletter số 5/87-88.

KINH : Tao Pháp Duyên Mạng Công Đức, Đại Tự Thiên Tử Nhân Địa, Pháp Cú - Hòa Thượng Thích Trung Quán Chùa Hoa Nghiêm (Pháp).

SÁCH : Đại Cương Phật Pháp - Phú Lâu M xuất bản(Hoa Kỳ), Hạnh Phúc Gia Đình Chùa Pháp Bảo(Úc), Niệm Yêu Dấu Phật Đản - Thơ Thái Tú Hạp(Hoa Kỳ).

BẢNG NHẠC : Giả Từ Kỳ Niệm, Hoa Tím Ng Xưa - Thủy Nga (do Ca sĩ Phượng Mai hát).

TIN ĐẶC BIỆT

QUÝ ĐỒNG HƯƠNG CHÚ Ý.
ĐI "DU LỊCH VN" VÀ BỊ VC BẮT GIAM Ở VIỆT NAM.

Theo nguồn tin thông thạo của thân hữu Viên Giác từ Việt Nam cho biết những người tham gia "du lịch VN" do Việt Cộng tổ chức khi trở về xứ tự nạn, tại phi trường VC giữ lại giấy "phu" cho nhập nội do Sư quán VC ở Hải Ngoại cấp. Những người nào VC xem là "cảm tình viên" hoặc "lạm" cho họ thả được cho ra đi; còn những người đã có những hành vi hay có thân nhân chống Cộng ở Hải Ngoại thì VC

bảo họ phải tới Sở Ngoại Vụ đường Nguyễn Trãi để xin giấy xuất cảnh. Ở đây những người này bị VC chốt thẳng tới nhà giam Phạm Đăng Lưu, Sài Gòn. Thế là không còn đường trở ra xứ tự nạn nữa. Và những người này cũng như thân nhân của họ bị VC đối xử ra sao thì quý đồng hương có thể nghĩ ra được. Cũng như không có luật pháp nào có thể can thiệp cho những người đi "du lịch VN" mà bị VC bắt nốt cả, dù cho người đó có mang quốc tịch ngoại quốc đi nữa, chứ chưa nói đến những người gọi là "tự nạn" mà đi "du lịch VN".

Việc này cũng đã được báo Quê Mẹ số 82 và 83 năm 1987 đăng trên trang 6 trường hợp Anh Nhân, con trai của Bác Nguyễn Văn Tấn tự nạn CSVN ở Versailles, và một người bạn của Anh Nhân là Phúc đã đi "du lịch VN" và cả 2 người bị VC bắt giam tại trại giam Phạm Đăng Lưu, Sài Gòn.

Xin quý đồng hương lưu ý âm mưu của VC và cần trọng !!!

BẢNG KINH

do Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỂN tụng

1. PHỔ MÔN CẦU AN-Câu nguyện bình an trg gia đình
2. DI ĐÀ (chú) CẦU SIÊU - Cầu cho người mất
3. TỈNH ĐỘ SÁM HỐI - Sám hối cho tâm thanh tịnh
4. PHÁT ĐẢN LỄ VIÃ XUẤT GIA - Theo hạnh của Phật
5. VU LAN (nghĩa) - Cầu nguyện cho người mất
6. BẢO AN PHỤ MẪU - Nhớ ơn cha mẹ
7. Thân chú THỦ LĂNG NGHIÊM - Trừ lòng tà vạy
8. DI ĐÀ (nghĩa) CẦU SIÊU - Cầu cho người mất
9. CẦU AN PHỔ MÔN (nghĩa) - Cầu an trong gia đình
10. CẦU SIÊU CỨNG VONG - Đám kỵ, làm tuần
11. DƯỠC SỰ - Cầu an tật bệnh tiêu trừ
12. THUY SÁM I.II.III - Sám hối tội lỗi
15. ĐỊA TẠNG (nghĩa) I.II.III - Tụng cho các hương linh mới mất
18. DI LẶC HẠ SANH THÀNH PHÁT-Hạnh nguyện Đ.Đi Lặc
19. LƯƠNG HOANG SÁM I.II.III.IV.V.VI - Sám hối tội lỗi nhiều đời nhiều kiếp
25. KIM CANG - Phá mê, khai ngộ
26. NIỆM PHẬT CẦU VANG SANH - Dành cho những người sắp lâm chung
27. NGHI LỄ THỰC HÀNH CHUÔNG MỒ - Cần thiết cho mọi người học Phật

BẢNG GIẢNG

do Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỂN thực hiện

1. VÔ THƯỜNG
2. Ý NGHĨA VIỆC QUI Y TAM BẢO và THỌ TRÌ NGŨ GIỚI
3. TƯ ĐIỀU DẸ
4. CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT
5. CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT
6. HẠNH NGUYỆN ĐỘ SANH của ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỔ TÁT

BẢNG THUYẾT PHÁP

- TÂM BÌNH THẾ GIỚI BÌNH T.T. Thích Hộ Giác
- TU và HỌC H.T. Th. Phước Huệ
- BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC (3 băng) H.T. Th. Thanh Từ
- ĐIỀU PHÁP LIÊN HÓA (10 băng)
- PHẬT PHÁP TẠI THẾ GIAN
- BÁT CHÁNH ĐẠO H.T. Th. Giác Nhiên
- CHỈ DẠY TU THIỀN
- DUY TÂM TỈNH ĐỘ
- ĐƯỜNG ĐỐI NẾO ĐẠO
- GIẢI ĐÁP
- TU PHẢI HÀNH
- LỄ PHÁT SÁM HỐI Đ.Đ. Thích Tịnh Từ
- PHÁP MÔN TỈNH ĐỘ (3 băng)
- PHÁP HẠNH BỐ THÍ
- PHÁP HẠNH TRÌ GIỚI (2 băng)
- PHÁP HẠNH NHÂN NHỤC
- PHÁP HẠNH TINH TẤN
- PHÁP HẠNH THIỀN ĐỊNH (2 băng)
- PHÁP HẠNH TRÌ TUỆ
- PHƯỜNG PHÁP SÁM HỐI (3 băng)
- SAU KHI CHẾT ĐI VỀ ĐÂU ? (2 băng)

Mỗi băng giá 10 ĐM. Quý vị nào muốn thỉnh những băng trên xin liên lạc về chùa và cước phí sẽ tính theo tùy số lượng của quý vị thỉnh nhiều hay ít. Xin cảm ơn quý vị trước.

PHƯƠNG MAI

CỬA HÀNG
THỰC PHẨM Á CHÂU

- . Phân phối Sĩ và Lẻ đủ các mặt hàng thực phẩm Á Châu
- . Bán các loại trái cây, rau cải tươi, cá tôm đông lạnh v.v...
- . Có đủ nước trái cây giải khát trong hộp

Ngoài ra :

- . Cửa hàng chúng tôi có bán tranh sơn mài, phim Video và băng nhạc Cassette đủ loại
- . Có nồi cơm điện, lẩu điện đủ cỡ
- . Có đủ loại cà phê, thuốc lá hảo hạng và nhiều mặt hàng của Âu Châu v.v...

Mở cửa từ thứ hai đến thứ sáu 10giờ - 18giờ
thứ bảy 9giờ - 17giờ

Đặc biệt mỗi tuần vào ngày
thứ năm mở cửa từ 9giờ - 21giờ

PARADE 27
5911 CA VENLO HOLLAND
Tel.: 077 - 15624

Giá cả phải chăng
KÍNH MỜI

CƠ SỞ
PHÁT HÀNH BĂNG NHẠC

THÚY NGÀ

Chúng tôi trân trọng giới thiệu đến quý vị những cuốn băng cassette tân nhạc Việt Nam sản xuất tại hải ngoại (chính gốc tại Mỹ).

Đặc biệt gồm toàn những chủ đề mới chọn lọc, đang bán chạy nhất tại thị trường Mỹ và Âu Châu hiện nay, cùng với những chủ đề nhạc trẻ Việt hóa (New wave).

Muốn biết thêm chi tiết và nhận được miễn phí mục lục nhạc xin liên lạc về :

NGUYỄN, Chí Thiên
Hildburg Str. 200
5600 Wuppertal 2
Tél.: 0202-662177

TUỔI XUÂN



1. Nào chúng mình ra quay một vòng hát mà chơi .
2. Nào đứng cầm tay chung một vòng nói tình thâm .
3. Nào cất đều lên vang một trời tiếng hùng ca .



Hoà cao tiếng lên đưa nhịp lòng vang khắp nơi
Lòng khẩn khi nhau ca một lời yêu chúa chan
Mừng trông nước non vui tuổi dòng như gấm hoa



Đời có đoàn ta sao bỏ hoài những ngày vui
Đồng chí đồng tâm theo gương này giống nhà Nam
Hầu khắp còn ghi công anh hùng chí ngày xưa



Vui cùng nhau hát . Bao tình thân ái . Bao lòng hằng hải !